VIÊN GIÁC

BỘ MỚI
SỐ
19 THÁNG HAI NĂM 1984
FEBRUAR 1984
AUSGABE IN VIETNAMESISH UND DEUTSCH

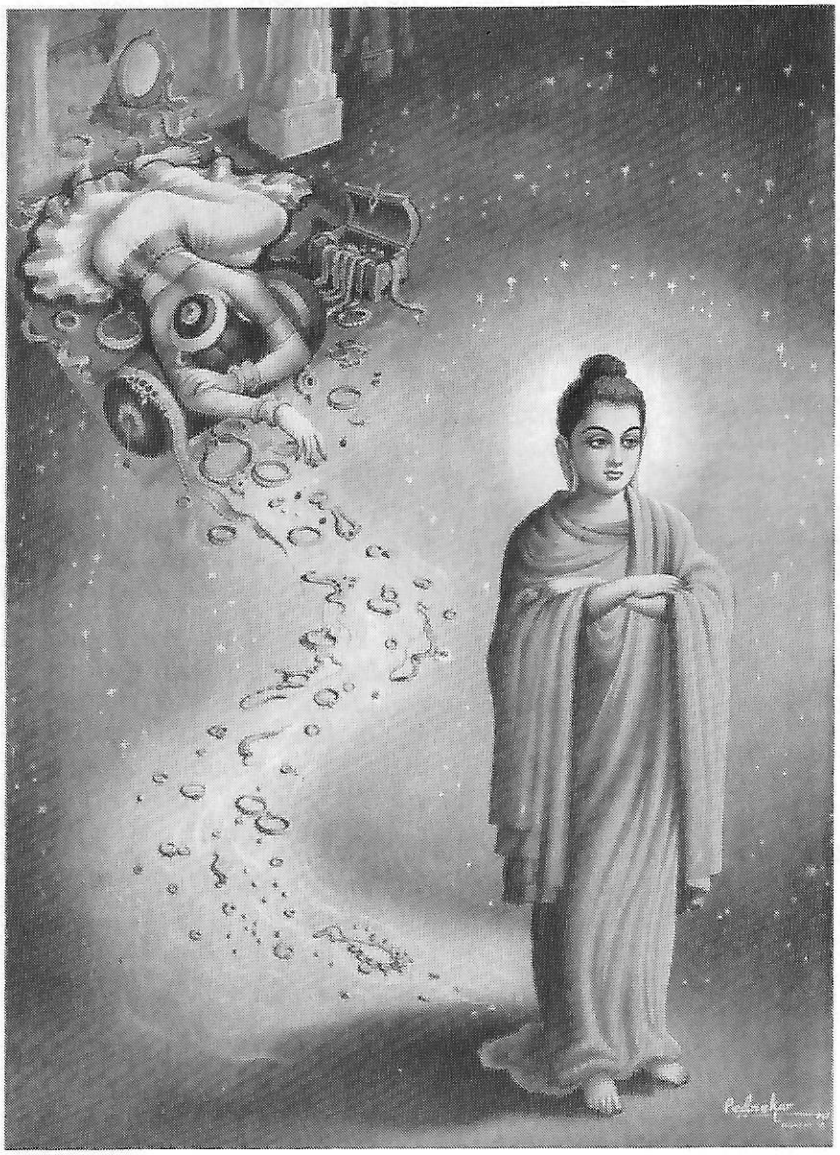

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Trong số này
In dieser Ausgabe

	Trang
Thư Tòa Soạn	
Thư so sánh	01
Biển Chân tâm	04
Quan điểm	06
Lá thơ Tịnh Độ	08
Tuyển tập PG. với Văn Hóa	10
Việt Nam Phong Sử	13
Quốc Sử Tạp Lục	15
Truyện Hưng Đạo Vương	18
Triết Học Đông Phương	21
Thơ	23
Allgemeine Buddhalehre	25
Gefangener des Vietcongs	27
Die ill.Geschichte Buddh.	31
Das Wunder,Wach zu sein	34
Thơ	37
Tính chất huyền bí	38
Nghiệp thức chiêu cảm	41
Đường không biên giới	44
Ni Cô Thị Nguyện	47
Chuyện trong phủ	49
Tôi đã gặp	54
Ông già Lượm	57
Hạnh phúc của Thi	61
Vụ án Thị Lộ	64
Trang Giáo Lý GĐPT.	66
Những lời Sám Hối	68
Gia chánh chay	72
Trợ cấp xã hội	73
Điểm sách	77
Tin Tức	80
Mục lục thư viện	84
Phương danh Quý Phật Tử	86

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber
Kỹ thuật Thị Chơn
Lay out

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiều bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d.vietn.buddh.
Stud.u.Vietn.in d.BRD e.V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN.
Vietnam.buddh.Kulturzentrum

Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81
Tel. 0511_864638

Thư tòa soạn

Thời gian lặng lẽ trôi qua trong giòng đời biến chuyển - hết Hạ sang Thu, hết Đông sang Xuân; và loài người cũng từ đó có những đổi thay trong cuộc sống.

Mùa Xuân Di Lặc năm Giáp Tý sắp về với mọi người con dân của nước Việt - nơi quê hương yêu dấu, đang đọa lạc trầm luân, hay nơi hải ngoại lạnh lùng - lòng người ai cũng ngóng trông về cố quốc. Mùa Xuân đến tượng trưng cho một cái gì thay đổi mới. Vì thế đối với chúng ta - nhất là những người Phật tử đang sống tại Hải Ngoại hãy hết lòng cầu nguyện cho quê hương sớm thanh bình trở lại, lòng người bớt nhiễm ô bởi dục vọng tham sân, không còn chém giết, báo thù nhau nữa. Nên lấy tình thương để rửa sạch hận thù và đừng bao giờ dùng thù oán để trả nợ oán thù cả. Vì lấy oán báo oán, oán oán chất chồng; lấy ân báo oán, oán liền tiêu diệt. Đó là lời Phật dạy và đó cũng là một chân lý nhiệm mầu của Đạo Phật đã xuất hiện trong đời và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Chúng ta hãy tự nguyện cầu cho chúng ta có đủ BI, TRÍ, DŨNG - có đủ tình thương, trí tuệ và nghị lực - dấn thân hơn nữa vào con đường phát huy và bảo tồn văn hóa Phật Giáo cũng như văn hóa của dân tộc ở xứ người, để nếu một mai nầy khi trở lại quê hương - không còn chủ nghĩa Cộng Sản nữa - chúng ta còn có đủ môi trường có thể góp phần mình vào công cuộc cứu nước và dựng nước.

Trước thềm năm mới năm Giáp Tý - Xin Đại Diện cho chư Đại Đức Tăng Ni, Đồng Bào Phật Tử tại Tây Đức và chùa Viên Giác; Kính chúc chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni chúng sanh dồi dào và tất cả đồng bào Phật Tử cũng như không Phật Tử ở khắp nơi trên quả địa cầu - một mùa Xuân miên viễn trong tình thương của Chư Phật và Chư vị Bồ Tát.

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Từ Thị Di Lặc Tôn Phật.

VIÊN GIÁC

Hình bìa: Xả bỏ tất cả, để được tất cả

Thử so sánh triết lý hành động của Thiền tông với Tịnh độ giáo

THÍCH HẠNH TUẤN

(tiếp theo)

Không Cốc Long Thiền sư vào thế kỷ 15 cũng đã xem việc tu Thiền và niệm Phật không rời nhau được. Nếu chỉ tu Thiền mà không niệm Phật thì không phải là môn đệ chân chánh của Thiền. Ngài nói: "Những người hành thiền nhất quyết đeo đuổi thiền, nghĩ rằng mình chăm chỉ như thế để đạt đến chỗ tịnh mặc duy nhất mà thôi còn đối với việc tụng đọc danh hiệu Phật để cầu thác sanh tịnh độ thờ cúng Phật và sớm chiều tụng kinh thì họ chẳng hành trì. Những tín giả như vậy đáng được gọi là những người có thiền mà không niệm Phật. Nhưng thực tình đây không phải là môn đệ thiền chân chính, họ chỉ là những thằng mõ của lối thực hành công án, giống hệt như một cây gậy hay gạch đá. Một khi họ bị thứ tâm bịnh nầy xâm phạm thì trong số 10 người chỉ có một là có thể cứu thoát". Trên đây tiêu biểu hai thiền sư tu công án nhưng không bỏ lối niệm Phật của Tịnh độ. Cho nên Thiền sư Không Cốc Long đã đề cao ý nghĩa tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ: "Một môn niệm Phật là lối tu hành thẳng tắt, niệm Phật như thế ngày kia xuất cảnh bỗng nhiên tỉnh ngộ, lúc đó mới biết cõi tịch quang tịnh độ không rời nơi đây, mới biết đức Phật A Di Đà không ngoài tâm mình".

Thiền và tịnh đều cùng niệm Phật, danh hiệu Phật bây giờ trở thành một công án tự nhiên. Bạch Ẩn Huệ Hạc là tổ khai sáng Phái Lâm Tế của Phật giáo Thiền Tông Nhật Bản cận đại sẽ cho chúng ta một điển hình rõ rệt về quá trình tâm lý được tạo ra bởi lối xưng tụng danh hiệu Phật.

Một trong số tục gia đệ tử của Bạch Ẩn rất phiền muộn về cha già keo lận của mình, tâm ông chỉ chạy theo việc làm tiền, chẳng chút bận tâm tới đạo Phật. Y muốn Bạch Ẩn gợi cho mình một phương pháp nào để chuyển tư tưởng của cha y ra khỏi sự keo lận. Bạch Ẩn gợi lên đề nghị nầy: Bảo lão già keo lận cứ niệm Phật mỗi khi ông nhớ đến, và sẽ trả cho ông mỗi lần tụng niệm là một tiền nếu trong một ngày ông niệm Phật được một trăm lần, ông sẽ có được 100 tiền. Lão già nghĩ rằng đây là một cách bỏ tiền vào túi dễ nhất trong thế gian. Mỗi ngày ông đến Bạch Ẩn để được trả tiền do sự niệm Phật của mình. Vì ông rất siêng năng trong vụ nầy, và cứ tái diễn như vậy rất nhiều lần ông bị mê hoặc với những thủ đắc của mình. Nhưng chẳng bao lâu ông thôi không đến Bạch Ẩn để được trả tiền hằng ngày nữa. Bạch Ẩn sai người đi tìm hiểu xem người cha bận chuyện gì. Thì ra bây giờ ông bị sự niệm Phật lung lạc đến độ quên cả ghi nhớ. Đấy là điều mà Bạch Ẩn lúc nào cũng chờ đợi nơi cha mình. Ngài dạy người con cứ để cho cha y ở một mình trong một thời gian thử xem chuyện gì sẽ đến với ông nữa. Lời khuyên nầy được tuân hành, và trong vòng một tuần lễ, người cha thân hành đến tìm Bạch Ẩn với cặp mắt ngời sáng bộc lộ kinh nghiệm tâm linh cực lạc mà ông đã trải qua.

Một lối niệm Phật mà thân sinh của Bạch Ẩn Huệ Hạc đã thực hiện, như thế chẳng khác gì một thiền sư tu tập công án.

Từ việc tu tập niệm Phật có thiền sư đã dùng nó như một công án. Thật vậy, niệm Phật là nhớ tưởng đến một đức Phật. Kinh A Di Đà đề cập đến việc niệm Phật cho đến giai đoạn nhất tâm bất loạn thì mới được vãng sinh. Trong tâm người hành trì pháp niệm Phật chỉ còn một hình ảnh Đức Phật hay danh hiệu đức Phật duy nhất. Trg kinh Thủ Lăng Nghiêm Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát trình bày phương pháp niệm Phật của mình để viên thông kiến đại như sau: "Con nhớ hằng hà sa số kiếp về trước, có Đức Phật ra đời tên là Vô Lượng Quang, lúc ấy mười hai đức Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp, đức Phật sau hết hiệu là Siêu

Nhật Nguyệt Quang dạy cho con Phép n i ệm Phật tam muội.Vì như có người một đ ă n g chuyên nhớ,một đăng chuyên quên thì h a i người ấy dầu có gặp mặt nhau cũng k h ông phải là gặp,dầu thấy cũng là không thấy , nếu cả hai người đều nhớ nhau,hai bên nhớ mãi,khắc sâu vào tâm niệm,thì đồng n h ư hình với bóng,cho đến tư đời này sang đời khác không bao giờ cách nhau.Thập phương Như Lai thương tưởng chúng sanh,như mẹnhớ con,nếu con trốn tránh,thì tuy nhớ nào có ích gì,nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con không cách xa nhau.Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật,tưởng Phật thì h i ện nay,về sau nhất định thấy Phật,cách Phật không xa,thì không cần phương tiện,tâm tự được khai ngộ như người ướp hương thìthân thể có mùi thơm ấy gọi là hương q u a n g trang nghiêm.Bản thân của tôi là dùng tâm niệm Phật mà vào pháp vô sinh nhẫn,nay ở của nầy tiếp dẫn những người niệm Phật về cõi tịnh độ... "

Niệm Phật(Buddhànusmrti)nghĩa là nghĩtưởng đến Phật,nhớ tưởng đến Phật và được kểnhư là một trong sáu đề tài trong Đại thừachỉ quán(Mahàvytapatti)đó là niệm Phật,n i ệm Pháp,niệm Tăng,niệm Giới,niệm Thí xả v à niệm Thiên.Và niệm Phật cũng là một phép trong 5 phép đình chỉ vọng tâm của Thiền quán.Trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà,nguyện thứ 16 Ngài có nguyện rằng : Sau khi tôi thành chánh giác,nếu có chúng sanh nào nghe đến danh hiệu của ngài nếu không được sanh về thế giới của ngài thì ngài thề không thành chánh giác". Như thế danh hiệu của ngài phải được vang dộikhắp cõi cực lạc,khắp cả tam thiên đại t h iên thế giới để hóa độ chúng sanh.

Như thế Thiền và Tịnh Độ đã gặp nhau một cách rất tự nhiên trong việc tu tập công án và niệm Phật,cho nên nhiều Thiền sư đã chuyển hướng sang phương pháp tu niệmPhật thay vì tu công án.

Thiền sư Sở Sơn Thiếu Kỳ: "Người sơ cơcần nhất là phải có một vật để mà nắm v à o thiền,và vì thế họ được dạy cho Pháp môn niệm Phật Tâm và Phật từ đâu mà có? Có từ Tâm.Tâm ấy không phải là tâm,không p h ải Phật,không phải vật.Vậy là cái gì? - Muốn thấy ra hãy vứt bỏ đi tất cả những cái đã tích chứa do học tập,tri thức,kiến giải , hay chỉ hoàn toàn chuyên chú vào một câu hỏi: "Ai đang niệm Phật?".Hay để c h o nghi tình nầy đến cực độ,đừng say s ư a theo nghĩ tưởng mê lầm,đừng để cho những ý tưởng phân biệt cùng khởi lên.Một khi công phu bền bỉ,liên tục không gián đoạn tất nhiên sẽ được thuần thục và nghitình của các ngươi nhất định bùng vỡ dữ dội . Rồi các ngươi sẽ thấy Niết Bàn và Sanhtử cõi tịnh độ và cõi uế trược chỉ là h ĩ luận và ngay từ đầu chẳng cần giải thích hay bình chú thêm nữa.Tâm không t h uộc cảnh giới tâm ý thức do đó là bất khảđắc. Ngài còn viết cho một đồ đệ: "Cái ý của tụng niệm là để biết rằng Phật tức tâm , nhưng tâm nầy là gì? Hãy xét xem từ đâu có tư tưởng khiến các ngươi đọc lên danh hiệu Phật,nó khởi lên ở chỗ nào? Nhữ các ngươi còn phải tiến xa hơn nữa và h ã y nghi AI là kẻ muốn xem xét,từ đâu có một nghĩ tưởng.Nó là Tâm,là Phật hay là Vật. Các vị tôn túc bảo KHÔNG,chẳng phải cái nào hết.Vậy nó là gì?... Thiền sư Thiên Như Duy Tắc sống vào khoảng đầu thế k ỷ thứ XIV là một khuôn mặt lớn trong triều đại nhà Nguyên và chắc chắn phong t r ào niệm Phật tiến triển rất mạnh vào thời bấy giờ và đang đặt chân lên mảnh đấtcủa Thiền tông.Thiền Như Duy Tắc không t h ể không biết đến điều đó mà còn muốn xác định rõ Thiền khác niệm Phật chỗ nào v à cả hai tương thuận bao xa.Trong ngữ lục quyển 2 ngài viết: "Ngày nay có mộtsố nhà Tăng cũng như tục mong chờ niệm Phật để được thác sanh cõi tịnh độ và tự hỏiniệm Phật có khác thiền chăng? Theo ý tôi, họ không thể nhận ra thiền và niệm Phật khộ phải đồng mà là đồng,vì đích của Thiềnlà thấu hiểu nghĩa lý của sự sống.Đích của niệm Phật nhằm đi đến cõi tịnh độ vốn dĩ không chỉ khác hơn chính là tự tâm v à nhằm thấy rõ tự tánh vốn dĩ là Đức PhậtA Di Đà(Amitàbha).Nếu thế làm sao phânbiệt niệm Phật và Thiền? Kinh nói như đi vào một thành lớn mà khắp bốn phía đều cócửa từ những nẻo khác nhau,người ta tìm thấy lối vào riêng biệt của mình vì cửa không chỉ có một,khi vào rồi thì họ cũng cùng ở trong một thành như nhau.Thiền và niệm Phật,mỗi bên có một căn khí riêng đó l à TẤT CẢ.

Với quan niệm Phật tánh tại Tâm,ngoàitâm chẳng có Phật,không tìm cầu một Đức Phật nào ngoài tự tâm,Thiền chỉ cần trực chỉ nhân tâm để kiến tánh thành Phật.Thế nhưng

có mấy ai đã đột nhập vào bản tâm như Thiền muốn. Chính vì còn vướng bận với khách trần phiền não, khi nội căn tiếp xúc với trần cảnh ngoại duyên đã khởi lên không biết bao nhiêu phiền não dục vọng nhiễm ô. Tất cả tội lỗi ấy đầu mối của nó chính là tâm niệm chấp trước lấy bản thân giả ảo này cho là thực hữu. Tài, sắc, danh vọng ăn uống, ngủ nghỉ, năm món dục này là chướng duyên to lớn trên con đường tu tập giải thoát của chúng ta. Do vì vô minh ngu si căn để ấy chúng ta đã không nhận chận được giá trị đích thực của sự vật, tất cả chỉ là giả danh không có một thực ngã nào riêng biệt, nó đã không tồn tại mà thường biến đổi từng sát na theo chu kỳ sanh, trụ, dị, diệt. Chính vì sự sanh diệt ấy đã đưa chúng ta đến cõi chết trong từng sát na mà chúng ta vẫn không hay biết. Bởi vậy, để làm phương tiện cho người tu hành, Thiền còn dạy con người biết nhìn thẳng vào sự vật để không đắm trước bằng những phép tu quán như Ngũ đình Tâm quán chẳng hạn. Năm phép quán này chẳng những giúp cho hành giả lần lần đoạn trừ được ngã chấp tham dục thấp hèn mà còn an nhiên tự tại trước những cám dỗ của dục vọng.

(Còn tiếp)

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức - chùa Viên Giác và Niệm Phật Đường Khánh Hòa, nhân dịp đầu Xuân Giáp Tý. Thành tâm kính chúc:

- *Chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa*
- *Chư Đại Đức Tăng Ni*
- *Quý vị lãnh đạo tinh thần của các Tôn Giáo bạn*
- *cùng toàn thể đồng bào Phật Tử khắp nơi một năm Giáp Tý:*

XUÂN ĐA KIỆT KHÁNH
HẠ BẢO BÌNH AN
THU MIỄN TAM TAI
ĐÔNG NGHINH BÁCH PHƯỚC

Thành tâm kính chúc.

▲橫城極樂寺楊柳觀音

Biển Chân Tâm Diệu Minh

TẠI SAO KHỞI VỌNG ?

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

(tiếp theo)

2/- Hình ảnh thứ hai:

Kinh Lăng Nghiêm, trang 215, Phật có nhắc chúng ta rằng: "Nếu một người ngồi nhìn CHĂM CHÚ vào hư không, thì chưng giây lâu, con mắt bị MỎI MỆT, và người đó thấy những HOA ĐỐM xuất hiện nơi hư không... "

Một buổi sáng hay trưa có ánh nắng, ngồi nơi đồng lúa, ta đưa mắt nhìn vào hư không. Lúc đầu, nếu ta nhìn một cách hồn nhiên, không CHĂM CHÚ, không DỤNG TÂM, không hữu tâm, không mong cầu, không móng niệm gì hết thì ta thấy hư không trong sáng như bình thường, không bợn một may mún vật gì hết... Nhưng nếu ta cứ chăm chú giương mắt nhìn hư không trong một giây lâu, để cố tìm một bợn gì trong ấy, thì lần lần sẽ thấy có những con "loăng quăng ánh sáng" nhảy múa trong đó, rồi thấy nhiều thứ hoa đốm nhảy múa loạn xạ... Nhưng nếu ta dụi mắt, không nhìn nữa, hoặc không chăm chú nữa, thì hoa đốm lại hết.

Cho nên, Kinh dạy: sự chăm chú đó, việc dụng tâm móng niệm mong cầu đó chính là niệm mê mờ vô thuỷ, chính là Vô minh, chính là khởi vọng. Trong hư không ấy vốn không có gì, nhưng ta cứ giương mắt nhìn, giương mắt chiếu soi, để cố tìm một cái gì, thì con mắt bị mỏi mệt. Mỏi mệt nầy tức là Nghiệp, tức là sức Hành của Nghiệp, và nó làm LỘE lên những ảnh tượng hoa đốm mà ta tưởng là vật thực có... Trong Bản giác Diệu tâm cũng vậy, tuyệt nhiên chẳng có một vật, chỉ có hồn nhiên trong sáng tròn đầy hào quang tột bực thôi. Nhưng bỗng nhiên, do một niệm mê mờ, có một cái Xoáy quang minh (tourbillon de Radiations) lại móng niệm nghĩ rằng Mình là hiện hữu, rồi lại khởi dụng tâm muốn chăm chú Chiếu soi. Nhưng chiếu soi cái gì đây? Ngoài cái Biển Diệu tâm ra, thì tuyệt nhiên chẳng có gì khác cả... Nên cái Xoáy quang minh ấy đành phải QUAY TRỞ LẠI TỰ CHIẾU SOI vào Biển Diệu tâm. Do tác động mê mờ ấy, nên có LỘE lên vô vàn những cảnh giới huyễn hiện của vọng thức, mà chúng sanh tưởng là thực có... Uyên nguyên của pháp giới này là như vậy

Cần nói rõ hơn nữa về cái hư không và ngồi ngồi nhìn chăm chú... Hư không là cái gì? Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: Hư không là do những vọng tưởng mê muội vi tế của chúng sanh kết thành, còn những vọng tưởng kiên cố thô kệch tích lũy từ vô thuỷ thì lông lại kết thành những sắc tướng của vật... Vậy thì đối với kẻ ngồi nhìn chăm chú kia hư không chẳng phải là gì xa lạ cách biệt vì nó được dệt nên bởi chính những quang minh của Tàng thức kẻ ấy. Hư không ấy dung thông với Tàng thức, và một phần nào chính là Tàng thức của kẻ ấy. Song những quang minh của Tàng thức đều rất vi tế, và chuyển động cực kỳ mau lẹ.

Nay kẻ đó vô tình lại ngồi chăm chú nhìn vào hư không. Tức là nhìn và cố chiếu soi vào cái hiện tướng của chính Tàng thức của mình. Cố chiếu soi tức là tác ý mạnh mẽ, và tác ý mạnh mẽ thì tạo nên một lớp Lưu ngại vô biên sắc, một tấm lăng kính vô biên sắc... Tác ý và dụng tâm là thuộc về thức thứ 6, tức ý thức và một phần thức thứ 7. Sự rung động mạnh mẽ của những làn sóng quang minh thuộc ý thức nầy, lần lần

tạo nên một số âm hưởng(résonances).Những âm hưởng nầy lọt được vào Tàng thức, và chiêu dụ được một số quang minh rất vi tế của Tàng thức.Vì chịu sức chiêu dụ,nênnhững quang minh nầy lần lần nặng nề hơn,chuyển động chậm lại,rồi xoay tròn.Và hiện tướng thành những hoa đốm nhảy múa loạn xạ...

Nay nếu nói về THỜI GIAN,thì cũng tươngtự như vậy.Thời gian vốn là một vọng t ư ởng lớn của mỗi chúng sanh hay mỗi loài chúng sanh.Và đối với chúng sanh ấy,trong c á i lúc ấy,thì thời gian xuất hiện DÀI h a y NGẮN là tùy thuộc vào thể tốc chuyển động (speed)của những quang minh tâm thức của chúng sanh ấy.Và thể tốc nầy thì lại tùy thuộc vào mức độ mống niệm và tình nhiễm trong lúc đó... Tỷ dụ như trong buổi sáng hôm đó,ta cứ hồn nhiên sinh hoạt theonhịp điệu thường ngày,không mống niệm,không tác ý,không dụng tâm,không mong cầu,thì ta sẽ thấy buổi sáng trôi qua lẹ làng.Trái lại, nếu ta tác ý mong cầu chờ đợi một chuyện gì,thì thấy buổi sáng kéo dài lê thê. Là vì khi ta mong cầu,thì tình nhiễm ưa ghét thường nổi lên trong tâm thức,tình nhiễm nầy thường làm nặng nề những quang minhdo tâm thức phát ra,và khiến chúng c h u yển động chậm lại.Do đó,thời gian xuất hiện dài hơn... Lại tỷ dụ như một người v à o định,vào định có nghĩa là rất ít mốngniệm hoặc không mống niệm,các tình nhiễm g ần như gột sạch,nên quang minh tâm thức trở thành rất nhẹ nhàng và chuyển động r ất nhanh.Nên người đó có thể ngồi trong định vài ngày hoặc 1,2 tháng,và khi xuất định, thấy thời gian trôi qua lẹ như khảy móng tay...

Cho nên,có thể nói rằng: mọi sự mống niệm dụng tâm,tác ý,khởi tình nhiễm... đều là Khởi Vọng,chuyển CHÂN thành VỌNG.Chân cũng tương tự như hư không,như một màng lướivô tướng mạo,nhưng tuy vô tướng mạo,vẫn l à cái Trường lực uyên nguyên.Nhưng nếu ta khởi vọng,vút vào đó một ít tình nhiễm, thì những hạt tình nhiễm nầy sẽ tạo những điểm trũng(holes)ở nơi màng lưới đó... Theo trong kinh,thì Biển Chân Tâm thường được gọi là Bất động.Nhưng bất động ở đây không có nghĩa là ù lỳ,mà là Cực động,thể tốc không thể mường tượng nổi,và vượt ra ngoài không thời gian... Còn Vọng thì cũng có nghĩa là Động,nhưng động trong cái Sai biệt,tức là Lay động tương đối và rớt vào vòng kiềm tỏa của Không Thời gian...

3/- Lời dạy của Ngài Mã Minh:

Trong bộ Đại thừa Khởi tín,ngàidạy "Do KHÔNG THẬT BIẾT pháp Chân như, n ê n tâm Bất giác nổi lên,liền khởi vọng niệm. Song vọng niệm vì không có thật thể, nên chẳng rời Bản giác Chân như... "

Không thật biết pháp Chân như là thế nào? Nghĩa là: bỗng QUÊN,không biết rằngchính mình là cái Biển Chân như ấy,vốn là Trọng sáng nhiệm mầu tột bực,thường Diệu thường Minh.Cũng tương tự như 1 lượn sóng n ơ i Biển cả,bỗng quên,không biết rằng m ình chính là Biển cả,chính là Biển hào quang lại khởi tâm muốn chiếu soi.Nhưng chiếu soi gì đây? Ngoài cái Biển hào quang ấy ra,tuyệt nhiên chẳng có gì khác!?Nên chỉ có thể Quay đầu TRỞ LẠI TỰ CHIẾU SOI vào chính mình(retour reflexif de toute conscience).Do đó,làm LOÉ lên mọi cảnh giới hư vọng.Và cũng tương tự như con Rắn trong thần thoại,có cái thân dài lê thê,mộtlúc chợt quay đầu lại,thấy cái đuôi ngọnguậy bỗng quên rằng cái đuôi ấy chính là mình, nên cứ xoay tròn trong vô lượng kiếp để đuổi theo nắm bắt cái đuôi của chínhmình. Và sự xoay tròn triền miên của con rắncó thể ví như sự bập bềnh giao động t r iền miên của Vọng thức chúng sanh.

4/- Lời dạy của Kinh LĂNG NGHIÊM:

Trong kinh nầy,lời dạy của P h ậ t cũng có thứ lớp:

- Lúc đầu,khi ngài Phú Lâu Na đứng l ê n thưa hỏi rằng trong cái Chân tâmbannhiên thanh tịnh ấy,tại sao lại thấy phát hiện núi sông sơn hà đại địa... thì Phật dạy cậu đầu tiên: "Tánh giác vốn diệu minh , Bản giác vốn minh diệu... "

Đây là Phật nói về cái Diệu tâm.Tánhgiác tức là Giác thể,tức là Bản giác hay Diệu tâm.Ngài nhắc lại 2 lần,để nhấn mạnhrằng Tâm ấy vốn Diệu vốn Minh,và để tiêu trừ những kiến chấp lệch lạc của hàng Thanh văn về cái Tâm ấy.

Ý của Ngài là muốn dạy rằng: "Các ông là hàng Thanh văn,theo Ta đã lâu ngày,nhưng Ta cũng ít khi giảng nói rõ với các ông về Diệu tâm nầy.Các ông đã siêngnăng trì giới,thiền quán,vào được 9 thứ định, đạt được thứ huệ Bất nhã của Thanh văn vềNgã không,diệt được những phiền não mầm mống

xem tiếp trang 7

Quan điểm của Phật Giáo

PIYADASSI MAHÀ THERA

***

PHẠM KIM KHÁNH *trích dịch từ quyển The Buddha's Ancient Path*

(tiếp theo)

(Danh từ Arahat, Sanskrit là arhat, cónghĩa là "bậc toàn thiện", bậc "Ứng Cúng", làdanh hiệu chỉ dành riêng cho Đức Phật và các vị đệ tử của Ngài đã đạt đến mức toàn thiện. Trong Tam Tạng kinh điển chính Đức Phật là người đầu tiên áp dụng danh từ A-rahat, hay A La Hán, cho chính Ngài. Đó là lúc mà, sau khi Thành Đạo Ngài đi từ Gayà (Bồ Đề Đạo Tràng) đến Bàrànasi (Vườn LộcGiả để Chuyển Pháp Luân, hay thuyết giảng Bài Pháp Đầu Tiên, cho năm đạo sĩ, nhóm Thầy Kiều Trần Như. Trên đường đi, cách Gayà khá xa, Đức Phật gặp một đạo sĩ tên Upaka. Đạo sĩ Upaka lấy làm cảm kích trước diện mạo phương phi và cốt cách tự tại của ĐứcPhật nên hỏi thăm Ngài: "Thầy của Ngài là ai ? Ngài học giáo lý của vị đạo sư nào?" Đức Phật giải đáp bằng những vần thơ:

"Đúng thật Như Lai là A La Hán trên thế gian
Như Lai là bậc Tôn Sư vô Thượng... "
Lần thứ nhì Đức Phật dùng danh hiệu A La Hán để tự chỉ mình khi Ngài gặp năm vịđạo sĩ tại Bàrànasi: "Như Lai là bậc A La Hán Đấng Như Lai, Đấng Toàn Giác... "

Danh từ A La Hán chỉ áp dụng cho những vị đã hoàn toàn tận diệt mọi hoặc lậu (tứccác ô nhiễm ngủ ngầm trong tâm từ vô lượng kiếp). Trong ý nghĩa nầy Đức Phật là vị A La Hán đầu tiên trên thế gian, như chính Ngài đã nói với Upaka).

Khi truyền dạy Giáo Pháp (Dhamma) đến hàng đệ tử Đức Bổn Sư không bao giờ có sự phân biệt nào giữa vị nầy với vị khác; bởi vì Ngài không có một đệ tử thân tín đặc biệt được chọn sẵn. Trong hàng tín đồ của Ngài những vị đã thành đạt đạo quả A La Hán, hoàn toàn chấm dứt mọi khát vọng và phá tan mọi thắng thúc cột chặt chúng sinh vào những kiếp sống mới, đã tiến đạt đến mức trong sạch toàn hảo bằng nhau. Tuy có một vài vị trội hơn những vị khác về phương diện thực hành hoặc trí tuệ nào nhưng Đức Phật không bao giờ ban bố đặc ân cho bất cứ vị nào. Như Ngài Upàli chẳng hạn, xuất thân từ một gia đình thợ cạo, được Đức Bổn Sư giao phó nhiệm vụ Tăng Trưởng về vấnđề Giới Luật (Vinaya), thay vì Ngài chỉ định những vị A La Hán khác, sinh trưởng từ những gia đình quý tộc và chiến sĩ.

Cũng không có dấu hiệu nào cho thấy Đức Bổn Sư trao quyền chương quản Phật sự (sàsana) cho bất luậnvị đệ tử nào, dầu là hai vị đại đệ tử Sàriputta (Xá Lợi Phất) vàMahà Moggallàna (Mục Kiền Liên). Ngài không chỉ định vị nào để kế vị Ngài. Về điểm nầy ta có thể ghi nhận rằng Đức Phật đã rõ ràng minh xác với hàng môn đệ, trước giờ nhập diệt, rằng không bao giờ Ngài nghĩ đếnviệc kiểm soát Giáo Hội Tăng Già. Ngài ngỏ lời với chư vị tỳ khưu quy tụ quanh Ngài như sau: "Giáo Pháp và Giới Luật (Dhamma-Vinaya) mà Như Lai đã ban hành, hãy lấy đó làm thầy sau khi Như Lai ra đi". (Dighà Nikàya Trường A Hàm, 16, Parinibbàna-sutta).

Dầu trong thời Đức Phật còn tại thế cũng vậy, chính Giáo Pháp và Giới Luật đã kiểm soát và hướng dẫn chư Tăng. Ngài khôngchuyên chế độc tài. Con đường Cũ Xa Xưa của chư Phật, Bát Chánh Đạo, là một giáo lý cho người tự do.

Đức Phật xuất hiện trên thế gian vào thời kỳ mà dân tộc Ấn Độ hoàn toàn sống dưới chế độ độc tài. Những giáo lý mà Ngài truyền dạy phần nào là một đe dọa đối với quyền lực chuyên chế, mặc dầu Ngài không can

thiệp vào chính trị và chính quyền trong xứ. Dầu sao Ngài vẫn bày tỏ những tư tưởng và quan điểm có tính cách dân chủ. Giáo lý của Đức Phật tích cực khuyến khích các ý kiến và các tổ chức dân chủ. Mặc dầu Đức Phật đã sáng suốt tránh không xen vào đời sống chính trị đương thời nhưng Giáo Hội Tăng Già (Sangha) là một tổ chức tuyệt đối dân chủ, như Hầu Tước Zetland, cựu Phó Vương xứ Ấn Độ, đã tuyên bố:

"Khuynh hướng nhằm tiến đến chế độ tự trị được những hình thức hoạt động tập thể khác nhau hiển nhiên chứng tỏ, đã nhận thêm một động cơ thúc đẩy mới do sự loại bỏ, trong Phật Giáo, uy quyền độc đoán của hàng tu sĩ và hơn nữa, do giáo lý bình đẳng của Đức Phật, chẳng hạn như khẳng chấp nhận sự phân chia giai cấp xã hội. Đúng thật chúng ta phải quay về kinh sách Phật Giáo để tìm hiểu phương pháp điều hành công tác của những cơ cấu đại nghị tự trị gương mẫu thời xưa ấy. Và nhiều người có thể ngạc nhiên được biết rằng nếp sinh hoạt trong Quốc Hội của chúng ta (người Anh) ngày nay đã tìm chất liệu trong Giáo Hội các tu sĩ Phật Giáo tại Ấn hơn hai ngàn năm về trước. Phẩm giá của hội nghị được bảo tồn nhờ sự đề cử một chức vụ đặc biệt - thai bào dựa đến vị "Chủ Tịch" (Mr Speaker) trong Quốc Hội chúng ta. Một chức vụ kế đến được đề cử để trông xem hội nghị có đủ túc số hay không, nếu cần - đó là kiểu mẫu đầu tiên của viên chức "Parliamentary Chief Whip" trong hệ thống của chúng ta. Một dân biểu đệ trình đề nghị của mình dưới hình thức một kiến nghị, và kiến nghị nầy được đem ra bàn thảo. Trong vài trường hợp kiến nghị có thể được thông qua liền trong đợt đầu, nhưng trong những trường hợp khác phải qua đến ba lần như vậy. Kiến nghị phải được đọc đi đọc lại và bàn thảo ba lần trước Quốc Hội trước khi được biểu quyết thành luật. Nếu cuộc bàn thảo trước Quốc Hội cho thấy có sự khác biệt quan điểm rõ rệt thì vấn đề phải được biểu quyết qua một cuộc đầu phiếu, thiểu số phục tùng đa số".
(Lagacy of India, Ed.by G.T.Garratt, Oxford, 1937, pp.X,XI)

(Còn tiếp)

tiếp theo trang 5

sanh tử, nên vượt được Phần đoạn sanh tử, có thể ra khỏi ba cõi. Các ông đã lọt được vào Tàng thức tức Thức ấm rồi, lại thấy Tàng thức được gột sạch mọi phiền não, thấy mình lâng lâng chẳng bợn chút trần ai, nên hay nghĩ là mình đã tới bến rồi, và đa số thường mắc bệnh "Triền không" và ngồi ỳ nơi đó. Không hiểu rằng những cái mà mình đã gột sạch được mới chỉ là Vô minh chi mạt thô kệch, tức là sự chướng thôi. Tiềm phục sâu hơn nữa, còn phần Vô minh căn bản cực kỳ vi tế. Và cần phải gột nốt và chuyển những phần Vô minh căn bản nầy, thì mới chuyển được thành Bạch tịnh thức và trôi vào Biến Diệu giác... Cũng vì giống Vô minh nầy vẫn còn biến dịch lưu chuyển trong tâm thức, nên các ông vẫn còn phập phồng, vẫn chưa được Tự Tha vô ngại, vẫn chưa thể ôm trọn pháp giới vào thân tâm mình.

(Còn tiếp)

BÊN KIA

Mười năm đó hai bàn chân còn đứng
Trong ống xương nghe mình nặng như chì
Ngoảnh mặt lại để nhìn rõ những gì
Đã tan nát cũng như vừa thành dựng

Trái Đất miên man cõi sầu miên viễn
Cát bụi trần gian bay đó tụ đây
Bờ đất đứng đợi chờ giờ sẽ điểm
Phía Bên Kia sương xuống với mù đầy.

NGUYỄN CHÍ TRUNG
(Bánh và Rượu 1976-1977)

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

Thư gửi Đế Nhàn Pháp Sư

Ấn Quang từ lúc mới xuất gia liền tín pháp môn Tịnh độ, nhưng vì nghiệp chướng che lấp, trong hai mươi năm nay, ngày luống qua ngày. Nghĩ những thẹn khi tự thấy miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiếm dạo! Gần đây, nhờ ơn pháp sư khuyên nhắc, xin thề không dám để phụ tấm lòng chiếu cố, xót thương. Chỉ khổ nỗi hôn trầm, tán loạn thay nhau dành đô, dạo lực không thêm được chút nào, lối cũ vẫn còn nguyên dấu cũ. Cho nên mỗi ngày tôi xem hơn mười tờ tịnh diễn, mong mượng theo ngôn hạnh sáng suốt của người xưa để phát lòng thăng tấn.

Pháp môn Bảo vương tùy tức, tôi thử dùng thì thấy vọng niệm không còn sôi nổi như lúc trước, tưởng rằng lâu ngày chắc cũng có lúc được nhìn cảnh mây tạnh trời trong. Tôi tra trong Lạc ban văn loại và Thánh hiền lục, đều thấy có chép đoạn nầy, bỗng chợt hiểu phép Thập niệm mượn hơi nhiếp tâm của ngài Tử Vân là căn cứ ở nơi đây. Và, trong bộ Liên tông bảo giám cũng có nói đến mấy. Như thế đủ thấy người xưa liệu biết cơ nghi dời mạt pháp, nếu phi phương pháp nầy chắc khó nối gia công, nên đã dự lập ra trước. Nhưng cổ nhơn ít ai đem môn Bảo vương tùy tức để giáo hóa, vì thuở trước căn tánh người còn sáng lẹ một khi phát lòng quả quyết, tự được nhứt tâm. Đời nay, người chướng nặng căn độn như tôi, e đến chết cũng khó được cảnh giới không loạn. Vì thế, tôi không dám dấu sự dở riêng của mình, mong thỉnh ích nơi bậc cao minh; vậy có nên thật hành cùng chăng xin nhờ chỉ rõ? Tôi lại nghĩ: phép nầy nhiếp cả Ngũ đình tâm quán, nếu có thể theo hơi thở mà niệm, tức là gồm đủ 2 môn Sổ tức và niệm Phật. Nếu nhiếp tâm niệm Phật thì lòng tham nhiễm lần lần dứt tuyệt, sân hận không còn lấy lừng, khi hôn trầm tán loạn đã lui, trí huệ liền hiện mà phá luôn cả si mê mất. Pháp môn Nhiếp sáu căn của đức Thế Chí, theo ngu ý thì những người niệm Phật lơ là hiện thời, đương như chẳng nên dùng, vì nếu không lần chuỗi ghi số, họ sẽ trở thành biếng trễ. Khác hơn thế, những ai quyết tâm niệm Phật, nếu bỏ phép nầy, nhứt định khó thành tam muội.

Pháp sư mượng bản nguyện lợi sanh, tự mình tuy không dùng, nhưng cũng nên vì nghi thí nghiệm để dạy kẻ hậu lai. Phép nhiếp sáu căn với bậc lợi cơ, trong một hai thất quyết sẽ được không loạn. Dù cho hạng ngu kém như tôi, nếu cố gia công hoặc tám năm hay mười năm, tương may ra có thể được nhứt tâm.

Thư đáp Một Cư sĩ ở Vĩnh Gia

Người niệm Phật chẳng phải không thể trì chú, nhưng cần nên phân chủ, trợ cho rõ ràng, tự nhiên trợ cũng về chủ. Nếu lơ là xem dồng như nhau thì chủ cũng khó thành chủ mất! Chú Chuẩn Đề, Đại Bi dầu có hơn kém, nếu tâm chí thành, pháp pháp đều linh, tâm không chí thành pháp pháp không linh. Một câu niệm Phật bao trùm đại tạng giáo dầy đủ tất cả, vẫn không thiếu sót pháp nào. Bậc thông tông thông giáo mới có thể

làm người chơn niệm Phật, và hạng ngu tối không hiểu chi, chỉ biết thành thật vâng lời, cũng có thể làm người chơn niệm Phật. Ngoài hai hạng nầy, chơn hay không đều do nơi mình gắng sức, tự xét có thật hành đúng giáo pháp cùng chăng? Đến như tu Tịnh Độ, đã có ý quyết định không nghi, cần gì phải hỏi sự hiệu nghiệm của người khác? Dù cho cả thế gian đều không hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh một niệm nghi ngờ vì lời thành thật của Phật, Tổ có thể dủ làm bằng cớ. Nếu cứ hỏi sự hiệu nghiệm của người khác, tức là tâm còn dụ dự, chưa tin chắc lời của Phật, việc làm tất khó xong. Bậc anh liệt, quyết chẳng đến dỗi bỏ lời Phật theo lời người. Những kẻ không chủ trương, chỉ lấy sự hiệu nghiệm bên ngoài làm tiến dạo, thật là đáng thương xót!

"Tùy tự ý tam muội" là dường lối tuchứng từ phàm đến thánh. Hàng sơ tâm Bồ Tát trg ấy nói, tuy gồm nhiếp tất cả phàm phu song thật ra là chỉ cho bậc sơ trụ Bồ Tát. Ở Viên giáo, đã phát ba tâm chứng ba dức. Bậc nầy do phát lý tâm của chánh nhân, chứng dức pháp thân, phát huệ tâm của liễu nhân, chứng dức bác nhã, phát thiện tâm của duyên nhân chứng dức giải thoát, nên có thể hiện thân thập pháp giới ở trong mười phương quốc độ, khắp ứng các cơ mà làm việc cầu Phật độ sanh. Thế nên "sơ tâm" không phải chỉ riêng cho hàng phàm phu mới phát tâm tu hành. Cư sĩ thấy trong Kim Luân chú nói về việc ngộ pháp nhị không, chứng lý thật tướng, liền vui mừng khấp khởi muốn đứng ra nhận lãnh, tôi e cho khỏi lạc vào lưới ma. Vậy xin chỉ rõ việc ấy ra dây, để cư sĩ hiểu biết, tránh sự sai lầm. "Ngộ pháp nhị không, chứng lý thật tướng", chính là thân phận của hàng sơ tâm Bồ Tát đã nói trên. Pháp thức trong quyển ấy chỉ dạy, hạng phàm phu có thể y theo mà tu hành. Đến như về thân phận, dù cho bậc Thanh Văn dủ đại thần thông cũng khộ dám dương nổi, huống là phàm phu? Lại, trong ấy mấy đoạn: không chỗ trụ sanh tâm, không trụ pháp bố thí, ba luân thể không, một đạo thanh tịnh, đều phát minh rất rõ. Tôi muốn đem những nghĩa nầy làm thành bài tụng cho người đọc hiểu được cương yếu, nhưng vì bận nhiều việc không được rảnh, để hẹn lại năm sau. Đến như chỗ nói: "Quán thấn tức không quán chi cả, chỉ quán vô duyên" vô duyên chính là nghĩa "không, không có tánh chi" trong Tùy tự ý tam muội đã nói Và, vì "không có chi" nên không duyên vào đâu được. Nếu chẳng do nơi cội gốc nầy chém một dao cho dứt đoạn, thì làm sao dứt được mối phan duyên?

Mấy lời trên dây tuy giản lược, song ý nghĩa rất rộng sâu. Xin thuật lại cho Từ quân được rõ.

(Còn tiếp)

THIỀN VỊ, ĐẠO VỊ, THI VỊ trong Văn chương Việt nam

Đông Hồ

Thật khó mà định nghĩa thế nào là t h iền vị, thế nào là đạo vị, và thế nào là thi vị. Vì làm sao mà định nghĩa cho rõ ràng được một cái gì như có hình có sắc, như n h ì n thấy được, bắt lấy được, mà lại cũng nhưkhông có màu sắc phân minh, không có bóng h ì nh nhất định, mắt không nhìn thấy, tai k h ông nghe thấy, mà lạ lùng thay, nó vẫn có đó, nó phảng phất quanh quẩn đâu đây, nó lảngvảng vẩn vơ trong tâm trí, như làn khói t r ầ m hương từ ngàn xa bát ngát, như tiếng hồng chung vọng giữa đêm thanh tịnh thâm trường.

Làm sao mà định nghĩa được cho rõ ràngcái gì nó đã xâm chiếm tâm hồn ta, có lẽ đãlâu lắm rồi, từ thuở nào mà ta không biết. N ó đã tập nhiễm cho ta thành nếp tư tưởngsuy tư mà ta không dè. Nó đã khiến cho lòng ta yêu thích, một thứ yêu thích không đắmđuối hãi mà chỉ có chút say mê, khắng khít luyến lắm mà sao không rời bỏ được. Mùi t r ầ m hương đó, tiếng hồng chung đó hình nhưnhắc cho ta nhớ nhung một tiền kiếp chân thân từ nghìn xưa sâu thẳm. Nếu chúng ta là thi nhân - mà ai lại không thể trở thành thi nhân trong thời khắc huyền ảo thần t i ên như vậy - tự nhiên ta sẽ cất tiếng n g âm nga, để biểu lộ nỗi niềm cảm xúc. Bấy giờ, thơ chúng ta đã có trộn lẫn mùi thiền v à mùi đạo ít nhiều trong đó mà chúng ta khỏ dè nữa.

Người Việt Nam chúng ta còn ai không thuộc chuyện Quan Âm Thị Kính, và chuyện Vu Lan Bồn tức chuyện Mục Kiền Liên. Hai áng văn đó bản thân đã thành hẳn là Phật t r uyện diễn ca, cốt chuyện hoàn toàn là sự t í ch nhà Phật, được coi đó là hai bản kinh rồi. Bài nầy lược đi mà không nói đến.

Bắt đầu, hãy dẫn Cung oán ngâm khúc.

Một áng văn than vẫn nỗi oán hờn của ng. cung nữ, đối với quân vương, có lẽ phảinói đối với chế độ thì đúng hơn, đương nhiên là phải tả những lạnh lẽo thê lương nơi cung cấm, phải nói những tiêu điều vắngvẻ của lòng người, kể lể bao đoạn khổ t ì nh thương của một đời thanh xuân mơn mởn bị giam hãm, bị trói buộc một nơi, để làm thú vui chốc lát cho người đàn ông; có khi bị lãng quên suốt đời và suốt đời chờ đ ợ i ước ao được có ngày giải thoát. Nội dung đó, nếu như ở ngòi bút của một thi sĩ, văn sĩ Tây phương thì họ đã khai thác đề tài trên địa hạt sinh lý, hoặc xét vấn đềtheo tâm lý học, phân tâm học, một khi tình dục bị dồn ép, bị thiếu thốn.

Ở đây, trái lại, tác giả Cung oán ngâmkhúc của chúng ta, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều xây dựng ngâm khúc của mình bằng h ọ c thuyết, bằng tư tưởng nhà Phật. Những việc nhỏ nhặt tầm thường, nhất ẩm, nhất t r á c cũng đều do tiền định:

Ngẫm nhân sự cớ chi ra thế
Sợi xích thằng chi để vướng chân
Vắt tay nằm nghĩ cơ trần
Nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên
Kìa thế cục như in giấc mộng
Máy huyền vi mơ dóng khôn lường
Về chi ăn uống sự thường
Cũng còn tiền định khá thương lọ là

Nhân loại chúng sinh bắt đầu chào đ ờ i bằng tiếng khóc:

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết
Hình thì còn bụng chết dòi nau
Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế
Ai bày trò bãi bể nương dâu
Trăng răng đến thuở bạc đầu
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần

Rồi từ đó cứ phải chịu đựng biết bao đau đớn xót thương, chịu đựng cho cuộc sống dày vò hành hạ kiếp phận bọt bèo:
Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc
Lớp cùng thông như giục buồng gan
Bệnh trần dòi đoạn tâm can,
Lưỡi cơ dốt ruột, dao hàn cắt da
Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng rám mùi dâu
Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ bèo dầu bến mê
Mùi tục lụy lưới tê tân khổ
Đường thế dổ gót rổ kỳ khu
Sóng cồn cửa bể nhấp nhô
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt gành
Trẻ tạo hóa dành hanh quá ngán
Chết đuối người trên cạn mà chơi
Lò cừ nung nấu sự đời
Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương...

Bao nhiêu sự nghiệp, bao nhiêu công trình, bao nhiêu phú quí đỉnh chung xây dựng trg cõi nhân sinh, chẳng qua là một cơn m ộ ng ảo:
Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc
Thú ca lâu dế khóc canh dài
Đất bằng bỗng rặp chông gai
Ai đem nhân ảnh nhuốm mùi tà dương
Mùi phú quí nhử làng xa mã
Bã vinh hoa lừa gã công khanh
Giấc nam kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không
Sân đào lý mưa lồng man mác
Nền đỉnh chung nguyệt gác mơ màng.

Công trình nhân tạo không giữ được vĩnh cửu trường tồn đã đành, cho đến cả m ộ c thạch cầm ngư sơn khê lăng cốc cũng biến thiên trong chớp mắt:
Cánh buồn bể hoạn mênh mang
Cái phong ba khéo cợt phường lợi danh
Quyền họa phúc trời giành mất cả
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai
Cái quay búng sẵn trên trời
Mơ mơ nhân ảnh như người đi đêm
Hình mộc thạch vàng kim ố cổ
Sắc cầm ngư ủ vũ ê phong
Tiêu diều nhân sự đã xong
Sơn hà cũng huyễn côn trùng cũng hư
Câu thệ thủy ngồi trơ cổ độ
Quán thu phong dựng rũ tà huy
Phong trần đến cả sơn khê
Tang thương đến cả hoa kia cỏ nầy
Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau
Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.

Đã biết như vậy rồi thì ai lại không muốn làm duyên với hoa đàm đuốc tuệ, vứt b ỏ tấm thân ngoại vật mà tiêu dao với g i ó mát trăng thanh, giải thoát ra ngoài vòng đào chú:
Mùi tục lụy đường kia cay đắng
Vui chi mà deo dẳng trần duyên
Cái gương nhân sự chiền chiền
Liều thân nầy với cơ thuyền phải nao
Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong
Đa mang chi nữa dèo bòng
Vui vì thế sự mà mong nhân tình
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời
Ý cũng rắp ra ngoài đào chú
Quyết lộn vòng phu phụ cho cam.

Nhưng mà cay nghiệt vốn là Tạo Hóa, thiên ý đã an bài; túc trái tiền nhân chưa trả cho xong thì chúng sinh đừng hòng thoát khỏi:
Ai ngờ trời chẳng cho làm
Quyết đem giấy thắm mà giam bông đào
Hẳn túc trái làm sao đây tá
Hay tiền nhân hậu quả xưa kia
Hay thiên cung có điều gì
Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi.

Đoạn văn vừa dẫn mà tôi đã lược đi nhiều có phải như một đoạn văn thuyết pháp v ề sinh, lão, bịnh, tử, về căn quả nhân d u yên mà trong đó hàm chứa biết bao thi vị. Đến đây chúng ta thấy thêm, chẳng những tác giả đã thi vị hóa Phật thuyết bằng v ă n chương mà còn thi vị hóa triết lý t ô n giáo bằng cả câu truyện cung oán.

Đọc xong, khúc Cung oán chúng ta h o á t nhiên tỉnh ngộ mà nhận thấy rằng: Trong khoảng vũ trụ bao la, thời gian vô t ậ n, không gian vô cùng nầy, nhân loại chúng sanh kéo dài cuộc sống vô thường, giam hãm kiếp người trong khuôn đào chú, trog vòng chiết ma, lòng vẫn mong mỏi ước ao đ ư ợc có ngày giải thoát cho khỏi kiếp t r ầ m luân, thì vòm trời đất bao la mênh m ô ng nầy, đối với nhân loại chúng sinh, cũng có khác gì vòng cung cấm tù tùng chật h ẹ p của bầy cung nữ phi tần. Chúng ta nếu đã

biết thương xót cho số kiếp đọa đày, duyên phận lao đao của người cung nữ thì chúng ta lại càng phải biết tự thương xót cho duyên phận số kiếp của chúng sinh nhân loại, trong đó có chúng ta, lúc nhúc trong khoảng thiên địa gian lạnh lẽo thê lương miên miên vô tuyệt kỳ.

Văn thuyết lý thường cứng ngắc khô khan, thì văn Cung oán này đã khéo thi vị hóa triết lý khiến cho đạo lý cũng uyểnchuyển nhẹ nhàng linh động theo tiếng nói củavăn chương. Thông hiểu lãnh hội đạo lý khỏ cần phải dùng trí não suy tư mà tâm đắc bằng quả tim thông cảm.

Có một truyện diễn ca phổ biến trong dân gian là chuyện Bạch Viên Tôn Các.
Chuyện kỳ ngộ giữa một đôi kiếp tiên, nàng Bạch Viên và chàng Tôn Các, thác sanh xuống trần làm một thục nữ tu hành, và một nho sinh khoáng đạt. Hai đàng gặp nhau ở chùa Phi Lai. Vì là duyên Phật kiếp tiên, chonên lúc nào cũng lưu luyến cảnh thiền môn am tự. Đi đâu thì đi rồi lòng cũng cứ khắc khoải nhớ nhung cảnh mây nhàn gió tĩnh mà trở về.
Cũng một cốt chuyện Bạch Viên Tôn Các nầy hồi thời Lê Trịnh, đã có một tác giả, hiện còn khuyết danh, làm thành bản truyện Lâm tuyền kỳ ngộ. Bản nầy không phải làm lối lục bát diễn ca, là lối văn thịnh hành về thời cuối Lê đầu Nguyễn.
Lâm tuyền kỳ ngộ sáng tác trước thời kỳđó làm lối thơ bát cú thất ngôn, như thơ thời Lê Hồng Đức, thơ thời Nguyễn Bỉnh Khiêm. Cả bản truyện gồm có 140 bài bát cú. Văn chương nhẹ nhàng thanh thoát. Gần phân nửa số bài thơ dành để ca ngợi cảnh trí thanh bình u nhã của nhà chùa.

Nhờ lối trang nghiêm thanh nhã sẵn có của thơ Nôm Đường luật, nhờ chân thần tiên phong đạo cốt của tác giả, mà suốt tácphẩm Lâm Tuyền Kỳ Ngộ như bàng bạc một khí vị hư ảo u huyền, siêu phàm thoát tục. Bất cứ trích đọc một câu nào chúng ta cũng thấy lời thơ tứ thơ thanh thảng lâng lâng.

Trong bài thứ 3, có câu:

Gió trúc đưa hương dâng bệ Phật
Cầm thông dọng kệ nức am tuyền
Nước non quyến khách say mùi đạo
Hoa cỏ đưa tăng tới cửa chiền

Trong bài thứ 5, có câu:
Khuya sớm lân la ngoài ngọn trúc
Hôm mai gặp gỡ dưới am tuyền
Đêm thanh lắng kệ nương xem nguyệt
Ngày vắng nghe kinh nấu bóng hiên

Trong bài thứ 6, có câu:
Hương dâng ngày những vừng ô xế
Kệ tụng đêm thâu bóng thỏ tà
Cửa độ ước ao công đức vẹn
Thuyền từ mong mỏi tháng ngày qua

Trong bài 10, có câu:
Gió thu đèn nguyệt kia là bạn
Cửa quế rừng xuân nguyệt ấy nhà
Trải ải non xanh muôn dặm cách
Trông chừng cây cỏ mấy ngàn xa

Bài thứ 131, có câu:
Tụng niệm nguồn cơn cạn bóng dầu
Gót giày thoăn thoắt tới thư lâu
Tóc mây mượt mượt mây in tuyết
Mày liễu cong cong nguyệt uốn câu

Trích dẫn lẻ tẻ như vậy, e có rời rạc lắm chăng, thôi thì dẫn nguyên một bài đểtiêu biểu cho toàn tập Lâm Tuyền Kỳ Ngộ, và cũng để độc giả thưởng thức cho trọn vẹn

Văng vẳng bên tai tiếng pháp chung
Phi Lai trông đã cách bờ sông
Gió sâu đòi đoạn bay cơn trúc
Mây thắm ghe phen gác bóng tùng
Thương khách xa xôi nên lận dận
Tương người ly biệt luống long dong
Buồn chung ai dễ sầu riêng ấy
Biết nỗi nầy chăng khách má hồng

Đã nói đến Lâm Tuyền Kỳ Ngộ thì phảinhắc đến một chuyện kỳ ngộ khác. Đó là truyện Bích Câu Kỳ Ngộ. Câu chuyện hoàn toànViệt Nam xảy ra ở trên đất nước Việt Nam. Đây là thiên diễn ca, một trong sáu truyện trích trong bộ Truyện Kỳ Mạn Lục. BíchCâu là tên một phường của 36 phường trong thành Thăng Long xưa, thuộc về làng Yên Trạch huyện Thọ Xương, vùng Văn Miếu Hà Nội. Cũng như Lâm Tuyền Kỳ Ngộ là duyên gặp gỡ lạ lùng, giữa một tiên nữ đa tình và một thư sinh lãng mạn. Gặp nhau ở hội chùa Ngọc Hồ. Chính bản thân câu chuyệnđã cũng nên thơ rồi. Chuyện là chuyện tiên thì thơ tự nhiên cũng là thơ tiên.

(Còn tiếp)

Việt Nam phong sử

Nguyễn văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mặc Khách sưu lục

(kỳ 18)

CHƯƠNG 61

Đời vua Thái Tổ Thái Tông,
Con dắt con bế con bồng con mang.
Bò đen húc lấn bò vàng,
Hai con húc chắc(1)dâm quàng xuống sông.
Thằng bé chạy về bẩm ông,
Bò đen nó đã xuống sông mất rồi.

Thơ phong sử nầy thuộc phú.
Ý nghĩa thơ nầy chưa rõ.
Sách Quang phong tạp của Vương Vống Châu chép: Thơ này nói về việc thời sự đời Vua Lê Chúa Trịnh.Nhưng bò vàng bò đen không thấy chép trong sử sách.(Bò vàng bò đ e n xuất xứ ở Ngụy thư do Tào Thực làm ra trg Bắc sử).
Lại tra cứu ở sách Nam phong tập của Trần Liễu Am thấy có câu:

Kỳ nầy lúa mọc đồng đồng,
Đổ mưa Thái Tổ Thái Tông rầm rầm.

đượcgiải thích là ngày kỵ giỗ cúng tế Vua Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông thì trời mưa.
Theo phong tục ở Bắc kỳ mỗi khi đến ngày 21,22 tháng chạp thì trời mưa nhiều. Nhân dân gọi đó là mưa Thái Tổ Thái Tông.
Ngạn ngữ có câu:

Hai mươi mốt Lê Lai,
Hai mươi hai Lê Lợi.

vì rằng đó là những ngày kỵ giỗ của V u a Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông.
Thường thường gặp trời mưa thì trâu nghé về trước,vì nó có tính sợ mưa,thì thơ phg dao nầy giống như là lời hát của trẻ mục đồng,không còn nghi ngờ nữa.Hai chữ đời vua là đọc sai ra trời mưa.

CHƯƠNG 62

Ngọn đèn thấp thoáng ánh trăng,
Ai đem người ngọc thung thăng chốn nầy?

Thơ phong sử nầy thuộc phú.

CHƯƠNG 63

Thẩn thờ dứng gốc cây mai,
Bóng mình lại ngỡ bóng ai mình lầm.

CHƯƠNG 64

Nhớ ai lơ lấng dầu cầu,
Lược thưa biếng chải,gương Tàu biếng soi.

Thơ phong sử nầy thuộc phú.
Ba chương nầy là lời hát của cung nữ trg Nhạc phủ ngày xưa.
Xét vào thời nhà Lê tuyển chọn con g á i của nhân dân vào cung để hầu hạ đông đảo tính đến hàng trăm,có người suốt đời khg được lên hầu hạ vua,cho nên lúc bấy giờ trong cung có loại thơ nầy,khúc hát gọi là Đại Thạch,tiếng nghe bi ai đầy hận oán. Sau khi nhà Lê mất,cung nữ tản mác trong thôn xóm.Nay hát cửa đình còn dùng bacâu

nầy.

CHƯƠNG 65

Ngày đi trúc chửa mọc măng,
Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre.
Ngày đi lúa chửa chia vè,
Ngày về lúa đã đỏ hoe đầy đồng.
Ngày đi em chửa có chồng,
Ngày về em đã con bồng con mang.

Thơ phong sử nầy thuộc phú.
Đây là lời của chinh phu đi đánh giặc.
Theo sách Giải trào chú thích rằng: S a u khi vua Lê Ý Tông nhường ngôi cho con là vua Thuần Tông,vùng tây bắc có giặcNguyễn Danh Phương,giặc Nguyễn Hữu Cầu,vùngThanh Châu Trấn Ninh có giặc Hoàng Công C h ất, giặc Lê Duy Mật.Quân lính đi dẹp giặc đ ã lao khổ lại lâu ngày tháng,cho nên mớiđặt ra thơ phong dao nầy.Chưa biết đúng h a y không.

CHƯƠNG 66

Ai ôi giữ chí cho bền,
Dầu ai xoay hướng đổi nền mặc ai!

Thơ phong sử nầy thuộc phú.
Mạc Đăng Dung,người làng Cổ Trai,h u y ện Nghi Dương,xuất thân ở chức Đô lực sĩ , được vua Lê Uy Mục trao chức Đô chỉ huy sứ,làm quan đến triều vua Tương Dực được ban tước Vũ xuyên hầu,đầu niên hiệu Quang Thiệu(1516-1526)dẹp yên giặc Lê Do, n ắ m binh quyền,được tấn phong là Thái phóNhân quốc công,giết vua Lê Chiêu Tông,phế vua Lê Cung Tông,trong niên hiệu Thống Nguyên thứ 6(1527)soán ngôi nhà Lê mà được thiên hạ,lấy kỷ nguyên là Minh Đức,ở tại thành Thăng Long,lập làng Cổ Trai làm DươngKinh đường bệ của nhà Lê chuyển thành đường bệ của nhà Mạc.

Trong thời gian ấy những bề tôi tiếtnghĩa như công đức của vua Lê Thái Tổ dẹp t r ừ quân Minh,không chịu theo nhà Mạc như Đàm Thận Huy,Nguyễn Tự Cường đánh nhau vớiMạc Đăng Dung mà chết,Nguyễn Thái Bạt đến gần tới trước phun nước bọt vào mặt Mạc Đăng Dung,Lê Tuấn Mậu giấu đá trong ống tay áo ném Mạc Đăng Dung,đều được chép rõ ở sách Trung hưng tiết nghĩa lục.
Họ đồng một tư tưởng với áo mão triềuphục lạy về đất Lam Sơn,họ đồng một cơ sở đặt định tinh thần nước Việt.
Này,đến đài đều có chữ mới,áo mão k h ác thuở xưa,mà lòng người còn nhớ nhà Lê , cảm ân báo đức,há lại vui thích theoviệc Mạc Đăng Dung xoay phương đổi hướng lập riêng một triều đình hay sao?
Câu phong dao nầy nói hạng làm tôi phải giữ tiết tháo cho vững bền và ngấm ngầm ngụ ý khuyên chớ nên làm quan cho nhàMạc.

Này,nhà Lê lập quốc với ân dày nhân hậu còn ghi ở bia đá nơi Hồng Lĩnh Lam Giang truyền được 111 năm thì Ngụy Mạc c ư ớ p ngôi,tuy trong một lúc có kẻ đã theo nhà Mạc,nhưng tâm tình người luyến nhớ nhàLê còn gieo rắc trong lời ca vịnh như thế , cho nên Lê Trang Tông được lập làm v u a và truyền nối lâu dài đến 257 năm n ữ a, thì công đức của 8 vị vua Lê(TháiTổ,Thái Tông,Nhân Tông,Thánh Tông,Hiến Tông, Túc Tông,Tương Dực và Chiêu Tông)có thể biết được.
Đọc câu phong sử nầy như nghe được tiếng vượn hú ở núi Tam Giáp(2)vậy.

(1) Chắc,lẫn nhau(tiếng quê miền Bắc)như đánh chắc là đánh nhau.
(2) Tam Giáp là 3 ngọn núi ở tỉnhTứXuyên mà cao nhất là ngọn Vu Giáp.Ngư phủ ở đấy có bài hát: *Ba đông tam giápVu Giáp trường,viên minh tam thanh lệ triêm thường* = Trong ba ngọn núi ởBa đông,ngọn Vu Giáp cao hơn hết,V ượn kêu ba tiếng thì manh quần thấm đầm nước mắt.

(Còn tiếp)

QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Từ An Dam đến Đại nam

Bửu Cầm

Học giả Mặc Khách sưu lục

TỰA

Vấn đề quốc hiệu nước ta đã được nhiều nơi bàn tới.
Bởi vậy, đối với một vấn đề quen thuộc như thế, nếu không tìm được điều gì mới lạ thì không nên viết.
Chúng tôi soạn thiên khảo cứu này cũng chỉ nhằm mục đích kiểm điểm lại một vài niên đại và sự kiện lịch sử còn ngờ vực khi nước ta có danh xưng An Nam cho đến quốc hiệu Đại Nam.
Thật vậy, có nhiều sự kiện quan trọng xảy ra trong qúa trình tiến hóa của dân tộc ta mà những bộ sử Việt Nam và Trung Quốc đã chép khác nhau.
Điều đó đã làm nhiều người thắc mắc.
Xin cử ra vài thí dụ sau đây :

VỀ DANH XƯNG AN NAM. *Nhà Đường lập ra An Nam đô hộ phủ nhưng hai chữ An Nam đã có từ đời Tam Quốc. Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục và Đại Việt Sử Ký Tiền Biên chép nhà Ngụy phong cho Lữ Hưng làm An Nam tướng quân vào năm 264. Cụ Nguyễn văn Tố cũng cho rằng danh xưng An Nam bắt đầu có từ năm đó. Nhưng phần Ngô Chí trong Tam Quốc Chí đã xác định nhà Ngô phong Lữ Đại làm An Nam tướng quân năm 220 và, đến năm 248, Lục Dụê cũng được phong chức ấy. Thế là hai chữ An Nam phải có từ năm 220.*

VỀ THỨ THỨ CỦA TRIỀU ĐẠI NHÀ NGÔ NƯỚC TA. *Tân Ngũ Đại Sử chép Ngô Xương Tuấn là con của Ngô Quyền. An Nam Chí Lược và An Nam Chí Nguyên đều chép họ Ngô làm vua được bốn đời: Ngô Quyền, Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Tuấn và Ngô Xương Văn. Nhưng Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Đại Việt Sử Ký Tiền Biên và Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục khảo chép Ngô Xương Tuấn. Sử gia Nhật Bản Nao - jiro Sugimoto đã viết thiên khảo luận nhan đề Quan ư Ngũ đại Tống sở An Nam chi thổ hào Ngô thị để khẳng định Ngô Xương Văn và Ngô Xương Tuấn là một người.*

VỀ QUỐC HIỆU ĐẠI NAM. *Giáo sư M. Durand và học giả Nguyễn văn Tố đều cho quốc hiệu Đại Nam bắt đầu có từ triều Minh Mệnh (1820-1840) nhưng không biết rõ năm nào. Phan Thúc Trực, một sử gia đời Nguyễn, làm chức khởi cư chú Kinh diên triều Tự Đức và là tác giả sách Đỉnh Tập Quốc Sử Dị Biên, đã có đủ tài liệu chính xác để chứng minh rằng quốc hiệu Đại Nam được đặt ra vào năm Minh Mệnh thứ 19 (1838).*

Vẫn biết những điểm nêu trên chưa phải là những khám phá tân kỳ, nhưng đã được các sử gia Việt Nam và ngoại quốc chuyên khảo về lịch sử Đông Nam Á chú ý và đem ra thảo luận nhiều lần.

Ngoài ra, chúng tôi có đưa ra một số giả thuyết để giải thích các sự kiện cho được hợp lý. Chúng tôi cũng biết rằng những giả thuyết hôm nay, ngày mai sẽ bị lỗi thời. Đó là sự tiến bộ của khoa học. Mong rằng các sử gia sẽ khám phá được nhiều dị biệt mới mẻ để giải quyết thỏa đáng những nghi vấn trong Việt Sử.

BỬU CẦM

1. AN NAM VÀ TRẤN NAM

Tháng 8 năm kỷ mão (679) là năm thứ nhất hiệu Điều Lộ 調露 đời Đường Cao Tông 唐高宗, nhà Đường mới đặt An Nam

đô hộ phủ 安南都護府 (1), phủ trị ở Giao Châu 交州, thống cả mười hai châu là: Giao 交, Lục 陸, Phong 峯, Ái 愛, Hoan 驩, Trường 長, Phúc Lộc 福祿, Thang 湯, Chi 芝, Vũ nga 武峨, Diễn 演 và Vũ an 武安 (2).

Nhưng hai chữ An Nam đã có từ đời Tam Quốc.

Nguyễn văn Tố có đề cập vấn đề này trong tuần báo Thanh Nghị, số 68, ra ngày 3.6.44 Nguyễn tiên sinh đã căn cứ vào Khâm Định Việt Sử thông giám cương mục và Đại Việt Sử Ký tiền biên (3) để quyết đoán rằng 2 chữ An Nam đã có từ năm 264, vì năm đónhà Ngụy cho Lữ Hưng 呂興 làm "An Namtướng quân, Giao Chỉ thái thú".

Nhưng theo sự khảo cứu của chúng tôi, thì Lữ Đại 呂岱 (năm 220) và Lục Dụê 陸胤 tức Lục Dận 陸胤 (năm 248) đã đượcphong chức An Nam tướng quân rồi. Việc này sử Trung Hoa chép rất rõ (4) nhưng sử takhông chép đến (5). Sử ta chép Lữ Hưng làmAnNam tướng quân (6), nhưng sử Trung Hoa không chép như vậy (7).

(1)
Khâm định Việt sử thông giám cương mục 欽定越史通鑑綱目 *(tiền biên, quyển 4, tờ 18a), cựu đường thư* 舊唐書 *(Địa lý chí* 地理志*, quyển 41, tờ 42a), Tân Đường thư* 新唐書 *(Địa lý chí, quyển 43 thượng, tờ 9b) và Thái bình hoàn vũ ký* 太平寰宇記 *(quyển 170, tờ 3a đều chép nhà Đường bắt đầu đặt An Nam đô hộ phủ vào tháng 8 năm Điều Lộ thứ nhất (679). Cựu Đường thư và Thái bình hoàn vũ ký còn cho ta biết thêm một chi tiết khá quan trọng bởi câu nầy: "調露元年八月改交州都督府爲安南都護府 =*

Điều lộ nguyên niên bát nguyệt, cải Giao Châu đô đốc phủ vi An Nam đô hộ phủ: Hiệu Điều lộ năm thứ nhất, tháng tám, đổi Giao Châu đô đốc phủ làm An Nam đô hộ phủ" Đại Việt sử ký toàn thư 大越史記全書 *(ngoại kỷ, quyển 5, tờ 3a) chép việc nầy vào năm 622 (hiệu Vũ Đức* 武德 *năm thứ năm đời Đường Cao Tổ* 唐高祖*); Đại Việt sử ký tiền biên* 大越史記前編 *(ngoại kỷ, quyển 6, tờ 4a) chép vào năm 650 (hiệu Vĩnh Huy* 永徽 *năm thứ nhất đời Đường Cao Tông); Hoàng Việt giáp tý niên biểu* 皇越甲子年表 *(quyển thượng, tr. 260 và 270 chép vào cả hai năm 622 và 679; Đường hội yếu* 唐會要 *(quyển 73, tờ 17a) choviệc đặt An Nam đô hộ phủ do chiếu chỉ n g ày mồng 7 tháng 3 năm Điều lộ thứ nhất (679) Hoàng giản lục* 弘簡錄 *(quyển 2, tờ 17b) ghi sự kiện này vào tháng 8 năm 681 (hiệu Khai diệu* 開耀 *năm thứ nhất đời Đường Cao Tông); H. MASPERO, trong bài Le Protectorat général d'Annam sous lesTang (BEFEO, t. X 1910, p. 550), cho rằng An Namđô hộ phủ được đặt ra vào năm 679 hoặc 681. Chúng tôi theo thuyết của Cựu Đường thư, Tân Đường thư và Thái bình hoàn vũ ký ; chắc Khâm định Việt sử cũng chép theocác sách ấy.*

(2)
Khâm định Việt sử, tiền biên, quyển 4, tờ 18a-19a, có lời cẩn án dẫn Ngô Sĩ Sử như sau: "Nhà Đường đổi Giao Chỉ làm AnNamđô hộ phủ; các châu Giao, Ái, Phúc Lộc, Hoan, Phong, Lục, Diễn và Trường, đều thuộc về quốc giới nước ta; còn như các châuThang Chi, Vũ Nga và Vũ An, vị tất đều là đất An Nam, song vì cương vực các châu ấy liền lạc với đất Nam giao, nên người ta cho thuộc về An Nam đô hộ phủ. Nay khảo cứu sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, thì thấy Trường châu là đất CửuChân tức là Thanh Hóa bây giờ, nhưng chưa rõ giới hạn của châu ấy. Theo Thanh nhất thống chí, Khâm châu có 3 huyện là Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hải, như vậy thì Lục châu thuộc Khâm châu, bảo rằng Lục châu thuộc địa giới nước ta e lầm. Thiên địa dư chí trong bộ Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú cho rằng Hưng Hóa làChi châu đời Đường, Tuyên Quang là Thang châu đời Đường, Thái Nguyên là Vũ Nga châu đời Đường, An Bang (tức Quảng Yên bây giờ) làVũ An châu đời Đường; chẳng biết thuyết ấy đã căn cứ vào đâu". Giao châu có 8 huyện: Tống Bình 宋平, Nam Định 南定, Thái Bình 太平, Giao Chỉ 交趾, Chu Diên 朱鳶, Long Biên 龍編, Bình Đạo 平道 và Vũ Bình 武平; Lục châu có 3 huyện: Ô Lôi 烏雷, Hoa Thanh 華清 và Ninh Hải 寧海; Phong châu có 5 huyện: Gia Ninh 嘉寧, Thừa Hóa 承化, Tân Xương 新昌, Cao Sơn 高山 và Châu Lục 珠綠; Ái châu có 6 huyện: Cửu Chân 九真, An Thuận 安順, Sùng Bình 崇平, Quân Ninh 軍寧, Nhật Nam 日南 và Trường Lâm 長林; Hoan châu có 4 huyện: Cửu Đức 九德, Phố'

Dương 浦陽 (Đại Nam nhất thống chí, quyển 14,tờ 2b,chép là Bồ Dương 蒲陽), Việt Thường 越裳 và Hoài Hoan 懷驩 (Đại Nam nhất thống chí,quyển 14, tờ 2b,chép là Hàm Hoan 咸驩) ;Trường châu có 4 huyện: Văn Dương 文陽 ,Đồng Thái 銅蔡 ,Trường Sơn 長山 và Kỳ Thường 其常 ;Phúc Lộc châu có3 huyện: Nhu Viễn 柔遠 ,Đường Lâm 唐林 và Phúc Lộc 福祿 ;Thang châucó 3 huyện: Thang Tuyền 湯泉 (Khâm định Việt sử,tiền biên,quyển 4,tờ 19b,chép là Dương Tuyền 陽泉),Lục Thủy 綠水 và La Thiều 羅韶 ;Chi châu có7huyện Hân Thành 忻城 ,Phú Xuyên 富川 , Bình Tây 平西 ,Lạc Quang 樂光 , Lạc Diềm 樂鹽 ,Đa Vân 多雲 và Tư Long 思龍 (Khâm định Việt sử,tiền biên,quyển 4,tờ 19b,chép là Ân Long 思龍); Vũ Nga châu có 7 huyện: Vũ Nga 武峨 ,Như Mã 如馬 ,Vũ Nghĩa 武義 Vũ Di 武夷 ,Vũ Duyên 武緣 ,Vũ Lao 武勞 và Lương Sơn 梁山 ;Diễn châu có 7 huyện: Trung Nghĩa 忠義 ,Hoài Hoan 懷驩 ,Long Trì 龍池 ,Tự Nông 思農 ,Vũ Lang 武郎 ,Vũ Dung 武容 và Vũ Kim 武金 ;Vũ An châu có 2 huyện:Vũ An 武安 và Lâm Giang 臨江 (Tân Đường thư,quyển 43 thượng,tờ 9b-11a. Đối chiếu với Cựu Đường thư,quyển 41,tờ 42a-46b).Hoài Hoan nguyên thuộc Hoan châu,đã được đổi tên là Diễn châu vào năm Trinh Quán 貞觀 thứ nhất(627)đời ĐườngThái Tông 唐太宗 ,sau đó lại bỏ đi, đến năm Quảng Đức 廣德 thứ 2(764) đời Đường Đại Tông 唐代宗 ,nhà Đườngmới chia Hoan châu và đặt lại Diễn châu(Khâm định Việt sử,tiền biên,quyển 4,tờ 20b ; Đại Nam nhất thống chí,quyển 14,tờ 2ab). Giao châu,do nhà Hán đặt ra,nguyên gồmcó 7 quận: Nam Hải 南海 ,Uất Lâm 鬱林 Thương Ngô 蒼梧 ,Giao Chỉ 交阯 , Hợp Phố 合浦 ,Cửu Chân 九真 và Nhật Nam 日南 ;Phong Châu,nay làđịa hạt các phủ Vĩnh Tường và Lâm Thao tỉnh Sơn Tây,chứ không phải chuyên chỉ 1 huyện Bạch Hạc như Đại Việt sử ký toàn thư , (ngoại kỷ,quyển 1,tờ 3a)đã chép; Ái châu nguyên là quận Cửu Chân,đến năm Phổ thông 普通 thứ 4(523)đời Lương Vũ Đế 梁武帝 mới đặt làm châu Ái,nay là địa hạt tỉnh Thanh Hoá;Chi Châu,xưa là bộTân Hưng,nay là tỉnh Hưng Hoá;Diên Châu, xưa là bộ Việt Thường,nay là phủ thuộc tỉnh Nghệ An;Phúc Lộc Châu thuộc địa giớitỉnh Thanh Hóa ngày nay,nhưng chưa biết đích xác chỗ nào;Trường châu và Thang châuxưa thuộc bộ Vũ Định,nay là tỉnh Tuyên Quang Vũ Nga châu,xưa thuộc Vũ Định,nay làtỉnh Thái Nguyên(khâm định Việt sử,tiền biên, quyển 1,tờ 1b-2a; quyển 3,tờ 33a;quyển 4 tờ 20ab).Đời Đường,Giao Châu gồm cả Hà Nội,Bắc Ninh và Nam Định ngày nay; Phong châu gồm đất 2 tỉnh Sơn Tây,Vĩnh Yênngày nay;Trường châu là đất tỉnh Ninh B ì n h ngày nay; Ái châu là tỉnh Thanh Hóa bây giờ; Hoan châu là tỉnh Hà Tĩnh bây giờ ; Diễn châu là đất Nghệ An bây giờ;PhúcLộc châu là phần đất Đông Nam tỉnh Nghệ A n cho đến địa giới tỉnh Hà Tĩnh ngày nay ; Lục châu là phần đất tỉnh Lạng Sơnđến tỉnh Quảng yên ngày nay; Thang châu nay là tỉnh Tuyên Quang; Chi châu nay làtỉnh Hưng Hóa; Vũ Nga châu nay là tỉnh Th á i Nguyên; Vũ An châu thuộc tỉnh Quảng Yên ngày nay (LƯ SĨ BẰNG 呂士朋 ,Bắc thuộc thời kỳ đích Việt Nam 北屬時期的越南, Hương Cảng,Trung văn đại học Tân Ánghiên cứu sở,xuất bản,1964,tr.123-124).

(Còn tiếp)

TRUYỆN HƯNG ĐẠO VƯƠNG

Lê văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm 1914.

Học giả Mặc Khách sưu lục

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Thái sư thượng phụ một sớm lên tiên,
Trần triều đại vương nghìn thu hiển thánh

Vua có ý quyến luyến Hưng Đạo vương thường thường sai người đến thăm nom, Hưng Đạo Vương thỉnh thoảng cũng vào chầu vua.
Một bữa vào độ canh hai, đêm hôm ấy trên không quang đãng, sao sáng rực trời. Vua nhân lúc thanh nhàn, ra sân ngắm xem thiên văn. Sực thấy một ngôi tướng tinh cực to, từ đông bắc bay vụt sang tây nam, rồi sa xuống đất, ánh sáng lòe ra 10 trượng. Vua thất kinh, không biết là điềm hay dở làm sao.
Sáng hôm sau, vua ra ngự triều hỏi các quan rằng:
- Đêm hôm qua là 24 tháng sáu, có ngôi sao to sa xuống ở góc tây nam, các quan có ai biết là điềm gì chăng?
Phạm Ngô bước ra tâu rằng:
- Ngôi tướng tinh sa là điềm nhà nước mất một vì lương đống. Đêm qua, chúng tôi cũng có trông thấy ngôi sao sa từ mé đông bắc, chắc là ứng vào Hưng Đạo đại vương, thiết tưởng ngài cũng không thọ được bao lâu nữa.
Vua thấy nói không vui lòng. Kíp sai quan đi thăm Hưng Đạo vương. Hôm sau sứ giả về báo rằng: Hưng Đạo vương phải bệnh từ đêm hôm ấy.

Vua thất kinh, lập tức ngự giá thân sang Vạn Kiếp thăm bệnh ngài.
Khi ấy Hưng Đạo vương mệt nặng, các con và các gia thần hầu hạ xung quanh, không dám dời ra lúc nào. Sực báo có ngự giá đến. Bốn vị vương tử cùng ra nghinh tiếp. Hưng Đạo vương sai người đỡ mình dậy.
Vua vào nhà trong, thấy ngài mệt lắm, nói rằng:
- Trẫm ở trong cung, không ngờ thượng phụ quí thể lại bệnh trọng thế nầy.
Hưng Đạo vương tâu rằng:
- Lão thần năm nay đã ngoài 70 tuổi, thế là đã thọ, dù chết cũng không hối hận gì nữa.
- Thượng phụ là lương đống nhà nước, mong sao hưởng thọ được lâu dài, cho trẫm trông cậy.
- Bệ hạ chớ lo, lão thần tuy không được ở lại báo đáp quốc ân, nhưng còn nhiều người hiền tài giúp được bệ hạ.
- Thượng phụ một mai khuất núi, phỏng có quân bắc lại đến xâm nhiễu, thì làm thế nào?
- Nước ta tự thuở xưa Triệu Võ vương dựng nước, Hán đế đem binh đến đánh. Võ vương sai dân đốt sạch đồng áng, không để đồ lương thảo cho giặc chiếm được; rồi đem đại quân sang châu Khâm, Liêm đánh quận Tràng Sa, dùng đoản binh mà đánh được, đó là một thời. Đến đời Đinh, Lê, nhiều người hiền lương giúp đỡ, bấy giờ nước Nam ta đang cường, vua tôi đồng lòng, bụng dân phấn trấn; mà bên Tàu đang lúc suy nhược cho nên đắp thành Bình Lỗ (thuộc Thái Nguyên), mà phá được quân nhà Tống, đó lại là một thời. Đến đời nhà Lý, quân Tống sang xâm, Lý đế sai Lý Thường Kiệt đánh mặt Khâm, Liêm, dồn đến Mai Lĩnh, quân hùng tướng dụng, đó là có thể đánh được. Kế đến bản triều, giặc Nguyên kéo đến vây bọc bốn mặt may được vua tôi cùng lòng, anh em hòa mục cả nước đấu sức lại mà đánh, mới bắt được

tướng kia,cũng là lòng trời giúp ta mới được thế.Đại để: Kẻ kia cậy có tràng trận mà ta thì cậy có đoàn binh; lấy đoàn chống nhau với tràng,phép dùng binh thường vẫn phải thế.Còn như khi nào quân giặc kéođến ầm ầm,như gió như lửa,thế ấy lại là dễ chống.Nếu nó dùng cách dần dà,như tằm ăn lá,thong thả mà không ham của dân,khỏi cần lấy mau việc,thế ấy mới là khó trị;thì ta nên ủy dùng tướng giỏi,liệu xem quyềnbiến vì như đánh cờ,phải tùy cơ mà ứng biến, cốt dùng được binh phải động lòng như cha con một nhà,thì mới có thể đánh được.Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì,khoan sức cho dân,để làm kế sâu rễ bền gốc,đó là chước giữ nước hay hơn cả đấy.
Vua chịu lời ấy là rất phải.
Hưng Đạo vương lại nói rằng:
- Lão thần cõi thọ đã hết,xin bệ hạ nghĩ việc nhà nước làm trọng,lão thần từ đây không được chầu bệ hạ nữa đâu.
Vua xót xa,từ giã ra về cung.
Các vương hầu và văn võ các quan,ai nấy cùng đến hỏi thăm.Hưng Đạo vương nhấtnhất cảm tạ lòng các quan,và dặn lại rằng:
- Ta nay hết lộc,không được cùng với các quan lo việc nước nữa,các quan nên đồng lòng thờ vua giúp nước,phải giữ trunghiếu làm đầu mới được.
Các quan ai nấy vâng lời tự ra.
Hưng Đạo vương gọi con trưởng là Hưng Võ vương Nghiễn vào dặn rằng:
- Sau khi ta mất,không được cho Quốc Tảng vào khâm liệm,đợi khi nào đậy áo quan rồi sẽ cho nó vào.
Vì từ khi xưa An Sinh vương có hiềm với Thái Tôn,có dặn ngài tranh lấy thiên hạ. Đến lúc quân Nguyên vào cõi,quân quyền về cả tay ngài,ngài mới đem lời An Sinh vương bảo với gia tướng là Dã Tượng,Yết Kiêu. Hai người đáp rằng: "Làm như thế thì phú quí được một thời,nhưng để tiếng xấunghìn năm.Nay đại vương cũng đã phú quí rồi,sao nỡ làm thế.Chúng tôi xin chết già làm đầy tớ đại vương,chớ không muốn mang tiếngbất trung,bất hiếu,mà cầu làm quan to". Ngài nghe nói xong,động lòng rớm nước mắt.Ngài lại hỏi Hưng Võ vương Quốc Nghiễn rằng: "Cổ nhân giầu có cả thiên hạ,để truyềncho con cháu,bụng con nghĩ thế nào?" Quốc Nghiễn thưa rằng: "Phận làm tôi không nên thoán nghịch,giả vua khác họ cũng còn không nên,huống chi là cùng một họ".Ngài lấylời ấy làm phải.Lại hỏi đến con thứ là Hưng Nhượng vương Quốc Tảng.Quốc Tảng thưa rằng: "Ngày xưa vua Thái Tổ nhà Tống vốn là một ông lão làm ruộng,còn biết thừa thời tranh cướp,để lấy thiên hạ,huốngchi phụ thân bây giờ binh quyền ở cả trong tay việc gì mà chẳng lấy".Ngài nổi giận rút ngay gươm ra kể tội Quốc Tảng là bất trung bất hiếu,toan đem chém ngay.Quốc Tảng khóc lóc chịu tội,các tướng cản ngănNgài mới tha.Bởi thế ngài vẫn ghét,đến bâygiờ dặn không cho vào khâm liệm.

Bệnh ngài dần dần mỗi ngày một nặng, qua sang tháng sau ngài mất.Bấy giờ là ngày 20 tháng tám năm Canh Tý,niên hiệu Hưng Long thứ tám(niên hiệu Đại Đức thứ tưVua Thành Tôn nhà Nguyên,lịch tây 1300),ngài thọ được 75 tuổi.
Có thơ tán rằng:

Trung hiếu lòng son tự tính thành,
Anh hùng ra sức chống giời xanh.
Gươm thần một lưỡi kinh hồn giặc,
Ngựa sắt nghìn thu vững cõi mình.
Đền Kiếp bia cao truyền sự nghiệp,
Sông Đằng sóng cuốn hiển uy danh.
Giời Nam hương tỏa còn ghi nhớ,
Oanh liệt kia kìa dấu hiển linh!

Hưng Đạo vương mất rồi,các vương tử sai người về kinh đô báo phó.Vua bấy giờđang ngự đến Tuyên Thất,nghe tin ngài mấtthan khóc nói rằng:
- Thượng phụ vì nhà nước mặc áo giáp cầm đồ binh,quét sạch bụi rợ Hồ,đem lại thần kinh,phủ yên trăm họ,nay bỏ trẫm mà đi, trẫm bao giờ lại được người yêu vua lo nước như là thượng phụ nữa?
Thượng hoàng và hoàng thái hậu cũng khóc, các quan ai nấy cảm thương,dân gian xa gần xụt xùi sầu thảm,tựa hồ như mất cha mẹ.Vua sai bãi chầu 10 ngày,bắt văn võ trăm quan cùng phải để chở.Vua lại nghị giá ngồi xe mộc,ngựa trắng,thân đến Vạn Kiếp coi việc trị tang.Sai các quan dùng hậu lễ rước ma táng ở trong vườn An Lạc. Vua về triều giáng chiếu truy phong ngài là: *Thái sư thượng phụ,Thượng quốc công, Bình Bắc đại nguyên súy,long công thịnh đức,vĩ liệt hồng huân,nhân võ,Hưng Đạo đại vương*.Sai thợ dùng gỗ bạch đàn,chếra tượng ngài,để thờ trong đền Vạn Kiếp.Lại sai lập miếu thờ ở quê ngài là làng Tức-Mạc,phủ Thiên Trường,bốn mùa sai quan tế bái.
Ngài thực là một người hết lòng với vua

với nước,tuy rằng uy quyền lừng lẫy, m à vẫn giữ chức phận làm tôi,không dám điều gì kiêu ngạo.Đang khi quân Nguyên q u ấy nhiễu,ngài cầm binh quyền,Thánh Tôn,Nhân Tôn cho ngài được chuyên quyền phongtước trừ ra chỉ tự tước hầu thì cho ngài phong trước rồi mới tâu sau.Thế mà ngài không dám tự tiện phong thưởng cho ai chút nào. Phàm các nhà giàu,ngài có quyền tiền gạo để cấp cho quân ăn,thì ngài chỉ phongcho làm Gia lang tướng mà thôi,đó là ngàigiữ phận làm tôi cẩn thận như thế.Bởi t h ế ngài mất đi,từ vua quan cho chí báchtính ai cũng thương tiếc.

Từ khi lập đền ở Vạn Kiếp,hai xã Vạn An, Dược Sơn ngày đêm đèn hương phụng s ự. Ngài thường hiển linh trừ tà trị bệnhcứu độ nhân dân.Khi nào có giặc,triều đ ì nh sai quan đi đánh,thường đến cầu đảo, h ễ thấy thanh kiếm thờ trong đền tự n h iên rung động,thì khi ấy tất thắng trận.
Nhân dân nhiều nơi lập đền thờ phụng,lịch triều có sắc phong ngài là Thượng đ ẳ ng tối linh thần.
Phụ thân ngài được truy phong làm K h âm minh đại vương.
Mẫu thân ngài truy phong làm Thiện đ ạ o quốc mẫu.
Phu nhân ngài là Thiên thành thụy dương, ngọc nhất,trưởng công chúa cũng đượctruy tôn làm Nguyên từ quốc mẫu.
Các con ngài là Hưng Võ vương QuốcNghiễn Hưng Hiến vương Quốc Úy,Hưng Nhượng vương Quốc Tảng,về sau cũng được phong làm đại vương.Con thứ tư là Hưng Trí vương Nghê từ khi đánh Nguyên trở về đến làng Chung Mỹ huyện Thủy Đường tỉnh Hải Dương (Thủy Đường bây giờ thuộc tỉnh Kiến An), chiêu mộ lưu dân,cho tụ tập làm ăn.Về sau mất đi,dân ở đấy lập miếu phụng tự,lịch đại có sắc phong làm phúc thần.

Các bộ tướng của ngài: Phạm Ngũ Lão v ề sau lại đánh Ai Lao,Chiêm Thành có công được phong làm Điện tiền thượng t ư ớ ng quân.Sau khi mất,làng Phù Ủng lập m i ếu thờ làm phúc thần.
Yết Kiêu về sau cũng được phong tặng làm Tinh mục hiển minh chiêu ứng đại vương, làm thành hoàng làng Hạ Bì(thuộc h u yện Gia Lộc,tỉnh Hải Dương).
Nguyễn Chế Nghĩa về sau lấy con gái vua Anh Tôn là nàng Nguyệt Hoa công chúa,lúc mất được phong làm An nghĩa đại v ư ơng.
Làng Kiêu Kỵ(thuộc Bắc Ninh)nhận t h ấ y linh ứng,lập miếu thờ làm thành hoàng.
Còn các tướng cũng được phong tặng, tông tự ở trong đền Vạn Kiếp.

Kể từ năm Đinh Tỵ Nguyên phong thứ b ả y (1257) ngài mới bắt đầu phụng mệnh đánh giặc,đến năm nay là năm giáp dần (1914), trục tính được 657 năm,mà miếu mạo uy danh ngài lại nguy nga hơn trước.N g à i thực là một bậc đại anh hùng nước Nam. Đó là:

Đông a vận mở giời sinh thánh,
Nam hải danh thơm sử tạc bia.

Hồi sau sẽ lục những bài văn tán.

(Còn nữa)

Dịch lý
Sào Nam Phan Bội Châu

NẠI SƠN sao lục

THUỶ PHONG TỈNH

TỰ QUÁI

KHỐN HỒ THƯỢNG GIẢ TẤT PHẢN HẠ CỐ THỤ CHI DĨ TỈNH

Sau quẻ khốn tiếp lấy Tỉnh là vì cớ sao ? Khốn ở sau Thăng,Thăng lên cuối cùng tất nhiên Khốn,Khốn ở chốt vót cao,tất p h ải ngã mà sụp xuống dưới,vậy nên sau K h ố n tiếp lấy Tỉnh(Tỉnh là giếng,giếng là chốn thấp hơn hết).

Theo như tượng quẻ,Khảm là tượng nước,Tốn là tượng gỗ,vả lại tốn có nghĩa là vào,đồ gỗ dùng vào dưới nước mà đưa lên,tượng là như múc nước dưới giếng.Lại theo như tượng sáu vạch,vạch sơ dưới hết đứt đôi,t ượng như lỗ nước mạch chảy lên,chính giữa hai nét dương là nét liền,tượng là lòng giếng trữ nước,trung gian có một hào âm là cái lòng trống để lấy nước.Lại lên nữa là hào Ngũ cũng là nét dương,là tượng cái vật để đậy giếng,trên hết một nét đứt trống, l à tượng cái miệng giếng,nên đặt tên quebằng Tỉnh.

SOÁN TỪ

CẢI ẤP,BẤT CẢI TỈNH,VÔ TẢNG VÔ ĐẮC, VÃNG LẠI TỈNH TỈNH,NGẬT CHI,DIỆC VI DUẬT TỈNH, LỤY KỲ BÌNH,HUNG.

Tuyên văn quẻ nầy chỉ mượn bằng một sựvật mà thí dụ vào đạo lý,nên quái từ mỗi câu,, thảy ngầm một ý nghĩa ngoài chữ.Đây c h ỉ theo giữa mặt chữ mà giải thích cho r õ nghĩa đen.Còn ý nghĩa với đạo lý,thời xin độc giả phải nhận xét kỹ để se hiểu thêm.

Tỉnh là giếng,hễ có làng xóm nơi nào, tất chốn ấy có người ăn nước,có người ăn nước tất phải có giếng,nhưng làng xóm có k h i thay dổi,mà giếng ở đâu thời thường ở đấy, chẳng bao giờ thay dổi.Giếng vì thường ở nhất định như thế mà thường thường c ó nước mạch chảy ra hoài,nên nước đi màkhô thấy kiệt,chứa lại mà không thấy t r àn, thiệt là không mất cũng không được. (Vô tảng vô đắc). Hai câu ấy là nói bản thể của giếng.Còn nhưng công dụng của giếng, thời những kẻ qua người lại tất thay l à thấy giếng mà nhận bằng giếng.Hễ muốn đ ó nước uống tất phải lại giếng ngay (vãng lai tỉnh tỉnh)

Tảng,nghĩa là mất; đắc,nghĩa là đ ư ợ c; vãng nghĩa là qua,là người múc được nước rồi mà đi; lại,nghĩa là lại,nghĩa là ng. toan múc nước mà tới; cải ấp bất cảitỉnh là chốn ở của giếng vẫn nhất định;Vôtảng vô đắc,nghĩa là đức tính của giếng v ẫ n hữu hàng; vãng lai tỉnh tỉnh,là côngdụng của giếng đầy khắp mà xuất ư vô tâm.

Người vãng chẳng bao giờ giếng có cự,ngỡ lại chẳng phải giếng có mới,giếng chỉ lo làm hết công việc,của giếng mà thôi, nên nói rằng: tỉnh tỉnh -(Tỉnh kà Tỉnh)

Đạo trời đất trong vũ trụ,mặc dầu c u ộc đời đổi thay thói đời sốt lạnh,mà đ ạ o trời đất vẫn cứ y nhiên.Thế là:Cải ấpbất cải tỉnh.Ấp là nhân tạo,tỉnh là t h i ên nhiên,biến đổi là nhân tạo,không biếnđổi là thiên nhiên,đó là nguyên lý của t ạ o hóa.Nguyên lai,vẫn có sẵn là phần h ữ u tướng,nên không bao giờ mất,là Vô tảng . Nguyên lai,chỉ hư không là phần vô hình, nên không bao giờ thấy được,là vô đ ắ c. Nhưng mà đã vô tảng,thời cần gì nói v ô đắc,vì có tảng mới nảy ra đắc,có đắc mới nảy ra tảng,vô tảng vô đắc,chính là đạo lý vẫn tự nhiên,hữu thường,Tuy nhiênchân lý vẫn bất dịch vừa tự nhiên như thế,nhg mà công dụng lại rộng lớn phi thường,dọc

tử xưa tới nay,ngang từ đông chí tây,chẳng một sự một vật gì mà chẳng sinh hoạt trong vòng chân lý,kết quả trời vẫn là trời,đất vẫn là đất;vạn vật đội ơn che chở mà quên cả ơn trời đất,lại là công dụng,xuất ư vô tâm có khác gì vàng lai tinh tinh nữa đâu.

Nguyên lý trời phú dữ cho ta mà gọi bằng tính,không bao giờ thay đổi,thế là bấtcải tính,chân tính đó theo về Phật học,t h ời cũng gọi Phật tính,bất sinh bất diệt, tức là vô tăng vô đặc,noi theo tính ấy mà gọi bằng Đạo,kẻ dị vãng người phướng lai,cũng chỉ đi vào đường ấy mà thôi là vãng l a i tính tính.

NGẬT CHỈ DIỆC VỊ DUẬT TỈNH,LUY KỲ BÌNH , HUNG.

Trên ấy nói về thiên đạo là thuộc về phần lý tưởng với tự nhiên,bây giờ nói về nhân sự là thuộc về phần thực tế và đuongnhiên - cũng chỉ thụ thì bằng người múc n ư ớ c giếng.

Hễ làm một việc gì,tất phải làm cho đ ế n thành công,vô luận thờ một chủ nghĩa g ì hay mưu một sự nghiệp gì tất phải làm cho tới nơi,mới thấy được kết quả của việc ấy nếu giữa dương mà vứt quách hoặc gần tới nơi mà nghỉ bỏ,thời tuy chưa thất bại m à cũng gọi là thất bại.Tỷ như: người đi múc nước giếng mà sắp sửa tới nơi; nhưng chưa kịp giộng giây gàu xuống giếng,mà t h ình lình vớ nút cái bình dựng,nước,tế ra cộng đi tới giếng hoàn toàn hoang rào,chănguống công làm sao?

Chúng ta xem mấy câu thí dụ ấy,thời biết được chương trình làm việc có ba giaiđoạn. Đoạn thứ nhứt phải,dò thăm cho ra giếng . Đoạn thứ hai,là phải cố công đi cho t ớ i giếng và dụng công dòng dây xuống giếng , bao giờ múc được nước mới thôi.Đoạn thứba là trong thời gian ấy phải hết sức c ẩ n thận,giữ gìn khí cụ vật liệu mình làm,chớ để nửa đường đổ bể; nếu không luy kỳ bình thời chắc chắn nước về tới nhà,chẳng phải là thành công hay sao?

Đau đớn thay! Nước chưa kịp múc xong m à bình đã vỡ đổ,công phu đi tới giếng hóara dã tràng xe cát biển đông,vậy nên n g ười tu chỉ lập thân ra làm việc thiên hạ, cần có tay đại đởm mà cũng cần phải cẩ d ụ ng tâm,đó là thâm ý của quái tư dạy cho chúng ta.

SOẠN TRUYỆN

TỒN HỒ THUỶ NHỊ THƯỢNG THUỶ,TỈNH; TỈNH DƯỢNG NHỊ BẤT CỰNG DÃ,CẢI ẤP BẤT C Ả I TỈNH,NÃI DỊ CƯỜNG TRUNG DÃ;NGẬT CHỈDIỆC VỊ DUẬT TỈNH,VỊ HỮU CÔNG DÃ;LUY KỲ BỈNH THỊ DỊ HUNG DÃ.

Tồn,nghĩa là nhập;nhập là vào,đổ mộcđuà vào nước mà,đưa nước lên,là tên n g hĩa que tỉnh,tỉnh là giếng.Giếng nuôi người ta mãi mãi mà chẳng bao giờ cùng.

Cải ấp bất cải tỉnh,là vì đức giếng hữu thường,nên công dụng được rộng lớn, nà. mà có đức được như thế,tất hạng ngườicó đức cương trung như hào Nhị và hào Ngũ đó vậy.Tuyên que duy có hào Nhị và hào Ngũ đương cương đắc trung.Bởi vì,có đức cương trung nên cũng hữu thường như đức giếng.

Tiết thứ hai,quái tử lại mượn việcngười gánh nước mà thí dụ bằng nhứt thiết làm việc đời,hễ việc làm chưa xong cũng như chưa làm,tuy có đến giếng mà chưa dòng dây gàu xuống giếng cũng như chưa c ó công dụng gì,mà vứa bị mất bình đ ự n g nước,còn kể gì được công gánh nước nữa ư.Vì thế mà mắc lấy hung xấu đó vậy.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

MỘC THƯỢNG HỮU THUỶ.TỈNH,QUÂN TỬ,DĨ LẠO DÂN KHUYẾN TƯỢNG.

Đại tượng tryện ở đây,lại lấy một nghĩa đặc biệt,mà không lấy nghĩa bằng n ư ớc giếng.Vì xem ở thể que,Tốn là Mộc, khảm là thuỷ,thuỷ ở trên mộc; nghĩa là ởtrên cây có nước,Cây là một giống sinh vật , hấp thụ tất thảy khí ở dưới đất thànhra tân dịch,mà đưa lên trên ngọn cây,n ê n trên cây thường có giọt nước ở đầu giọt lá.Thế cũng như nước mạch ở trong giếng chảy ra;mới đặt tên bằng que tỉnh.

Người quân tử xem tượng ấy mới biếtrằng loài người sinh trưởng với nhau,cũngcần có nuôi nhau,làm người trên tất p h ả i nuôi dân,nên thường phải an ủi phủ tuất dân luôn luôn.Chẳng những nuôi dân m à thôi,mà lại cần phải khuyến dụ cho dân, bày vẽ cho bằng cách giúp đỡ lẫn n h au trong tình yêu thương hòa ái.

(Còn tiếp)

Bức tâm thơ

Đọc bức TÂM THƯ,nắng dậm nhiều
Gửi hồn cô lẻ ánh cao siêu
Thanh nhiên trong suốt màu Xuân thắm
Hoa lá reo bay dáng mỹ miều

Đảnh lễ Người Thân kính vô ngần
Gửi Trời Tinh Khiết của mùa XUÂN
NGUYỄN... ĐI! Đi mãi ĐƯỜNG vời vợi...
VIÊN MÃN hôm nao, ĐẠI NGUYỆN thành

Đây,cả hồn ai gửi cho đời
Xây trời hoan lạc khắp nơi nơi
Từ Bi xoa dịu nguồn đau đớn
Thế thái,nhân sanh TRÍ ÁNH NGỜI

DUYỆT THẤT,ơn sâu phủ ĐẠO Mầu
Thiền môn nghiêm tịnh chốn thâm sâu
THIỀNG Lâm an lặng,Nguồn từ ái
Tuôn chảy cao sơn tiếng nguyện cầu...

Đọc bức Tâm Thơ ước nguyện nhiều
NGƯỜI ƠI... ,NGƯỜI THẬT Ánh Cao Siêu
ĐI... ,ĐI... ;Đi mãi ĐƯỜNG vời vợi...
Soi chiếu nhân gian Ánh tuyệt vời

Tôi với NGƯỜI THÂN vốn MỘT NGUỒN
Bạn ĐƯỜNG Chân Lý chốn Thiền Môn
Cách xa muôn dặm,kìa! Sông núi
Xa cách chi đâu hướng âm vờn...

CHÂN ẢNH dời tôi dấy: CÓ NGƯỜI
HÌNH HÀI Bất Diệt khắp nơi nơi...
HỮU - VÔ,THƯỜNG - CHUYỂN,nào ai BIẾT!
Chỉ BIẾT Trăng thu ÁNH TUYỆT VỜI

.....

Tịch tịnh THUYỀN trôi ĐẬU BẾN NGỜI
Như như,an lạc bóng hình "TÔI"
Sáng,trong,lặng VẮNG trời U - SÁNG!
Nhịp,diệu an nhiên đến VẠN ĐỜI...

HUỲNH THẠCH SƠN (La Roche d'Or)
Pháp quốc,một sáng mùa Xuân...

T.N. TRÍ TÁNH

Khóc Bạn

Sư Cô Thích nữ Trí Tánh đã ra đi.Để lại cho Đạo và Đời những hoa lá cỏ cây... những trăng sao gió núi... những hạc nội mây ngàn của cõi Diêm phù.Cho nắng sớm mưa chiều dậy nỗi cô đơn và sầu thảm.Trong đó,hồn thơ đang nức nở nghẹn ngào.Hai năm về trước,tôi được diện kiến cùng người vào mùa Phật Đản tại Chùa Khánh Anh.Sư cô có bảo với tôi rằng : - Đời mình,không bao giờ oán hận thế gian nhưng...

Có những niềm đau khá dậm dà
Trần ai năm tháng có phôi pha
Mang chi thân liễu ngàn sầu thảm
Nghiệp nợ nhân sinh tợ hải hà

Trong tình đạo bạn.Hay tin quá muộn màng. Không nói được gì trước giây phút chia ly. Và bây giờ...

Người đã xa rồi tôi ở đây
Đêm đêm thao thức suốt canh chầy
Ôn lại xa xưa buồn kỷ niệm
Thương về góc biển nhỏ ven mây...

Để có một chút gì gọi là đưa tiễn Giác linh người quá cố về nơi Lạc cảnh.

Nghìn thu một giấc im lìm
Con đò vĩnh biệt đã tìm sang sông
Xa xưa má thắm môi hồng
Xuân xanh héo hắt liễu lồng trăng khuya
Bụi trần ai nỡ sớt chia
Cho người dương thế.Sầu bia miệng đời
Phồ phường giờ đã quên hồi
Trời Âu phủ kín ngàn lời Thi nhân
Giác linh xin nhận chút phần
Hương lòng khấn nguyện một lần riêng tôi
Chân như nay đã gần rồi
Vô thường còn đó xa xôi ngút ngàn
Nhiều đêm đối bóng trăng vàng
Nhạt nhòa sương lệ đôi hàng rưng rưng
Sanh già bệnh chết không ngừng
Trần ai sạch nghiệp gượng mừng thế thôi

THÍCH NỮ DIỆU ÂN
Mùa Đông Quý Hợi 83

TIẾNG GỌI MÙA THU

Mùa Thu đến sáng ngời tình cây cỏ
Vạn màu xanh chuyển đổ một niềm Tin
Rằng: mai đây khi ánh hồng rạng tỏ
Chiếu ngập hồn ai đó ánh Thanh Bình!...

Mùa Thu đến chuyển mình trên "hoang đảo"
Chuyển thời gian,đổi áo,lá vàng rơi...
Lá bay đi cho lòng thấy tới bời
Trôi chảy mãi... giòng đời... ôi! hư ảo!!

Mặt thế gian thấy mùa Thu đang chết
Thở than rằng Thu đến để mà đi...
Ai,hỡi người hiểu lý Đạo Huyền-vi!
Có chi đổi hay bất di bất dịch ?

Mùa Thu đến tiếng cười vang cây lá
Sao hồn ta tỏ rạng ánh bình minh
Tiếng thời gian còn đây ! Tiếng vô hình,
Lắng đọng lại trong phút giây bất diệt !

Mùa Thu đến tiếng chim vang diễm tuyệt
Hát ca lời giải thoát đến cùng ai
Hãy lắng nghe trong bất động ban mai
Ôi, Bản-Thể hiện bày trong giây lát

Kìa ! Bản-Thể và tôi đâu có khác !
Chung quy về trong một,.. lại là hai !
Mà hình như "Người" xuất tự đêm dài...
Huy đã đến một mai hồng nắng sớm ?

Tôi không biết đường đi và nẻo đến
Đã đưa "Người" hiện hữu tại trong tôi
Tôi lắng Nghe và chỉ Biết thế thôi
Mà tìm hiểu làm sao ai hiểu được ?

Mùa Thu đến trên trường đời Ô trược
Tiếng "Người" vang vang mãi tận chân trời
Tôi "nghe" hoài tiếng ấy hỡi người ơi
Niềm an ủi,ôi... lòng thương nhân loại !

Mùa Thu đến một mùa Thu bất hoại
Đã có "Người" hiện hữu tại trần gian
Tôi "Thấy" rồi,nhưng bao kẻ mơ màng
Tìm Chân Lý trong bao tàn tâm thức,

Trong tham lam,sân hận với si mê,
Trong âm u không biết nẻo đường "về"
Trong lợi,danh,sắc,tướng quá đề mê
Sao biết được có "Người" đang đứng đợi !

Mùa Thu đến với tiếng cười Trí Tuệ
Đây, ! Bài ca Bản-Thể rộn hồn ai
Tỉnh thức rồi ! một buổi sớm ban mai
Sung sướng quá,ta Ca bài Bất Diệt...

Mùa Thu đến áo ai đà thay mới
Từ đây lòng không dối đối tác gang
Chỉ bỏ đi những phiền phức bên đàng
Trút gánh nặng luôn mang từ muôn kiếp !

Mùa Thu đến,một mùa Thu diễm tuyệt
Thấy kiếp người thương quá nhỉ lòng ai
Lấy từ bi hỷ độ khổ muôn loài
Ai cần đến,ta Ca Bài Giải Thoát !

Mùa Thu đến sáng ngời Tình Nhân Loại
Vạn sầu đau chuyển lại một niềm Tin
Rằng : Tìm đâu xa lạ Ánh Thanh Bình
Trong mọi vật Thiên Thu đà hiện hữu !!!

16-6-1981 - Rằm tháng Năm
TÂN DẬU
THÍCH NỮ TRÍ TÁNH

XUÂN NAY

Xuân đến,lòng ta hãy ngẩn ngơ
Ngày tháng qua mau chẳng đợi chờ !
Biết chúc gì đây cho bá tánh ?
Ngại ngùng giấy mực,ngại lời thơ !

Thế Sự đa đoan đầy khổ hải
Lòng ta thao thức đến bao giờ.
Tỉnh giấc Nam Kha vì ác mộng
Thương đời Tang Hải vẫn lầm mơ...

Muốn theo Ngài Táo lên Thượng giới
Nhìn xuống dương gian một cuộc cờ :
Mà xem vương bá đi đâu vắng
Sĩ tốt lao nhao chật cõi bờ !
Xâu xé giựt dành,danh với lợi
Ngậm máu phun nhau,tước với quyền.
Thần Thánh ngậm ngùi đành ẩn dật
Quỷ ma thỏi mặc sức nghênh ngang.

Long Hoa hội ấy còn xa lắc
Thiên địa hôn mê buổi mạc kỳ.
Có kẻ âm thầm rơi nước mắt
Thương đời không một chút nào khuây !

THI NGUYÊN

Đài Bắc đầu năm 84

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev.Thích Như Điển

KAPITEL IV

Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode oder die Dreifache Zuflucht (ti-sarana)

A. Zur Einführung

B. Themen:

I. Begriffe und derren Bedeutungen.
Was versteht man unter:
1) die Zufluchtnahme(sarana)
2) die Drei-Kleinode(ti-ratana)
3) die Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode(ti-sarana) oder die Dreifache Zuflucht.

II. Drei Stände von Drei-Klienode
1) Gleicheingenschaftliche Drei-Kleinode
2) Die Welt verlassende Drei-Kleinode
3) Weltlich verweilende Drei-Kleinode

III. Der äußere Sinn der Dreifachen Zuflucht
1) Zuflucht zum Buddha(der Erleuchtete)
2) Zu Flucht zum Dharma(Lehre)
3) Zuflucht zum Sangha(Mönchsorden)

IV. Der innere Sinn der Dreifachen Zuflucht.
1) Zufluchtnahme zum Buddha
2) Zufluchtnahme zum Dharma
3) Zufluchtnahme zum Sangha

V. Die Feierlichkeit der Dreifachen Zuflucht.
1) Der Zufluchtnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist säubern und besänftigen.
2) Seine Willen zur Dreifachen Zuflucht vor Drei-Klienode klar und deutlich sprechen.

VI. Die Wohltaten der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode.
1) In Unwissenheit des weltlichen Weges nicht verfehlen,in das Meer des Leidens nicht untergehen.
2) Die Willen zur Dreifachen Zuflucht dienen zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zufluchtnehmers,da Buddha und Mönchsorden diese bezeugen.

C. Schlußfolgerung.
Buddhistische Anhänger sollen den zweifachen Sinn der Dreifachen Zuflucht ins Herz nehmen,und sie klardenkend fortschreiten.

(Fortsetzung)

V. DIE FEIERLICHKEIT DER DREIFACHEN ZUFLUCHT

Nach Kenntnisnahme über die äußeren,und inneren Sinne der Dreifachen Zuflucht sollen wir von der feierlichen Zeremonie der Dreifachen-Zuflucht Ritten erfahren.

1. Der Zufluchtnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist Säubern und besänftigen.
Der Zufluchtnahme - Ritus ist die bedeutendste Zeremonie eines zum Buddha-Weg Bekenners.Sie bezeichnet den Ausbruch des Befreiungsweges aus dem Kreislauf von Geburt und Tod,Welcher das heilige Endziel der Buddhalehre ist.Deshalb dürfen wir diese Zeremonie nicht mißachten und sie keineswegs vernachlässigt abhalten.
Ein Tag vor dem Zufluchtnahme - Ritus soll der Bekenner seinen Leib und Geist Säubern und besänftigen.Die Bekleidung soll sauber und ordentlich sein.Den Geist besänftigen der Zufluchtnehmer durch 3 mal Sündenbekenntnis,damit seine 3 Karmen (Leibes-,Mundes-, und geistes-Karma) rein werden!
Durch diese außere und innere Reinheit kann der eigenwillige Zufluchtnehmer die höchst reine Dharma der Dreifachen Zuflucht würdig entgegennehmen.

2. Gelübde ablegen.
Aufrecht niederknien,unter der Leitung vom Sangha,legt der Bekenner folgende Gelübde ab.

Ich nehme meine Zuflucht zum Buddha
Ich nehme meine Zuflucht zum Dharma
Ich nehme meine Zuflucht zum Sangha.

In Pali-Sprache wird es so ausgesprochen :

Buddham saranam gacchàmi
Dhammam saranam gacchàmi
Sangham saranam gacchàmi.

In dieser feierlichen Weise des dreimaligen Aussprechens dieser Formel bekennt man sich als Anhänger der Buddha-Lehre.Fortan wird er ein Buddhist,und durch aus festüberzeugt,daß er die Samen der Erlöschung von karmischen Wirken in sich gesät hat,die gewiß fruchtbare Ernte einbringt,d.h. er befreit sich von drei karmisch unheilsamen Wegen,nämlich Höllen-Wesen(naraka-Sattva),hungriger Geister(preta),Tiere(tiryagyoni).
Deshalb spricht der Zufluchtnehmer weiter folgende Formeln aus :

Ich have meine Zuflucht zum Buddha genommen,und wird nicht den Höllen-Wesen unterworfen.
Ich have meine Zuflucht zum Dharma genommen,und wird nicht den hungrigen Geistern unterworfen.
Ich have meine Zuflucht zum Sangha genommen,und wird nicht den Tieren unterworfen.

Zur Bewahrung seiner heiligsten Einstellung und zur Aufrechterhaltung seines Anvertrauens an die Buddha-Lehre spricht der Zufluchtnehmer folgende Gelübde entschlossend aus :

Als Zufluchtnehmer an Buddha gelobe ich mich lebenslang nicht an heiligen Wesen, Geistern und Dinge anzugehören.

Als Zufluchtnehmer an Dharma gelobe ich mich lebenslang nicht an Furtler(Tirthika),Ketzerei,Irrelehre anzuschliessen.

Als Zufluchtnehmer an Sangha gelobe ich mich lebenslang keine Freundschaft mit Bösewichtern,und schlechten Freunden zu schliessen.

Somit endet die Dreifache Zuflucht-Zeremonie.Der Buddhist verfolgt und praktiziert, was er vor der Drei-Kleinode (Ti-ratana) gelübde abgelegt und sich gelogt hat.

VI. WOHLTATEN DER ZUFLUCHTNAHME ZUR DREI-KLEINODE

1. In Unwissenheit des weltlichen Weg nicht verfehlen.
Wie wir alle wohl erfahren,befinden sich alle Wesen im Meer des Leidens,hilflos und vereinsamt in der ausgedehnten Dunkenheit diesen trübsamen Umständen,ohne klares Ziel zur Orientierung,ohne Mittel dahinzukommen,ohne Leitung von Mönche,werden wir ständig im Meer des Geburt-und-Tod Kreislaufs wirbeln.
Das klare Ziel sei Buddha,solche Mittel sei Dharma und Mönche sei Sangha.
Die Zufluchtnahme sei Holzfloß der Drei-Kleinode für alle Ertrunkener im Meer des Leidens,um sie daraus zu retten.

2. Der Willen zur Dreifachen Zuflucht dient zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zuflucht-Nehmers,da Buddha und Sangha diese bezeugen.
Es würde jemand bestimmt sagen,daß "Ich verehre Buddha,weil er ein vollkommener Erhabener ist; ich verehre Dharma,weil Dharma die Fähigkeit hat,welche alle Wesen zur Befreiung aus dem Kreislauf von Geburt und Tod verhilft; ich verehre Sangha,weil sie Schüler bzw. Vertreter des Buddha sind.
Wenn ich dieses wußte,ist es doch schon genug,weshalb brauche ich noch die Zufluchtnahme-Zeremonie zu verrichten?".

So zu sagen,versteht man doch noch nicht die psychologische Seite des Gelübdes, das Versprechen.Wenn wir jemandem etwas versprochen haben,aber das Versprechen nicht einhalten,würden wir das bereuen und unsere Seele unberuhigen zur Dreifachen Zuflucht haben wir Gelübde ernsthaft vor Drei-Kleinode abgelegt;sie werden von Buddha Sangha und unseren Angehörigen,sowie Freunden bestätigt.Deshalb können wir nicht verwirklichen,was wir versrochen haben.

Wir wissen,daß Drei-Kleinode heilig ist;so werden wir bestimmt Zuflucht zur Drei-Kleinode nehmen müssen,und die Zeremonie der Dreifachen-Zuflucht ernsthaft und feierlich verrichten.

C.- SCHLUSSFOLGERUNG

Wir wissen,daß ein Buddhist die Zuflucht zur Drei-Kleinode nehmen muß.Die Zufluchtnahme bezeichnet den Ausbruch aus dem Kreislauf von Geburt und Tod den Befreiungsweg.Die Zeremonie der Dreifachen-Zuflucht sei ein Abschied für jemanden,welcher neue Veranwortung,Verpflichtung annimmt.

Wir haben Zuflucht zur Drei-Kleinode genommen,und praktizieren wie wir Gelübde abgelegen,somit wird das Ende des Erlöschungsweges dicht an uns sein

Vergesse nicht die letzten Worte des Sakya-Muni Buddha :

"Bemüht Euch,um befreit zu werden".

(Fortsetzung folgt)

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN IN SÜDVIETNAM 1963–1976

VON

RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietnam

1. Von Indien nach Südvietnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begenungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau´s

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener"Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri

Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Der Wildbestand Südvietnams wurde durch die Amerikaner,aber auch durch südviet - namesisches Militär,fast ausgerottet.Obwohl man hunderttausende Riesenschlagen tötete,wurden sie nie alle,denn diese Reptile verstanden es besser,sich zu ver stecken,als die Raubkatzen.Es war noch nicht lange nach dieser Tigerepisode,als ich eines Morgens zum Tisch im Empfangsraum ging,um eine Tasse Tee zu trinken. Gerade wollte ich den Deckel der Teekanne heben,welche in einem Bastkorb stand,im gleichen Augenblick sah ich etwas Dunkles,welches sich um den Teekorb schlängelte - eine Kobra! Das Reptil war sehr wahrscheinlich mehr über mein Erscheinen betroffen als ich über die Schlange.Gemächlich schlich sie sich vom Tisch und kroch über den Stuhl und von dort hinaus ins Freie.Na,das war auch wieder einmal gut gegangen! Ich wohnte ohne Zweifel in einer lebensgefährlichen Umgebung,dennoch hegte ich nicht den Gedanken,von hier wegzugehen.Nur die Amerikaner machten mir das Leben schwer , denn eines Tages sah ich eine ganze Kolonne mit Sand beladenen LKW's aus Richtung Meeresdünen hervorfahren und unterhalb meines Berges auf der anderen Seite der Phan Chau Trinh Strasse die Kraftwagen entleeren;sie schüttelten Sand indas Süsswasser,um Land zu gewinnen.Zu welchem Zweck blieb für einige Zeit unklar, doch nach einem Monat,Tag - und Nachtarbeit,mit viel Motorengeräusch,wusste ich was beabsichtigt wurde,nämlich,man wollte hier,genau mir gegenüber,eine Steinbrecherstation aufbauen,um diese Steine in Makadam zu verwandeln,die Arbeit soll te ein bis zwei Jahre in Anspruch nehmen Ich dachte nur: "alles für die Katz denn ihr werdet diesen Krieg nie gewinnen! " Als die neue Insel fertig war, belegte man sie mit Makadam und bohrte danach lange Eisenpfähle in den Sand und stellte Wellblecherne Schuppen auf, zuletzt kam die grosse Steinbrechermaschine, ein Ungeheuer aus Stahl.Tag und Nacht wurde gebrochen und der Staub wurde oft vom Wind gegen die Berge und in die Wohnviertel der Phan Chau Trinh Strasse getrieben.Alles wurde verstaubt,Häuser innen und aussen,Palmen,Blumen und Bananenstauden,und man frass buchstäblich Staub . Nachts konnte ich vor Staub kaum Schla - fen und am Tage war dies wegen der grossen Hitze noch weit schlimmer.Ich sah in meinem Fernrohr,wie amerikanische Soldaten mit entblösten Oberkörpern in Hitze und Staub schufteten;ich glaubte,es seien Soldaten der Strafkompanie,denn ein normaler Soldat konnte wohl nicht zu solch einer Sklavenarbeit herangezogen werden.Es arbeiteten auch einige Vietnamesen mit ihnen,doch niemand legte Hemd oder Hut ab.Helikopter landeten ebenfalls auf dieser Steinbrecherinsel oder besser gesagt Halbinsel,denn links und rechts gab es immer noch genügend Süsswasser,in dem rote Lotusblumen blühten,jetzt aber dahinstarben.Einmal sah ich ganz deutlich durch Fernrohr wie ein amerikanischer Sol dat einem Helikopter gelandeten Offizier mit einer Handbewegung mein Vihàra zeigte der Offizier lachte hämisch,er freute sich wohl,mir Unbehagen zu bereiten,denn für fast alle Amerikaner waren buddhistische Mönche Kommunisten oder wenigstens Vietcong-Sympatisanten,was natürlich eine grosse Verleumdung ist.

14. ZWEI AMERIKANER WURDEN BUDDHISTEN

Im Januar 1972 fuhr die oben erwähnte religiöse Dame,meine Nachbarin,nach Saigon, um bei ihrer dort wohnenden Tochter ihre Erkältung,welche sie sich im kalten Winterwind zugezogen hatte,zu pflegen. Eine Woche später erfuhr ich,dass sie gestorben war und eine buddhistische Feuerbestattung erhalten hatte.In Vietnam werden nur buddhistische Mönche,Nonnen und Religiöse verbrannt,alle Laien dagegen beerdigt.Der letzte Diktator Südvietnams , Thieu,verordnete,dass alle Tote vom Tage des Erlasses an beerdigt werden sollten; sehr wahrscheinlich wollte er damit die Buddhisten beleidigen.Er selbst war eins Buddhist gewesen,solch einer, welcher nichts vom Buddhismus wusste.Die Frau des Marionettendiktators war Katholikin, und es gelang ihr,ihren Mann zu ihrem Glauben zu bekehren,wahrscheinlich noch vor der Hochzeit und als Bedingung dafür. Thieu schien mir schon immer als eine Art Hampelmann in Händen seiner Frau,genau so wie der frühere Diktator Ngo Dinh Diem

ein Hampelmann seiner mannhaften Schwä - gerin Madame Nhu gewesen war.

Das Häuschen,welches die Religiöse fast zwei Jahre lang bewohnt hatte,stand nun verwaist.Einige Tage vor meiner Verhaf - tung im August 1975 schenkte mir der Ei- gentümer das Häuschen.Es war meine Ab- sicht,es als Institut einzurichten, aber ich kam nicht mehr dazu,wie der Leser bald erfahren wird.

Ein eifriger Laienbuddhist von Mytho be- suchte mich häufig in seinem Jeep, er fürchtete sich nicht,weder vor Vietcong, noch vor Amerikanern; jeden Sonntag Mor- gen gab ich ihm und anderen Buddhisten von Saigon und Vung Tau Lehrunterricht , teilweise in Französisch und Englisch. An einem Sonntag kam der Laienanhänger mit dreien seiner Freunde.Mit sich hat- ten sie einen Ableger des Bodhibaumes(fi cus religiosa)das ist der Baum der Er- leuchtung.Jeder buddhistische Tempel in Südostasien hat zumindest einen solchen Baum in seinem Garten zur Erinnerung an den Baum in Bodhgaya,unter dem der Bud - dha seine Erleuchtung erlangte.Der Able- ger wurde seitlich des Vihàras gepflanzt

Etwas später erhielt ich den unerwarte - ten Besuch eines amerikanischen Sergean- ten in seiner Felduniform.In seiner Be- gleitung war seine recht hübsche vietna- mesische Frau und einige andere Damen . Die Damen verbeugten sich drei Mal auf orientalische Weise vor der lebensgros - sen Buddhastatue in meinem Tempelraum . Ich stand im gelben Gewand rechts vom Al tar und schlug den bronze Gong bei jeder Verbeugung mit gefalteten Händen undKopf auf die Matte.

Nachher lud ich die Besucher in den Emp- fangsraum zu einer Tasse Tee(ohne Zucker und Milch!)ein und ich erfuhr,dass der Sergeant schon seit einiger Zeit am Bud- dhismus interessiert war und gerne offi- ziell Buddhist werden wolle - nach sei- ner baldigen Entlassung aus dem Militär- dienst.Herr R.C.A.,der Sergeant, hatte fast 20 Jahre Dienst in der amerikani - schen Armee absolviert und hatte jetzt mehr als genug.Zuvor hatte er am Korea - feldzug teilgenommen und noch früher war er in Bayern stationiert gewesen.Der Ser- geant sprach fliessend Deutsch und wir un terhielten uns abwechselnd in seiner und meiner Muttersprache.Seine Frau sprach gu tes Englisch,seiner Zeit hatte sie für die Amerikaner gearbeitet,aber den Dienst nach oder vor der Heirat quittiert.

Durch den Sergeanten wurden weitere Ame- rikaner auf mich aufmerksam gemacht, da- runter auch ein Neger,welcher bereits zum zivilen Leben zurückgekehrt war und mit einer Vietnamesin,ob Frau oder nur quasi Frau,verheiratet war,erinnere ich mich nicht.Viele Amerikaner lebten nur mit ih- ren Geliebten zusammen,in Englisch common wife,und von den Vietnamesen "kleine Frau genannt,letzterer Ausdruck konnte aber auch auf die zweite Frau eines Vietname - sen bezogen werden.In Vietnam war es seit Alters her gestattet,zwei oder mehrere Frauen zu heiraten,oder Frauen als Neben- weiber ins Haus zu nehmen.Obwohl Gautama Buddha den Laienanhängern empfahl, sich nur eine Ehefrau zu nehmen,setzte sich dieser Vorschlag unter den Völkern Asiens nicht durch.Von buddhistischer Seite wur- de nie direkt gegen Polygamie agitiert , sondern ein Mantel "edlen Schweigens" da- rüber gedeckt.Unter dem neuen radikalen Regime Vietnams ist nun Vielweiberei streng verboten,ebenso auch die bis vor dem Zusammenbruch landesübliche Prostitu- tion,und wie ich kürzlich gehört habe,sol len Übertretungen mit Gefängnis und sogar Todesstrafe belegt worden sein.Trotz al- ler Grausamkeiten der Viet Cong während des langen Krieges,muss dennoch zugegeben werden,dass ihre Moral im allgemeinen hö- her war,als die der Amerikaner Vietcongs steckten z.B. keine Dörfer in Brand,- mit Ausnahme regierungseigne Hamlete(Wehrdör- fer) - ermordeten keine Greise oder klei- ne Kinder,vergewaltigten keine Frauen,tö- teten aber häufig Dorfälteste und Wehr - dorfvorsteher,weil diese mit den Amerika- nern bzw. mit der südvietnamesischen Ma- rionettenregierung in Saigon zusammenar - beiteten.Es geschahen Vietcong Terrorakte ob es sich bei solchen Terrorakten tat - sächlich immer um solche der Vietcongs handelte,war oft zweifelhaft und manch ei- ner beschuldigte die südvietnamesischen Autoritäten,solche Terrorakte zu inszenie - ren,um die Bevölkerung mit Hass gegen die

Lesen Sie bitte auf Seite 33

Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuân

(Fortsetzung)

Als Buddha den Palast betrat, strahlten alle Gesichter vor Freude. Überglücklich nahm Rahula, der Sohn des Siddhartas Gotama, die Hand seiner Mutter Yashodhara, zog sie vor dem Buddha und die beiden knieten vor dem Erhabenen. Darauf sagte dieser: "Wie die Zeit vergeht! Daß du jetzt erwachsen bist, verdankst du der Pflege deiner Mutter. Ich bin gekommen, um der königlichen Familie, deiner Mutter und dir die Lehre des Heilserkenntnis beizubringen".

Auf Wunsch des Königs setzte sich Buddha ganz gerade und hielt eine Predigt über die Vergänglichkeit der Dinge, das Leiden, die Leerenatur und über die Nicht-Existenz des Ich's. Er sagte:
"Mein Wunsch war aus diesem ewigen Kreislauf der Wiedergeburten heraus zu kommen. Deshalb bin ich in die Hauslosigkeit gegangen. Die Heilslehre, die ich gefunden habe, möchte ich euch übertragen. Folgt diesem achtfachen Pfade und nimmt das reine Leben an...".

Nach langer Erklärung des Erhabenen nahmen alle hocherfreut das Dharma in Empfang. Dann baten viele Prinzen und Hofbeamten den Meister um die Bekehrung. Sie entschlossen sich, das weltliche Leben zu entsagen und versprachen sich, von nun an sich zu vervollkommnen. Unter den neuen Mönchen waren auch Anurudha und Rahula.

Auf Grund seines grünen Alters erfand der Erhabene die 10 Sramanera-Gebote für den jungen Novizen Rahula.

Buddha achtete ganz besonders auf den Prinzen Nanda, Sohn von Suddhodana und Pajapati Gotami.Nanda war mit Janopada Kalyani frisch verheiratet.

Eines Teges kam Nanda zur Versamm - lungsort des Buddha um ihm Almosezu legen. Dann folgte er ihm ohne es zu wissen bis zur Tür der Schlafstätte des Mönches.

Plötzlich fragte Buddha:

"Oh Nanda, ich gebe dir die einzige Gelegenheit, das ewige Glück zu erwerben. Bist du, Nanda, bereit für immer mit mir zu kommen, um Mönch zu [illegible].

"Ja, Oh Herr, ja", antwortete Nanda. Sariputra folgte dem Befehl des Erhabenen und rasierte den Kopf des Prinzen glatt. Es geschah so schnell, daß Nanda nicht mehr zurück konnte, als er es merkte. Außerdem blieb er stillschweigend vor dem Ausstrahlen des Erleuchteten. Er hatte ihm fest versprochen und mußte dabei bleiben.

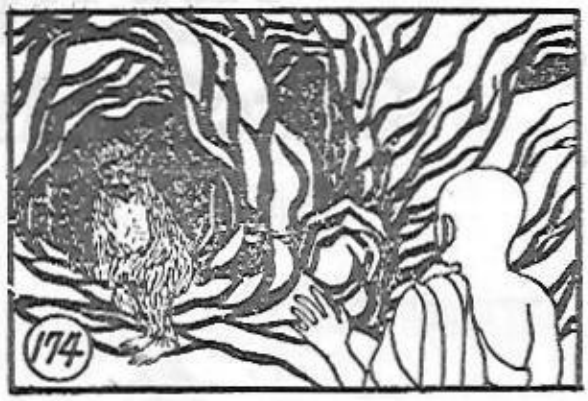

Der Asket Nanda sehnte sich immer noch nach seiner Frau. Bei einer Wanderung fragte ihn der Buddha: " siehst du, Nanda, den Affen auf dem Baum ?; sag mir, Nanda, dieser Affe und deine Gemahlin, wer ist schöner?". Darauf antwortete er: "Meine Frau, oh Herr, meine Frau ist die schönste, die ich je gesehen habe".

Im Grunde traumte Nanda nur vom ewigen Glück. Einmal begleitete er den Meister zum Reich der Götter. Dort begegnete er nur Göttinen mit Himmlicher Schönheit. Als Buddha die Frage stellte:

"Siehst du, Nanda, diese Göttinen? Kannst du sie mit deiner Gemahlin vergleichen?", antwortete er:

"Diese Göttinen , oh Herr, mit ihrer einmaligen Schönheit ist meine Frau auf der Erde wie der alte Affe auf dem Baum".
Dann fragte Nanda eine Göttin: "Es kommt mir seltsam vor, daß es hier keinen Mann zu sehen gibt!". "Doch sagte die Göttin, Es wird bald einen Mann geben. Sein Name ist Nanda. Aber zuerst muß er sich viele Mühe geben, um die Vollkommenheit zu erlangen. Dann kann er bei der nächsten Wiedergeburt hier sein. Sein Platz ist genau die Stelle, wo Sie jetzt stehen". Nach dem Rückkehr träumte Nanda nicht mehr von seiner Frau.

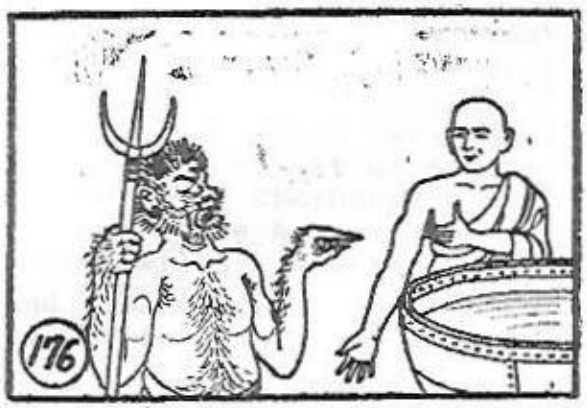

Seitdem Nanda vom Reich der Götter zurückkam strengte er sich an, das tugendhafte Lebenswandel zu führen. Dabei mokierten sich die anderen über seinen Traum nach dem Glück in himmlicher Welt. Ein anderes Mal nahm Buddha ihn mit in die höllischer Welt. Dort sah Nanda wie die Dämone in riesigen Pfannen das Öl zum Sieden brachten. Nur in einem der Kochgefäße blieb das flüssige Fett nur lau warm. Auf seine Frage, warum es so war, wurde ihm geantwortet: "Diese Pfanne ist für einen der Schüler des Buddha frei gehalten. Sein Name ist Nanda.So bald seine glückliche Zeit vorbei ist, wird er hierdrin gekocht". Diese Worte erschrekten Nanda bis in den Knochen.Seitdem strebte er nur nach Nirvanna und nicht mehr nach dem Glück in himmlicher Welt.

(Fortsetzung folgt)

(Fortsetzung von Seite 30)

Kommunisten zu laden - was aber nicht ganz gelang,obwohl als Ganzheit gesehen, das südvietnamesische Volk bestimmt keinen Kommunismus wünschte,und schon garnicht nordvietnamesische Bevormundung , und eine von Hanoi gesteuerte Regierung. Oft warf ein Terrorist eine oder mehrere Handgranaten in einen Knäuel Frauen und Kinder,gerade als diese auf dem Fisch - und Gemüsemarkt handelten.Die blutigen und zerfetzten Leiber,Tote und Schwerverletzte,bleiben ziemlich lange auf der Stätte des Grauens liegen,wohl um den Vorbeigehenden einen klaren Beweis roter Brutalität zu geben.

An solchen Terrortaten nahmen auch rabiate Frauen und Mädchen teil,und manch ein Amerikaner oder Vietnamese von der anderen Seite verlor sein Leben durch eine Kugel dieser gefährlichen Amazonen. Es kam auch vor,dass diese oft unschuldig aussehenden Vietcongagentinnen amerikanische und andere Soldaten in ihr Versteck lockten,wo sie dann von schon wartenden Vietcongs ermordet wurden oder aber auch während dem "Liebesspiel" meuchlings von der Agentin durch Dolchstich getötet wurden.

(Fortsetzungfolgt)

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH

VON

VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deutsche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake - A Manual on Meditation for the Use of Young Activists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

Jemand könnte fragen: Ist Entspannung das einzige Ziel der Meditation? Tatsächlich weist das Ziel der Meditation weit darüber hinaus. Während die Entspannung der notwendige Ausgangspunkt für den Aufbruch ist, ist es möglich, wenn man diese einmal verwirklicht hat, ein beruhigtes Herz und einen klaren Geist zu schaffen. Ein beruhigtes Herz und einen klaren Geist geschaffen zu haben, bedeutet, daß man weit auf dem Pfad der Meditation vorangekommen ist.

Wir sollten uns daran erinnern, daß die auf seinen Atem gerichtete Achtsamkeit zu jeder Zeit ein wundervolles Mittel ist. Es ist nicht nur eine Methode für Anfänger. Im dritten Jahrhundert schrieb der Zenmeister Tang Höi in seinem Kommentar zum Ānāpānasati-Sutta: *"Die auf den eigenen Atem gerichtete Achtsamkeit ist Buddhas großes Fahrzeug, um alle Wesen zu retten, die im Kreislauf von Geburt und Tod gefangen sind."* Messen, Folgen und den Atem unter Kontrolle zu bekommen sind die wunderbaren Methoden, um Dich Deines Geistes zu bemächtigen.

Natürlich müssen wir auch, um unseren Geist unter Kontrolle zu bekommen und um unser Denken zu beruhigen, die Achtsamkeit auf unsere Gefühle und unsere Wahrnehmungen richten. Um Deinen Geist unter Kontrolle zu bekommen, mußt Du die Achtsamkeit des Geistes üben. Du mußt wissen, wie man das Vorhandensein jedes Gefühls und jedes Gedankens, die in Dir aufsteigen, beobachten und erkennen kann. Der Zenmeister Thuong Chiếu schrieb gegen Ende der Ly-Dynastie: "Wenn der Praktiker seinen eigenen Geist klar erkennt, wird er mit geringer Anstrengung Ergebnisse erzielen. Aber wenn er überhaupt nichts über seinen eigenen Geist weiß, ist die ganze Anstrengung vergebens." Wenn Du Deinen Geist erkennen willst, gibt es nur einen Weg: alles von ihm beobachten und wahrnehmen. Dies muß jederzeit geschehen, während Deines alltäglichen Lebens genauso wie während der Meditationsstunde.

Während der Meditation können verschiedene Gefühle und Gedanken entstehen. Wenn wir nicht die auf den Atem gerichtete Achtsamkeit üben, werden uns diese Gedanken bald von der Achtsamkeit fortziehen. Aber der Atem ist nicht bloß ein Mittel, um solche Gedanken und Gefühle zu vertreiben. Der Atem bleibt auch das Medium, mittels dessen Körper und Geist vereinigt und das Tor zur Weisheit geöffnet werden. Wenn ein Gefühl oder ein Gedanke in Erscheinung tritt, sollte unsere Absicht nicht sein, sie zu vertreiben, wenn auch durch die Fortsetzung der Konzentration auf den Atem das Gefühl oder der Gedanke auf natürliche Weise aus dem Geist verschwinden. Die Absicht ist nicht, sie zu vertreiben, sie zu hassen, sich darum Sorgen zu machen oder sich vor ihnen zu fürchten. Was sollte man also im Hinblick auf solche Gedanken und Gefühle genau tun? Einfach ihre Anwesenheit zur Kenntnis nehmen. Wenn zum Beispiel ein Gefühl der Traurigkeit entsteht, erkenne dies sofort: "Ein Gefühl der Traurigkeit ist gerade in mir entstanden." Wenn das Gefühl der Traurigkeit andauert, erkenne weiterhin: "Ein Gefühl der Traurigkeit ist

noch in mir." Wenn zum Beispiel ein Gedanke entsteht, wie: "Es ist spät, aber die Nachbarn machen natürlich eine Menge Lärm", dann erkenne, der Gedanke: "Es ist spät, aber die Nachbarn machen natürlich eine Menge Lärm" ist entstanden. Wenn dieser Gedanke anhält, fahre fort, dies zu erkennen. Wenn ein anderes Gefühl oder ein anderer Gedanke entsteht. erkenne dies in der gleichen Weise. Die entscheidende Sache ist die, kein Gefühl oder keinen Gedanken entstehen zu lassen, ohne sie in voller Achtsamkeit zu erkennen, genauso wie eine Palastwache jedes Gesichts gewahr wird, das den Hauptgang passiert.

Wenn keine Gefühle oder Gedanken gegenwärtig sind, dann erkenne, daß keine Gefühle und Gedanken gegenwärtig sind. So zu üben bedeutet, achtsam auf seine Gefühle und Gedanken zu sein. Indem Du so übst, wirst Du bald den Punkt erreichen, an dem Du Deinen Geist unter Kontrolle bekommst. Man kann die Methode der Achtsamkeit auf den Atem mit der Achtsamkeit auf Gefühle und Gedanken verbinden.

IRREGEFÜHRTER GEIST WIRD WAHRER GEIST

Ich möchte betonen, Quang, daß man, während man die Achtsamkeit übt, nicht von der Unterscheidung zwischen Gut und Böse beherrscht sein sollte, wodurch ein Kampf in einem selbst hervorgerufen würde.

Immer wenn ein heilsamer Gedanke auftritt, bestätige das: "Ein heilsamer Gedanke ist gerade entstanden." Und wenn ein unheilsamer Gedanke auftritt, bestätige das ebenfalls: "Ein unheilsamer Gedanke ist gerade entstanden." Verweile nicht bei ihm oder versuche nicht, ihn loszuwerden, selbst wenn er Dir nicht gefällt. Ihn zu bestätigen, ist genug. Wenn Du abgeschweift bist, dann mußt Du wissen, daß Du abgeschweift bist, und wenn Du dabeigeblieben bist, mußt Du wissen, daß Du dabeigeblieben bist. Wenn Du einmal eine solche Klarbewußtheit erreicht hast, dann wird es nichts mehr geben, was Du noch fürchten müßtest.

Als ich den Wächter am Tor des Herrschers erwähnte, Quang, könntest Du Dir vielleicht einen Hauptgang mit zwei Türen vorgestellt haben, mit einem Eingang und einem Ausgang, wobei Dein Geist der Wächter ist. Welches Gefühl oder welcher Gedanke auch eintritt, Du bist Dir seines Eintritts bewußt, und wenn sie fortgehen, bist Du Dir ihres Austritts bewußt. Aber die Vorstellung hat einen Mangel, die Annahme nämlich, daß jene, die in den Gang eintreten und ihn wieder verlassen, vom Wächter verschieden sind, wohingegen unsere Gedanken und Gefühle wir sind, ein Teil von uns sind. Es gibt die Versuchung, sie oder zumindest einige von ihnen so zu betrachten, als seien sie eine feindliche Macht, die versucht, die Konzentration und das Verstehen unseres Geistes zu stören und ihn zu belagern. Aber tatsächlich sind wir, wenn wir ärgerlich sind, selber Ärger. Wenn wir glücklich sind, sind wir selber Glück. Wenn wir bestimmte Gedanken haben, sind wir diese Gedanken. Wir sind gleichzeitig sowohl der Wächter als der Besucher. Wir sind sowohl der Geist als der Betrachter des Geistes.

(Fortsetzung folgt)

Về Mulhouse đọc Kinh VIÊN GIÁC

Kỷ niệm lần viếng vùng quê Troyes

Đưa tiễn người về một giỏ rau
Dăm ba cuốn sách bìa tươi màu
Xấp tranh mộc bản thơm mùi mực
Và chút niềm vui suốt chuyến tàu

Ơi Troyes sao hiếm ngày hanh nắng ?
Áo trắng phơi sào trong gió trưa
Mưa thấm rẫy xanh, hè dến muộn
Êm đềm như mộng thuở xa xưa

Rau cải bén dần mùi dất xới
Bao người dến trại, nhớ quê hương
Mượn hình mượn bóng nơi xa lạ
Thắp lại niềm tin sắp lụn dần

Tách trà ở dó thơm Thiền vị
Cho kẻ miệt mài ngồi tả Kinh
Cho kẻ cần cù in sách báo
Không cho người lạc bước dăng trình

Đến tỉnh Chaumont, còn ngoảnh lại
Mơ về dồi rợp cỏ tươi non
Belfort chiều muộn, buồn ga vắng
Gió lạnh len qua ngưỡng cửa hồn

Bởi dó, người về lòng chết lặng
Giữa vùng phồ thị, máy inh tai
Chập chùng ám ảnh bao đêm trăng
Hút bóng mùa xuân nằm tháng dài

Đêm nay, ngồi dọc Kinh Viên Giác
Êm ái phai dần những vết thương
Tôi sẽ vươn vai, tôi dứng dậy
Thôi nhìn ái ngại quằng dau thương

Đối diện bao năm với cuộc dời
Mà tôi phó mặc sóng mây trôi
Thắp lên hiện hữu tôi quay lại
Giữa cõi tồn sinh, ngất nụ cười

HỒ TRƯỜNG AN
Hè 77

Mùa Xuân Di Lặc

Nam Mô Đức Phật Đương Lai !
Hôm nay ngày dầu Năm Mới,
Chúng con qùy hướng về Ngài,
Xin cho chúng con vững niềm tin
Trên dường về giải phóng quê hương.
Kính lạy Ngài !
Mùa Xuân nước con dã tắt,
Tám năm rồi mai úa dào phai.
Cả mùa hạ, mùa thu, mùa dông
Đều tràn dầy suối lệ,
Mắt non sông ứa chảy giòng giòng.
Nước dộc lập sống như nô lệ,
Đời tự do vương víu cùm gông.
Chúng con một dạ tín thành,
Ngước mắt trông lên tướng Đầu Xuất,
Mong Ngài hạ sinh,
Cứu dồng bào con thoát vòng hỏa ngục,
Mang cho thế giới thanh bình,
Ban cho nhân loại từ bi, hỷ xả,
Để thoát vòng hắc ám vô minh.
Kính lạy dức Từ Phụ,
Đại hùng, dại lực, dại từ bi !
Xin Ngài dẫn dắt những bước di
Của quê hương Việt Nam dau khổ
Đương tìm về một tương lai
Hiền hòa, yêu thương và an lạc
Đúng như lòng lân mẫn của Ngài.
Nhân loại ngày nay dương quằn quại
Trong cảnh den tối lầm than.
Khắp dông tây dều khủng khoảng bất an
Do những khát vọng tham tàn,
Những hận thù ngút cháy
Trong những nơi không có tình người.
Kính lạy Đức Chí Tôn !
Đồng bào chúng con
Đã trải chín năm dau khổ
Trong gông cùm, trên lửa dỏ,
Hoặc sống lang thang trên khắp nẻo dường.
Nỗi tủi cực, cảnh chia lìa
Đã làm cho chúng con khô héo.
Xin Ngài từ bi gia hộ
Cho chúng con thấy lại gia dình,
Xây dựng lại quê hương tan nát
Thành một nơi tổ ấm thanh bình

HÀ NGỌC DƯ

TÍNH CHẤT HUYỀN BÍ TRONG ĐẠO PHẬT

tâm trí

Một hôm, sau khóa lễ buổi tối, tôi quỳ xuống trước bàn thờ Phật, cung kính đảnh lễ. Tự nhiên, tôi bỗng nhớ đến câu nói của vua Trần Thái Tông, trong bài "Bình đẳng sám hối văn" "Sám hối đây là sám hối với ai? Lễ lạy đây là lễ lạy ai khi mà trên mặt thực thể ta với Phật hoàn toàn bình đẳng?... Lạy là lạy cái thể vô tướng của pháp thân. Lạy được như thế thì cái thể tự thọ dụng và tha thọ dụng giao tham, đến được bờ bên kia thì mặt mũi xưa nay tự nhiên hiển lộ".

Ta hãy lấy câu này làm đề tài suy tư hôm nay.
Phần đông chúng ta mỗi khi gặp một sự nguy biến nào xảy ra cho bản thân hay trong gia đình, chúng ta thường quỳ lạy trước bàn thờ Phật, và cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, v.v...
Có phải chăng như thế là ta đã nghĩ rằng Đức Phật là đấng Vạn Năng, chư vị Bồ Tát và Hộ Pháp, có đủ tài năng phò nguy cứu khổ? Chỉ cần niệm lên danh hiệu quý Ngài, là tự nhiên mọi sự nguy biến đều được giải tỏa.

Phật hiệu nhất thanh tiêu vạn chướng
Từ bi nhị tự diệt thiên khiên

Với tâm trạng ấy, ta nhìn lên tượng Phật, với đầy vẻ huyền bí thiêng liêng.
Đặc tính của Đạo Phật có phải là tính cách huyền bí thiêng liêng ấy không?

Trước hết, Đạo Phật không phải là một Thần Giáo, trái lại còn chủ trương bài trừ triệt để những mê tín dị đoan. Hì học lạy trước Thần Cây Đa, ống bình vôi cũ, lâm râm khấn vái, để cầu phúc tiêu họa, đó là mê tín dị đoan. Nếu ta lạy Phật với tâm niệm ấy, thì vô hình trung ta đã xem Phật như một ông Thần Cây Đa, tội ấy ai mà gánh vác cho ta? Đạo Phật ra đời, đầu tiên là để chấm dứt thời đại đa thần ngự trị trong xã hội Ấn Độ ngày xưa.
Suốt đời Đức Thích Ca, Ngài rất ít thi hành những phép lạ (miracle), như làm cho người mù sáng mắt ra, người què trở nên lành lặn, hay là cải tử hồi sinh. Cách cứu độ chính của Ngài, là sự cảm hóa, làm cho con người tỉnh ngộ, từ bỏ đường ác để bước lên đường thiện.

Có lúc, bất đắc dĩ lắm, Ngài mới dùng thần thông lực để đạt đến mục đích ấy. Hàng vọi phục hồ, đánh bại Ma Vương, có nghĩa là lấy sức mạnh tinh thần cả thắng tà lực, lấy cái định mà chống lại cái vọng, cái động. Không phải là Ngài không đủ thần thông biến hóa, nhưng lãnh vực ấy không phải là lãnh vực chính trong sự giáo hóa và thị hiện của Ngài. Ngài đã từng ngăn cấm Ngài Mục Kiền Liên, vị đệ nhất thần thông trong hàng đại đệ tử của Ngài, về việc thi hành thần thông pháp. Đạt đến thần thông, hô phong hoán vũ, không phải là cứu cánh của Đạo Phật. Đi vào con đường ấy là càng đi xa Đạo, dần dần đi vào tà đạo. Nhìn vào Đạo Phật dưới khía cạnh ấy, là một sự lầm lẫn to lớn, nguy hại khôn lường. Trong toàn bộ giáo huấn của Ngài, Ngài luôn luôn nhấn mạnh đến sự "Tự cứu". "Hãy đột đuốc lên mà đi". Ngài mở ra trước mắt kẻ tu hành một viễn ảnh huy hoàng, tự mình đạt đến: "Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành". Mọi sinh linh đều có Phật tánh, chỉ cần làm sao cho hiển lộ Phật tánh ấy ra, gột sạch màn Vô minh che lấp, thì mặt trời Chân Như soi rạng. Ta đã thành Phật!

Từ ngữ "Bình đẳng" thường nói đến trong văn học Phật giáo, cốt yếu là nói đến sự bình đẳng trong tự tánh, chứ làm sao người đang học A, B, C dám nói rằng mình đã bình đẳng với bậc thạc sĩ!
Vậy ý nghĩa đầu tiên của sự lễ lạy Phật, là đem cái Chưa Thành đảnh lễ cái Đã Thành. Là một sự xác quyết hằng ngày, đi theo con đường Phật đã vạch ra, không phút giây phóng dật, dãi dầu. Một cái lạy là một lần tự xác nhận lại lòng tin vững chắc và o

Phật pháp (chánh tín),kèm theo lời t ự nguyện hành trì đạo pháp một cách c h ơ n thành kiên cố.

Suốt 49 năm hoằng pháp,Đức Phật luôn luôn răn bảo các đệ tử không nên đi vào những huyền đàm triết lý,bàn luận về các vấn đề siêu hình.Mỗi lần,có ai đề cập đến cácvấn đề ấy,Ngài liền bảo: "Dù thế giới là hữu hạn hay vô hạn ,thời gian có cùng hay vô cùng,thì vấn đề của các ngươi vẫn còn đó: làm sao giải thoát khỏi sự sinh tử l u ân hồi".Cũng như một người bị tên độc b ắ n, hãy lo chữa trị vết thương,chứ đừng m ấ t thì giờ hỏi xem người bắn là ai,kẻ c h ữa trị xuất xứ từ đâu,v.v... bài học lớn trg Đạo Phật là luôn luôn nhìn vào thực tại , sống trong thực tại hiện hữu.Đối trướccác câu hỏi có tính cách siêu hình(metaphysique)hay huyền bí(mystique),Đức Phật thường trả lời: "Avyakztam",(có nghĩa là:hỏi,đáp về những chuyện ấy là vô ích).Lắm lúcNgài còn cho là hại.Vì vậy,một nhà học giả Anh chuyên nghiên cứu về Phật học,đã gọi Đạo Phật là một thứ triết lý "bất khả triluận (agnostiusme),và cho rằng Đức Phật không muốn động đến các vấn đề siêu hình v à huyền bí,vì lẽ trí tuệ con người khôngthể hiểu được và giải đáp được.Thật ra, Đ ứ c Phật không muốn cho người tu hành p h iêu lưu vào các vấn đề ấy,để lãng quên đ i ều cần yếu nhất,là sự tự cứu.Theo Ngài,triết lý không phải là một khoa học về trí thức mà có nghĩa là một sự hiểu biết toàn diện về ý nghĩa thật sự của sự sống.Không phải chỉ trí óc làm việc,như đối với các n h à triết học Tây phương,mà cả thân thể c o n người phải luôn luôn thức tỉnh."Phút này và ở đây"(Now and Here),mới là điều quan trọng nhất đối với kẻ tu hành.

Tư tưởng này được nhấn mạnh trong T h iền học.Các vị thiền sư thường đáp lại những câu hỏi có tính cách huyền bí hay s i ê u hình,bằng những câu trả lời rất kỳ lạ:"Đã ăn cháo sáng chưa?" "Đi rửa bát đi!" "Có thấy cây tùng ngoài sân kia không? (Triệu Châu)",v.v... Các Ngài với câu trả lời ấy ôm người đệ tử phiêu lưu vứt trả về đ ờ i sống hiện hữu,thực tại.Câu chuyện Phá Tào đạo trong Kinh Pháp Bảo Đàn nói rõ về s ự thiêng liêng theo quan niệm của Thiềnhọc "Ở một nơi nào đó,dân làng có thờ một cái lò rất linh thiêng.Hàng năm,dân làng thường đem sinh vật(trâu,dê,bò...)đặt lên l ò nướng,để cầu phúc,cầu mưa trong mùa nắng hạn.Một hôm,một nhà sư áo vải đi ngang qua,thấy thế,liền đi vào đền thờ ôngThần Lò.Vị sư lấy cây gậy gõ nhẹ vào lò 3 cái miệng nói:"Chỉ là đất sét với nước h ợ p lại,chứ linh cái gì,thiêng cái gì?".Bỗng cái lò nghiêng xuống,vỡ tan ra.Đến đêm , một người mũ cao áo rộng đến đảnh lễ nhà sư,thưa: "Mấy lời vàng ngọc của Ngài đ ã giúp cho tôi giác ngộ.Xin cám ơn Ngài" . Nói xong liền biến đi,và từ đó ngôi đền hết linh thiêng.Tục lệ sinh tế được bãi bỏ".
Theo vậy,thì trong Đạo Phật không cóphần huyền bí,siêu hình hay sao?Đức Phật không "linh thiêng" hay sao?

Trong hầu hết các Kinh ta thấy đầy r ẫ y những sự kiện huyền bí,linh thiêng.H ã y đưa ra vài thí dụ: Đức Phật Đản Sinh,sơn hà đại địa rúng động,hoa Trời rải xuống, chim Trời cất tiếng ca vui.Ngày N g à i Thành đạo cũng vậy.Trong các buổi P h áp hội,Đức Phật chỉ khảy móng tay một tiếng dầm chân một cái,là tức thời cõi đất đầy gò đống,nhơ nhớp,biến thành một cõi nước bằng phẳng,cây cối bằng chất lưu ly,xacừ mọi vật đều trang nghiêm sáng lạng...
Tụng kinh Pháp Hoa,riêng phẩm Phổ Môn,ta đã thấy nhiều "phép lạ",bất cứ gặp t a i nạn nào,lửa cháy,thuyền chìm,bị tù ngục, gặp thú dữ,v.v... Chỉ niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát,thì mọi tai nạn đ ề u được giải thoát ngay.Tính chất huyền bí thiêng liêng chứa đầy trong các kinh.
Người mới tập tễnh bước vào conđườngPhật học,như tôi chẳng hạn,thường bị bỡ n g ỡ trước hai sự kiện gần như mâu thuẫn ấy : một đàng là giáo lý của Đức Phật dạyrằng chỉ có mình mới tự cứu được mình,chư không nên mong cầu vào ai; đàng khác,là sự cứu khổ nạn của chư Phật Bồ Tát.

Suy nghĩ kỹ,dưới ánh sáng của Phật pháp, ta sẽ thấy rằng hai sự kiện nói trên không có gì là mâu thuẫn với nhau; nếu có, thì chỉ là về bên ngoài,với cái nhìn p h iến diện thôi.

Một hôm,ngồi xem Ti vi,tôi thấy c ả n h chiếu chậm một bông hoa đang nở.Từ cành cây đâm ra một cái nụ,nụ ấy lớn dầnthành hình một búp hoa,búp hoa xanh lơn dầnlên, một cánh hoa xòe ra,rồi cánh khác, đ ế n lúc tất cả các cánh hoa đều nở ra,phôbày

màu sắc rực rỡ. Với nhụy hoa vàng chói ở giữa lòng hoa. Tiến trình từ nụ hoa biến ra thành đóa hoa mãn khai, ở bên ngoài đã phải trải qua hàng tuần, có khi hàng tháng. Ta không để ý đến, không theo dõi t i ế n trình ấy trong từng giây phút, cho đến một sáng, ta "bỗng" thấy đóa hoa đang khoe màu sắc và tỏa hương thơm dưới ánh nắng mặt trời ! Ta la lên (dù là la thầm): "O! đóa hoa đẹp quá! Thơm quá!". Rồi, dù muốn d ù không, ta nghĩ đến sự mầu nhiệm t h i ên diệu của tạo hóa.

Thật ra, thì không phải Chúa hay ông Trời tạo ra đóa hoa ấy, với màu sắc và h ư ơng thơm của nó. Nó đã tự tạo ra nó. Sự m ầ u nhiệm làm xúc động cảm quan ta, là tự trg nó mà ra. Nếu nửa chừng, nụ hoa bị sâu đục khoét hay là gặp thời tiết bất thuận, thì đâu có được sự mãn khai kia, đâu có cái vẻ đẹp hương thơm ấy?

"Thỉnh tuần kỳ bổn", nói như ông Trang Tử thì đóa hoa mãn khai ấy là do hạt giống, thân cây, cái nụ... với những trợ d u yên tốt đẹp, như thời tiết mưa thuận gió hòa, sự chăm nom săn sóc của người làm vườn.

Cái lý: "Cái này có, thì cái kia có. C á i này không thì cái kia không" (Kinh A Hàm cái lý nhân quả của nhà Phật, đã nối liền nụ hoa, hay xa hơn nữa, hột giống, với đóa hoa rực rỡ kia. Hột giống trông rất t ầ m thường, đóa hoa trông rất xinh tươi; t a xem thường hột giống, nhưng ta thán phục đóa hoa, vì cái phân biệt trí của ta đ ã cắt xén sự vật ra thành từng phần riêng rẽ. Vẻ đẹp của hoa nằm trong hột giống tầm thường kia, nào ở đâu xa?

Nhìn cảnh chiếu chậm tiến trình hoa n ở trên Ti vi, tôi hiểu được cái nhìn của các vị thiền sư; chỉ vị thấy rõ sự mầu nhiệm của vạn vật, của thực tại, ngay trong một cọng cỏ, "bướm bay vườn cải hoa v à n g" (Thơ Nhất Hạnh).

Thực tại là thiêng liêng, "phép lạ là đ i trên mặt đất" (Lại Nhất Hạnh).

Một bài học lớn trong giáo trình Đức Phật và ngay trong cuộc đời nhân thế của Ngài là:

Con người đã chứa sẵn mầm mống của s ự linh thiêng ngay trong bản thân mình, như viên ngọc của tên cùng tử. Làm cho m ầ m mống ấy bị tiêu diệt, hay làm cho nó trở thành đóa hoa sen trong ao thất bảo, đều do tự nơi mình. Kiên nhẫn tu trì, minh tâm kiến tánh thì đóa hoa lòng nở rộ, con ng. mất đi phần ô trọc, đạt đến giác t á n h. Dãi dầi phóng dật, buông lung lục t ì nh, thì đày đọa trong bể sinh tử luân hồi , chịu bao là nghiệp chướng!

Đức Phật là gì? Ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật là gì?

Ngài là một con người, như anh và tôi, nhg con người ấy đã làm cho nhân cách m ì nh nầy nở toàn diện, như đóa hoa mãn khai. Hương sắc của hoa, là 32 tướng tốt o a i nghiêm của Ngài.

Đó là bài học lớn của sự thị hiện làm ng. của Đức Như Lai.

Trong lúc ta đang nỗ lực tu hành, tâm chưa minh, tánh chưa kiến, ta đừng nên mơ tưởng đến sự đạt được thần thông, lấy đó làm cứu cánh cho sự tu trì. Như vậy, sẽ dễ đi vào tà đạo. Hiệu dụng của người tu Thiền Tông là nhận ra tánh giác của chính mình, bất sanh bất diệt, không tướng không mạo mà hằng giác. Thiền sư Bàng Long Uẩn nói:

> Thần thông tinh diệu dụng
> Vận thủy cập ban sài

dịch :

> Thần thông cùng diệu dụng
> Gánh nước và bửa củi

Thần thông ở đây là gánh nước, bửa củi với sự thức tỉnh trong thế giác. Tánh giác nầy Đức Phật đã thể hiện sự hoàn hảo, ngay trg bản thân của Ngài. Đó mới thật là c h ơ n Ngã, chơn Thường, chơn Lạc, chơn Tịnh, c ứ u cánh của Phật học. Đó mới chính là s ự thiêng liêng. Khi ta cuí đầu đảnh lễ Đức Phật, là ta đảnh lễ tánh hằng giác ấy ở Ngài, và ở cả trong ta, với lòng quyết tâm làm cho tánh giác tiềm ẩn ấy được p h á t hiện nơi ta. Thờ Phật với quan niệm biểu trưng, để tự nhắc nhở mình và mọi n g ười nhớ lại tánh giác của mình. Chứ cái tượng gỗ kia chỉ là chất gỗ, là tương duyên hợp mà thôi. Nhưng qua cái tượng gỗ ấy, ta phải nhìn đến, tưởng đến cái "thể vô tướng của pháp thân" Đức Phật, nôm na vẫn là c á i giác tánh thường còn. Nhắc lại lời nói của vua Trần Thái Tông, nêu ở đầu bài: "L ạ y được như thế thì cái thể tự thọ dụng v à tha thọ dụng giao tham, đến được bờ b ê n kia thì mặt mũi xưa nay tự nhiên hiển lộ. Tự thọ dụng thân là thân của Phật x ử dụng cho chính mình; tha thọ dụng t h â n là thân của Phật xử dụng vào sự lợi ích

xem tiếp trang 46

Nghiệp thức chiêu cảm

NGUYỄN VIẾT QUANG

Bạn mến,bạn dã đọc các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm,Lăng Nghiêm,Kim Cương,Viên Giác , Pháp Hoa,Đại Bát,Lăng Già v.v... Trong các kinh ấy,nhất là kinh Lăng Nghiêm và k i nh Lăng Già,Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta nói về cái Tâm nhiều nhất.Nhưng bạn ạ,kinh nào mà chẳng nói tới Tâm,dù nói đến một vấn đề tầm thường di nữa,nhưng vấn đ ề ấy có rời khỏi cái Tâm đâu.Vì sao ? Cuộc đời của mọi chúng sinh hay sự giải thoát rốt ráo của chư Phật mười phương vẫn nằm trong cái Tâm.Tâm giác ngộ là Phật.Tâm diên đảo là chúng sinh.Hai Tâm cùng một bản thể,một tự tánh.Chỉ vì u minh vọng động nên chúng ta phân biệt thành Hai.Khi dã giác ngộ tuyệt đối rồi thì Tâm Phật và Tâm chúng sinh, ta chỉ thấy có Một.Nói thì giản dị,nhưng sự chứng ngộ là cả một vấn đề khó khăn,b a o nhiêu ngôn từ cũng không tài nào diễn tả nổi.

Như bạn và tôi dây vào thơ trước kia,mỗi khi gặp nhau thường nói đến chuyện tội phúc thường xem như Phật nắm quyền sinh sát thưởng phạt trong tay,và thường xem như P h ật luôn luôn ghé mắt xét đoán hành động chúng ta để trừng trị hoặc ban ơn phúc cho chúngta. Thơ đó,chúng ta không ngờ rằng chính ta thưởng hoặc phạt chúng ta.Không ai có t h ể thưởng phạt chúng ta cả.Có lần bạn đọc hai câu thơ của nữ sĩ Trần thị Tuệ Mai trg tập thơ "Không bờ bến" cho tôi nghe:

Người vừa khóc,vừa cười,vừa xây ngục thất
Chính là người,vâng,chính tự người thôi.

Vâng,bạn ạ,chính do Tâm ta tạo cho ta cảnh thiên đường,hay Cực Lạc,hoặc địa ngục hoặc bất khả thuyết,bất tư nghì cảnh giới khác.Đó là tôi muốn nói những cái Tâm còn ônhiễm chưa đạt đến cái thanh tịnh rốt ráo của cái Chân Tâm.Và bạn hẳn biết,cái chân Tâm còn có nhiều cái tên khác nào là Giác,nào là Bản lai diện mục,nào là Tri Kiến Phật,nào là Niết Bàn,nào là Bồ Đề.Riêng cái Tâm Thánh,hay cái Tâm Bồ Tát vẫn chưa đạt đến mục rốt ráo tịch diệt,vẫn còn có những ô nhiễm vi tế vướng mắc.

Từ vô thỉ đến nay,cái tâm ô nhiễm của chúng sinh nói chung,của chúng ta nói riêng d ã chất chứa bất tư nghì chủng tử lành cũng như chủng tử ác,chủng tử phiền não,vọng động cũng như chủng tử thanh tịnh.Mỗi hành động,mỗi ý niệm;vọng niệm của chúng ta đều tạo một chủng tử tàng trử trong thức thứ 8(tức là A lợi gia thức)của chúng ta,tạo thành 1 cái nghiệp.Nếu là nghiệp lành ta được sống,được thấy một cảnh giới lành với nhữngbiến cố sung sướng ở hiện kiếp và ở những kiếp sau.Cũng thế,nếu ta tạo nghiệp ác,ta sẽsống trong cảnh giới ác,với những biến động dày đọa gian nan ở hiện kiếp hoặc ở kiếp sau . Cảnh giới mà ta sống,loại chúng sinh mà ta tùy thuộc để sống trong cảnh giới tươngứng đều là không phải chân,mà cũng không phải giả,đều là như huyễn,và nói theo ngài Thích Quang Phú(giáo sư trưởng Phật Học Bảo Quốc Huế)trong bài giới thiệu cuốn "Liễu S i nh Thoát Tử" của cư sĩ Liêu Địch Nguyên : đó chỉ là những ảo ảnh của tâm thức dã b i ến hiện,và do năng lực của nghiệp duyên mà cảm thấy đó thôi.

Phật là đấng giác ngộ tịch diệt,không hớn hở khi nghe ai tán dương Ngài và cũng không thù hiềm khi ai khinh chê Ngài.Người chưa hiểu đạo Phật phỉ báng Phật cũng phỉ b á ng kinh Đại Thừa vẫn là có tội nhẹ,nhưng người dã hiểu Phật pháp,không cần phỉ báng Phật và kinh Đại Thừa,chỉ phá sự hòa hợp chư tăng cũng sẽ phạm tội ngũ nghịch,rớt xuốngdia ngục A Tỳ.Vì sao? Vì Phật tượng trưng cho sự giác ngộ,sự giải thoát.Đã hiểu Phật pháp

mà có kẻ còn phỉ báng Phật và kinh kệ cùng phá vỡ sự hòa hợp chư Tăng trong ngôi Tam Bảo tức là dứt khoát khước từ sự giải thoát,sự tịch diệt để chọn con đường phiền não con đường khổ khổ lâm than.Bởi đó,sau khi thác đi,người đó sẽ đi vào cảnh giới đày đọa,lầm than,một cảnh giới mà chính kẻ đó đã dựng nên,đã chọn lựa.Phật vẫn là Phật , vẫn tịch diệt như như,với tấm lòng từ bi vô hạn lượng,cứu độ chúng sinh không hết,có đâu sanh tâm báo thù vì một lời phỉ báng của kẻ mê vọng ?

Bạn đã xem kinh Địa Tạng,Lương Hoàng Sám rồi chứ? Và bạn cũng đã xem qua những cuốn sách mỏng như "Thoát vòng sống chết" (Liễu Sinh Thoát Tử)của cư sĩ Liễu Địch Nguyên, cuốn "Kinh Tội Phúc Báo Ứng" do Thượng Tọa Thích Tâm Châu dịch,bạn sẽ rõ những q u ả báo của nhân loại sau khi con người chết đi,và bạn cũng sẽ rõ luôn cảnh giới nào mà họ đầu thai Sống hay Chết đối với người đã giác ngộ rồi vẫn là chuyện không thật khỏi huyễn(như huyễn mà thôi).Sống đã như cơn say,chết như cơn mộng,mà một nhà hiền triết nào đó ở Trung Hoa đã bảo: Túy sinh tử mộng.Người đã hoàn toàn giác ngộ đã vượt khỏi vòng sống chết rồi thì khi ngoảnh lại dòng cuồng lưu sinh tử đã qua,mới cảm thấymình đã ra khỏi cơn say,cơn mộng kia.

Khi ta chết đi,thân thể đã mất hết tri giác,cảm giác.Đó là giai đoạn tử ấm(hay t ử hữu cụng thể).Đến khi tái sinh thân sau,thì gọi là sinh ấm hay sinh hữu.Giữa khoảng đã chết và chưa tái sinh,trải qua 49 ngày đêm đó gọi là trung ấm thân.Tuy gọi làthân nhưng thật ra nó chỉ có thần thức mà thôi;sở dĩ gọi là"thân"vì nó cũng nghe,thấy,hay biết,qua,lại... nhưng đó chỉ là cái ảo ảnh do thần thức biến hiện,mà kinh Phật gọilà "sắc công năng".Thân trung ấm là cái "xác thân" do nội chủng tử của thần thức mà hiện thành.Nó tinh tế hơn thân xác thật bằng xương thịt của chúng ta,có thể xuyên qua mọi chướng ngại vật,mắt phàm không thể thấy,trừ những người có thiên nhãn.

Khi vừa mới chết,tứ đại đều phân ly,các giác quan của thân xác đều bại hoại.Hơn lúc nào hết các chủng tử trong thức thứ 8 A lại gia đều hiện lên.Nghiệp thức chiêu c ả m bắt đầu hiện hành.Có người đã thấy được cảnh giới của mình ngay phút lâm chung,chẳng cần đợi đến 49 ngày.Đạo Phật là đạo ngoài nền tảng cái Tâm,còn đặt trên nền tảngnhân quả tương ưng - nhân nào quả nấy.Những người tu thập thiện ngay phút lâm chungđãthấy có chư thiên đến đón rước,được dẫn hồn vào thiên nhạc,thiên hương và thiên hoa.Bởiđó trong phút lâm chung,sắc diện người đó tươi đẹp bội phần,môi nở một nụ cười m ã n nguyện.Còn những người tu thuần thục theo pháp môn Tịnh Độ sẽ thấy Phật A Di Đà cùng các vị Bồ Tát đến đón rước.Thường thì những kẻ tu Tịnh Độ đắc được quả Thánh đềubiết trước ngày giờ lâm chung.Họ tắm rửa sạch sẽ,niệm Phật và thị tịch một cách êm áiđúng quang rạng rỡ.Có nhiều trường hợp,lúc họ lâm chung,thân nhân có thể cảm nhận m ù i hương lạ ở căn phòng họ,hoặc nghe thiên nhạc trỗi trên không trung.

Còn có những người chết trong lúc lâm chung bỗng dưng sợ hãi,hốt hoảng,dụng nhannhột nhạt,xấu xí.Đó là lúc thần thức họ đã bắt đầu thấy một cảnh giới nào đó ở ác đạo, dù thần thức đó chưa lìa khỏi thân xác.Bởi đó họ hoang mang,đau khổ.Cái chết đâu phảilà chấm dứt một cuộc sống,mà là giai đoạn chuyển tiếp vào cuộc sống mới.Cái nghiệp c ứ đeo đuổi chúng sinh như hình bóng của chính mình trên tấm gương vi đại của dòng sinh diệt.

Nhưng dù khi chết,hay lúc tái sinh,bất cứ gặp một cảnh giới nào ta cũng nên tâm niệm rằng đó vẫn là cảnh giới không chân,không giả,như huyễn mộng,như ảo ảnh.Phật đã thi vi hóa bằng những hình ảnh thế thám xót xa: như trăng đáy nước,như hoa trong gương . Và đó chỉ là phản ảnh của nghiệp thức chúng sinh.Ta đã tạo những nghiệp do sân hận, oán thù,hờn ghen ư? Vậy cảnh giới tương ưng lúc ta chết là cảnh giới A tu la,l o à i chúng sinh sân hận,thích cạnh tranh,chiến đấu.Ta bỏn xẻn,lừa lọc,cướp miếng cơm vàsự sống của tha nhân ư? Cảnh giới chờ đón lúc ta chết là cảnh giới ngạ quỷ.Sau đó cuộc đầu thai của chúng ta ở trường hợp đầu là đi vào cảnh giới A tu la,ở trường hợp thứ2 là đi vào cảnh giới ngạ quỷ.Nhưng dù có đầu thai ở cảnh giới nào,tùy thuộc vào loại

chúng sinh nào,nếu ta sớm giác ngộ nghĩ rằng: cảnh giới như huyễn,tấm thân giả hợp thì ta không còn đau khổ nữa,và bắt đầu đi về con đường hành đạo.Bạn thấy tôi với đầu mặt,thân thể và tay chân như bạn.Tôi thấy bạn là con người như tôi.Đó là chúng ta vì đồng nghiệp thức chiêu cảm nên mới thấy nhau và người nầy thấy người kia tương tợnhư mình.Nhưng các chúng sinh trong thiên long bát bộ như trời rồng,càn thát bà,a tu la, khẩn na la và ma hầu la già,cùng phi nhân,vì nghiệp thức chiêu cảm khác với chúng ta nên không thấy ta.Và khi chư thiên ở các tầng trời thấy ta thì cái hình bóng ta lọt vào nhãn quan các ngài khác hẳn cái hình bóng ta lọt vào nhãn quan của người và các loại chúng ta.Hơn nữa,tôi và bạn cùng sống trên quả đất nầy,chúng ta thấy nơi thì đồng bằng,nơi thì đồi núi,biển cả,toàn cầu tạo bằng đất đá,đầy dẫy cỏ hoang,gai góc,sỏi sạn.Đó là vì nghiệp thức chiêu cảm của chúng ta nặng nề,nên chúng ta mới thấy thế. Nhưng với một bậc có trình độ giác ngộ khá cao thì lại thấy trái đất chắc hẳn làkhác hơn chúng ta rồi.Chắc bạn còn nhớ lúc đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh trọng Pháp Hội Duy Ma Cật chớ.Trong lúc ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng đức Thế Tôn nhập thế phải ở trong một quốc độ thanh tịnh đầy kỳ trân dị bảo,dáng nầy đức Thế Tôn Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni lại thị hiện dơ sinh ở cõi Ta Bà là cõi uế trược đầy đồ bất tịnh,đầy bùn đất sỏi sạn,gai góc... Biết tâm niệm ấy ông Loa Kế Phạm Vương bảo ngài Xá Lợi Phất chớ nghĩ thế,vì cõi Ta Bà nầy không phải là quốc độ ô uế,tại nghiệp thức nên ông Xá Lợi Phất không thấy cõi nầy thanh tịnh đó thôi,tại tâm ông ấy có cao có thấp và khởi hướng theo trí tuệ của Phật nên mới thấy ở đây đầy dẫy những chông gai,ô uế.Lúc đó Phật lấy ngón chân bấm xuống đất,tức thì cõi Ta Bà bỗng dưng biến thành cõi thanh tịnh trang nghiêm bằng thất bảo.Và Phật bảo rằng: Phật thị hiện ở cõi đầy bất tịnh và ô trọc để dạy cho chúng sinh nhàm chán cõi nầy và hướng vào cõi Tịnh Độ.

Bạn ơi,thật ra cõi Nam Diêm Phù Đề(hay cõi Nam Thiệm Bộ Châu)trong cõi Ta Bà mà ta ở tự tánh nó là Không,vì nghiệp thức chúng sinh mà nó Có.Cũng như bất kỳ tự nghĩ quốc độ khác,nó chỉ do tâm của chúng sinh biến hiện,đó là hình bóng cái tâm của cộng đồng chúng sinh - là duy tâm sở hiện.Kệ của Kinh Hoa Nghiêm đã nói :

Tâm như người họa khéo
Vẽ với cảnh thế gian.

Những chúng sinh nào đắc quả Tu Đà Hoàn vốn là một quả trong Tứ Thánh(Tu-Đà Hoàn, Tư Đà Hàm,A Na Hàm,A La Hán),chẳng những họ thấy cả trái đất(Nam Diêm Phù Đề)nầy,mà họ còn thấy cả một tiểu thế giới nữa từ cõi sơ thiền trở xuống.Mỗi tiểu thế giới nằm trên nước rồi gió chồng lên nước,gió nằm trên hư không.Nơi trung tâm tiểu thế giới là núi Tu Di(Tàu gọi là Diệu Cao)cao 84.000 do tuần,do bảy thứ báu như vàng,bạc,xa cừ, lưu ly,mã não,hổ phách,san hô hợp thành.Chung quanh núi Tu Di có 7 vòng biển cách,xa nhau bằng 7 vòng núi Thiết Vi.

Giữa vòng núi Thiết Vi trong cùng và núi Diệu Cao nổi lên bốn châu là Đông ThắngThần Châu,Tây Ngưu Hóa Châu,Bắc Cu Lô Châu và Nam Thiệm Bộ Châu.Nam Thiệm Bộ Châu là cõi trần thế của nhân loại chúng ta,người Tàu còn gọi là cõi Diêm Phù-Đề.

Dưới chân núi Tu Di là Vương Quốc A Tu La,các chúng sinh có phước như các vị trờinhưng không có đức sánh bằng các vị Trời vì đầy nóng nảy,thích việc tranh đấu,thường gây gổ với các chư Thiên cõi Dục giới.Lưng chừng triền núi Tu Di là cõi Trời Tứ Thiên Vương.Trên chót núi Tu Di là 33 nước Trời Đao Lợi,do Thích Đề Hoàn Nhân cai quản. Trên tầng trời Đao Lợi,ở hư không là tầng trời Dạ Ma.Trên tầng trời Dạ Ma là tầng trời Đâu Suất.Rồi tới tầng trời Lạc Biến Thiên Hóa.Sau hết là tầng trời Tha Hóa Tự Tại.Đây là những tầng trời cõi Dục giới,có nam,có nữ và có thai sinh.Trên cõi Dục giới là 16 tầng trời sắc giới,và cứ bốn tầng trời đầu là cõi Sơ Thiền,bốn tầng trời kế hợp thành cõi Nhị Thiền,bốn tầng trời kế tiếp nữa họp thành cõi Tam Thiền,và bốn tầng trời chót kết hợp thành cõi Tứ Thiền.Ở các tầng trời Sắc giới,các chúng sinhvẫn có hình thể,sóc vóc,nhưng dục vọng ở đây đã hết,các chúng sinh đều phi nam phi nữ, loại trung tính,không còn bị tình dục làm não loạn nữa. (Còn tiếp)

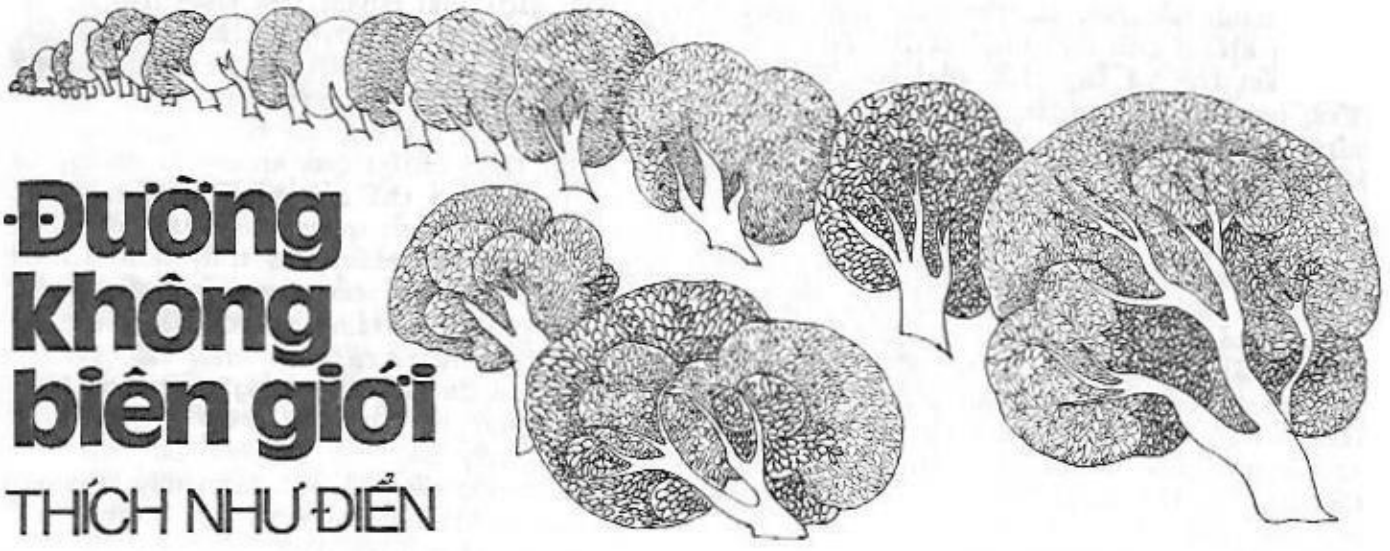

Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ thứ 14)

Ta sinh ra đời từ chỗ không đến có - lớn lên - gầy dựng sự nghiệp, góp mặt cho đời nầy - để có - rồi trở lại không - khihai tay đã buông xuôi với thế sự thăng trầm-dâu là công hầu hay khanh tướng, cũng chỉ lưu danh nơi hậu thế một thời gian, rồi cũng theo định luật tuần hoàn của tạohóa mà lãng xao vào trong dĩ vãng.

Thời gian có Xuân, Hạ, Thu, Đông - khg gian có Đông Tây Nam Bắc - loài người có lúc trẻ lúc già, lúc thương yêu, lúc ghét gớm nhưng mấy ai lại ý thức được sự vô thường trong cõi tạm. Chúng ta thương yêu nó - để rồi nó quấy rầy tâm thức của ta; có lúc biết ghét nó; nhưng cũng có lúc lạithương - Quả thật cuộc đời là một cái gì trong vòng luẩn quẩn.

Chúng ta sinh ra, lớn lên từ nơi quê hương Việt Nam yêu dấu ấy; nhưng tưởng rằng ta ở lại mãi với cỏ cây, sông núi và r u ộng đồng. Ở lại với người xưa, bên những hình bóng cũ. Nào ngờ đâu sự thế đổi thay, giòng đời xuôi ngược; khiến bao vạn sinh l i nh phải trôi nổi ở nhiều quốc độ để tìm một niềm tin và một sự sống, phải chăngnghiệp thức chiêu cảm của chúng sinh trong cõi Ta Bà nầy vẫn còn quá nặng; nên dân tộc ta và chính chúng ta phải còn chịu nhiều khổ nạn như ngày nay?

Ra đi bỏ lại sau lưng mình biết baonhiêu niềm vui lẫn nỗi buồn trong quá khứ; nhg dành phải chấp nhận. Nếu ai đó hiểu được 2 chữ "vô thường" thì dỡ đi một phần khổ tâm nhọc trí, luyến tiếc cảnh cũ, ngườixưa nhưng nếu chúng ta chưa thẩm định đượcgiá trị của cuộc đời theo nhân sinh quan của Phật Giáo thì ta vẫn còn khổ. Vì ta chưatự làm chủ được ta, mà ta đã để cho ngoạicảnh làm chủ mình.

Lần nầy viết về Việt Nam để nhớ và n g hĩ đến quê hương của chúng ta - nơi đó đ ã trưởng dưỡng biết bao nhiêu tinh hoa của dân tộc - từ Tôn giáo, văn hoá cho đến đời sống của những người dầu trần áo vải làm lụng quanh năm suốt tháng cho quê h ư ơng đất nước nầy.

Nhắc lại cảnh đẹp của quê hương hay những anh hùng liệt sĩ - đã có nhiều người làm. Hôm nay, chúng tôi muốn đưa quý vị về quê hương của chúng ta - nơi miền xứ Quảng - đặc biệt là về Tôn Giáo. Đó là Phật Giáo. Một Tôn giáo đã bao đời góp mặt với n ú i sông, với quê hương và Đạo pháp, với t ì nh người và dòng đời trôi chuyển. Mộtquêhương nghèo đói nhất miền Trung của xứ Việt - nhưng tấm lòng của họ chẳng nghèo đói bao giờ. Lúc nào cũng muốn vươn lên với c u ộc sống, dù ở trong bất cứ một lãnh vực nào.

Đến Quảng Nam để xem phong cảnh chùa Non Nước đã có nhiều người đi - nhưng qua phố Hội và về chùa Chúc Thánh, Phước Lâm, V ạ n Đức, Long Tuyền, Viên Giác thì hầu như ítcó người tìm đến. Nếu ai đó có đọc về sử Phật Giáo thì biết rằng chùa Chúc Thánh là đ o Tổ Minh Hải người Phước Kiến qua Hội An - đã khai sơn và truyền đạo tại đây từ hồi thế kỷ thứ 17. Ngài là người bắt đầu c ủ a giòng Thiền Lâm Tế khởi đi từ xứ Quảng.

Chùa Chúc Thánh nằm cách phía Tây BắcTỉnh lỵ Quảng Nam chừng 3 cây số.Khách t h ậ p phương sau khi đã trải qua một đoạn đường gồ ghề với cát và sỏi - sẽ thấy được nhữ mái chùa cong,với rồng bay phượng m ú a , vươn lên sau những tàng cây Thị lớn.Trước khi vào chùa,khách thập phương phải qua 1 cổng Tam Quan đã được dựng lên từ bao đời phủ kín bởi rêu phong cùng với thời gian năm tháng,tạo nên một nét thâm u huyềndịu tịch mịch của cảnh Thiền môn.Hai bên vườn cảy kiểng đủ màu,đủ loại - là những ngôi bảo tháp của các bậc chân Tăng hữu công , bao đời đã duy trì mối đạo,rạng danh l à Thích Tử của Như Lai.Tháp gồm nhiều tầng- trong đó có quàng những pháp thân của các bậc tu hành đã quá vãng.Ngôi mộ tháp của Ngài Minh Hải vẫn còn đây,sừng sững v ớ i gió sương qua bao cuộc phế hưng của thời đại.Tiến sâu vào bên trong,khách thập phương sẽ thấy một hồ bán nguyệt - trong đó chồi lên những ngó sen cùng hoa lá đủ màu. Sen là một hoa quân tử,gần bùn mà chẳng bịbùn làm vẩn dục.Đạo Phật vẫn lấy hoa sen đ ể tượng trưng cho phần Phật tánh của chúng sanh - dầu sanh trong chốn trần ai khổluy nầy; nhưng nếu biết trương dương thântâm và tu hành công đức,thì cũng sẽ giống như hoa sen thoát lên khỏi chốn bùn dơ vậy.

Sau tấm bình phong bên hồ bán nguyệt l à những chậu cây kiểng,nào tùng nào báchnào bông trang,thược dược,đủ loại đủ màu, bày la liệt trong sân.Bên giữa là chánh điện- hai bên là Đông và Tây Đường - Nơi mờigọi khách thập phương hãy lắng lòng trần, vào đây để cho tâm hồn được thanh thản.

Bên trong chánh điện được thờ các vị Phật chư vị Bồ Tát,chư vị A La Hán,các vị H ộ Pháp Long Thần,Thập Điện Minh Vương v à Diên Nhiên Vương Đại Sĩ.Hai bên tường c ó vẽ những hình nơi cõi Cực Lạc của ĐứcPhật Di Đà,và những khổ lụy trần ai nơi âmcung biệt cảnh.Để so sánh với thế gian và xuất thế gian,để so sánh với tình thương vàbạo lực hay giữa thiện và ác - nhằm khuyêntấn chúng sanh trong sự tu hành giải thoát.

Tiến vào bên trong nữa khách thập phương sẽ thấy 2 dãy nhà Đông và Tây,dành chochư Tăng cư ngụ và học tập cũng như giảng dạy giáo lý cho hàng Phật tử tại gia cũng như xuất gia mỗi khi có trai đàn hay nhập hạ. Bên trong cùng - nơi thờ bài vị của cácvị Tổ Sư tiền bối và 2 bên là linh vị c ủ a chư hương linh quá vãng.

Chùa Chúc Thánh là một Tổ Đình lớn vàlâu đời nhất của Tỉnh Quảng Nam,nên mỗi năm, tất cả các bậc tôn túc Tăng già cũng như hàng Phật tử tại gia đều về đây để h o p mặt và dự lễ kỵ tổ.Nếu chúng tôi nhớ khộ lầm lễ kỵ tổ của Chùa Chúc Thánh được cử hành vào ngày mồng 8 tháng 12 mỗi năm - Ngày Đức Phật Thích Ca thành đạo - Ngôi Tổ Đình bỗng nhiên sống động bởi t i ếng chào hỏi hay tiếng kinh cầu.Không y ê n lặng như những tháng ngày chìm sâu trong sự đinh tỉnh của núi rừng xứ Quảng.

Chung quanh vườn chùa là những hàng cây ăn trái,nào ổi,nào mít,nào dừa và d ọ c theo hàng rào của chùa có những ngôi m ộ của các dân gia và thí chủ cũng đượcchôn cất thành hàng nơi đó.Người Việt chúngta vẫn có quan niệm rằng - sống cái nhà - già cái mồ - nên ngôi mộ nào cũng đ ư ợc xây dựng rất công phu và trang nhã.

Đi xa hơn một chút nữa về hướng Tây Bắc- Độ chừng 1 cây số - khách thập phương sẽ gặp một ngôi cổ tự cũng không kém TổĐình Chúc Thánh là bao so với thời gian n ă m tháng được tạo lập.Đó là Tổ Đình P h ước Lâm vậy.

Tổ Ấn Triêm là tổ khai sơn chùa PhướcLâm - như Tổ Minh Hải là tổ khai sơn c h ù a Chúc Thánh; nhưng thời gian dầu còn quá thô sơ - sau đó Ngài Minh Giác Hòa Thượng mới tạo dựng Phước Lâm Tự to lớn rộngrãi hơn và ngôi chùa ấy vẫn còn duy trì đến ngày nay.

Cuộc đời của Hòa Thượng Minh Giác Ítthấy sử liệu Phật Giáo nào ghi - nhưng t h eo Thượng Toạ Thích Như Huệ - giảng sư Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Nam - hiện trụ t r ì Pháp Hoa Tự tại miền Nam nước Úc - cócho hay rằng.

Hòa Thượng Minh Giác là bậc chân t ă ng, đạo cao đức trọng,vừa là một nhân tàicủa quê hương xứ Quảng.Lúc thiếu thời, quyết chí xuất gia học đạo,lớn lên nhằm l ú c nước nhà ly loạn; Ngài không thể ngồiyên để nhìn cảnh non sông bị dày xéo,nên gởi áo nâu sống lại chốn thiền môn,để didánh giặc Chiêm Thành.Sau khi đánh giặc xong,

về để chuộc tội của chính mình, hay chuộc tội cho sơn hà, xả tắc Ngài nguyện q u ét chợ Hội An 20 năm để đền ơn Phật P h áp. Sau đó Ngài trở lại cương vị của N g ười tu hành, tạo tượng đúc chuông, nuôi Tăng , độ chúng. Đại Hồng Chung của chùa P h ước Lâm và của chùa tại Cù Lao Chàm vẫn còn trong hiện tại là do Ngài Hòa ThượngMinh Giác đề xướng và thực hiện. Về sau vua Tự Đức cảm niệm ân sâu của bậc Tu hành hữu công với Đời và Đạo nên đã ban sắc t ứ Phước Lâm Tự và tặng cho Ngài Minh Giác Hòa Thượng 2 câu thơ - được chạm trổ sơn son thếp vàng - mãi cho đến ngày nay vẫn còn được treo tại chánh điện Tổ Đ ì n h Phước Lâm như sau:

- Bình mang, tảo thị lưỡng độ gian l a o, xuất gia kỳ, phát nguyện tu kỳ, bát v ậ t sanh thiên thành chánh quả.
- Tạo tượng chú chung nhị thung công đức cách cựu hào, danh tán cổ hào, thiên t h u giác thế, vĩnh truyền dăng.

Tạm dịch

- Đánh Chiêm, quét chợ, 2 lần khó nhọc; lúc xuất gia, lúc phát nguyện tu hành - đường đi rộng mở, thành chánh quả.
- Tạo tượng, đúc chuông, 2 lần công dứt; sửa cái xưa, thay cái mới, ngàn năm dời biết , sáng luôn hoài.

Đọc 2 câu đối, lòng ai chẳng bồi hồi xúc động - Thật là một danh Tăng mà cũng l à một danh tướng. Ngài đã có công với Đ ờ i bao nhiêu, thì với Đạo cũng không kém - Vừa nhập thế, vừa xuất thế. Quả là một bậc chân Tăng có một không 2 trong lịch s ử Phật Giáo vào thế kỷ thứ 18 và 19 c ủ a nước nhà. Từ đó ta có thể kết luận r ằ ng Ngài Minh Giác Hòa Thượng cũng không kém thua mấy những bậc chân Tăng trong c á c thế kỷ trước như Vạn Hạnh Thiền SưKhuông Việt Thái Sư, Mãn Giác Thiền Sư v.v...

Ngoài ra cách kiến trúc ngôi TổĐìnhPhước Lâm cũng giống như Tổ Đình Chúc T h ánh; nhưng, bên phía những ngôi mộ tháp củacác vị Tổ Sư và các vị Hòa Thượng, khách thập phương có thể thấy được mộ của Ngài Vĩnh Gia - là một danh Tăng của Phật Giáonước nhà - Ngài Vĩnh Gia đã tấn dàn t r u yền giới Tỳ Kheo và Bồ Tát giới tại Tổ Đình Phước Lâm này. Chính Hòa Thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết (Đệ Nhất) và Hòa T h ượng Tăng Thống Thích Giác Nhiên (Đệ nhị T ăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt N a m Thống Nhất) là những bậc cao tăng đã tho giới tại Tổ Đình Phuớc Lâm này với Ngài Vĩnh Gia Đại Lão Hòa Thượng.

Cảnh chùa quê hương còn nhiều nữa - H y vọng với những trang giấy nhỏ này, sẽ góp mặt được phần nào trong việc giới thiệu những cái hay cái đẹp của quê hương m à lâu nay ít có người viết đến. Lần sau chúng tôi sẽ đưa quý vị đi thăm những Tổ Đình khác tại Quảng Nam và những danh l a m thắng cảnh khác nữa để quý vị có một cái nhìn đích thực hơn về một quê hương -nơi đã dưỡng sinh nhiều tâm hồn thoát tục.

(Còn nữa)

---

tiếp theo trang 40

tu chứng của kẻ khác. Ta hãy nhìn photượng trên bàn thờ, là cái tha thọ dụng thân của Đức Phật. Xuyên qua thân tượng ấy, với lòng chí thành đảnh lễ của ta, ta sẽ bắt gặpcái tự thọ dụng thân của Ngài. Bắt gặp đ ư ợc, thì trong tâm khảm của ta, hai thân ấygiao tham, thân này hoán tri [transposer] v à o thân kia. Lúc ấy Phật gõ cũng là Phật thật vì Phật là vô tướng mà cũng là vạn tướng. Sự giao cảm giữa Phật và ta được thể hiện trong phút giây thiêng liêng ấy.

Năng lễ sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì.

Điều cần thiết, là phải chí thành, có c ả m mới có ứng.
Ta chưa đạt đến trình độ tu chứng củaNgài Đơn Hà Thiên Nhiên, để xem thường tượng gỗ đem đốt ấi để sưởi ấm. Thiền sư đã làmthiền lộ ông Phật nợi mình, chứ ta thì còn x a lắm. Ta còn rất cần tượng Phật, và lễ Phật. Sự xem như mâu thuẫn giữa hai sự kiện nêu trên, ta phải giải quyết trong thực tếtheo chỉ hướng của lời dạy ngài Quy Sơn:

Thật tế lý địa bất thọ nhất trần
Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp.

Ni Cô Thị Nguyện

Nam Mô Đại Hiếu MỤC KIỀN LIÊN
Bồ Tát Ma Ha Tát

Nhân trong Viên Giác số 18, có bài viết từ Á Châu gởi sang, của ni cô Thị Nguyện. Với hạnh nguyện sứ giả Như Lai, phục vụ dân tộc Việt đang điêu linh trên khắp nẻo đường thế giới của ni cô, làm tôi nhớ đến cuống ni cô Thị Nguyện, ngày xưa bên nhà, tôi được duyên lành gặp gỡ...

Lúc đó tôi còn là một tăng sinh của Phật Học Viện Giác Sanh, vùng Chợ Lớn. Sau 3 tháng an cư kiết hạ, như các huynh đệ khác, tôi cũng được nửa tháng về thăm thầy tôi ở tận Miền Tây heo lánh.

Buổi sáng hôm nọ, tôi đang giúp huynh đệ chăm sóc mấy luống hoa huệ bên cạnh công chùa, từ xa đi lại một thiếu nữ, dắt người đàn bà độ ngũ tuần, nhờ chúng tôi đưa vào lễ Phật và xin gặp thầy trụ trì. Đây là ngôi chùa ở quê, nên không được rộng rãi và nhiều phương tiện cho lắm, hậu tổ của chùa cũng là nơi tiếp khách, sau khi hai người lễ Phật xong, được sư phụ tôi tiếp chuyện tại hậu tổ.

Với vẻ mặt dàu dàu, ảm đạm, người đàn bà cho biết, trước đây 3 năm, đôi mắt của người tự nhiên xốn xang, chảy nước mắt mãi, rồi từ từ mờ dần, đã chạy khắp thầy, chữa cùng thuốc, bệnh vẫn không thuyên giảm. Gần năm tháng nay, đôi mắt của người hoàn toàn mù hẳn. Đoạn người đàn bà kết thúc câu chuyện của mình :
"Nhân vô tai họa, bất khởi từ tâm".
Thật vậy, bạch thầy, nếu con không bịnh tật có lẽ con còn mãi tranh đua giàu nghèo, có thì giờ đâu nghĩ tới Phật, pháp.

Bấy giờ người thiếu nữ đứng lên chắp tay giọng đầy bi ai, khẩn thiết: "Bạch thầy, bổn phận làm con, con không biết làm sao cho trọn đạo trước bịnh tình của mẹ, con chỉ biết thành tâm khẩn nguyện cùng Mười phương Chư Phật, trước Đức Như Lai, thệ thỏ phát, trường chay, giữ giới, hồi hướng công đức này về cho mẹ con, để tội nghiệp của người đàng tiêu trừ. Xin thầy từ bi hỷ xả thế phát cho con".

Trước hiếu hạnh hiếm có của thiếu nữ, lòng thành tín tưởng đến Phật pháp của người mẹ sư phụ tôi muốn bà hiểu thế nào là luân hồi, nhân quả, cũng không ngoài ý khuyên giải, an ủi, để bà thêm nhiều nghị lực mà kham nhẫn, người ra hiệu dạy tôi châm trà thêm cho khách, đoạn hướng về người đàn bà và hỏi :
- Nhi vị Phật tử có nghĩ rằng hôm nay mình gặt được gánh lúa đầy, đó là do từ sáu tháng trước ta đã ra công gieo, trồng, nhổ, cấy..? Ngày nay ta hái trái cam chua, do trước kia ta không biết chọn giống cam ngọt, phụ vào đó, trong suốt thời gian sau này, ta không vun bón, chăm sóc đúng mức, cẩn thận... Kiếp hiện tiền ta phải chịu cảnh bệnh tật, bần hàn, biết đâu kiếp trước ta đã ăn ở bạc ác với mọi người, phỉ phạm của cải, xưa Phật dạy:
"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị... "
Nhi vị cũng nên biết, Ta Bà là cõi tạm, nơi mà chúng ta đến để trả quả cho kiếp trước tạo nghiệp cho kiếp sau, để rồi đau đớn mà ra đi với hai bàn tay trắng, nhà cửa, ruộng vườn, con cái, chồng vợ,... mặc dù những thứ đó ta ấp yêu, quí mến vô chừng, dù những thứ đó ta đã bỏ ra bằng cả cuộc đời, để tạo dựng, để tranh đoạt, bất kể thiện ác, tội phước... Nhưng nào mang theo được gì? Duy chỉ nghiệp lực là đeo đẳng theo ta mà thôi ... Con người ta sanh ra, lớn lên, già, bịnh để rồi chết. Niềm vui trong cuộc đời gồm lại có bao nhiêu? Toàn là chuyện đau buồn và nước mắt. Phật dạy :
"Nếu dọng lường được nước mắt từ xưa tới nay của chúng sanh, sẽ nhiều hơn nước đại

dương". Thật vậy:

"Đời có vui sao chẳng cười khi ?
Mới sanh ra đà khóc choé !!"

Tôi đã khái niệm cho nhị vị thế nàolàluân hồi,nhân qua,tử đại giai không,sau đâytôi xin thuật lại câu chuyện để nhị vị s u y gẫm.

Chàng là một thiếu niên mãn tuệ và h i ếu học,chàng tỏ ra xuất sắc cả Tây học l ẫ n Hán học.Ngoài ra chàng còn biết tài b ắ n tên và "dân ná",đang cỡi xe đạp,với chiếc ná,chàng có thể bắn rơi con sáo,hoặc con chim cu đậu trên cành cây cao năm, b ả y thước.Lời người thường nói:
"Có tài mà cậy chi tài... ".Nhưng c h ính cái biết xảo đó,làm cho chàng ta thực ngộ được chân lý siêu việt...

Vào một buổi trưa hè,những cơn gió hiuhiu lùa nhẹ vào song cửa,đưa chàng ta đi lần vào giấc điệp trên bộ ván gỗ.Nhưng chàng chợt bừng tỉnh,sau hè,trên cây ngô đồngcó thụ có tiếng chim kêu rất lạ tai,c h à ng nghĩ,chắc chắn là con chim to lắm đangđậu trên cây ngô đồng,vội vàng cầm chiếc n á chạy ra sau.Kìa,không cao lắm,trên c à nh ngô đồng,một con chim to lớn dị t h ường, màu sắc sặc sỡ,tiếng kêu thật lanh lót... Rết,rồi phành phạch,phành phạch... Mũitên bé nhỏ xé gió bay đi,tiếng kêu thốngthiết và hốt hoảng của con chim từ trên cao rơi dần xuống,hai cánh đập loạn xạ,liên hồi . Cũng có thể cái đập cánh của con chim l à cái giẫy giụa để chết,cũng có thể là sựcố gắng của sức tàn còn lại để chống với t ử thần,vì nó tự biết,nếu rơi xuống tại đây, dù không chết liền,cũng chết dần mòn. Đôi mắt chàng chăm chú vào con chim đang rơi, đôi chân đuổi theo,đột nhiên chàng t h ất thanh la lên... Rồi thì phía trước, không xa lắm,con chim đang đi vào khoảng c u ối của cuộc đời nó,nơi này,đôi mắt của chàng bị nhánh "Chà tre" móc thật sâu và n g ất lịm đi...

Sau nhiều tháng dài tịnh dưỡng,có hai s ự kiện trái ngược,xảy ra trong đời chàng.

Thứ nhứt,đôi mắt chàng hoàn toàn mù hẳn , thứ hai,nhờ vào những tháng năm dài sống trong tận cùng của đau đớn,khổ não, chàng nhớ lại con chim mà mình đã bắn,có c h ết hay không? Sự đau đớn của nó như thế nào, nếu nó chết,và nếu nó không chết... ? ...

Từ đó,chàng như bừng tỉnh trong cơn mơ , rõ ràng :
"Ác lại,ác báo".Nếu không tích t h i ện, làm sao tùng thiện?

Hơn sáu mươi năm qua rồi,chàng thanhniện đó đã tìm lại được ánh sáng,không p h ải ánh sáng soi rọi qua đôi mắt,mà là nguồn sáng chân lý,nguồn sáng từ bi của Đ ứ c Phật.Chàng thiếu niên hơn sáu mươi n ă m trước,chính là người mà ngày nay,đ a n g ngồi và hầu chuyện với nhị vị,Vì đ ồ n g cảnh tương lân,tội mù,nên hiểu được hoàn cảnh khốn khó của nữ Phật tử.

Câu chuyện sư phụ tôi vừa kể xong,làmcho đôi mắt kèo mày mù trắng đã của người đàn bà,đôi ba phen đảo lộn.Thì ra,từ sớm đến giờ,bà vẫn tưởng sư phụ tôi có đôi m ắ t sáng...

Rồi thời gian qua mau,vũ trụ,vạn vật,khộ ngừng biến diệt từng sát na,trí tưởngcủa tôi cũng vậy,quên dần theo năm tháng.Bây giờ tôi đã thực sự trở về chùa thầy tô', để cùng với huynh đệ chung lo Phật sự.

Buổi trưa hôm nọ,tôi đang nằm trên chiếc võng bố,nơi mà mấy năm sau này sư phụtôi ít khi rời xa,xảy có một ni cô và người đàn bà,tóc đã điểm sương,đến xin h ầ u chuyện sư phụ tôi.Chợt nhìn qua haingười tự nhiên trong tôi có một cái gì nhưbàng hoàng,như xúc động,tôi chưa kịp nghĩ r a cớ sự.

- Thầy còn nhớ tôi không? Năm năm trước, tôi và mẫu thân có đến đây,nhờ HòaThượng rũ lòng từ ban bố cho thời pháp và chứng minh lòng thành khẩn nguyện của tôi.Ngày nay,đôi mắt của mẫu thân tôi được c h ữa trị lành mạnh,trong sáng như xưa,âu ấ ó cũng là nhờ Phật,Trời soi xét.Còn t ô i, năm xưa,Hòa Thượng đã soi ngọn đuốc, chỉ dặt con đường đi dẫn vào Chân lý từ b i của Đức Như Lai,... Hôm nay tôi và m ẫ u thân có dịp quay trở về đệ lễ Phật,lễ Tổ và vấn an Hòa Thượng,Chẳng hay Hòa Thượng đi vắng hay sao? Tôi từ từ nhìn lạichiếc võng bố,cây gậy,bộ đồ trà và những v ậ t thường gắn bó với sư phụ tôi,nhìn lênbức hoạ vị Đại hiếu Mục Kiền Liên,quay nhìn vị ni cô - Sau này tôi được biết là nicô "THỊ NGUYỆN" - tôi nghĩ tiếp: "Có p h ải mắt của bà sáng tỏ lại là một sự tựnhiên Có phải mắt của bà sáng tỏ lại là do s ự

xem tiếp trang 67

Chuyện trong phủ của Kinh Vương

HỒ TRƯỜNG AN

Kinh Vương, chú của vua Triết Tôn nhà Tống vốn không ưa việc triều chính. Với tâm hồn nghệ sĩ, vương cho xây cất một vương phủ nằm về nơi yên tĩnh nhất của đế đô Lâm An để dưỡng tinh thần.

Vương phi kém hơn vương một tuổi là một trang hiền đức, vốn là con gái vị Quốc Công họ Vương, từ thuở nhỏ có những ý tưởng xuất gia, lánh tục. Thuở đó, nhân thấy người thiếp của cha mình sinh nở khó khăn rồi chết vì chứng hậu sản, cô thiên kim tiểu thư họ Vương đã có một vài ý niệm về cái khổ trong cõi phù thế nhân sinh này. Lại nữa, có lần Vương tiểu thư xuống khu nhà bếp bắt gặp một con bò bị cột dợi đem xẻ thịt để dọn cỗ mừng lễ sinh nhật cho Quốc Công phu nhân họ Thái, mẹ ruột của tiểu thư. Con bò nhìn tiểu thư, đôi mắt rầu rĩ tuôn lệ dầm dìa. Tiểu thư trong giây phút đó rúng động tâm can, chiếc quạt lụa trên tay rớt xuống đất. Nàng liền về phòng, cởi hết trâm thoa, vòng xuyến, nhẫn, vật mình nằm khóc suốt cả ngày. Từ đó, tiểu thư không ngó ngàng gì tới gấm vóc, châu ngọc, son phấn, hương xạ, hương lan nữa. Nàng ăn chay, mặc nhã dạm với thứ vải gai dệt mịn khi có đi đâu thì mặc áo cẩm sa nhập cảng ở các nước Tây Dương. Tiểu thư thường bảo: "Mặc áo lụa cũng như ăn thịt cá, đều phạm tội sát sinh, vì muốn có lụa thì phải có tơ. Mà muốn có tơ thì phải dùng nước sôi giết con tằm nằm trong kén tơ. Còn đeo trân châu cũng thế. Muốn lấy hạt châu thì phải giết một con sò".

Khi Vương tiểu thư đến tuổi cài trâm, y theo lời hôn ước, được gả về vương phủ. Kinh Vương khôi ngô tuấn tú, mặt vuông và đẹp như ngọc, rạng như gương mắt ngời như sao, răng trắng bóng như hạt lựu. Lại thêm, vương giỏi về cầm, kỳ, thi, hoạ cùng ba lượt sáu thao. Đúng là một mẫu người mà bất bao cô gái quyền quí cùng các hạng công nương mơ ước. Vương nhận thấy vợ tuy không thuộc hạng sắc nước hương trời, nhưng thật ôn nhu, đoan trang; dáng dấp thật u nhàn, trinh tĩnh; mặt như một bông sen trắng; trên má điểm nốt ruồi son. Vợ chồng kính yêu lẫn nhau. Vương phi lo việc tề gia nội trợ, sắp đặt mọi việc trong vương phủ thật chu đáo. Đối với gia bộc, a hoàn, bà chị dùng ân đức nhiều hơn dùng uy quyền.

Sau khi sinh cho Kinh Vương hai vị vương tử và hai vị quận chúa, vương phi xin chỉ cho phép mình tu tại gia, giữ gìn nghiêm nhặt luật cận sự nữ. Vương buồn lắm, hỏi: "Vợ chồng ta dù tuổi gần bốn mươi, còn đẹp đẽ, tráng kiện. Cớ sao vương phi lại muốn xa lánh tôi? Hay tại vì tôi mới thu nạp hai người thiếp mà vương phi ghen hờn chăng?" Vương phi êm ái bảo: "Hai người thiếp kia rất tương đắc với thiếp. Họ biết kính trên nhường dưới, vốn người hiểu đạo lý. Vương gia há không biết chí nguyện của thiếp từ khi mới về phủ này hay sao? Thiếp trộm nghĩ nếu thiếp tu Tịnh Độ độ vãng sinh, thì chàng những cứu độ cho cả nhà mà cho cả chúng sinh nữa. Xin vương gia cho thiếp được tròn nguyện".

Số là vào tiết nguyên tiêu năm ngọ ái, Kinh Vương đã thu nạp vào vương phủ hai nàng thiếp, một người vốn là con của vị hàn sĩ tên Tô Mỹ Diệu, còn một nàng tên là Hồ Thục Đức vốn là con một viên Tri Huyện chịu ơn vương đã để bạt mình trên đường hoạn lộ. Cả hai đều kiều diễm, giỏi làm thơ nên rất được vương sủng ái. Vốn là con của nhà lễ nghĩa, họ rất kính trọng vương phi sáng sớm nào họ cũng vấn an vương phi như đối với mẹ chồng.

Tô Mỹ Diệu mặt thuôn như trứng ngỗng, trắng như phấn, mịn như nhung, mắt sáng ướt như sóng thu, môi thắm như đóa hồng mai, trong cái phẩm chất kiêu diễm còn ẩn chứa nội tình phóng đật. Vốn xuất thân nơi nghèo khó nay về vương phủ được ăn cao lương mỹ vị, được mặc gấm lụa chói chan, được ở một nơi nguy nga là Xuyết Cầm Các cuối góc Quảng Phương Viên phía đông, nên cô ta quyết hưởng lạc thú của cuộc đời mới, coi như đó là cõi thăng diệu ở chốn trần gian. Hồ Thục Đức thì khác hẳn họ Tô. Nàng dẹp hiền thục đoan trang, nhưng bẩm chất bình hoạn yếu đuối nên tinh thần nhu nhược. Nàng cũng mãn nguyện lấy được một bậc tao nhã, đẹp trai như Kinh Vương, nhưng cũng rất buồn vì sức khoẻ của mình. Sau khi sinh cho vương một cậu quí tử, nàng cứ đau yếu liên miên, rồi chán ngán mọi việc. Vương và vương phi thỉ thỏ xót nàng lắm, cho tìm thầy, chẩn mạch, bốc thuốc nếp nàng được thuyên giảm vài phần, nhưng bản chất không vì thế mà phục hồi dần vào trạng thái hoàn toàn khang kiện. Hồ Thục Đức lại có thêm tài hội họa, thường vẽ hoa lá, chim, bướm làm vui. Nơi U Hương Các, của nàng bày đầy tranh lộng khung, liên đối, các bức hoạ phóng bút rất ngoạn mục và vẫn nhã. Vương thích đến đó dùng trà sau khi đi chầu về. Nhưng ở đó, vương chỉ tìm sự tĩnh mạc để dưỡng tinh thần, sau khi mệt nhọc việc triều chính. Nơi tìm vui của vương vẫn là Xuyết Cầm Các, có Tô thị ưa tổ chức ca múa, bày yến tiệc cùng những trò dục lạc khác.

Vương phi cho các a hoàn của mình vốn khỏ thích trai giới qua ở bên hai người thiếp của chồng mình, chỉ giữ con Kim Cương sớm hôm giúp đỡ. Chúng tớ cùng trai giới, cùng mặc bỏ vai. Vương phi dạy cho Kim Cương chữ nghĩa để nó đọc được kinh kệ.

Thế là Phỉ Thúy, Mã Não, Thạch Anh thì qua ở với Tô Mỹ Diệu; Còn Pha Lê, San Hô, Ngọc Lựu thì qua ở với Hồ Thục Đức.

Một sáng mùa Đông, San Hô qua thăm Kim Cương. Lúc ấy vương phi đang tụng Từ Bi Thuỷ Sám Pháp. Kim Cương bảo: "Hồ di nương lại trở bịnh nặng. Vương vừa cho mời Trần Thái Y ở trong cung đến chẩn mạch. Nhưng Trần tiên sinh đoán không hiểu là bịnh gì. Chắc có lẽ Hồ di nương bị ma đưa chăng?". Kim Cương hôm đó trình lại tự sự cho vương phi nghe. Vương phi liền khoác áo bông, dạp tuyết đến U Hương Các. Lạ thay, vừa thấy vương phi đến, Hồ Thục Đức cảm thấy như mình tắm trong dòng suối nhiệm mầu. Bịnh nàng giảm thiểu đôi chút mà không hiểu tại sao, dù thang ích khí bổ thận chỉ mới bỏ vào siêu và đang sắc trong bếp. Vương phi cầm tay bịnh nhân bảo: "Di nương giỏi về hội họa khi bình phục nhớ vẽ dùm tôi bức A Di Đà Tam Tôn để tôi thờ phụng. Mấy bức tranh bán ở ngoài chợ phía Đông không làm tôi vừa lòng vì màu sắc lòe loet quá". Hồ Thục Đức ngỏ lời: "Xin vương phi thương xót mà tụng cho tôi Kinh Phổ Môn và Kinh Dược Sư, hoạ may tôi bình phục được chăng?".

Sáng hôm sau, Hồ Thục Đức nhờ Pha Lê, Ngọc Lựu dùng nước trầm lau thân thể sạch sẽ cho mình, rồi nàng súc miệng, ngậm trầm hương, đốt nhang thơm và bắt đầu vẽ bức A Di Đà Tam Tôn. Bức tranh hoàn tất vào tiết đại thử. Vương phi cho treo tại Quán Âm Lầu. Trong tranh, khuôn mặt của Đức A Di Đà Phật, của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Đức Đại Thế Chí Bồ Tát như mặt người sống. Nét mỉm cười từ ái của Phật thật bất hủ, không thể dùng ngôn ngữ nhân gian diễn tả nổi.

Cũng từ khi bức tranh hoàn tất, Hồ Thục Đức nảy sinh lòng mộ đạo, xin vương phi cho mình cùng trai giới và cùng trì danh niệm Phật. Thấy chủ tu hành, Pha Lê, San Hô và Ngọc Lựu cũng xin mỗi tháng ăn chay vào ngày rằm và vào ngày vía các Phật thay các Bồ Tát.

Trong vương phủ, về phía phụ nữ, pháp môn Tịnh Độ càng lúc càng được hâm mộ. Trừ vương phi, trừ Thục Đức và Kim Cương chỉ thành ăn chay trường, còn tất cả đều tu theo kiểu các a hoàn của Hồ Thục Đức, nghĩa là chỉ ăn chay một tháng hai hoặc ba ngày mà thôi.
Tô Mỹ Diệu vốn thấy người ăn khoai, vác may mà chạy. Nhưng nàng chỉ ăn chay vào ngày rằm và vào ngày ba mươi lịch trăng mà thôi, và nàng vẫn thường tổ chức yến

tiệc và thưởng trang diểm,đàn hát để nịch ái Kinh Vương.

Mười năm sau,Kinh Vương tử trần.Lúc đó, đức Huy Tôn lên ngôi để cầm vận mệnh quốc gia.Con trưởng nam của Kinh Vương đượctập tước của cha,được vua Huy Tôn phong là Vũ Lộ Vương.Dinh cơ trong vương phủ đượcngăn làm hai.Phần phía Đông dành cho VũLộ Vương cùng em là Cẩm Hương Quốc Công và giadình họ trú ngụ.Phần phía Tây ngăn từ phíaQuần Phương Viện dành cho vương phi và các tì thiếp của Kinh Vương.Vương phi,trước khi rút về Tây phủ,liền bảo phe phụ nữ: "Nếu ai muốn tu hành thì theo ta về Tây phủ. Nhưng khi đã vào đó rồi phải giữ giờihạnh chuyên cần,tu hành tinh tấn".Hồ Thục Đức liền xin theo hầu vương phi.Tô Mỹ Diệubất đắc dĩ cũng phải đi theo.Trong số a hoàn chỉ có Kim Cương và Anh Lạc(cô tớ đã từng theo hầu hạ Vũ Lộ Vương phi).Nhưng a hoàn già trở thành lão bà thì hầu hết theovương phi vì không muốn rời xa chủ cũ.

Vũ Lộ Vương và Cẩm Hương Quốc Công n g ày nào cũng đắc vợ con đến vấn an mẹ.Cả hai đều lo dạy dỗ Triệu Linh,con trai của H ồ Thục Đức lúc đó được mười ba tuổi.Tô M ỹ Diệu không con trai,chỉ có chút con g á i tức là Thọ Khang Quận Chúa,nay theo c á c con gái của Vũ Lộ Vương và các con gáicủa Cẩm Hương Quốc Công học tập kim chỉ,t h ơ văn,lễ nghĩa.

Kinh Vương thất lộc quá sớm để lại b i ết bao tiếc thương,sầu khổ cho Tô Mỹ D i ệu. Nàng góa chồng vào tuổi ba mươi bốn. Thật ra,sở dĩ nàng không ở Đông phủ là vì khg da Vũ Lộ vương phi,vốn có nhiều hiềmkhích với nàng thuở Kinh Vương còn sinh t i ền. Qua Tây phủ,tức là nàng muốn tránh mặt kẻ cựu địch.Nàng tu miễn cưỡng,thường giảdau để tránh các thời khóa lễ.Nàng sợ n h ấ t phải dự lễ công phu khuya và thường l é n lút đưa tiền Lâm ma ma để mua các mónmặn về ăn.

Hồ Thục Đức nhỏ nhẹ khuyên can người đồng hội đồng thuyền: "Thư thư là bậc thộ minh lẽ dâu còn luyến tưởng tới cuộc đời đ a u khổ nầy? Nghiệp quả đã xuôi cho vương gia chúng ta sớm lìa đời.Người quả phụ cókhác nào chôn nửa cuộc đời xuống mồ theo chồng. Đã nhập Tây phủ rồi,chị không nên l à m chướng ngại nơi đây".Tô Mỹ Diệu lấp liếm: "Cám ơn muội muội có lời khuyên.Để r ồ i tôi sửa đổi".Nói thì nói vậy,nhưng lòng trần Tô di nương chưa dứt.Nàng rầu rĩnhớ tiếc ngày chồng còn sống,cứ hồi tưởngnhg lúc yến tiệc ca xang,nhứng lúc má kề vai tựa vối chồng.Do đó mà nàng ngã b ệ n h. Vương phi biết được,một hôm cho mời TôMỹ Diệu đến Quan Âm Lâu,rồi kêu Kim Cươngvà Anh Lạc ra ngoài,nghiêm giọng bảo người sủng thiếp của chồng mình: "Chàng có thể vì nhà người mà phá trật tự nhà của t a sao?" Tô Mỹ Diệu gục xuống,ôm chân p h u nhân,ăn năn tạ lỗi.Vương phi đem c h iếc gương tròn đưa cho Tô Mỹ Diệu soi rồibảo "Di nương soi gương kỹ đi.Khuôn mặt d i nương đầy những hắc khí,lại sâu héo v ô vàng.Trong khi đó,mặt mày của mọi người ở Tây phủ đều rạng rỡ.Tại sao vậy?Cóphải chăng di nương không thật lòng tu niệmvà còn mơ tới chuyện trần tục của cuộc đời quá khứ đó ư?" Tô Mỹ Diệu nghẹn n g à o: "Thiếp xin từ đây giữ giới.Xin vương phi rộng dung cho thiếp phen nầy".

Từ đó,Tô Mỹ Diệu trở nên tinh tấn tuhành vừa tu theo Tịnh Độ,vừa tu theo T h i ền Tông và thường đọc kinh A Di Đà để c ầ u cho vong linh Kinh Vương được siêu thoát.

Bốn năm trôi qua.Vào một buổi sáng, chớm thu,sau khi dội mọi người dùng điểm tâm xong,Tô Mỹ Diệu bảo Hồ Thục Đức r ằ n g: "Muội muội à,tôi sẽ đi nội ngày hôm nay. Từ bốn hôm nay,tôi không ăn cơm cháo g ì cả,chỉ dùng nước mai thang để thân t h ể được tinh khiết".Hồ Thục Đức nhìn người bạn đồng thuyền của mình,chợt nầy s i nh tình cảm phức tạp,nửa xót thương,nửa tôn kính.Nàng hỏi Tô thị: "Em có thể giúpthư thư được gì chăng?" Họ Tô bảo: "Muộimuội nhớ mọi người trợ niệm cho tôi".Nói xong Tô Mỹ Diệu đánh răng súc miệng,tắm gội, mặc chiếc áo vải nâu dệt mịn và n h uyễn rồi đến Quần Âm Lâu lạy vương phi:"Duyên nghiệp giữa chúng ta ở cõi Ta Bà chấmdứt từ đây.Xin vương phi ở lại an khang, t u hành tinh tấn.Thiếp hẹn với vương phi ở cõi Cực Lạc Bang".Nàng ngồi kiết g i à trước tranh A Di Đà Tam Tôn,có tiếngniệm Phật.Vương phi liền sai Kim Cương triệu tập mọi người đến trợ niệm.Chiều x u ống dần.Ở Tây phủ,đèn đuốc thắp sáng như sao sa.Tiếng niệm Phật vang vang không ngớt. Đến canh một,một mùi hương kỳ la lankhắp nhà.Không phải mùi trầm hương,hoặc m ù i

chiên dàn hay hương dâu tô hợp.Mùi hương nầy thoạt ngửi qua tâm thần mọi người trở nên sáng suốt,an lạc lạ kỳ.Tô Mỹ Diệu an nhiên thị tịch,đầu nóng rực như lửa, mặt mày tươi nhuận môi thoáng diễm một nụ cười giống hệt nụ cười của Đức Phật A Di Đà trong tranh A Di Đà Tam Tôn.

Đêm sau,khi quan tài Tô Mỹ Diệu còn quàng tại Thạnh Liên Đường trong Tây phủ,thì Hồ Thục Đức cảm thấy quá mệt mỏi,một cảm giác mà nàng chưa từng thấy từ khi tu pháp môn Tịnh Độ.Nàng liền trở về phòng nằm nghỉ rồi ngủ thiếp đi.Trong mơ, nàng thấy Tô Mỹ Diệu mặc quần áo trắng, đeo chuỗi anh lạc,tay cầm đóa sen xanh bảo rằng: "Muội muội à,em hãy nói với vương phi rằng nhờ bà mà chị được vãng sinh về Cực Lạc Thế Giới.Chị đội ơn bà vô cùng".

Khi Hồ Thục Đức tỉnh dậy thì trống bên thành đã điểm canh ba,thầm nghĩ rằng chiêm bao vào lúc canh ba chắc chắn là linh ứng. Sáng hôm sau,trong bữa điểm tâm,Hồ Thục Đức kể lại chuyện chiêm bao cho vương phi nghe.Thật ra,lúc Tô Mỹ Diệu viên tịch, vương phi đã tin chắc nàng được vãng sinh vì có sự xuất hiện của mùi hương lạ. Vốn tin sâu,nguyện chắc,vương phi thầm hoan hỉ dùm cho sự siêu thoát của người sủng thiếp của chồng mình.Tuy nhiên,vương phi mỉm cười bảo: "Cô ấy ứng mộng cho ta thì ta mới tin rằng cô ấy thật sự đã ứng mộng cho dì nương.Còn việc vãng sinh của cô ấy ta không có chút thắc mắc nào vì đó là sự tất nhiên rồi".

Tối đến,sau khi ngồi kiết già niệm Phật, vương phi đi ngủ sớm.Trong chiêm bao, Vương phi thấy Tô Mỹ Diệu hiện về tạ ơn,vẫn áo trắng,cổ đeo xâu chuỗi anh lạc,và tay cầm bông sen xanh.Vừa vương phi hỏi: "Tôi có thể đến Cực Lạc không?" Tô Mỹ Diệu bảo : "Xin vương phi hãy theo thiếp".Nói xong, nàng đưa vương phi đến một thế giới cực kỳ đẹp sáng,có một cái ao rộng lớn.Quanh ao là thềm cấn bằng vàng bạc,lưu ly trong ngoài chói suốt.Dưới đáy ao thuần là cát vàng trải làm đất,ánh sáng pha vào ánh nước trong biếc.Trong ao có 4 thứ sen: sen đỏ nhả ra ánh sáng đỏ tươi như hồng ngọc; sen xanh tỏa ánh sáng xanh lơ như ngọc phỉ thúy; sen vàng tỏa ánh hoàng ngọc trộn ánh hổ phách và vàng ròng; sen trắng tỏa ánh pha lê trộn ánh băng thanh cùng trăng bầu.Nhưng trong các thứ sen kia có đoá hàm tiếu,có đóa mãn khai, có bông tươi nhuận,có bông héo vỏ vàng.Vương phi liền hỏi duyên cớ.Tô Mỹ Diệu phân giải: "Khi người tu Tịnh Độ vừa mới phát tâm thời trong ao báu nầy mọc lên 1 ngó bông.Vì có người siêng năng,tinh tấn,lắm có kẻ giải đãi biếng trễ nên mới có bông tươi,bông héo khác nhau như thế.Nếu tu hành tinh tấn thì bông càng tươi rạng,to lớn và sáng rỡ dần.Còn ai biếng lười thối thất thì bông héo lần.Đó là lẽ cảm ứng nhiệm mầu vậy.Nếu có kẻ nào một mực tu trì lâu ngày chầy năm,công phu niệm Phật thuần thục,thì đến khi thọ mạng đã mãn, chắc chắn sẽ thác sinh vào trong hoa sen ở ao này".Vương phi chợt thấy trên 1 hoa sen mãn khai,có một người ngồi với mão vàng,chuỗi ngọc ánh sáng rực rỡ,bèn hỏi người thiếp là ai? Tô Mỹ Diệu đáp rằng : "Thưa,đó là ông Dương Kiệt".Vương phi lại chỉ một người khác ngồi trên đóa sen đang độ bán khai liền hỏi: "Có phải là ông Mã Vu đó không?" Tô Mỹ Diệu bảo rằng: "Đúng vậy".

Ông Dương Kiệt và ông Mã Vu vốn là bạn đồng liêu của Kinh Vương,và cũng là bạn đồng tu Tịnh Độ pháp môn với vương phi . Cả hai thường viết thư gửi cho vương phi hầu tiện việc trao đổi kinh nghiệm trong việc tu tập.

Vương phi lại hỏi: "Tôi sẽ hóa sanh tại hoa sen nào?" Tô Mỹ Diệu liền dắt vương phi đi qua vài dặm,đến một dải hoa kết bằng hoàng kim,bảo ngọc rực rỡ,chói sáng dị thường,bảo: "Vương phi sẽ thác sinh ở bông sen nầy.Đó là thượng phẩm thượng sanh vậy".

Sau khi tỉnh giấc,vương phi rất đẹp dạ vui lòng.Sáng hôm sau,bên phủ Bảo Quốc Công của ông Dương Kiệt,có người nhà đến cho hay rằng: "Bảo Quốc Công bên phủ chúng tôi vừa tạ thế,trong tư thế ngồi kiết già niệm Phật.Khi lão gia vừa tắt hơi thì hào quang chói lọi khắp nhà".

Từ đó công việc tư tu và khuyến hóa của vương phi càng chủ thiết hơn.

Năm ấy,trời vừa vào tiết chớm xuân.Hoa đào dệt tưng cụm mây hồng trong Quân Phủ Viên.Hoa mẫu đơn dệt gấm trăng,đỏ,vàng

trên mặt đất. Chim hoàng oanh hót véo von trong bóng liễu chập chùng. Chim sơn ca tấu nhạc du dương trên cánh đồng xanh rờn mạ non. Ngày sinh nhật của vương phi cũng đến gần. Bà bảo con cháu rằng: "Ta sẽ vãng sinh vào lễ sinh nhật. Các ngươi chớ có bày vẽ lễ chúc thọ làm chi".

Sáng hôm đó, vương phi dậy sớm, tắm gội, chải gỡ rồi tay cầm lư hương đến Quan Âm Lâu đứng thẳng.

Bên Đông phủ cũng như bên Tây phủ, họ hàng quyến thuộc chợt thấy ở Quan Âm Lâu hào quang tỏa sáng, trên không trung, tiên nhạc hòa tấu du dương. Mọi người chạy đến Quan Âm Lâu thì bắt gặp mùi hương lạ tỏa rộng nơi nơi. Vương phi thị tịch trong tư thế đứng thẳng, tay chắp lại lễ bái tượng A Di Đà Tam Tôn, mặt hồng hào, tươi nhuận. Năm đó vương phi đã ngoại lục tuần, nhưng tóc vẫn đen như huyền, vóc mình mảnh dẻ, mặt không một vết nhăn, nốt ruồi son vẫn tươi thắm và rực rỡ trên làn da trắng mịn như thoa phấn.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhân dịp xuân Giáp Tý sắp về trên đất khách, toàn thể Ban Chấp Hành và Hội Viên Hội Sinh Viên Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức thành tâm kính chúc:

- Chư Tôn Đức Hòa Thượng
- Chư Thượng Tọa lãnh đạo tinh thần
- Chư Đại Đức Tăng Ni
- Quý vị lãnh đạo tinh thần các TônGiáo bạn
- cùng toàn thể đồng bào Phật Tử khắp nơi

hưởng một mùa xuân thành bình, vàkhông quên quê hương Tổ Quốc đang lầm than.

BAN CHẤP HÀNH

DẶNG NGUYỆN

Chúng sinh trong cõi ta bà
Dài năm tạo nghiệp trầm hà phúc duyên
Con nay nguyện tấm lòng thiền
Kính dâng Tam Bảo một niềm kính tin
Rỡ ràng chín phẩm đài sen
Liên Hoa cứu hội tươi miền bồng lai
Ngát thơm từng cánh lan đài
Ngát thơm chuỗi chuỗi vị lai bồ đề
Ngó ra nẻo khổ sông mê
Nợ duyên xin trả hết về tiền thân
Đường tơ bừng ánh quang âm
Kết vàng đạo quả sáng ngần điệu hương
Đạo, thơ đẹp nết giai chương
Tươi vườn đạo hạnh ngát phương ân tình
Ném xa rồi nhưng ảo hình
là đây những sớm bình minh gió tư.

TUỆ NGA

Rằm tháng Giêng nhớ hội Chùa Hương Tích Tỉnh Hà Đông Phủ Ứng Hòa Việt Nam

MƯỜU

Mơ vàng, rau sắn, hương xuân
Nhớ nơi cảnh Phật lòng trần ưu tư
Hương sớn phong cảnh chùa mờ
Quê xa cách trở ngẫn ngơ tâm thần.

NÓI

Nguyên tiêu Xuân tiết
Vui ngày xuân bút dệt kết hoa thơ
Hội hương sơn tuế nguyệt có phai mờ
Đệ nhất động, cảnh rừng mơ, hang nhũ thạch.
XUẦN NHỚ CẢNH THƠ HÒA MẶC KHÁCH
LUYẾN TÌNH QUÊ VỌNG CHỐN TÂY THIÊN
Dòng suối trong, bến đục, mấy con thuyền
Quanh núi đưa tới hang tiên, qua giếng ước
Nay cách trở, lòng hằng ao ước
Về quê xưa, cất bút ta hướng chân
Nguyên Tiêu hội Phật ngày xuân.

CHUNG ANH
Tây Đức

Tôi đã gặp...

Những cảnh ấy trên đường về ta đã gặp,
Tháng ngày luôn ám ảnh mãi không thôi,
Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập
Những buồn thương nhớ tiếc giống dânHồi

CHẾ LAN VIÊN
(Điệu tàn)

PHẠM VĂN CHỨ

Tôi đã gặp bà ta một buổi sáng đi chợ. Bà ấy là người Mên nhưng nói tiếng V i ệt rất rành,không có pha một chút xíu giọng Mên nào.Nếu tôi không phải quen bà từ lâu nếu ai không đến nhà bà nghe bà nóichuyện với con trai bà bằng tiếng Mên,thì không ai dám bảo bà ấy là người Miên.

Tôi được bàlừ đây xin gọi là bà X.)c h o biết hồi ở Nam Vang,bà là vợ một ông Đại Tá Miên trong Chánh phủ Lon Nol.Sau k h i Nam Vang thất thủ,bà X.và cô con gái trốn xuống Saigon.Cậu con trai bà X.hiện giờ ở với bà thì đã qua Pháp trước ngày biến cố xảy ra.

Sau bao nhiêu lần dặn,bà X.và cô con gái được Hồng Thập Tự Quốc Tế giúp cho q u a Pháp.Nhưng ông chồng của bà X.thì mấttích luôn.Có người nói là ông ta bị bọn PolPot hạ sát.

Tôi hỏi thăm bà X.về gia đình,về cậu L. con trai bà và cô M.con gái bà bây giờ.ra sao.Bà X.cho tôi biết là L.đã kiếm ă ư ớc việc làm còn cô M.thì đã lấy chồng Pháp. Bằng một giọng trầm buồn bà X. nói:
- Tôi cũng muốn nó lấy người chồng Miên . Thôi thì thời thế đổi thay,mình đành chịu chứ biết sao.Thấy người ta nói thằng chồng nó cũng là người tốt.
Ngừng một lát,bà X.tiếp:
- Thế là mất con,ông ạ...
Tôi hỏi:
- Gì mà mất con... Nó lấy chồng,nhưng vẫn là con mình.Tôi nói thế để an ủi bà X.Tôi cũng biết câu nói đó lúc này chẳng c ó nghĩa gì.
Thấy đứng ở ngoài đường lâu không tiện , tôi cáo từ bà X.đi về phía chợ.Vừa đ i tôi vừa suy nghĩ:
Bà mẹ người Miên nầy thâm tâm muốn c o n gái mình lấy chồng người đồng hương cũng có lý do riêng.Bà ấy không biết t i ế ng Pháp,sau nầy cháu ngoại về chơi,nhưngđứa trẻ mang hai dòng máu Miên Pháp,dù bà có thương chúng thì cũng chả bằng được nếu chúng là những đứa trẻ Miên.Ấy là chúakhê có khi chúng thấy bà đến gần chúng c ò n sợ và khóc nữa!

Giá không mất nước,giá bà còn ở Nam Vang bà sung sướng biết bao! Bây giờ về già , có hai đứa con thì một đứa lấy chồng xa còn cậu con trai thì nghe bà kể,cũng"khô hi vọng gì".Cậu nầy có ngón sở trường là gẩy đờn mỗi khi có hội hè,vì cậu có chân trong ban nhạc do một người Pháp làmnhạc trưởng.Cái nghề tài tử của cậu đã thuhút được cảm tình của những cô đầm c h o a i choai.Những cô nầy thường đến nhàcậuchơi và được cậu mời ăn cơm.
Bà mẹ cậu đã có lần tâm sự với tôi:
- Tôi van vái cho thằng L.con tôi đừngcó lấy vợ đầm.
Bà X.hồi còn ở Nam Vang đã một thời oanh liệt.Dựa vào địa vị của chồng trong quân đội,bà X.thường xuất ngoại,buôn hột xoàn kim cương,đồ la.Một cây "áp phe" xanhrờn bà đã dùng tiền lời để xây nhà bán.

Bà X.kể:
- Hồi đó tôi xây nhà bán mà phí tổn không bao nhiêu vì thợ mộc,thợ hồ toàn là lính

dưới quyền chỉ huy của ông nhà tội. Tôi lại bắt họ phải làm thêm một khoảng vườn đằng trước nhà cho đẹp, để bán. Ông thứ nghĩ: nhà mà không có cây cối trồng nó trông trơn, coi không ra cái gì. Thêm ít cây kiểng vào, cây nào cũng trổ hoa, người mua họ thích...

Tôi nghĩ: thì ra ở Cao Mên cũng như ở Việt Nam, một số các bà lớn trong Chánh phủ đã lợi dụng chức vụ của chồng để làm áp phe. Nước mất nhà tan tuy lệ thuộc nhiều lý do khác nhưng việc làm của mấy bà cũng đã góp vào sự đổ vỡ một phần.

Bà X. coi tôi như người nhà nên kể cả chuyện chồng bà. Hồi đó chồng bà, tuy cấp bậc Đại Tá nhưng vì là kỹ sư Công Binh, thuộc ngành chuyên môn, nên rất được nể vì. Ông đã một thời cũng làm mưa làm gió và lợi dụng thời thế. Bây giờ chắc ông không nghĩ rằng có ngày gia đình ông ly tán.

Tôi đã gặp hai cô D. và T. Hai cô cùng làm ở một hãng, cùng mướn chung một căn lầu, và cùng ... độc thân.
Đã có lần cô T. nói với tôi:
- Nếu biết thế này cháu ở lại Việt Nam không qua Pháp.
Thấy tôi nhìn cô tỏ vẻ không hiểu, cô T. giải thích:
- Trong hai đứa chúng cháu, một ngày kia nếu một đứa lấy chồng ra ở riêng, đứa ở lại một mình bơ vơ...
Tôi nói:
- Thì cũng lấy chồng luôn...
Cô T. tưởng tôi nói giỡn. Tôi tiếp:
- Để tôi làm mai cho. Nhưng cô phải cho tôi biết tiêu chuẩn: Cao bao nhiêu, nặng bao nhiêu, bằng cấp, đẹp trai, học giỏi, nhà giàu. Pháp hay Việt?
Cô T. ngắt lời:
- Cháu không cần đẹp trai. "Chồng đẹp là chồng người ta". Cháu chỉ cần người chung thuỷ, làm ăn đàng hoàng, biết thương vợ... Còn Pháp hay Việt không thành vấn đề.
- Thế thì để tôi giới thiệu một anh bạn Pháp. Anh này gần 40 tuổi mà còn đang kén vợ, học hành, đỗ đạt, hiện làm công chức.
Tôi đã gặp anh chàng này và đã dò ý anh ta, nhưng anh ta cho tôi biết là sống độc thân quen rồi.
Tôi không nói cho cô T. biết sự thật để cô nuôi hi vọng. Ở cái tỉnh nhỏ này thanh niên Việt Nam đếm trên đầu ngón tay. Mà cô T. thì đã hơi lớn tuổi, không hợp với họ. Những người như cô T. tôi đã gặp rất nhiều. Có một cô thuộc thành phần đại trí thức cũng đang chờ một hoàng tử đến rước đi. Nhưng trớ trêu thay: cái mảnh bằng đã giúp cô kiếm việc làm dễ dàng lại là một trở lực cho việc lấy chồng của cô. Cái vốn liếng chữ nghĩa đã khiến cô tự kiêu và nay thì "trên không với tới, dưới không thông" cô vẫn phòng không chiếc bóng. Đời cô ngoài hai buổi đi làm về nhà nấu cơm, ăn xong coi télé, đi ngủ để ngày mai lại đi làm. Thật là một cuộc sống phẳng lặng, buồn chán vô vị. Ngày nọ kế tiếp ngày kia thời gian trôi qua mau, soi gương đã thấy nhưng nếp răn ở hai bên khóe mắt.

Tôi đã gặp một người bạn cùng lứa tuổi với tôi, từ ngày qua Pháp vẫn thất nghiệp. Hồi ở Việt Nam, ông là giáo sư Pháp văn. Đến Pháp ông không hành nghề cũ được vì ông không có bằng Sư Phạm. Vì lớn tuổi, vì mặc cảm ông không thể lao động, cho nên bây giờ ông đành ở nhà làm việc nhà thay thế vợ ông đi làm.

Tôi đã gặp một bà người Lào, mùa hè, ngồi ở ghế công viên. Bà ta tuy ở Pháp mà vẫn mặc y phục Lào. Ngày nào, vào quang 3, 4 giờ chiều là bà ta lại ra ngồi ở ghế đó. Có khi bà ngó mấy đứa nhỏ chơi đùa trên bãi cỏ, có khi ngồi nhìn vào quang không, yên lặng.
Còn đâu thời kỳ sung sướng ở Lào, những đêm trăng sáng, các cô "Phù Xảo" và các cậu "Phu Bao" tổ chức "bun" nhảy múa theo tiếng trống, tiếng "khène".
Còn đâu những buổi sáng nhìn những vị sư mặc áo vàng đi khất thực, theo sau là những chú tiểu cũng mặc áo vàng. Cuộc đời ở Lào thật là giản dị, dân chúng hiền lành chất phác, không bon chen, không cần làm giàu, không ham danh vọng. Quanh năm chỉ cần làm đủ ăn, còn đủ thời giờ thì ca hát nhảy múa. Không khí thật thanh bình.
Bây giờ qua Pháp, bà lão ngồi trầm mặc trên ghế công viên hàng giờ, tha hồn trở về nơi cố quốc.

Tôi đã gặp ông P., một người đã có tuổi, và có đến nhà ông chơi vài lần. Đời ông P. thật là ba chìm bảy nổi. Năm 1946, ông đã đi ra Bưng kháng chiến. Sốt rét rừng hành ông khiến ông xuýt bỏ mạng ở Chiến Khu I. Ông đành trở về thành và làm công chức.

Ông đi làm ban ngày nhưng tối về lại viết báo, lúc đầu viết theo lối tài tử nhưng sau khi Mỹ ào ạt đổ quân vào Việt Nam, vật giá leo thang, lương ông không đủ sống nên ông viết thường xuyên.
Trong những buổi mạn đàm, ông thường kể quanh đời viết văn của ông:
- Hồi đầu tôi có gởi một vài bài cho báo Tia Sáng xuất bản ở Hà Nội. Đó là vào năm 1952, khi tôi tốt nghiệp khóa 2 Thủ Đức, đc bổ nhiệm làm việc ở Hòa Hưng, phụ trách khỏ Truyền Tin. Lúc ấy tôi ở trong Nam một mình, gia đình ở ngoài Bắc, buổi tối về nhà trọ, buồn viết chơi. Sau khi gởi bài cho báo Tia Sáng ở Hà Nội, được báo ấy đăng, tôi lại tiếp tục viết. Năm 1957 hay 58 tôi không nhớ rõ, tôi có gởi truyện ngắn cho báo Văn Nghệ Tiền Phong. Như tôi đã nói, mãi đến khi Mỹ qua, đói quá, tôi phải thức đêm viết cho các báo "Quyết Tiến" "Dân Mới" và sau cùng là "Chính Luận", để kiếm thêm tiền cà phê thuốc lá.

Ở báo "Chính Luận" tôi viết cho mục "Chuyện phiếm". Trên gác xép, trong khi mọi người ngủ cả, tôi thức khuya để viết. Muỗi nhiều quá, tôi phải vừa viết vừa lấy tay đập muỗi. Có khi tôi phải co cả hai chân lên ghế cho muỗi khỏi cắn chân.
Tuy cực khổ thế và tiền nhuận bút chẳng được bao nhiêu nhưng cũng có phần thưởng tinh thần bù lại.
Khi sắp có giấy đi Pháp, tôi đem đốt hết những bài "Chuyện phiếm". Nhìn những "đứa con tinh thần", kết quả của bao nhiêu đêm thức khuya đang cháy, tôi bùi ngùi tiếc.

Qua Pháp, tôi vào làm cho hãng dệt. Cuộc đời bình thản trôi, ngày nay cũng như ngày hôm qua và không khác gì ngày mai. Tôi sống như cái máy: ăn, ngủ và đi làm.
Ông P. kể đến đây lấy tay đập vào điếu thuốc từ nãy vẫn cháy hoài. Ông tiếp:
- Có những lúc nhớ Việt Nam, nhớ nhà kinh khủng. Năm 1954 chia đôi đất nước, nhưng từ Bắc vô Nam vẫn còn là xứ sở mình. "Chung quanh vẫn nước non nhà". Bây giờ khác hẳn. Tuy mình vẫn rán thích nghi với hoàn cảnh mà sao đôi khi nhìn một con sông, một khóm cây, một mái nhà lòng lại ngổn ngang, nhớ tiếc ...

Tôi đã gặp một số thanh niên sống không lý tưởng, lấy những cuộc vui vật chất làm lẽ sống, lấy hưởng thụ làm mục đích cho đời mình.

Đêm nay ngồi một mình đối diện ngọn đèn và xấp giấy trắng, tôi ôn lại những hình ảnh tôi đã gặp.

Nhìn ra ngoài cửa sổ tôi thấy bóng tối đang bao trùm trên thành phố. Qua màn sương trắng, mấy ngọn đèn điện ánh sáng mờ mờ xa xăm như quê hương đang lùi dần vào quá khứ.

(TROYES, THU 1983)

GIỮA DÒNG

Giang hai tay ta hỏi thêm lần nữa
Về đâu đây mấy cõi mịt mù sương
Ở lại chết - Còn nghe kinh Việt ngữ
No áo cơm - Xa tiếng tụng mẹ hiền.

1- Xâu tràng hạt mẹ dành cho con đó
Để lần về thăm lại đất Quê Cha
Hạt chuỗi nhỏ con mòn tay đếm mỏi
Vòng chỉ tròn kéo chậm những ngày xa
Mẹ vẫn đợi dìu hiu trong màu lụa
Hay đã về bên nội cỏ ngàn hoa
Trên nấm mộ giặc trồng bia kể tội
Cỏ thụ buồn nức nở khóc đời mưa.

2- Giang hai tay ta hỏi mình lần nữa
Về đâu đây mấy cõi mịt mù sương
Giông gió đuổi thuyền nan ra biển cả
Trời thì cao đầy nước lại vô lường
Ta muốn lên cao nhìn không thấy núi
Ta muốn quay lưng đất biển dâu bể
Hoa cỏ xôn xao đợi cây trụi lá
Một mình ta thu thỉ bóng trăng thôi.

KHƯU BAN LÂM
Sikiw Thái Lan 11-1983
(Trong CÂY CỎ CUNG BUỒN)

ÔNG GIÀ LƯỢM

HUYỀN CHÂU

Thuở đó, tôi còn là con nuôi của thầy pháp làng Hương Thạnh. Cha mẹ tôi có giao hẹn với thầy là khi tôi mười hai tuổi, thầy phải trả tôi về nhà cha mẹ ruột ở Gành Ráng.

Đêm đó, trăng hạ tuần đã lên cao, toả ánh sáng trong vắt và dịu dàng khắp vườn nhà. Ánh trăng trải kim tuyến trên mặt ao nhà, soi vào căn buồng nhỏ của tôi bên cạnh cây ngọc lan toả hương phảng phất.

Đã hơn một tháng nay, thầy cô tôi bắt tôi phải ngủ riêng trong một căn buồng gồm 1 cái bàn nhỏ, một chiếc rương con để đựng quần áo và sách vở, bút mực. Giường tôi được kê gần một cái lu đựng gạo; trong đó, cô tôi thường giấu chuối sứ hoặc chuối cau; thỉnh thoảng tôi hé nắp lu để được ngửi mùi thơm của trái chín. Nhưng từ khi ngủ riêng, tôi t h ường trằn trọc. Từ nhỏ cho tới bây giờ, tôi quen ngủ chung với cô tôi; nhưng bắt đầu r à m tháng giêng vừa qua, cô tôi bảo: "Giờ thì con đã lớn trộng cái rồi, phải tập ngủ riêng là vừa". Tôi buồn lắm, nhưng không biết nói sao. Nằm ở buồng riêng, tôi cứ khóc rấm rứt, nhớ hơi hướm quen thuộc của cô tôi mà tôi thương yêu còn hơn mẹ ruột. Công ơn của thầy cô tôi đã nuôi dưỡng tôi nào là bú sữa, đút cơm, bồng ẩm và cả hai không nề cực khổ săn sóc tôi lúc tôi sổ mũi ấm đầu, tôi khó mà quên được.

Trời ơi, nằm ngủ riêng, tôi vừa buồn vừa lo sợ ăn trộm, ăn cướp bất thần đến viếng nhà, và viếng tôi trước hết. Ngoài ra, tôi còn sợ ma nữa mới là nghiệt chớ! Tôi kéo mền trùm ca' chân lấn đầu. Tôi tính quấn tính quanh. Nếu trộm cướp vào đây, tôi sẽ chỉ chỗ thầy cô tôi giấu tiền bạc, vòng vàng vì đâu sao tôi phải bảo toàn tính mạng tôi trước chớ bộ. Người còn thì của hãy còn kia mà. Còn gặp ma quỉ thì sao đây? A, tôi nhớ ra rồi, thầy tôi thường chữa bịnh lối xóm bằng cách trừ tà ếm quỉ. Thầy có ngón bắt ấn niệm chú t u yệt vời mà tôi thuộc lâu lâu.

Sau nhà thầy tôi có ngôi mộ lâu đời, người ta đồn rằng người nằm trong mộ đã biếnthành con quỉ cái, mình cao hơn hai thước tây, tóc đỏ, mắt xanh như nhuộm chàm. Con quỉ cái đ ó thường đem mồi lửa đốt nhà dân cuối xóm, hành binh những ai đi ngang qua mồ nó. Lại nữa ở' quê Gành Ráng của tôi (thuộc thị xã Qui Nhơn) thường xảy ra trộm cướp luôn. Tụi c ướp mình trần, đầu trọc, thoa khắp thân thể bằng dầu nhớt, thoa mặt mày bằng lọ nghẹ. C h úng thường kéo từng toán gồm năm bảy người, tay cầm binh khí như rựa đốn cây, dao mà tấu và trước khi xông vào nhà nào, chúng cũng cắm chông vót nhọn chung quanh nhà để ngăn cản lối xóm đến tiếp viện. Hồi năm ngoái đây, chúng đã cắm đuốc, xách rựa, xà beng xông v à o nhà ông Sáu Câu vốn có nghề cầm đồ cho vay để vét hết tiền của. Làng xã cũng khó lòng mà bắt được chúng. Lối xóm cũng không dám đến tiếp viện vì sợ chúng trả thù.

Tôi còn sợ thêm ông bà Lướm vừa bị chết thiêu trong căn chòi tranh gần bên nghĩa địa. Ông bà này tuổi hạc gần tới bảy mươi, không con cháu gì cả. Cả hai sống nghèo nàn, v ậ t va, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Mỗi ngày, ông Lướm đi nhặt nhạnh những lon hộp bằng sắt hoặc bằng thiếc cũ hoặc những tấm kẽm, tấm nhôm mỏng về đúc thành những cái rá l ỗ tuýp tất để đem ra chợ bán. Vậy mà ông vẫn có thể đổi gạo, mắm muối để nuôi vợ. Ngặt một nỗi, ông Lướm hay ghen. Khi ông chồng gậy xách rá lỗ ra chợ, không quên nhốt bà vợ trong nhà. Sàn nhà ông được nện đất bằng phẳng; hễ vừa khi về tới nhà, ông lụi cụi xem có dấu

vết chân nào trên sân không.Nếu gặp được vết chân,ông đánh chửi vợ tơi bời;bà vợ chỉ có nước khóc hu hu và năn nỉ chồng để tự mình oan.Bởi đó,lũ trẻ lối xóm mỗi khi thấy ông đều kêu ông là "ông già dịch" hay "ông già dê" làm ông nổi xung quơ gậy rượt tụi nó chạy trối chết.

Có một hôm,khi mặt trời vừa gác núi,sương lam tuôn từ khe núi như khói mỏng,tôi rủi gặp ông Lượm.Lúc đó,lối xóm đã đỏ đèn.Từ trong quán,tôi xách chiếc giỏ đựng các gói kẹo,bánh,tiêu,ớt,chai dầu lửa,ốp trầu,bước ra,chạm phải mặt ông.Hồn bất phụ thể,tôi lùi lại.Khuôn mặt hầm hầm của ông mới đáng ngại làm sao! Tôi hết hồn: "Ông Lượm ơi, tôi không dám trêu ghẹo ông đâu.Tụi nhỏ cứ theo chọc phá ông đó.Tụi nó rắn mắc lắm. Đánh chết tụi nó đi ông".Ông làm thinh,đưa tay ngoắc tôi lại.Tôi càng hoảng hồn,nằn nì ông: "Ông ơi,đừng đánh tui tội nghiệp.Tui hiền lắm ông à,thường kính trọng người già cả.Thầy tui dạy tui rằng kính lão đắc thọ.Đừng đánh tui nghe ông".Ông lộ vẻ hiền từ,bảo: "Cháu đừng sợ.Lại đây,ông có chuyện muốn nói với cháu".Tôi bấm gan lại gần,lòng phập phồng sợ.Ông xí gạt khểnh cho một gậy là về chầu Diêm Chúa.Ông nhỏ nhẹ:"Bữa nay,ông buôn bán ế ẩm quá,nên không có tiền mua thức ăn.Nhưng thôi,ông không cần ăn uống gì cả,chỉ cần hoa quả cúng Phật Bà Quan Âm mà thôi.Vậy cháu về nhà hái cho ông 1 ít nhánh bông để ông dưng Phật Bà vì hôm nay là ngày vía".Tôi mừng quá,dạ dạ thật to rồi chạy một mạch về nhà.Lúc đó,thầy cô tôi đi vắng.Tôi xách giỏ xuống bếp,lục lọi trên đựng thức ăn,thấy còn tô mắm chưng với thịt bầm,một trái dưa leo,ba cái bánh ích. Tôi tìm cái giỏ tre,xếp tất cả thực phẩm vào trong đó,rồi vào buồng mở hũ gạo,xúc hai lon gạo để cho ông già đáng thương kia.Trước khi đến nhà ông,tôi còn ra vườn bẻ vài trái ổi chua,bông nở ngày tím,bông hường dường gọi là để cúng Phật Bà.

Ông Lượm bày trái cây và bông trên bàn thờ.Bà Lượm thì đang trùm chiếu,rên hừ hừ vì đói và lạnh.Khi nhận được thực phẩm của tôi,bà hăng hái ngồi dậy,nhúm lửa nấu cơm cho chồng và không quên vét một ít cơm cháy còn dính ở đáy nồi để nấu cháo cho mình.Bà rên rỉ với tôi: "Ông bà thường bữa đói bữa no,cháu à.Chắc kiếp trước,ông bà ăn ở hung ác, giựt của hại người hay sao mà kiếp này cả hai phải trả quả ác nghiệt như vầy? Bà chỉ vái Phật Bà độ cho ông bà kham nhận trả hết quả báo,rồi cho cả hai cùng chết chungmột ngày,một giờ,đừng để cho kẻ sống sót khóc thương người chết".Cơm vừa chín,bà luộcthêm rau,bày mắm,nhường mắm chưng cho chồng; còn mình thì ăn cháo với cá lụn vụn kho khô.

Tôi nhìn lên bàn thờ Phật Bà.Bức tranh có một bà áo trắng đẹp như tiên đứng trên tòa sen,bên cạnh rừng trúc.Một đồng tử mập mạp để thường ở trần,mặc yếm,tóc để chỏm trước mơ ác,đang chắp tay bái bà tiên áo trắng kia.Tôi bảo: "Nè,ông cho cháu bức tranh này, khi nào nó cũ quá,xài không được,nghen ông".Ông Lượm lắc đầu cười.Bà vợ,mặt tươi hơn hớn,nhìn bức tranh có vẻ tự hào lắm,rồi bảo: "Đâu có được,cháu.Tranh này là tranh Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.Đây là do ông nội của ông cháu đã từng ăn chay nằm đất về ra,đâu phải như mấy bức tranh thường bán ở trong tiệm Tàu ngoài chợ đâu.Mà cháu là trẻ nít, xin làm chi để rồi quảng bậy bạ ở xó xỉnh nào đó,tội chết đa cháu".Tôi lại nói: "Đức Quan Thế Âm trong tranh này trông thiệt dễ thương quá.Hình như Bà đang nhìn cháu mà cười chúm chím kia kìa.Ông Bà cho cháu đi,rồi cháu sẽ tát mương bắt cá bống kho cho ông bà ăn,cháu sẽ hái rau cho ông bà luộc,cháu sẽ xúc gạo của thầy cô cháu cho ông bà nấu cơm,cháu sẽ hái bông trái cho ông bà cúng Phật cầu phước,cháu sẽ... ".Ông Lượm vuốt tóc tôi,từ tốn: "Không được đâu,cháu ôi,đợi khi nào ông bà qua đời rồi thì cháu mới được tranh này.Lúc đó chắc cháu đã lớn rồi,biết hết chuyện tội phước rồi,cháu sẽ thờ phụng Đức Phật Bà đàng hoàng; Phật Bà sẽ độ trì cho cháu".

Từ đó,mỗi ngày,tôi lên bẻ bông trái trong vườn cho ông bà Lượm cúng Phật Bà.Hễ khi có bánh ích,bánh in,kẹo dâu phọng,kẹo gừng,tôi không ăn hết và thường để dành cho ông bà một ít cốt lấy lòng ông bà để khi ông bà hấp hối,sẽ trối lại cho tôi thừa hưởng bức tranh kia.

Một đêm đông lạnh lẽo,nhà nhà đều yên giấc,tiếng chó tru dưới ánh trăng từ bên nghĩa

địa vọng lại. Bỗng đâu có tiếng kêu thất thanh: "Lửa! Lửa cháy bà con ơi!". Cả nhà tôi kẻ xách chổi, người xách thùng, xách gàu chạy thẳng đến chỗ phát hoả. Tế ra là căn chòi của ông bà Lượm. Vì ở nơi đồng trống, có gió thổi lồng lộng, ngọn lửa bốc cao, khó thể dập tắt nên trong phút chốc, căn chòi nọ biến thành than tro. Hai ông bà bị nướng như h a i con cá, tay chân cong queo. Bà thì chui đầu vào một xó nhà, còn ông thì rút ở xó khác.

Kể bàn ra thế này, người bàn ra thế nọ về cái chết vợ chồng ông Lượm, không ai biết đâu mà mò ra manh mối. Sáng hôm sau, tôi đến nơi chòi và giữa mớ tro than ngổn ngang, t ô i chợt thấy một mảnh giấy cháy nám chung quanh. Bức tranh Đức Quan Thế Âm đó, màu sắc đ ã cũ nhưng còn rõ ràng, nét vẽ cũng còn sắc sảo, minh bạch. Nhưng chỗ cháy hoặc nám k h ói chỉ ở rìa ngoài. Tôi nhặt bức tranh đem về, cất những chỗ hư vì ngọn lửa, bồi lên tờ giấy cũng nền lam nhạt, rồi dán dưới đáy rương cây. Đợi cho bức tranh phẳng phiu, tôi dán vào bên trong nắp rương, đậy kỹ. Mỗi ngày tôi hái hoa lài về cúng Đức Bồ Tát.

Lúc còn sống, ông bà Lượm thường kể cho tôi nghe sự tích Bồ Tát Quan Âm có một kiếp nọ đầu thai làm bà Thị Kính. Một đêm, lúc chồng ngủ, bà lấy kéo hớt râu chồng, bị chồng v u oan là toan ám sát ông ta. Bà bỏ nhà, giả trai đi tu, gặp cô Thị Mầu. Cô này theo ve vãn người tu nữ giả trai kia hoài; nhưng bị từ khước nên cô tức giận, thông dâm với anh tớ trai cho tới mang bầu, rồi đổ hồ mình bị Thị Kính du dỗ. Giữa làng nước, bà Thị Kính b ị kềm kẹp khảo tra cho tới lở sống lở chết. Sau khi đẻ xong, Thị Mầu ẵm con đến chùa, giao cho bà Thị Kính. Bà Thị Kính cố nhẫn nhục nuôi đứa bé cho tới khôn lớn, không oán than. Khi bà chết, qua bức thư tuyệt mạng của bà để lại và nhờ cuộc khám thi thể, tăng ni trg chùa và dân chúng địa phương mới biết bà là gái giả trai. Bà được Phật độ thành vị B ồ Tát; đứa con nuôi trở thành thị giả của bà. Lại nữa, bà còn độ cho cha mẹ lên miền Cực Lạc. Đó, người bình dân chỉ biết Đức Quan Thế Âm qua sự tích bà Thị Kính với nỗi đ ọ oan và sự nhẫn nhục vô biên mà thôi, chớ họ đâu có hiểu rằng Đức Quan Thế Âm có nhiều kiếp là nam nhân, thái tử con vua Vô Tránh Niệm đã từng cúng dường Đức Quan Âm Như Lai, rồi đi tu, đã lên ngôi Pháp Vân Thập Địa Bồ Tát từ vô lượng kiếp nào rồi. Đáng lẽ Ngài đ ã thành Phật, nhưng vì nguyện độ chúng sinh nên mãi mãi còn ở ngôi Bồ Tát. Ông bà Lượm còn kể cho tôi nghe có kiếp Đức Quan Thế Âm là công chúa Diệu Thiện, vì giốc lòng tu niệm nên bị vua cha hành hạ, đày xác cho tới trầy vi trốc vảy, sau mới thành Bồ Tát, trở lại độ cho cha mẹ và hai chị đồng chung thành quả.

Mỗi đêm, trước khi đi ngủ tôi giở nắp rương, chắp tay chiêm bái trước tranh Đức Quan Thế Âm, khấn vái: "Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát!".

Đêm nay, tôi sợ trộm cướp, sợ ma. Càng tĩnh quanh tĩnh quất, tôi càng sợ thêm. À, phải rồi, tại sao tôi không niệm Đức Bồ Tát với hạnh nguyện cứu khổ cứu nạn kia? Tôi bắt đ ầ u niệm lâm thâm, lòng lắng xuống, an ổn kỳ diệu. Rồi tôi ngủ thiếp đi. Trong chiêm bao tôi thấy mình đi dạo vườn. Một người đàn bà mặc áo dài trắng, bồng đứa bé khoảng 4, 5 tuổi đi về phía tôi. Mặt bà hiền lành, dáng dấp sang trọng, không phải giống như phụ nữ vùng này. Bà mỉm cười thân ái nhìn tôi, bảo tôi bước ra ngó sau đi về phía bên tả đếm đủ bảy bước dừng lại hái bảy đọt lá cây rồi nói: "Thứ này sau khi được sao khử thổ để dành uống". Rồi bà lại bắt tôi trở về ngó sau, đi về phía bên hữu đếm chín bước, hái chín thứ lá rồi nói: "Những thứ này để dành nấu nồi xông, từ đúng cuối giờ Mùi cho qua giờ Thân thì dầu có bịnh gì cũng khỏi cả".

Sáng hôm sau, khi mặt trời đã lên khỏi ba sào mà tôi vẫn còn ngủ say. Cô tôi đánh thức tôi dậy, dịu dàng bảo: "Nè Tùng, sao hôm nay con dậy trễ quá vậy? Suốt cả đêm, con n ằ m chiêm bao thấy những gì mà cứ lẩm thẩm luôn? Lại nữa, cả tuần nay, con còn bày đặt lấy nhang xông muỗi. Nếu quả thiệt ở buồng này có nhiều muỗi thì cô sẽ cho con cái mùng".

Sau khi mọi người trong nhà ăn cháo sáng, thì ở ngoài ngõ có tiếng chó sủa inh ỏi. Thì ra, mấy người ở làng An Thái đem bịnh nhân đến cho thầy tôi chữa bịnh vì thầy tôi chẳng những là thầy pháp chuyện trốc quỉ trừ yêu, mà còn xem mạch hốt thuốc mát tay nữa. Bịnh nhơn bị phù thũng, mặt mũi, chân tay sưng húp, nằm trên chiếc võng lác, có hai ngư. khiêng

ở hai đầu.Té ra đây là anh Bình,môn sinh cũ của thầy tôi.Anh mệt ngất ngư,tiếng nói khàn khàn trong cổ họng.Hỏi ra,trong suốt sáu tháng nay,anh nằm ở nhà thương tỉnh mà bịnh không thuyên giảm chút nào.Bác sĩ đều chạy tẹc nên người nhà anh mới vội vã đến cho thầy tôi điều trị.Ai cũng bảo anh bị tà ma phá khuấy.

Một tuần lễ nặng nề trôi qua.Thầy tôi cố gắng tìm căn nguyên chứng bịnh cùng phương pháp trị liệu nhưng không ra manh mối.Bịnh nhơn được trị tạm bằng phương pháp ngoại khoa,những thuốc thoa bóp khác nào nước đổ lá môn.Sau cùng,thầy tôi bảo cô tôi rằng là chỉ còn cách tìm cho được con chim yến có chửa,đem về mổ bụng rồi áp vào ngực bịnh nhơn để cho nó rút hết hơi độc trong mình bịnh nhơn thì hoa may chứng phù thũng mới xẹp xuống.Liền hôm sau,vừa khi gà gáy sáng canh năm,cô tôi thức dậy nấu xôi cho thầy tôi ăn để kịp đi đến đảo San Hô tìm con chim yến có chửa.Chuông chùa vừa điểm c ô ng phu thì mưa sầm sập kéo về; gió biển thổi ào ào; nhưng thầy tôi vội khoác áo tơi,lên đường.Thầy tôi vốn thương hết mọi môn sinh nên hèn chi khi thầy tôi mất đi,môn sinh dắt vợ con về chịu tang rất đông.

Buổi sáng trôi qua.Tôi đứng bên cạnh bờ rào,dưới ánh nắng yếu ớt.Mắt tôi vớ vẩn nhìn khu vườn trái xanh rờn trước mắt.Sực nhớ tới cơn chiêm bao tuần trước,tôi chạy đi tìm cô tôi: "Cô ơi,có chuyện nầy ngộ lắm cô à.Đêm nọ,con chiêm bao,gặp một bà tiên". C ô tôi cười nhẹ: "Bà tiên nào vậy con? Có phải bà tiên trong mấy tấm tranh treo ở phòng khách,không con?".Tôi tức muốn khóc; nhưng bằng mọi giá,tôi phải bịa khéo để cho c ô tôi tin.Tôi thuật lại giấc chiêm bao,nhưng thay vì tả người đàn bà mặc áo dài trắng thì tôi tả đúng hình dáng Phật Bà trong bức tranh của ông bà Lượm để lại; nào là Phật Bà mặc áo bạch hào,đeo chuỗi ngọc,tay cầm bình cỏ cầm nhành dương liễu.Tôi còn b ị a thêm qua mấy câu chữ Nho mà tôi đã học lỏm với ông Tú Nho Học ở đầu xóm:"Phật Bà còn dạy con rằng: Nguyệt quế vọng thiên; hậu vinh,tiền nhục,nghĩa là đứng ở thềm quế cung trạng nhìn lên trời; trước xấu,sau tốt.Còn câu thứ hai là khô mộc phùng xuân;t i ề n tổn,hậu tích nghĩa là cây khô gặp mùa xuân; trước bị mất mát,sau sẽ đắc lợi.Cô c h o phép con chữa bịnh anh Bình đi cô.Từ bấy lâu nay con thường cúng vái Phật Bà,thế nào cũng linh ứng cho cô coi".Cô tôi ngẫn ngừ bảo: "Con đã thấy tranh Phật Bà ở đâu vậy? Nhà mình đâu có thờ Phật và thờ Bồ Tát bao giờ?".Tôi liền vào buồng,giở nắp rương, lấy tranh Bồ Tát đem ra trình cho cô tôi xem.Cô biến sắc rồi nói xuôi: "Nếu Phật B à đã ứng mộng cho con thì cô can con làm gì?".

Tôi chạy dông một mạch ra vườn; từ ngỏ sau,tôi queo về phía tả,gặp cây đu đủ đực chỉ còn trơ lá,cây đu đủ cái trổ trái tí xíu,nhưng qua bảy bước là cây trắc bách diệp, tôi hái bảy dọt lá trắc bách diệp.Sau đó,tôi trở về ngạch cửa hậu,queo về phía hữu đi chín bước dừng lại hái chín thứ lá là: lá sả,lá tử bi,lá nguyệt bạch,lá tía tô, l á bưởi,lá ổi,lá é,lá rau quế,lá thuốc cứu.Cô tôi rửa siêu sắc thuốc và cho lá xông vào nồi đồng.Khi anh Bình uống chén thuốc có lá trắc bách diệp rồi được xông hơi,nằm i m lìm.Cô tôi hết ra lại vào,sắc mặt có vẻ lo lắng lắm.Còn tôi thỉnh thoảng vào thămanh bịnh nhân đắp mền,không nhúc nhích,mắt nhắm kín; tôi,đợi coi mặt trời lặn chưa? Rồi giờ Dậu sắp đến,Bên ngoài,màn đêm chậm rải kéo về.Chim từng đàn bay về núi.Sao m ọ c lác đác.Gió biển lành lạnh thổi về.Nhà nhà trong xóm lần lượt lên đèn.Tôi đứng ở mái hiên,lòng bồn chồn.Tiếng xay bột cút kít của bà hàng xóm như bào buốt gan ruột tôi. Rồi cơn giông sầm sập kéo đến.Trong buồng,ánh đèn dầu chong vàng úa.Hai cô cháu tôi cũng vào buồng,khêu cao ngọn đèn.Anh Bình dụi mắt,hốt hoảng ngồi dậy,kêu lớn: "Thưa cô,cô gọi gì con?".Giọng anh bớt khàn,mắt anh bớt sưng đi nhiều,lại có thần sắc. C ô tôi bảo anh chìa cánh tay trần cho cô xem; cánh tay cũng bớt sưng.Thật là một phépla. Cô tôi hỏi: "Bình,con thấy trong mình ra sao?".Anh nhỏ nhẹ đáp: "Thưa cô,con k h o ẻ nhiều rồi.Con muốn ăn cháo".Cô tôi vừa ra sân,thắp nhang lễ tạ chín phương Trời,mười phương Phật.Còn tôi vào bếp nhúm lửa nấu cháo cho anh ăn.

Câu chuyện đó chỉ có thầy cô tôi và anh Bình biết.Tôi vẫn ung dung sống bên cạnhthầy cô cho tới cuối năm,được thầy cô trả về nhà cha mẹ ruột.Đôi lúc,giữa canh thâu trần

xem tiếp trang 63

Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiên Thủy

(tiếp theo)

Ngài cũng hoan hỷ trở lại.Tới nhà bà dâng cúng một chén dầu trong tréo,cúng d ư ờ n g xong bà la chồng rằng: "Anh thật không biết chi là đạo đức cả,tại sao anh lại c ú n g dường Ngài thứ dầu cặn,anh phải thành tâm mà sám hối tội lỗi kia với Ngài,hầu m o n g rằng Ngài sẽ từ bi mà hỷ xả cho khỏi cái tội của miệng anh".Ông hàng dầu nầy vốn cũng có chút thiện tâm,nghe lời vợ khuyên nhủ anh hối hận trong lòng bèn đối trước Ngàixin tha tội,Ngài chứng minh cho anh ta.Khi đó hai vợ chồng anh hàng dầu đồng quỳ x u ố ng thưa với Ngài rằng: "Thưa Ngài,vợ chồng chúng con xin nguyện từ nay trở đi chung thân cúng dường,Ngài muốn dùng chi xin cứ lại đây chúng con dâng".

Từ đó vị Tích Chi Phật hằng ngày đến nhà vợ chồng anh hàng dầu lấy các món ăn dùng và dầu.Trước khi vào Niết Bàn,nhân cảm cái ơn xưa vị Tích Chi Phật hiện ra mười tám phép thần túc cho vợ chồng anh hàng dầu thấy biết.Ngài bay trên hư không,trong mình phunra nước dưới mình hóa ra lửa,thân thể khi phân khi hợp hiện biến rất nhiều phép lạ. Vợ chồng anh hàng dầu thấy thế biết rằng Ngài dã dắc đạo vui mừng khôn xiết tự hận mình có lỗi anh ta bảo vợ rằng: "Nầy mình! Em hoan hỷ cúng dường Ngài,thì ắt rằng t r o ng tương lai em sẽ được hưởng phúc báo vô lượng nhớ cho tôi chung hưởng và cùng làm v ợ chồng như kiếp nầy nhé".Đáp: "Anh đối với Ngài tệ ác và cúng dường dầu cặn,sau nầydầu có sinh nơi nào,dĩ nhiên phải chịu lấy quả báo xấu xí,thì làm sao tôi kết duyên cùng anh được?".

Chồng nói: "Tôi,từ lâu đến nay cũng chịu sự cực khổ làm ăn với em,của là của chungdầu có phải một mình em làm ra được mà nói không cho Tôi chung hưởng và không cho làm v ợ chồng.Nghĩa là phúc là phúc chung,dầu phải chỉ một mình em hưởng được.Cô vợ đáp:"Thôi được,anh đừng kể lể chi dài dòng,nếu kiếp sau tôi có phải làm vợ anh đi chăng nữa,nếu anh xấu xí đến đêm khuya tôi sẽ bỏ anh mà trốn đi!.Anh ta đáp: "Ừ! nếu em bỏ đi anhsẽ đuổi theo cho bằng được.Hai vợ chồng nói xong,rồi hướng lên vị Tích Chi Phật thànhtâm sám hối.Khi đó Ngài bảo rằng: "Nầy,vợ chồng anh hàng dầu kia,do sự cúng dường dầu của hai vợ chồng anh nên ta được khỏi bệnh,ngươi muốn cầu nguyện gì ta cho được toại ý". Hai vợ chồng nghe nói rất hoan hỷ quỳ thẳng gối chấp tay cung kính mà phát nguyệnrằng "Kính xin Tôn Giả xin ban cho vợ chồng con trên trời hoặc nhân gian,sinh chốn nàocũng được tôn sang phúc tuệ đầy đủ cầu xin việc gì cũng được mãn nguyện.Tới đây Phật nhắc lại cho vua Bình Xa biết rằng: "Người hàng dầu thuở đó chính là Chu Ngột,vợ của a n h hàng dầu chính là vợ Chu Ngột thời ấy,thuở đó ông hàng dầu mãng vị Tích Chi Phật thân người xấu như Chu Ngột(gốc cây tre cụt),và tay như cái trục lúc cho dầu mặt anh không vui có sắc giận tức.Vì thế nên bị quả báo xấu,cũng theo đúng như khi phát lời nóimãng vị Tích Chi Phật không khác,sau biết ăn năn sám hối vui vẻ cúng dầu tốt,cho nên sinh xứ nào cũng được giàu sang,do sự phát tâm cúng dường dầu nên được nhiều sức khỏe ngàn muôn người không địch nổi,hơn nữa lại còn được làm Chuyển Luân Thánh Vương hưởng phúc đức bốn cõi,năm món dục đầy đủ thụ dụng.Thiện nghiệp hay ác nghiệp,báo ứng không sai thì vì thế tất cả chúng sinh phải nên giữ đạo làm thiết yếu,cẩn thận nơi thân,khẩu, ý chớ nên dùng nó mà tạo những điều xấu ác,ắt phải bị trả báo trong đời vị lai.

Khi anh D.vừa kết thúc câu chuyện thì xe đã dừng lại trước cổng chùa GN.Chị V.bất loa hỏi: "Thế nào câu chuyện anh D.kể có hay không hở các em?".Cả bọn oanh vũ đồng thanh trả lời chị V. "Thật hay và dài vô cùng chị ạ,chúng em thích lắm,à đến chủ nhật anh D nhớ kể cho tụi em nghe chuyện khác nhá".Chị V.nói tiếp: "Thôi,đến nơi rồi các em giải tán đi về nhà,tuần sau chúng ta họp mặt các em nhé.Anh chị chúc các em ngủ ngon".

Thi,Hương,Thúy lần lượt xuống xe,trời đã về chiều,vài cơn gió nhẹ thổi làm rối tung suối tóc đen huyền của Mộng Thúy.Sánh vai nhau bọn Thi đi về phía cư xá,đến đầu hẻm Thu Hương và Mộng Thúy chia tay Thi rẽ về nhà.Còn lại một mình Thi trên đường,chiều nay trời thật mát.Đã hơn sáu giờ chiều,nắng vàng tắt lịm,gió thổi hây hây mát phút chốc Thi đã về đến nhà lúc nào không hay.Vừa bước vào cổng Thi đã gặp mẹ tưới cây đi, lúc bấy giờ đèn đường vừa bật cháy,nhà Thi thật đông người.Mẹ nhìn Thi âu yếm hỏi : "Thế nào con gái ngoan của mẹ đi chơi có vui không?".Thi đáp lời mẹ: "Vui lắm mẹ ạ" . Mẹ tiếp lời Thi,hồi sáng nầy có cậu năm,dì bảy,dì tám và chị Thục Ly ở dưới Vĩnh Long lên chơi đó con ạ,chị Thục Ly có mang theo rất nhiều quà cho con nào ổi,mận,xoài, cóc nè đủ thứ hết.Nghe mẹ kể Thi thích lắm nuốt nước miếng ừng ực,mẹ bật cười và mắng:"Con tôi hư quá!".Mẹ vừa dứt lời thì dì Tám và chị Thục Ly bước ra,Thi vội vòng tay nói : "Thưa dì con đi chơi mới về".Dì nhìn Thi rồi nói với mẹ: "Dạo nầy trông con bé Thi nó lớn ra chị Ba nhỉ,coi mòi sắp sửa trổ mả rồi đó.Nghe dì nói Thi mắc cở thẹn mặt đỏ bừng.Nói xong dì cháu mẹ con lục đục kéo vào nhà.

Cơm nước xong,lên giường Thi hồi tưởng lại chuyện đi chơi Trung Thu vừa rồi,bất giác Thi chợt nhớ đến Thanh Thảo khi chia tay ra về nó giơ đôi bàn tay bé bỏng vẫy chào với đôi mắt đen lay láy dượm vài hạt lệ long lanh.Thi cảm thấy tội nghiệp cho con bé ghê, không biết đến bao giờ Thi gặp lại Thanh Thảo một lần nữa.Mãi suy nghĩ miên man về bé Thanh Thảo và chuyện đi du ngoạn vừa qua Thi chợp mắt lúc nào không hay.

Gió lạnh ùa vào theo tiếng mở cửa phòng,chị Liên Hương đẩy cửa bước vào gọi to: "Thi ơi!dậy đi cưng?".Thi bừng tỉnh giấc với tay mở cánh cửa sổ nhìn chị cười khúc khíchvà nói: "Vâng Thi xuống dậy,chị đợi em một tý".Nói xong,Thi chui tọt vào buồng tắm mở nước Robinet ào ào,thấm miếng xà bông Cô Ba rửa tay,xong kéo chiếc khăn lông màu hồng nhạt lau mặt.Đâu đó xong xuôi,Thi bước ra nhìn chị cười tươi rói như một nụ hoa xuân thơm tho sạch sẽ vừa mới được tưới nước.Chị Liên Hương đang ngồi ở bàn học tò mò ngắm nghía căn phòng nhỏ trang hoàng theo lối sáng kiến của đứa em bạn dì.Bất chợt chịnhìn lên tường ngay chỗ bàn học có hình đôi chim bồ câu bay vút và hàng chữ nguệch ngoạc : "Nếu là chim tôi sẽ là bồ câu trắng... ".Chị mỉm cười nhìn Thi mà nói: "Lại mơ mộng nữa rồi! Chỉ mách mẹ cho Thi xem".Thi nhìn chị cầu hòa chị âu yếm nhìn Thi nói khẽ : "Lẹ lên Thi ơi,gần bảy giờ rưỡi rồi đó.Mau sửa soạn tập sách chị em mình đi kẻo trễ bảy giờ.Ráng ngoan đi cưng,đến sinh nhật chị lại thưởng quà cho,mẹ giao cô cho chị, thật khổ quá".Vừa nói chị vừa làm trò,gương mặt chị nhăn nhó trông thật khổ sở.Thi tức cười ghê.Lẹ làng xỏ chiếc củn xanh dương với chiếc áo sơ mi trắng tay phùn kẹp tóc và nhanh nhẹn theo chân chị xuống cầu thang.

Phút chốc hai chị em đã xuống đường,lúc bấy giờ mới hơn bảy giờ hai mươi,Thi nhìn chị và nói: "Chưa đến bảy giờ rưỡi mà chị hối quá làm Thi chả kịp đánh bính và cột nơ tóc gì hết bây giờ nó rồi tung không biết đâu Thi bắt đền chị đó".Chị Liên Thanh nhìn Thi cười dịu dàng,chị nói: "Tại Thi hay xài giờ dây thung nên chị phải nói thế,thôi đểchị bắt đền cho Thi một cây kẹo dậu phộng,được không cô bé?".Nghe chị nói trúng tim đen Thi cả mừng cả thẹn vội vã gật đầu.Sau khi mở khóa chiếc xe Mini trắng chị leo lênchỗ dợi,Thi nhảy phóc lên ngồi phía sau.Chiếc xe từ từ chuyển bánh.Qua khỏi đại lộ Cộng Hòa chị rẽ vào đường Nguyễn Trãi,một lúc đã thấy công trường Bác Ái hiện ra.Chị đưa Thi vào trường,và không quên mua cho Thi cây kẹo dậu phọng như chị đã hứa ban sáng . Thi ung dung xách cặp vào trường,còn chị phóng lên xe về để kịp phụ dọn hàng buổisáng với mẹ.

Vừa đến trước ngưỡng cửa vào lớp,Thi đã gặp bọn Lan Thảo Ngọc Anh,Thùy Trang,Bảo Thúy đứng trước cửa.Thùy Trang nói: "Thi ơi! Hôm nay Bích Thuyên không đi học,nó bị sốtdậy. Ban nãy chị Hoàng Uyên vừa đến xin phép cho nó nghỉ một tuần đó".Nó vừa nói đến đây thì ba hồi chuông reo báo hiệu giờ học bắt đầu cả bọn kéo nhau vào lớp.Tiếng giày lẹp xẹp ngoài hành lang rồi Thầy Phong xuất hiện.Hôm nay là giờ toán mà lại đầu tuần chắc thế nào cũng làm bài kiểm toán.Thật đúng như Thi đã nghĩ thầy thong thả ngồi xuốngghế

và nói: "Các em đã học thuộc hết những công thức hình học chưa? Hôm nay thầy chocác em làm thử vài bài toán nhé".Nói xong,thầy liền viết mấy bài toán hình học lên bảng cả lớp hít hà dồng khiếu nại rằng khó.Mà thật vậy,Thi cũng dâm cáu với những câuhỏi quanh co của bài toán,nhưng nhờ hôm qua Thi có học sơ nên còn nhớ vài công t h ứ c. Mười lăm phút bài kiểm trôi qua nhanh chóng,cả lớp thở phào nhẹ nhõm.Trong khi Thầy Phong ngồi chấm bài thì cả lớp được nghỉ giải lao một chút.

Mười lăm phút chấm bài lại trôi qua,đến lúc phát bài trả lại,Thi hồi hộp ghê,chỉ sợ mình bị nhiều lỗi,điểm ít thì mẹ buồn.Đến lượt bài Thi được Thầy trả lại,nhìn v à o bài thấy mình được điểm tám Thi mừng lắm,chỉ sợ điểm năm là khổ với mẹ thôi.Hai giờ toán đi qua,lại đến giờ luận văn của thầy Nghi.Trong các môn học Thi thích nhất là môn luận văn giờ thầy Nghi,nó vui làm sao ấy mỗi khi thầy giảng bài thường lồng vào những thí dụ cho dỡ buồn ngủ mà lại vui nên cả lớp ai cũng thích giờ luận.

(Còn tiếp)

---

tiếp theo trang 60

trọc,tôi bùi ngùi nhớ lại ông bà Lượm cũng cần chòi xưa.Ở đó,khi chiều êm đềm xuống, trong ánh đèn thắp bằng mỡ cá,có hai vợ chồng già nua,nghèo khổ,sống lây lất, nhưng lúc nào trên bàn thờ cũng có chưng bông trái.Hai vợ chồng tuy già mà thương yêu nhau rất mực,sớm khuya đèn nhang cầu nguyện trả xong hết quả báo và ước nguyện cùng chết bên nhau chung một ngày,chung một giờ.Họ đã toại nguyện rồi đó.

Tôi thường đến bên bãi đất trống chỉ còn nền đất cháy xém,rải rác những khúc cây đen xám giữa đám cỏ tranh,để ôn lại những ngày tôi đến đây nghe hai ông bà kể những tiền kiếp của Đức Quan Thế Âm.Ông vừa kể chuyện,vừa đục thiếc,đục kẽm để chế biến ra cái rá lỗ; còn bà thì vừa kho cá,luộc rau,lắng tai nghe chồng kể,thỉnh thoảng chêm m ộ t vài chi tiết lý thú.Cảnh xưa không còn nữa.Lối xóm kể rằng,ban đêm vào giờ dậu,ở bãi đất trống này có hai ngọn đèn treo lơ lửng; đó là hồn ma của hai ông bà hiện về.Nhưng tôi có thấy gì đâu.Ở đó,khi đêm xuống,gió biển đổ qua,mây núi kéo về.Chỉ có lũ c h ó hoang sục sạo,thỉnh thoảng tru lên ghê rợn.Tôi không tin hai vợ chồng ông Lượm đáng thương biến thành ma để nhát lối xóm,dân làng.Mọi người chẳng ai hiểu ông nên khinh thị ông.Còn tôi,tôi quí ông và đã tìm ở vợ chồng ông tấm gương mộ đạo hiếm có.Tôitin rằng họ đã đầu thai vào một cảnh giới tốt đẹp hơn cõi trần ai đầy khổ lụy này.

Viết xong vào một chiều cuối thu 83

VỤ ÁN THỊ LỘ

PHONG HƯNG

Người xưa kể rằng,
Tại khu rừng hoang vu (thời Bình Định Vương khởi nghĩa chống quân Minh,1418-1427) những toán quân Nam quây quần bên ánh lửa chập chờn.Người mài gươm,người dồn thêm gỗ nuôi ngọn lửa thiêng kháng địch,kẻ túm lại gần nhau trau dồi câu chuyện cho đỡ lạnh lẽo vì áo mỏng ngoài sơn lam chướng khí.Xa xa,cánh rừng mù mịt,hơi khí độc bốc mù sương.Trong lều,Nguyễn Trải mưu thần đắc lực của Bình Định Vương trầm ngâm lo lắng vì quân ít thế cô,thế giặc Minh mạnh mẽ tiến như chẻ tre.bận việc quân suốt ngày,Nguyễn Trải trg cơn mê tỉnh,thấy lẫng đẫng một người đàn bà dẫn đàn con đến phủ phục dưới chân mình khóc lóc xin đình hoãn việc phá nhà và tha chết cho mẹ con bà.Nguyễn Trải tỉnh giấc,bóng người đàn bà tan biến trong sương khuya,gió lạnh thổi lộng trướng mạc,còn lại tiếng vượn hú xa xâm lẫn tiếng thì thào của toán quân tuần canh.Hôm sau,toán sĩ tốt tình cờ đập chết một ổ rắn họ gặp khi đốn cây dựng trại,mang trình Nguyễn Trải.Đêm hôm đó,Ng. Trải nằm đọc sách bên ánh thơ,một tiếng động rơi trên trang sách làm người dật mình . Khơi đèn to hơn,Nguyễn Trải thấy một giọt máu tươi nhỏ xuống thấm ba trang giấy.Người đoán chắc không phải điềm lành.Giọt máu tươi thấm ba trang giấy ứng điềm vụ án tru di tam tộc sau này.

Sau khi giúp Bình Định Vương bình định giặc Minh,Nguyễn Trải được phong quan Phục Hầu đứng đầu văn quan.Ông tiếp tục phò tá Lê Thái Tổ việc triều chính,sau được phong Nhập Nội Hành Khiển.Về già Nguyễn Trải qui ẩn ở Côn Sơn,thuộc huyện Chí Linh,sống ẩn dật . Đa tài lại đa tình,Nguyễn Trải chưa thoát khỏi định luật nầy.Một buổi trưa nắng, vị quan già đang nghỉ ngơi,chợt nghe tiếng rao bán chiếu gọn lanh lãnh của một cô gáicòn trẻ.Tiếng rao khơi động bản tính nghệ sĩ mê cô đầu,Nguyễn Trải gọi cô bán chiếu nhan sắc đến,không dằn được máu huê tình,cụ trêu ghẹo :

Ả ở nơi nào bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa?được mấy con ?

Bốn câu thơ là năm câu hỏi,khẩu khí của khai quốc công thần kiêm nhập nội hành khiển Lê triều quen ra lệnh,từ Tể Tướng đến Thượng Thư triều đình nể vì,tưởng không có gì kênh kiệu đối với "ả" bán chiếu nghèo hèn nầy.

Trả lời bài thơ tán tỉnh quá ư lộ liễu,Nguyễn thị Lộ tên cô bán chiếu lanh lợi đối đáp Cô trả lời :

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon.

Luôn tiện,thay vì trả lời,cô trả đũa bằng câu trả lời bằng thể nghi vấn,câu hỏi oái oăm :

"Cớ chi ông hỏi hết hay còn ?"

và mỉa mọc lã lời :

"Xuân xanh nay độ trăng tròn lẻ".

Rồi tiếp tục dây dưa :

Chồng còn chưa có,có chi con ?

Hoặc chưa ngoa ai mà biết được :

Chồng còn chưa có,có chi ? Con !

Tài năng thiên phú chinh phục Nguyễn Trải.Cụ mang Thị Lộ về làm vợ lẽ,sớm hôm kề cận tương giao,quên hết thế sự bên ngoài.
Năm Nhâm Tuất(1442) Vua Lê Thái Tông(nối ngôi Lê Thái Tổ) duyệt binh ở huyện ChíLinh tiện đường ghé thăm vị lão thần Nguyễn Trải ở Côn Sơn.Vua Lê Thái Tông thấy Thị Lộ nhan sắc,mang luôn về triều.Giữa đường,vua băng bất ngờ tại Hành cung tỉnh Bắc Ninh. Thị Lộ bị bắt giam vào cũi giải về kinh đô,nhưng nàng hiện hình thành xác rắn và bị giết.Triều đình nghi Nguyễn Trải lập mưu thí vua,nên ông bị xử tru di tam tộc,ba họ nhà Nguyễn Trải bị giết.

Thời vua Lê Thánh Tông(1460-1497) xét thấy Nguyễn Trải vô tội nên truy tặng vị công thần nầy và cấp đất cho con cháu Nguyễn Trải để thờ phụng tổ tiên.

Sáu thế kỷ trôi qua,"Vụ án Thị Lộ" đã trở thành giai thoại "Rắn báo oán" và bài thơ đối đáp của Nguyễn Trải được kể nghe vui vui trong giờ sử ký khô khan cho học sinh tiểu học Việt Nam ngày nay.Nguyễn Trải được vua Lê Thánh Tông truy tặng và phục hồi, xem như vô tội.Người kết tội chưa điều tra xong ai là thủ phạm hay tòng phạm về cái chết của Lê Thái Tông.Vụ án đã kết thúc đâu,vì Thị Lộ bị giết ngay khi Lê Thái Tông băng,và tòa án chưa kết thúc điều tra.

VỤ ÁN THỊ LỘ,phiên xử đầu tiên gồm có :

- Quan tòa hay chánh án: Hoàng tộc,Hoàng hậu,triều đình,vua Lê Nhân Tông.
- Công tố viện: Hoàng hậu,Hoàng tộc,một số các quan.
- Bị can: Nguyễn Trải,Thị Lộ và con rắn.
- Nhân chứng: Quan ngự y,Cận thần và Cận vệ Vua lúc còn ở Hành Cung.
- Nạn nhân: Vua Lê Thái Tông.
- Tội trạng: Sát nhân hay thí Vua.
- Luật sư biện hộ Nguyễn Trải: một số quan thân thiết với Nguyễn Trải.Thị Lộ không có luật sư biện hộ.
- Tuyên án: Nguyễn Trải bị tru di tam tộc.
  Thị lộ bị trảm trước khi phiên tòa bắt đầu xử.

PHIÊN ÁN THỨ HAI :

- Quan tòa: Vua Lê Thánh Tông.Còn tất cả gồm hầu hết thành phần kể trên .
- Tuyên án: Nguyễn Trải được tha bổng và được bồi thường 100 mẫu ruộngcho con cháu ông.Phiên tòa thứ hai chấm dứt vĩnh viễn.

BỊ CÁO THỨ NHỨT: NGUYỄN TRẢI

Sử chép Nguyễn Trải con ông Nguyễn Phi Khanh,làm quan cho nhà Hồ(Hậu Trần).Nguyễn Trải đậu Tiến sĩ đời Hồ(1400-1407).Khi nhà Hồ thất trận,ông Nguyễn Phi Khanh bị bắt đưa về Kim Lăng bên Tàu.Nguyễn Trải theo cha khóc đến ải Nam Quan.Nguyễn Phi Khanh khuyên con về lo báo thù cha,rửa hận cho nước.Nguyễn Trải nghe lời cha trở về. Khi quân Bình Định Vương Lê Lợi về đánh Lôi Giang,Nguyễn Trải dâng bài sách Bình Ngô, để Lê Lợi dùng làm tham mưu.Lúc bấy giờ,sau khi Hồ Quí Ly bị bắt giải về Tàu,tiếp theo vua Trùng Quang bị thất bại,nhà Trần xem như mất ngôi,nước ta như rắn mất đầu,lòng người ly tán.không ai đủ khả năng lãnh đạo với tư cách minh chúa chống giặc Minh.Ng. Trải giúp Lê Lợi tạo chính nghĩa qua giai thoại "Lê Lợi vi quân,Nguyễn Trải vi thần" câu nầy được viết bằng mật ong trên lá cây rồi đem rải khắp nơi,dân chúng đọc được , tin là thiên mệnh,rất nhiều người theo Bình Định Vương.Mười năm gian lao với Bình Định Vương,Nguyễn Trải góp phần không nhỏ,ông là một loại Khổng Minh tái thế nói không ngoa;thời chiến,Nguyễn Trải là một chính trị gia,một nhà tuyên truyền,một cố vấnquân

xem tiếp trang 71

BỐN ĐẾ

A.- NGUYÊN NHÂN VÀ THỜI KỲ PHẬT GIẢNG BỐN ĐẾ.

Trí Phật là như thật trí,nên thuyết của Ngài hợp chánh lý,không trái sự thật. Đạo Phật là như thật đạo,nên tất cả giáo điển đều kiến tập trên chơn lý.Đây là nguyên nhân phát khởi thuyết Bốn Đế,một sự thật rõ ràng,mọi người đều có thể chứng nghiệm. Đức Phật - người đầu tiên chứng nhập và thuyết minh chơn lý Bốn Đế - sau khithành đạo,liền đến vườn Lộc Giả,độ các Ông Kiều Trần Như năm thầy Tỳ Kheo.Sau ba phen chuyển pháp luân Bốn Đế(thị chuyển,khuyến chuyển và chứng chuyển)thành kiến mê lầm tan vỡ,trí huệ siêu thoát xuất hiện,vànăm vị ấy là người đầu tiên ngộ đạo - nhờpháp Bốn Đế nầy,chứng nhập quả vị La Hán.

B.- ĐỊNH NGHĨA.

Bốn Đế là bốn món chắc thật,rõ ràng, hiển nhiên,ai cũng có thể tự chứng nghiệm.

C.- HÀNH TƯỚNG CỦA BỐN ĐẾ.

I) KHỔ ĐẾ:

Cuộc đời là đau khổ.Đây là một sự thật rõ ràng.Chúng sanh chưa thoát sự triền phược cuộc đời,đều phải chịu mọi điều thống khổ cay đắng: sống khổ,đau khổ già khổ,chết khổ,ân ái chia lìa cũng khổ, cho đến năm ấm ép bức đầy dẫy cũng khổ. Nỗi khổ tuy nhiều,nhưng không ngoài bamón khổ sau:

1/ KHỔ KHỔ: Cái thân đã là một việc khổ, lại còn phải gặp những hoàn cảnh ngang trái đắng cay.

2/ HOẠI KHỔ: Tiêu diệt tan rã là khổ;nhữg gì ta ưa cũng phải tan nát tiêu hủy,đâylà một điều khổ.

3/ HÀNH KHỔ: Xê dịch biến đổi là khổ. Ta muốn gìn giữ vĩnh viễn những tư hữu,nhưng mọi vật vẫn bị hư hoại rã rời dần dần,đây là một điều khổ.

II) TẬP ĐẾ:

Quả khổ của chúng sanh hiện tại không phải vô nhân hay ngẫu nhiên mà có.Các phiềnnão kiết sử,chính là nguyên nhân tạo nên khổ quả.Ấy là Tập Đế.(Tập là chỉ cho những kiết sử phiền não của chúng sanh).

1) NGHĨA CHỮ KIẾT SỬ:

KIẾT: cột chặt,không buông tha.

SỬ : điều khiển sai khiến.

Nghĩa là các món phiền não ràng buộc trong 3 giới phải chịu luân hồi sanh tử.Phiền não tuy nhiều,nhưng không ngoài 10 móncăn bản sau:

2) 5 MÓN ĐỘN SỬ:

a. Tham: luyến ái thân cảnh.

b. Sân : giận dữ nóng nảy.

c. Si : ngu mê vô trí,hoặc nhận xét sai lầm nông nổi.

d. Mạn : ngã mạn,cống cao,chỉ biếtnâng cao địa vị mình và kềm hãm giá trị người khác.

d. Nghi: nghi kỵ ngờ vực,không chánh tín.Độn sử là những phiền não tánh chất nặng nề.Đến địa vị A La Hán thì trừ hết.

3) 5 MÓN LỢI SỬ:

a. Thân kiến: chấp đắm sắc thân nầy là thiệt có,trường tồn.

b. Biên kiến: cố chấp một bên,không trúng sự thật,như chấp đoạn chấp thường.

c. Tà kiến : kiến giải tà vạy,khộ hợp chánh lý.

d. Kiến thủ : bảo thủ chỗ kiến giảicủa mình,không chịu tin chánh lý.

d. Giới cấm thủ: tin tưởng và thựchành những giới điều sai lầm.

Lợi sử là những sự nhận thức sai lầm. Đến địa vị Tu đà hoàn thời trừ hết.

10 món kiết sử nầy là nguyên nhân khiến chúng ta luân hồi trong 3 cõi,chịu những sự đau khổ.

Tóm lại hai món KHỔ ĐẾ và TẬP ĐẾ là nhân quả thế gian.

III) DIỆT ĐẾ:

Có tối thì có sáng; có đau khổ tất nhiên có Niết Bàn. Diệt đế là tịnh quả Niết Bàn do thật hành tịnh nghiệp Đạo đế.

1) NGHĨA CHỮ NIẾT BÀN:

NIẾT: rơi rụng, không có hay là thoát khỏi
BÀN : mọc lên lăn xăn. Nghĩa là tâm niệm không còn lăn xăn, luôn luôn an trú trong cảnh vắng lặng thường còn nhất là đã dứt sạch sanh thân, không còn thọ nhận c h ịu khổ gọi là Niết Bàn. Có 3 đặc điểm như sau

a/ Bất sanh: không mọc lên, không sanh lại, vì sanh nhân đã đoạn.

b/ Tịch diệt: thanh tịnh vắng lặng vì tâm niệm không lay động phan duyên.

c/ Giải thoát: diệt tận phiền não kiết sử, thoát khỏi rừng mê, thân tâm tự t ạ i, không còn triền phược trong bể khổ.

2) VỊ THỨ TU CHỨNG:

Tùy theo công hạnh tu hành, quả vị N i ết Bàn cũng có sai khác. Tiểu thừa chia có 4 vị thứ tu chứng:

a/ Tu đà hoàn: dự lưu hay nghịch lưu. Nghĩa là những vị nầy, đã rõ chơn lý bốn đế nên đi ngược giòng đời, và đã dự nhập thánh lưu.

b/ Tư đà hàm: nhứt sanh còn một phen thác sanh vào dục giới.

c/ A na hàm: bất lai không trở về dục giới, nhưng sanh nhân vẫn còn.

d/ A la hán: bất sanh. Đây là quả v ị cứu kính của tiểu thừa. Địa vị nầy không còn sanh tử trong ba giới, và an trú vào cảnh Vô dư y Niết Bàn.

IV) ĐẠO ĐẾ:

Là con đường hướng dẫn kẻ bộ hành đến đích. Đây chỉ những pháp tu hành hướng đến quả vị Niết Bàn chư Phật.

Con đường nầy là "Tám chánh đạo" là con đường chánh có 8 thứ:

1) Chánh tri kiến: chỗ kiến giải không sự thật.
2) Chánh tư duy: suy nghĩ chơn chánh.
3) Chánh ngữ: lời nói ôn hòa ngay thẳng hợp chánh lý.
4) Chánh nghiệp: hành động chân c h ánh, hoạt động hữu ích.
5) Chánh mạng: sanh hoạt chân chánh.
6) Chánh tinh tấn: Tăng tấn trên đ ư ờng tu hành.
7) Chánh niệm: nhớ nghĩ việc đã qua, suy tưởng việc sẽ đến, đề phòng ngừa và đoạn trừ những hành động bất chánh ý tưởng phi pháp.
8) Chánh định: lặng đứng các vọng duyên tâm trí, để trí huệ minh mẫn được xuất hiện (trái với tà định).

Tóm lại, Đạo đế là con người hướng đến đạo quả do Đức Phật thuyết minh. Con đường ấy chắc chắn đưa chúng ta thoát khỏi mê lầm đau khổ, chứng quả vị giác ngộ an t ị n h (Niết Bàn) nên gọi là Đạo đế. Hai món Diệt đế và Đạo đế nầy là nhân quả xuất t h ế gian.

D.- PHẬT TỬ ĐỐI VỚI PHÁP BỐN ĐẾ:

Phật tử người con của đấng Giác ngộ, phải học và thật hành theo pháp Bốn Đế. V ớ i pháp Bốn Đế, Đức Phật đã diễn tả hai cảnh giới tương phản: Niết Bàn an tịnh, triền phược khổ đau, và hai con đường mâu thuẫn đường mê lầm tội lỗi, và đường hào quang trí giác.

Phật tử phải là người đoạn trừ Tập đ ế, diệt tận Khổ quả, và thiệt hành Đạo đế để chứng Diệt đế Niết Bàn an tịnh.

(Còn tiếp)

---

tiếp theo trang 48

điều trị thuốc men ? hay một phước điền do lòng thành kính của người mẹ và s ự hiếu thảo của người con... Vị ni cô lại hỏi một lần nữa về sự phụ tôi, sau cùng tôi cúi đầu đáp nhỏ :

"Sanh giả không, tử giả không".

Cư Sĩ HUỆ TƯỜNG Hochdahl

NHỮNG LỜI SÁM HỐI

Lần đầu tiên trong đời sau mấy mươi mùa Xuân của tuổi thơ vô tư, của lứa thanh xuân nao nức, giao thừa năm nay một mình con ngồi ôn lại qúa khứ của đời mình, ôn lại những vui buồn đã được thời gian mang theo về dĩ vãng chỉ còn lưu lại những dư vị đắngcay trong cõi lòng và kinh nghiệm sống đã làm con già dặn hơn với những suy tư, và bằng con đường tu Phật, con mới thực sự có dịp nhìn kỹ lại chính mình và cuộc đời mộtcách rõ ràng hơn...

Thưa Cha,
Trước kia, con chỉ biết thả cuộc sống mình chạy dài theo năm tháng như vì vua kiatrg chuyện cổ tích đã quá tham lam kéo nhanh sợi chỉ trong cuộn thời gian để ngày m a i chóng đến... Con đã đợi chờ để lớn lên, để thành nhân, quên hết mọi người chung quanh để đến giờ này, khi bắt đầu ý thức được sự hiện diện của mình trong cuộc đời, bêncạnh khói hương tưởng niệm ông bà, con bỗi hổi tưởng đến bóng hình của cha, một người cha gần bên mà thật xa cách đến nỗi suốt mấy mươi năm có sự hiện diện của cha trongcuộc đời, con chưa từng có một cử chỉ hay lời nói biết ơn vì thước đó phần thì cha con ta xa cách với nhau quá mà con cũng chưa biết gì về bổn phận đối với cha mẹ.

Thật vậy, thời thơ ấu của con, cha là hiện thân của khuôn khổ, con chỉ được nhận lãnh những trận đòn hay những lời rầy la mỗi lúc phạm lỗi, vì thế con đã ít dám đến g ầ n cha... Được dịp đi học xa nhà, con như tháo cũi sổ lồng, không còn muốn quay trở lại quê nhà, với người cha nghiêm khắc, cho đến lúc hoàn cảnh xui khiến cha con ta l ạ i đoàn tụ một nhà.

Phải nói trong suốt bao nhiêu năm dài, vì tính nết không hợp, con có cảm tưởng p h ải chịu đựng cha. Trong tâm rất là bực dọc, nhưng cố giữ bề ngoài không trả lời để g i ữ trọn bổn phận làm con.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi, con vẫn có cuộc sống riêng của mình cả về ý nghĩ lẫn hành động. Con đã coi sự hiện diện của cha là một điều dĩ nhiên, không chối bỏ, nhưng cũng không lưu ý đến làm, chỉ biết lo cho bản thân và gia đình riêng của mình. Cha con t a gần như hai người xa lạ sống cạnh nhau, hành động được coi như hiếu thảo của con lúc bấy giờ là thỉnh thoảng biếu cha một ít tiền để tiêu vặt, hoặc sắm cho cha vài m ó n cần thiết, thế thôi !

Đến lúc cha nhiều tuổi, kiệt sức dần, cuối cùng đã bỏ chúng con để về với ông bà, lúc đó con cũng có đôi chút xúc động, đau buồn, nhưng thời gian đã mang tất cả vào q u ên lãng, con lại bận bịu với bổn phận của gia đình, có nhớ đến cha chăng, đôi lần vào nhữ dịp lễ.

Có những lúc con đã mơ thấy cha trong những sinh hoạt bình thường của thời xa xưa , tính dậy con có bâng khuâng. Nhưng có lần nọ con mơ thấy cha sống một mình nơi 1 cần chòi hiu quạnh giữa đồng, đang cuốc đất trồng rẫy, giữa cơn mưa tầm tã, con đã mời cha về chung sống với con bất chấp những dị đồng thường trước vì con thấy tội nghiệp cha phải cô đơn, nước mắt con đã ràn rụa trên gối cho đến lúc bừng tỉnh giấc.

Nếu không nhờ con đường tu Phật dạy phải quán sát thế gian, phải soi chính mình, con sẽ không bao giờ nhận ra được lỗi của con đối với cha trong suốt thời gian qua t o

tất dưỡng nào.Ai đã cho con thân người,đã nâng niu ẵm bồng,đút từng muỗng cơm,sắm từng quyển vở cho con đi học để sau được lớn lên,được nên người,có được cuộc sống êm ấm ngày hôm nay ! Vậy mà những năm trước đó con cứ giữ mãi trong tâm tư tưởng đối nghịch,coi cha như thuộc một thế hệ khác,khó cảm thông được.Không muốn nghe lời khuyên dạy của cha,và đã phải cố gắng làm mới không thốt ra lời chống đối.

Sau này,có nhiều dịp chứng kiến cái sống,cái chết của tuổi già,con thấy thật là bất hạnh và đau khổ biết bao nhiêu.Rất nhiều kẻ giàu sang,học thức mà đối với cha mẹ chẳng ra gì.Thảo nào nhiều bậc làm cha mẹ đã thốt lên lời chua chát "cha mẹ nuôi 9 mười con,chín mười con không nuôi nổi cha mẹ!".

Lúc còn thơ ấu cha mẹ đã nâng niu,ẵm bồng,xót xa mỗi lần con bị muỗi đốt,kiến cắn, giật từng tấm tã,không ngại nhơ uế,có miếng nào ngon thì nhịn miệng cho con,vạn vái tứ phương cho con được mau ăn,chóng lớn.Khi con bệnh thì thức đêm thức hôm,thầy nào thuốc nào,tốn kém bao nhiêu cũng không kể,miễn con được sống còn.Có người đã sụp lạy bác sĩ xin cứu mạng con,có người đã thấy tim mình nghẹn thắt theo từng nhịp thở yếu ớt của con.Con bệnh ít mà cha mẹ thì đau nhiều hơn.Dù nghèo túng thế nào cũng theo khả năng của mình mà lo lắng cho con từng món đồ chơi,từng bộ quần áo,dù nợ nần túng thiếu cũng đâu nỡ để con phải khổ sở,đói rách.Tấm lòng cha mẹ đối với con thật vô bờ bến.

Mãi đến lúc thành niên con mới có thể tự lo cho mình.Mười mấy năm dài tập tễ từ bước đi uốn từ giọng nói,nhưng tình thương con đã làm cha mẹ quên hết nhọc nhằn của mình. Bao nhiêu cái tốt,cái hay đều muốn dồn hết cho con,ba bốn năm hốt phân,tắm giặt cha mẹ nào than thở một lời,nhưng khi con trưởng thành,cha mẹ già yếu thì sử sẩn sóc, thuốc men đôi chút là đã bực dọc,thở than,coi như ăn bám,như gánh nặng.Có kẻ còn so bì với các chị em khác tại sao bắt mình phải nuôi cha mẹ! Nhiều bữa cơm cha mẹ đã phải cúi đầu chan hòa nước mắt vì dâu rể xọ xiểng! Nhiều người thấy cha mẹ bệnh nặng vội rước thầy tới tụng kinh để cho mau chết,viện lẽ đau lâu nhọc xác,mà dấu đi tâm địa ngại sẩn sóc của mình.Lời ông bà nói thật không ngoa "Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng,con nuôi cha mẹ con tính tháng tính ngày".

Những lúc thăm mộ cha,nhìn đám cỏ xanh vô tình phủ đầy,nghĩa trang u buồn lặng lẽ trong chiều lồng gió,con bâng khuâng thẩm thía ý nghĩa của cuộc đời,mấy mươi nấm dọc ngang,nuôi bao nhiêu chỉ hưởng cũng chỉ còn lại nắm đất nầy đây.Con cái thỉnh thoảng có nhớ đến cũng chỉ cúng vài chén cơm hay thắp vài nén nhang,vì còn bận vật lộn với cuộc sống thì giờ đâu nghĩ đến người đã khuất,mà có quay về quá khứ mong chuộc lại lỗi lầm thì cũng quá muộn màng.

Con tự nghĩ,tại sao suốt bao nhiêu năm trước,khi cha còn sống con không thấy rađược điều nầy,để cha đỡ tủi thân,mà con cũng đỡ ân hận trong suốt chuỗi ngày còn lại, vì sự xum họp của cha con ta trong một kiếp người cũng chỉ như bèo bọt trôi sông, sẽ theo cơn lốc Nhân Quả ngược xuôi sáu nẻo làm gì còn có hoàn cảnh tương tự diễn lại một lần nữa trong suốt vạn kiếp luân hồi! Có lẽ cũng vì thế mà nhiều người đã khóc lóc,vật vã lúc cha mẹ qua đời dù lúc còn sống họ đối với cha mẹ không ra gì.Nước mắt lúc đó,con nghĩ,hối hận hơn nhiều tiếc thương! Vì cũng có thể cũng như con khi trước đợi chờ lúc nào thuận tiện,có hoàn cảnh sẽ báo hiếu cho cha mẹ.Nhưng than ôi! thời gian nào có ngừng lại để cho ai đủ phương tiện,cha mẹ làm sao kéo dài được tuổi thọ để cho con hối lỗi,nghĩ lại để rồi nước mắt của con cái làm sao ngăn chặn được lưỡi hái của tử thần.

Tất cả sẽ muộn mất,một lần vĩnh biệt là mãi mãi,từ đó về sau,dù mọi người có địa vị giàu sang,thừa thải,có thể mua tất cả những vật trên đời cũng không mua được lỗi lầm. Không kể những kẻ lòng dạ sắt đá,phải đợi đến lúc mình bị con cái đối xử như thế mới cảm thông nỗi đau đớn của cha mẹ khi xưa!

"Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ",ai sống là cũng phải bước qua cầu nầy,nhưng nước mắt không bao giờ cháy lên.Làm cha mẹ chỉ biết trả nợ cho con cái,thậm chí,chua chát hơn nữa,trong một câu chuyện đố nhau mà con nghe được lúc nhỏ: trên một chiếc đòsang sông,có 3 thế hệ,Ông,Cha và Con,đò bi lật giữa dòng,câu hỏi là ai cần được vớt,c o n nghe trả lời là vớt đứa trẻ vì đó là tương lai còn dài! Hoặc trên đó có thêm người đàn bà thì nên vớt vì còn có thể sinh sản thêm ra... ! Sự ngược đãi đối với tuổi già trắng trợn như thế đó,nhưng tất cả đều thấy là bình thường,là hợp lý!

Nhờ những điều học biết trong đạo Phật,con mới thấy được công ơn sinh thành,dưỡngdục nặng dường bao.Con càng biết ơn Đức Thích Ca vì dạy cho mọi người sống tròn đạo làm người,trong TƯ ÂN mà người tu Phật phải đền,ân đầu tiên không phải là Thầy,là P h ật mà là cha mẹ,vì có cha mẹ sinh ra mới có thân người để tu hành,công ơn khai tâm thật cao đẹp vô cùng nhưng Đức Phật cũng không dám sánh bằng ơn tạo ra thân người.Thế m à có những kẻ vô nghĩ đã óan trách cha mẹ tại sao - tại sao bắt mình ra đời để khổ, họ không biết rằng đó là Nhân Quả của chính họ đã làm chớ cha mẹ nào không muốn cho con mình đỗ đạt giàu sang,ăn trên ngồi trước! Cha mẹ còn dám dùng thân mình làm bia che lằn tên mũi đạn,chịu tội thế con,che dấu cho con những lỗi lầm,dù con có hỗn láo đến ngần nào cũng chỉ biết nuốt lệ chịu đựng,đâu có cha mẹ nào lại hại con,dù là hùm dữ! Thời Đức Phật tại thế,có Quỷ Tử Mẫu chuyên bắt con nít để ăn thịt,muốn giáo hóa n ó, Đức Phật đã cho người bắt con của mụ dấu đi,mụ đau đớn,khóc lóc đến tìm Đức Phật đ ể xin cứu,nhân đó Đức Phật chỉ cho mụ thấy,nếu mụ biết đau đớn vì mất con,thì cha m ẹ những đứa trẻ khác cũng vậy,nhờ đó mụ hồi tâm,thôi không bắt trẻ con để ăn thịt m à còn hứa bảo vệ cho chúng nữa.

Thưa Cha,
Hôm nay đây,ôn lại mấy mươi mùa Xuân đã trải qua trong cuộc đời,con thèm có sự hiện diện của cha như thuở nào để con được nói lên lời sám hối chân thành để chuộc p h ần nào lỗi lầm,nhưng con làm sao níu lại bóng thời gian...
Con nhận thấy bao nhiêu năm qua con sống thật vô ích,thật bất xứng.Không biết mìnhlà ai,nhưng lại quá ích kỷ chỉ biết sống cho mình,để rồi giật mình ăn năn thì còn làmgì được nữa.Lòng hối hận của con đối với cha bằng mâm cao,cổ đầy ư! -trễ rồi,bằng l ờ i cầu nguyện ư! -con không tin điều đó,nên con thấy những người sớm hồi tâm,còn cha mẹ để kịp thời dâng cơm,hầu hạ một vài ngày trước khi quá muộn thật là may mắn biết bao vì thời trẻ trung cha mẹ đã hi sinh hết cho con cái rồi,được an hưởng một đôi ngàyđể đền bù cũng chưa xứng.Dù cha mẹ nuôi con nào có mong được đáp đền,nhưng sức tàn, lực kiệt,vật lộn với cuộc sống,với thời gian cũng đã quá mỏi mòn,con cái lại vô tình,bạc bẽo làm đau xót biết bao nhiêu!

Ở thế giới văn minh,vật chất,người ta để tuổi già sống chung với nhau trong ViệnDưỡng Lão để con cháu đỡ quấy rầy,nhưng đó chính là sự cô lập để bọn trẻ được đỡ vướng tay vướng mắt.Càng văn minh,tiến bộ,tình thương càng bị lãng quên,chỉ còn lại vật chất , hiện tại thôi.Con cũng có nghe nhiều cha mẹ đã bực tức thốt lời: sinh những đứa con như vậy thật là uổng tiêu nghệ,cưi lửa! biết thế cha mẹ nên để chúng vào Cô Nhi Viện thì đúng với lối cư xử nầy hơn!

Xuân nầy là cái Tết đầu tiên con ý thức được bổn phận làm con người.Tất cả đều n h ờ con đường tu Phật tạo cho con,nếu không con cũng như mọi người thản nhiên bên c á i sống,cái chết;vay mượn cuộc đời từng nỗi vui buồn rồi một mai cũng đi vào lãng quên như tất cả,có làm gì cho thế nhân cũng không ngoài cái danh,cái lợi của bản thân,của gia đình.Cuộc sống là cả một cơn lốc bị hoàn cảnh làm đảo điên,thấy đám cưới thì cho rằng vui,mà không biết sau đó có biết bao nhiêu nổi khổ kéo dài,thấy đám ma thì cho là buồn,biết đâu có những bậc ông bà cha mẹ bị con ngược đãi,mong thoát kiếp để trả dứt nợ nần vì càng thọ bao nhiêu càng nhục nhằ bấy nhiêu!

Hối hận thì đã muộm,con biết làm gì hơn là cố gắng sống tròn bổn phận làm người vàđi

cho trọn con đường giải thoát may ra cha đỡ tủi vong linh phần nào mà chính con cũng được lợi lạc. Con cũng mong những người làm con đừng phải hối hận trễ tràng như con, mà sớm hồi tâm trước khi quá muộn màng, nhất là những người tu Phật lúc nào cũng phải tâm niệm TỪ ÂN. Đó là tất cả những gì con tự hứa sẽ bắt đầu lại từ mùa Xuân này. Nếu cha có linh thiêng xin chấp nhận những lời sám hối của

Đứa con bất hiếu
LẠC VIÊN

Các Con,
Một thầy tu đã thụ 4 chức sắp trở thành "Cha", đã viết lên lời sám hối nầy sau khi nghiên cứu đạo Phật. Bố thấy hay nên cố gắng chép cho các con đọc.

Định mệnh đã khiến cha con ta, tuy không cùng cảnh ngộ như tác giả, nhưng, nửa đường chia cách, gặp nhau lại chỉ là mộng tưởng.

Bố không có ý nghĩ buồn trách các con, đừng hiểu lầm như vậy, nhưng các con nên đọc, đọc để thấy thế nào là bổn phận làm cha, làm con và suy gẫm, thấu hiểu ý nghĩa cuộc đời trong mai hậu.

27.05.1983

---

tiếp theo trang 65

sự chiến lược cơ mưu đại tài, nói theo ngôn ngữ hiện tại.

Khi Lê Lợi lên ngôi vua, hiệu Lê Thái Tổ, sai Nguyễn Trãi viết tờ báo cáo cho thiên hạ thứ dân biết. Tờ "Bình Ngô Đại Cáo", bản văn hùng hồn chẳng những có khả năng vỗ về trăm họ, còn làm thần dân Trần triều quay về Lê triều và Trần Cao mất thế đứng. Lê Thái Tổ không giết mưu thần Nguyễn Trãi như các vua khác, phong Nguyễn Trãi "Quan Phục Hầu", đứng đầu văn quan. Chức nhập nội hành khiển, có quyền vào cung cấm bất cứ lúc nào để cùng vua nghị sự.

Vị khai quốc công thần Nguyễn Trãi giúp rập Lê Thái Tổ việc triều chính. Tác phẩm "Gia huấn ca" của ông được xem như khuôn vàng thước ngọc trong vấn đề giáo dục gia đình thời đó, ngày nay đọc lại vẫn chưa thấy gì làm lạc hậu. Thời bình Nguyễn Trãi là 1 kiến trúc sư hành chánh có một không hai. Một mưu thần Nguyễn Trãi may mắn gặp minh quân Lê Lợi mới được cơ hội thi thố tài năng trị nước an dân, mở đầu cho thời cực thịnh của dân tộc qua câu ca dao :

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Con bế, con dắt, con bồng, con mang.

Công lao khai quốc và quyền khuynh thiên hạ, thân cận bên vua, Nguyễn Trãi nếu muốn, có thể lập vi cánh, chuẩn bị soán ngôi khi Lê Thái Tổ băng hà như gương Trần Thủ Độ soán ngôi nhà Lý đâu xa, Hồ Quí Ly đoạt ân nhà Trần còn đó, và gương Trịnh Kiểm chuyên quyền sau nầy.

(Còn tiếp)

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

Bún cà ry

A. VẬT LIỆU: 1 miếng tàu hủ tươi
500 g chả lụa
1/2 kg khoai tây hoặc khoai lang bí
1 bịch dưa khô
1 hộp cà nhỏ
1 cây poireau
200 g cà rốt
1 hủ nhỏ cà ry (loại ngon)
1 bó sả tươi
200 g mì căn non
200 g giá
1 trái chanh, ớt
1 bịch bún khô
1 bó rau húng
1 ít quế, đinh hương, lá thơm
GIA VỊ : Đường, muối, bột ngọt, dầu ăn.

B. CÁCH LÀM: Tàu hủ bổ dọc làm tư, xắt miếng dầy hơn 1 cm chiên vàng. Khoai tây, cà rốt gọt vỏ rửa sạch chiên vàng, xong ướp sơ đường, muối, bột ngọt cho thấm. Bắc chảo lên bếp, để lửa to cho dầu vào, đợi chảo thật nóng rồi đổ quế, đinh hương, lá thơm vào độ 1 phút, đoạn cho chả lụa xắt miếng chiên vàng. Dừa khô nhồi với nước nóng vắt hơn một chén nước cốt để riêng và hai tô nước dão. Mì căn non ngắt từng cục bằng ngón tay cái chiên vàng để sẵn. Sả, poireau rửa sạch băm nhuyễn. Cho nắm muỗng súp dầu ăn vào chảo, đợi nóng để sả poireau băm vào khử vàng kế đến cà ry, sau cho nước cốt dừa vào thắng sền sệt, đoạn nhắc xuống múc phân nửa trộn chung với phân khoai tây, cà rốt, tàu hủ bên trên. Xong cho tất cả vào nấu chung với nước dão. Khoai tây, cà rốt vừa chín tới, thì cho mì căn, tàu hủ chiên ban nãy vào gia vị cho vừa ăn và để lửa riu riu. Đến khi gần dọn ra thì cho phần nước cốt dừa cà ry thắng còn lại lên mặt. Sau cùng, chomột ít dầu vào chảo khác, đợi nóng để cà hột điều đoạn múc để lên mặt cà ry cho có màu đỏ trông ngon miệng. Bắc nước sôi trụng bún khi chín vớt ra rổ để ráo hoặc bắt con tùy ý. Rau sống, giá, lặt, rửa sạch, chanh xắt miếng dâm một chén muối ớt để sẵn. Cho giá, bún vào tô xong chan nước cà ry lên mặt bún. Món nầy ăn nóng với bún, cơm, hoặc bánh mì cùng với muối, ớt, chanh...

(Kỳ tới : "CANH KHOAI MỠ")

TRỢ CẤP XÃ HỘI

NGUYỄN LÊ NGHĨA

Trợ cấp xã hội đối với bà con người Việt tỵ nạn tại Đức không phải là một vấn đề xa lạ. Hầu như người nào cũng đã từng lãnh "tiền ăn", "tiền túi", "tiền mùa đông, mùa hè" v.v... cũng như nhiều trợ cấp khác khi vừa đặt chân đến nước Đức, trong lúc chờ lãnh tiền thất nghiệp, hay trong thời gian chưa có công ăn việc làm. Đã vậy nhiều người vẫn chưa biết rõ hết về quyền lợi của mình, hoặc nhận trợ cấp xã hội 1 cách thụ động, theo chủ trương "cho sao lấy vậy". Để giúp các bạn đã, đang và sẽ nhận trợ cấp xã hội có một cái nhìn khái quát hơn về quyền lợi và bổn phận của mình, chúng tôi xin trình bày sau đây một số vấn đề căn bản về trợ cấp xã hội.

TRỢ CẤP XÃ HỘI LÀ GÌ ?

Trợ cấp xã hội (Sozialhilfe) là sự giúp đỡ của chính phủ dành cho những người lâm vào hoàn cảnh thiếu thốn không thể tự lo cho mình, hoặc có nhận sự trợ giúp của ng khác nhưng không đủ để sinh sống.

TRỢ CẤP XÃ HỘI GỒM CÓ NHỮNG HÌNH THỨC NÀO ?

Trợ cấp xã hội gồm có 3 hình thức: hướng dẫn cố vấn giúp đỡ, tiền mặt và vật dụng.

THÍ DỤ:

Ty xã hội hỏi thuê nhà giùm cho bạn, chỉ cho bạn làm đơn xin trợ cấp (hướng dẫn cố vấn giúp đỡ), phát tiền ăn hàng tháng cho bạn (tiền mặt), cung cấp đồ đạc vật dụng cho bạn để xài trong nhà (vật dụng).

CÓ MẤY LOẠI TRỢ CẤP XÃ HỘI ?

Có 2 loại trợ cấp xã hội: Trợ cấp để sống và trợ cấp cho những hoàn cảnh đặc biệt.

TRỢ CẤP ĐỂ SỐNG (Hilfe zum Lebensunterhalt) là loại trợ cấp dành cho những người
- Không có việc làm để tự nuôi mình và thân nhân.
- Có tiền lương hàng tháng, hoặc các trợ cấp khác (như tiền thất nghiệp) nhưng không đủ để sống.
- Không nhận được tiền nuôi dưỡng của thân nhân.
- Có tiền để dành, nhưng không vượt mức qui định (chủ gia đình 2.000DM, thân nhân trong nhà mỗi người 400DM).

Trợ cấp để sống bao gồm tiền tiêu chuẩn hàng tháng (Regelsatz für die Hilfe zum Lebensunterhalt), tiền thuê nhà, tiền lò sưởi. Ngoài ra có thêm những trợ cấp bất thường (einmalige Beihilfe) như trợ cấp để mua áo quần, bàn ghế, màn cửa, trợ cấp để tu bổ nhà cửa, dọn nhà v.v... những trợ cấp trên được xét cấp tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh của người làm đơn. Bạn nên lưu ý là tiền tiêu chuẩn hàng tháng được qui định dùng để mua đồ ăn uống, trả tiền điện nước (kể cả nước nóng), mua sắm đồ đạc linh tinh trong nhà. Tiền thuê nhà và tiền lò sưởi được trợ cấp riêng (dĩ nhiên là có giới hạn - Ty xã hội địa phương ấn định mức giới hạn này).

Để biết được tiền tiêu chuẩn hàng tháng của gia đình mình được bao nhiêu xin bạn xem bản kê khai sau đây :

(TIỀN TIÊU CHUẨN HÀNG THÁNG ĐỂ SỐNG)
ÁP DỤNG KỂ TỪ 1.7.1983

Ngoài số tiền tiêu chuẩn hàng tháng để sống trên những người thuộc thành phần sau đây được hưởng thêm tiền phụ cấp (Mehrbedarf) tối thiểu là 20% của tiền tiêu chuẩn hàng tháng :

1/ 65 tuổi trở lên
2/ dưới 65 tuổi nhưng bị mất sức lao động xét theo luật bảo hiểm hưu bổng
3/ phụ nữ có thai từ tháng thứ 6 trở lên
4/ sống một mình nhưng phải nuôi dưỡng 2 hoặc 3 con nhỏ dưới 16 tuổi
5/ sống một mình nhưng phải nuôi dưỡng từ 4 con trở lên

TIỀN TIÊU CHUẨN HÀNG THÁNG ĐỂ SỐNG
ÁP DỤNG KỂ TỪ 1.7.1983

TIỂU BANG	Chủ gia đình hay độc thân Sống một mình DM	Cho đến đúng 7 tuổi DM	Bắt đầu 8 cho đến đúng 11 tuổi DM	Bắt đầu 12 cho đến đúng 15 tuổi DM	Bắt đầu 16 cho đến đúng 21 tuổi DM	Từ 22 tuổi trở lên DM
Baden-Württemberg	347	156	226	260	312	278
Bayern (tối thiểu)	335	151	218	252	312	268
Bremen	347	156	225	260	312	277
Hamburg	351	158	228	263	316	251
Hessen	347	156	225	260	312	277
Niedersachsen	345	155	224	259	311	276
Nordrhein-Westfalen	345	155	224	259	311	276
Rheinland-Pfalz						
(tối thiểu)	343	154	223	257	309	274
(tối đa)	375	156	226	26o	312	278
Saarland	343	154	223	257	309	274
Schleswig-Holstein	341	153	222	256	307	273
Berlin (West)	352	158	229	264	317	282

6/ bị bịnh lao đang còn trong thời gian điều trị
7/ bị tàn tật(15 tuổi trở lên)
8/ bị bịnh hay yếu sức khoẻ cần phải ăn uống đặc biệt
9/ bị mù hay tàn tật nhưng có đi l à m việc
10/ có đi làm việc

Chúng tôi xin đưa thí dụ sau để bạn hiểu rõ thêm về cách tính tiền trợ cấp đểsống.

Gia đình anh Tư gồm có 5 người: Anh chị Tư,2 con Tý(7 tuổi),Tèo(10 tuổi)và ôngCụ Sán(67 tuổi),ba của Anh Tư - Anh Tư lãnh tiền thất nghiệp mỗi tháng 750DM và tiền con(Kindergeld) 120DM - Chị Tư không đ i làm,đang chờ sanh thêm đứa con thứ ba . Gia đình anh Tư sống tại thành phố Hannover(tiểu bang Niedersachsen)và phảitrả tiền thuê nhà hàng tháng 900DM,tiền l ò sưởi 150DM,tiền điện 70DM(nấu nước v à nước nóng).Vì tiền thất nghiệp không đ ủ cho gia đình sinh sống nên anh Tư p h ải xin thêm tiền trợ cấp xã hội.Ty xã h ộ i Hannover tính tiền trợ cấp cho gia đình anh Tư như sau:

1- Nhu cầu của gia đình anh Tư

1.1	Tiền tiêu chuẩn hàng tháng	
	Anh Tư(chủ gia đình)	345 DM
	Chị Tư	276 DM
	Tý (7 tuổi)	155 DM
	Tèo(10 tuổi)	224 DM
	Bác Sán	276 DM
1.2	Trợ cấp tiền nhà	
	Tiền thuê nhà	900 DM
	Tiền lò sưởi	150 DM
1.3	Phụ cấp	
	Chị Tư(có thai)	55,20
	Bác Sán(trên 64 tuổi)	55,20
	Tổng cộng ...	DM 2.436,40

2- Tiền thu nhập của gia đình anh Tư

Tiền thất nghiệp	750 DM
Tiền con	120 DM
Tổng cộng	870 DM

Lấy tiền nhu cầu trừ cho tiền thu nhậpsẽ ra tiền trợ cấp để sống của gia đình anh Tư (1.566,40DM).Trong trường hợp anh Tư đi làm việc thì số tiền nhu cầu của gia đình sẽ cao hơn(tùy theo mức lương nhiều hay ít,anh Tư sẽ được tính thêm phụ cấp đi làm tối thiểu là 86,25DM và tối đa là 172,50DM).Ngoài ra tiền lương của Anh Tư chỉ được tính như là tiền thu nhập s a u khi đã trừ hết các khoản chi phí nhưtiền bảo hiểm xã hội(hưu bổng,thất nghiệp,sức khỏe),tiền xe đi làm v.v...

TRỢ CẤP CHO NHỮNG HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT
(hilfe in besonderen Lebenslage)

Trợ cấp nầy dùng để giúp đỡ cho những ng. lâm vào hoàn cảnh đặc biệt như bệnh hoạn già yếu cần người săn sóc,tàn tật v.v... Khác với loại trợ cấp để sống nhữngngười nào có tiền thu nhập đủ nuôi sống g i a đình mình vẫn có thể làm đơn xin loạitrợ cấp nầy.Trợ cấp cho những hoàn cảnh đặc biệt gồm có những khoản sau:

1- Trợ cấp để xây dựng và bảo đảm đ ờ i sống(Hilfe zum Aufbau oder zur Sicherung der Lebensgrundlage)thông thường dành cho những người có cơ sở làm ăn riêng nhưng gặp khó khăn về p h ư ơng tiện.
2- Trợ cấp để ngừa bệnh(vorbeugende Ge - sundheitshilfe).Thí dụ: đi dưỡng bệnh
3- Trợ cấp cho những người bệnh(Krankenhilfe).Thí dụ: tiền thuốc men,chi phí bệnh viện.
4- Trợ cấp để kế hoạch hóa gia đình(Hilfe zur Familienplanung).
5- Trợ cấp cho những người có thai vànhững người vừa sanh con(Hilfe für werdende Mütter und Wöcherinnen).
6- Trợ cấp cho những người tàn tật(Ein - gliederungshilfe für Behinderte). Thí dụ: chữa bệnh,học nghề.
7- Trợ cấp cho người bị bệnh lao(Tuber - kulosenhilfe).
8- Trợ cấp cho người mù(Blindenhilfe).
9- Trợ cấp cho người cần săn sóc (Hilfe zur Pflege).Thí dụ: người bệnh.
10- Trợ cấp để tiếp tục công việc nộitrợ trong nhà(Hilfe zur Weiterführung des Haushalts).Thí dụ: mẹ nằm bệnh viện , cha đi làm,con nhỏ ở nhà không aichăm sóc.
11- Trợ cấp để vượt qua những khó khănxã hội đặc biệt(Hilfe zur Überwindung besonderer sozialer Schwierigkeiten) . Thí dụ: nghiện ngập.
12- Trợ cấp cho người già(Altenhilfe).

Vì khuôn khổ của tờ báo hạn hẹp nên chúng

tôi không thể đi sâu vào chi tiết của từng khoảng trợ cấp trên. Trong trường hợp bạn thấy hoàn cảnh của mình có những khó khăn tương tự với những điểm nêu trên, bạn nên đến Ty xã hội để hỏi, cho dù bạn có công ăn việc làm và lương của bạn đủ nuôi gia đình.

AI ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI VÀ AI KHÔNG ĐƯỢC ?

Trong khi những người ngoại quốc khácco thể bị trục xuất về nước nếu làm đơnxin trợ cấp xã hội thì bà con người Việt tỵ nạn được chính phủ Đức cho hưởng trợcấp xã hội, nếu mình và thân nhân gặp hoàn cảnh khó khăn về mặt sinh sống và hộiđủ những điều kiện theo luật định như đã nêu trên. Tuy nhiên luật trợ cấp xã hội liên bang quy định không cấp trợ cấpcho những người thuộc diện sau đây mặc dùhọ túng thiếu:

1- Không đi làm việc mặc dầu có việclàm được và có khả năng đi làm. Chẳng hạn Ty Lao Động giới thiệu việc làm cho bạn mà bạn không có đi làm và không nêu lý do chính đáng. Gần đây nhiều Ty Xã Hội địa phương yêu cầu một số người lãnh trợcấp xã hội đi làm những công tác có tính cách phục vụ công cộng như tu bổ công viên, làm việc trong phòng giặt đồ của bệnh viện. Những người nầy được lãnh lương 1 giờ từ 1 đến 2DM cộng với số tiền trợ cấp để sống. Nếu ai từ chối đi làm mà không có lý do chính đáng sẽ bị cúp tiền trợ cấp xã hội. Do đó ý nghĩ : "đi làm mệt, ở nhà lãnh tiền xã hộisướng hơn" có thể đem lại cho bạn nhiều ngạc nhiên không được thoải mái.

2- Tự ý nghỉ việc, tự ý bỏ ngang cáckhóa học nghề, tu nghiệp hoặc không chịu đi học nghề mà không có lý do chính đáng.

3- Có tiền lương, trợ cấp của người thân hay của các cơ quan đủ để sinh sống.

4- Có tài sản, lợi tức nhiều.

5- Đang lãnh học bổng Bafög hay trợ cấp của Arbeitsamt theo luật trợ cấp lao động (Arbeitsförderungsgesetz). Có trường hợp ngoại lệ.

TIỀN XÃ HỘI CÓ PHẢI HOÀN TRẢ LẠI KHÔNG?

Thông thường tiền xã hội không phải hoàn trả lại. Tuy nhiên trong những trường hợp đặc biệt Ty xã hội có thể chi cho vaytiền và người hưởng trợ cấp phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp. Thí dụ: Cố ý hay vô ý để mình và thân nhân phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn (đánh bạc chẳng hạn), hoặc cóngười chỉ túng thiếu trong thời gian ngắn. Những người lãnh trợ cấp xã hội trong thời gian chưa nhận được các loại trợ cấp khác cũng phải hoàn trả lại số tiền đã nhận của Ty xã hội.

THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘICÓ PHẢI HOÀN TRẢ LẠI TIỀN TRỢ CẤP KHÔNG ?

Theo luật định vợ chồng phải nuôi nhau, cha mẹ phải nuôi con cái và ngược lại. Anh em ruột, chú cháu, ông bà cháu chắt khôngphải nuôi nhau. LƯU Ý: Ty xã hội có thể yêucầu những anh chị sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có hôn thú phải nuôi nhau. Thông thường Ty xã hội ứng trướctiền trợ cấp cho người túng thiếu và sẽ làmthủ tục đòi lại tiền trợ cấp ở những nơi thân nhân có trách nhiệm và lợi tức cao.

NGƯỜI NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI CÓ NHỮNG BỔN PHẬN GÌ ?

Ngoài những quyền lợi nêu trên người nhận trợ cấp xã hội có những bổn phận chínhsau đây: bổn phận cung cấp tin tức về tiềnthu nhập và tài sản, về những người có trách nhiệm phải nuôi mình, về các cơ quan cấp trợ cấp cho mình, bổn phận đi làm việc, bổn phận phải theo sự hướng dẫn của Ty xã hội và Ty y tế trong trường hợp bị bịnh v.v..

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý TRONG VẤN ĐỀ XIN TRỢ CẤP XÃ HỘI.

1- Nên đến Ty xã hội ngay khi bạn gặp khó khăn trong vấn đề sinh sống. Ty xã hội không trợ cấp cho những trường hợp khó khăn đã xảy ra trong quá khứ.

2- Không cần phải làm đơn mới nhận được trợ cấp. Bạn có thể trình bày miệng vềhoàn cảnh của mình với nhân viên ty xã hội.

3- Khi đến Ty xã hội nên đem theo tất cả các loại giấy tờ có liên hệ tới đời sống của bạn: giấy thông hành, giao kèo thuênhà biên lai điện, nước, gaz, giấy trợ cấp thất nghiệp, giấy chứng nhận đang lãnh tiền con, bản kê khai tiền lương đang lãnh v.v...

4- Nếu nhận được trợ cấp nên xin Ty xãhội một bản kê khai các loại trợ cấp định kỳ cũng như bất thường để lưu hồ sơ.

xem tiếp trang 79

Điểm sách

VĂN CÔNG TUẤN

Câu chuyện dòng sông của Hermann Hesse. Bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1982

RẰNG TỪ NGẪU NHĨ:

Tình cờ vào một buổi lễ Phật tại c h ùa Viên Giác,mới nghe ông Kỹ sư Ngô Ngọc Diệp đọc thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm . Không những ma vương nghe kinh L ă n g Nghiêm phải sợ mà chính người ta nghe cũng phải sợ cái màn học thuộc lòng. Đi lính sợ ải,làm sải sợ Lăng Nghiêm l à vậy.
Ngẫu nhĩ là trước đây có lần Thi sĩ Bùi Giáng có làm một bài thơ ca ngợi GiáoSư Ngô Trọng Anh(Giáo Sư Ngô Trọng A n h nguyên là Tổng Trưởng bộ Công ChánhViệt Nam Cộng Hòa và phụ trách giảng dạyĐông Phương học tại Đại Học Vạn Hạnh) trong khoảng thời gian ông viết cuốn ĐườngTrở Về là Cư Sĩ Duy Ma Cật.Thi Sĩ đã đề tặng là:Tặng ông Ngô Kỹ Sư Cư Sĩ(nói lái).Bây giờ trong giới trẻ ở Tây Đức lại có một ông Ngô Kỹ Sư Cư Sĩ khác.Hạnh ngộ thay hạnh ngộ thay...

CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG:

Chính là con đường trở về của một k ẻ lang bạt lòng đầy nghi ngờ,là tiếng nói im lặng và trầm hùng của một dòng sông, là hình bóng từ bi của Đức Cù Đàm ẩ n hiện trong khắp nơi khắp chốn,và đồng thời cũng là cái nhìn về tất cả những gì chúng ta đang có như cha mẹ,con cái, nhà cửa,xe cộ vân vân.
Nhân vật chính - Tất Đạt - là một người rất gần chúng ta và cũng có thể làchính chúng ta.Tất Đạt có thể là giáo sư Ngô Trọng Anh,là ông Cư Sĩ Diệp,là tôi, l à bạn,là anh Hùng,Dũng,An...là chị Vân , Kiều,Thủy,Phấn,Phượng vân vân và vânvân.
Bản in tiếng Việt đầu tiên mang tựa đề "Câu chuyện của Dòng Sông".Sau đó dịch giả đổi lại từ lần in thứ hai đến t h ứ sáu là Câu Chuyện Dòng Sông(do nhà xuất bản An Tiêm xb).Có chăng sự khác biệt giữa hai tựa đề.Xin thưa rằng Dòng Sông thì bao giờ cũng vẫn là dòng sông, c ó thay đổi chăng là cái tiểu ngã của con người thay đổi hay vươn lên.Xin dànhcâu trả lời cho dịch giả.
Chàng - Tất Đạt,con trai của một vị Bà La Môn.Là một con người thông minh,khỏe mạnh,ngoan đạo.Êm ấm làm sao đời sống của chàng bên người cha hiền triết , người mẹ nhân từ rất hãnh diện vì con , và bên người bạn thân thiết Thiện Hữu .
Chàng biết làm lễ tế thần,biết nói về đạo và biết đọc tiếng OM,nghĩa là toàn thiện trong những buổi lễ.Nhưng Tất Đạt vẫn cảm thấy trong lòng mình có một cái gì tan vỡ.Chính Thiện Hữu - bạn chàng - cũng biết điều đó và chờ đợi ở chàng.
Mãi cho đến một hôm có vài vị Sa M ô n đến thành phố nơi Tất Đạt đang ở.TấtĐạt thấy chung quanh họ bao phủ một làn khí khí của lòng say mê tận tụy và xả kýkhí chút tiếc thương.Thế là Tất Đạt bàn với Thiện Hữu và quyết định xin phép chalên đường.
- Con đấy ư,Tất Đạt ? Người cha hỏi. Cứ nói lên cho cha nghe những gì con đang nghĩ.
- Thưa cha,nếu cha cho phép,con đếnthưa cha rằng con muốn rời nhà ngày mai , để đi theo những người khổ hạnh.Con muốn trở thành một vị Sa Môn.Con tin rằng cha sẽ không ngăn cản.
Người hiền triết Bà La Môn lặng yênrất lâu,lâu đến nỗi những vì sao đã lạc qua song cửa nhỏ và chuyển hướng.Tất Đ ạ t vẫn đứng lặng yên cho đến sáng hôm sau, cho đến lúc người cha thấy không còn có thể giữ Tất Đạt được nữa.
Tất Đạt và Thiện Hữu lên đường theo học với những vị Sa Môn khổ hạnh ấy.Với một trí thông minh phi thường và lòng c ầ u học,chàng đã học được rất nhiều,đến độ chàng còn nhiếp phục được chính vị S a Môn trưởng,là Thầy dạy của mình nữa.
Vào lúc đó xuất hiện một người tên l à Cù Đàm,đức Như Lai,Đức Phật.Người đã nhiếp phục được nỗi khổ ở đời và đãlàm ngưng được con đường sinh tử.Hai người bạn trẻ liền từ giã đoàn Sa Môn khổhạnh để lên đường tìm Đức Phật tại vườn Lộc Uyển.Ở đây Tất Đạt đã tận mắt thấy được kim thân Đức Phật. Chàng tưởng như mỗi đốt tay của Ngài đều chứa đựng trí thức chúng nói lên,thở ra,tuôn phát ra chân lý .Tuy nhiên trong đầu Tất Đạt vẫn còn

tràn đầy nghi vấn. Trong buổi hầu chuyện cuối cùng của Tất Đạt với Đức Phật trước khi chàng tiếp tục lên đường, Đức Phật đã bảo chàng: Người đã khá nghe những lời giảng dạy... ta chỉ khuyên người, một người khao khát hiểu biết hãy tránh xa rừng quan niệm và sự xung đột giữa các danh từ. Quan niệm không có nghĩa gì, chớ có thể chấp nhận hay bị bát bỏ. Giáo lý mà người đã nghe, tuy vậy không phải là quan niệm của ta, và mục đích của nó khg phải là để giải thích vũ trụ cho những người khát khao hiểu biết. Mục đích ấ y là giải thóat khỏi khổ đau.

Nhưng rồi chàng thanh niên đầy thamvọng ấy vẫn lên đường. Thiện Hữu, bạn chàng đã ở lại và trở thành một vị tu sĩ.

Chàng vẫn tiếp tục đi và đi mãi. Chàng đi để gặp Kiều Lan, một kỹ nữ xinh đ ẹ p và thành thạo trong nghệ thuật ái ân và cuối cùng chàng đã có một đứa con v ớ i nàng, và cũng chính con chàng sau nầycũg bỏ chàng ra đi. Chàng đã gặp Vạn M ỹ , người thương gia giàu có và chàng cũng đã trở thành một thương gia nhiều tiền nhiều bạc. Vùi đầu trong những thú vui vật chất chàng đã quên tất cả, quên luôn cả chính mình. Cho đến một hôm kia chàng mơ thấy con chim nhỏ của Kiều Lan nuôi trong lồng sơn bông tự nhiên chết. Chàng mới sực nhớ lại và đau đớn như chínhgiá trị của cuộc đời chàng cũng đã chết đi. Trên tất cả những cuộc gặp gỡ đó, TấtĐạt đã gặp dòng sông và Vệ Sư - người l á i đò.

"Tôi ôn lại cuộc đời mình và thấy n ó cũng là một dòng sông. Tất Đạt người con trai, Tất Đạt người trưởng thành và Tất Đạt ông già, chỉ tách rời nhau bằng những cái bóng, không phải thựctại"

Nhưng tiền kiếp của Tất Đạt không ở trg qúa khứ, cái chết và sự trở về Đại Ngã của Tất Đạt không ở trong vị lai. Không có cái gì đã là, không có cái gì sẽ là , mọi sự đều là thực tại và hiện tiền.

Tất Đạt đã trở về với dòng sông, đã đứng lại bên dòng sông. Ở đây không còn biên giới của sự ra đi hay sự đứng lại. Đ ó chính là sự trở về, là quy y. Con sông ở khắp mọi nơi trong cùng một lúc, ở nguồn cũng như ở cửa sông, ở thác, ở dòng sông , ở Đại Dương và ở núi, ở khắp nơi. Bởi vậy Tất Đạt nói: "Tôi không đi đâu cả, tôichỉ ở trên đường". Từ đó Tất Đạt mới tìm lại ở dòng sông tiếng "OM" toàn thiện.

Phải chăng lúc bấy giờ chàng lại bắt đầu không biết đâu là kết cuộc của câu chuyện. Dòng sông thì vẫn chảy, vẫn nói, vẫn h á t vẫn ca trong cõi vô cùng. Có nghe được âm thanh của dòng sông hay không là tùy căn cơ của người.

VỀ TÁC GIẢ VÀ DỊCH GIẢ:

Hermann Hesse, người mà giới phê bình văn học tôn là bậc Thầy, là nhà thơ, là kẻ đi tìm Đạo, là nhà trí thức. Ông sinh ngày 02 tháng 7 năm 1877 tại Calw (Württemberg) Tây Đức. Cha là một vị mục sư và có thời gian sống tại Ấn Độ. Tác giả đã theo học nhiều trường từ Trung Học Phổ Thông, đến thần - học, rồi học nghề cơ khí. Làm phụ lễ trong nhà thờ, làm báo và cuối cùng ông nhận bằng Tiến Sĩ danh dự tại Đại Học Bern . Ông đã đoạt nhiều giải thưởng văn chương trong đó đáng kể nhất là giải Nobel văn chương năm 1946. Tác phẩm của Hesse được dịch ra khắp nơi trên thế giới. Riêngcuốn câu chuyện dòng sông (nguyên bản: Siddhartha) chỉ trong vòng ba năm (73-76) đã tiêu thụ 3 triệu cuốn tại Mỹ.

Chúng tôi không biết rõ số lượng ấn hành cuốn câu chuyện dòng sông tại Việt Nam là bao nhiêu, chỉ nhớ là vào năm 1974 nhà xuất bản An Tiêm đã tái bản lần thứ sáu. Lần tái bản mới nhất tại Hải Ngoại do PH Viện Quốc Tế tái bản tại Hoa Kỳ năm 1982 Ở Việt Nam ngoài một số bài thơ của Hesse, được dịch đăng rải rác trong khắpsách báo còn có một vài tác phẩm khác đ ư ợ c dịch và xuất bản trước 1975 như sói đồng hoang (Steppenwolf, bản dịch của anh Trần Xuân Kiêm); Đôi bạn chân tình (Narziß und Goldmund), bản dịch của thi sĩ HoàiKhanh) Dịch giả tác phẩm câu chuyện dòng sông là hai vị Sư cô, Sư cô Trí Hải (PhùngKhánh trước 1975 là giám đốc thư viện viện Đại Học Vạn Hạnh và là tác giả một số t á c phẩm khác. Sư cô Huệ Minh (Phùng Thắng) là phụ trách trung tâm an sinh viện Đại Học Vạn Hạnh, cơ quan phụ trách công tác x ã hội từ thiện và huấn luyện cán bộ cho hệ thống Kỷ Nhi Viện Phật Giáo. Cả hai vị là chị em và tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế.

DÒNG SÔNG CỦA CÂU CHUYỆN:

Đọc câu chuyện dòng sông, chúng ta thấy Tất Đạt hiện diện ở khắp nơi Âu, Á, Úc, Mỹ, Phi. Một chàng Tất Đạt thông minh trong

lãnh vực tri thức,một chàng Tất Đạtthành công trong tình yêu và tiền tài. Chàng có tất cả những gì người đời hằng ao ước.Nhưng chính chàng,chàng chỉ thấy mình đang sống một đời sống thật quáigở rằng chàng đang làm việc chỉ đáng g i á một ván bài,rằng chàng cũng đang vui về đấy,nhưng sự sống chân thật đang trôi qua và không động chạm đến chàng. Chàng đã đánh đổi một phần rực rỡ của tâm hồn chàng bằng những ngày rong chơi trong cuộc đời.

- Và bây giờ anh là gì,Tất Đạt? Thiện Hữu hỏi.

- Tôi không biết.Tôi chỉ đang đi trên đường.Tôi đã là một người giàu,nhưngbây giờ thì không còn nữa,và những gì sẽxảy ra ngày mai tôi không biết được.

- Anh đã mất hết của cải.

- Tôi mất chúng hay chúng đã mất tôi. , Bánh xe hiện tượng quay nhanh lắm, hỡi Thiện Hữu.Đâu là Tất Đạt con người Sa - Môn? Đâu là Tất Đạt người giàu có? Cái gì giả tạm sẽ thay đổi ngay.

Chàng đã trở về lại với dòng sông, lặng lẽ đọc tiếng "OM".Nhưng bây giờ t h ì tiếng ấy vang lên tuyệt diệu làm sao ,ở đó Tất Đạt thấy đủ màu đủ sắc,đủ t a m thiên đại thiên thế giới.Tiếng "OM" tác giả đưa ra đây như một hình tướng. n ó cũng có thể là một câu Nam Mô A Di Đ à Phật,hay một câu Lăng Nghiêm...Hiểnhiện trong một sát na đưa ta vượt qua biên giới giữa bóng tối và ánh sáng.

Ở khía cạnh khác dòng sông của câuchuyện là một bài ca bất tận về cuộc đời đầy hứng thú và thi vị mà chính con người đã đánh mất,đã vô tình lạc hướng trên đường trở về.

Cuối cùng cuốn sách câu chuyện dòngsông không phải là một cuốn sách về giáodiều cũng không phải viết về những phù chúmà nó lại là một cuốn tiểu thuyết đắc ý của một nhà văn tên tuổi đã đoạt giải Nobel văn chương.

Xuân về hãy cùng đọc câu chuyện dòngsông để mà:

Trông người lại ngẫm đến ta
Một dày một mỏng ắt là có nên(Kiều)

Viên Giác Tự - Xuân Giáp Tý.

tiếp theo trang 76

5- Bạn không nên so sánh địa phương mình với địa phương khác trong vấn đề nhậntrợ cấp xã hội.Có loại trợ cấp bạn đ ư ơ n g nhiên được hưởng(như trợ cấp để sống),có loại trợ cấp bạn chỉ nhận được tùy theo sự xét đoán của Ty xã hội địa phương(thí dụ trợ cấp bất thường).Chẳng hạn có nơi không những phát tiền cho bạn mua áoquần bàn ghế mà còn cấp cho tủ lạnh mới, thảm lót nhà... Có nơi khác không những không cho tủ lạnh,thảm lót nhà mà chỉ cấp cho bàn ghế cũ,hay dẫn bạn đến kho á o q u ầ n của nhà thờ để lựa quần áo cũ,mặc d ầ u hoàn cảnh của 2 người(hay 2 gia đ ì n h) tương tự như nhau.

6- Trong trường hợp bạn biết chắc c h ắn quyền lợi của mình không được giải quyết thỏa đáng,bạn nên đến Ty xã hội hỏi hoặc viết thư phản đối(widerspruch einlegen) trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đ ư ợc tin của Ty xã hội về đơn xin trợ cấp của bạn.

7- Nếu bạn không biết phải viết thư phản đối như thế nào,hoặc không biết quyềnlợi của mình đã được hoàn toàn giải q u y ết thỏa đáng chưa,thì bạn nên đến các v ă n phòng cố vấn về vấn đề xã hội dành c h o người ngoại quốc(Beratungstelle für Ausländer)hoặc các nhóm tự tương trợ(Selbst hilfegruppe hay Sozialhilfegruppe)đểđược hướng dẫn.Địa chỉ của các văn phòng c ố vấn bạn có thể hỏi tại các cơ quan l à m công tác xã hội tại địa phương như Dia - konisches Werk,Caritas,Arbeiterwohlfahrt ... Bạn cũng có thể quay số 118 để h ỏ i nhân viên bưu điện.Một điều sau cùng bạn cần nên lưu ý là không phải gia đình nợ. Đức đỡ đầu nào,hay người bạn Đức nàocũng biết rành luật trợ cấp xã hội để cố vấn đúng cho bạn.

Tin tức

●Vào ngày 9,10 và 11 tháng 12 năm 1983. , Đại Đức Chi Bộ Trưởng và một số Quý v ị Phật Tử tại Sindelfingen đã đến các nơi Pforzheim,St.Georgen,Spaichingen,Reutlingen và Tübbingen để làm lễ cầu an,thuyết pháp và gặp gỡ đồng bào.Trong chuyến đi nầy đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp và đồng bào Phật Tử ở những đ ị a phương xa nầy cũng có cơ hội để tìm hiểu về giáo lý cũng như đời sống tinh thần tại xứ Đức.Hy vọng cứ mỗi năm một hoặc 2 lần,những địa phương xa chùa,tổ chứcđược những buổi gặp gỡ như vậy,thật đángkhích lệ vô song.

●Ngày 17 tháng 12 năm 1983 vừa qua, c h ư Đại Đức Tăng Ni tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã vân tập về chùa Viên Giác để họp và bầu cử thành phần của Chi Bộ chonhiệm kỳ 1983-1985 với thành quả như sau:
Chi Bộ Trưởng : Đại Đức Thích Như Điển.
Chi Bộ Phó Nội Vụ:Đại Đức Thích MinhThân
Chi Bộ Phó Ngoại vụ:Đại ĐứcThíchMinh Phú
Tổng Thư Ký : Thầy Thích Thiện Tâm.
Phụ tá Tổng Thư Ký:Ni cô ThíchNữMinhLoan
Thủ quỹ : Ni cô Thích nữ Diệu Ân.
Ủy viên văn hóa:Ni cô Thích Nữ Diệu Hạnh
Ủy viên nghi lễ: Ni cô ThíchnữDiệuChương
Cuộc họp đã chấm dứt cùng ngày trongtình huynh đệ,Trường Tử Như Lai.

●Ngày 18 tháng 12 năm 1983 tại chùa Viên Giác có buổi thuyết pháp đặc biệt c ủ a Thượng Tọa Thích Hộ Giác-Nguyên Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - đến từ Hoa Kỳ. Nhiều đồng bào Phật Tử tại Kiel,Hamburg, Hildesheim,Uelzen,Hannover và vùng p h ụ cận đã tề tựu về chùa để nghe Thượng Tọa giảng pháp.Mặc dầu thời tiết ngày hôm ấy rất xấu;nhưng cũng đã có hơn 70 Phật Tử về tham dự.Trong câu chuyện đạo,mọingười đều lắng lòng mình để nghe những l ờ i vàng ngọc của Thượng Tọa;không có một tiếng động nào được dấy lên trong chánh điện,mà chỉ nghe những pháp âm chậpchùng khi xuống khi lên,khi giải thoát , l ú c nhiệm màu của Thượng Tọa.Một vị Giảng sư có lối giảng đầy hấp lực người nghe như thế,quả thật Việt Nam chúng ta chỉ cómột không hai.Có nhiều vị Phật Tử không đi nghe pháp được hôm đó rất lấy làm tiếc ; nhưng tại chùa có thâu băng về buổigiảng hôm đó của Thượng Tọa.Quý vị nào cần,xin liên lạc về chùa.

●Vào ngày 3,4 và 5 tháng 1 năm 1984 Quývị Tăng Sĩ người Mỹ thuộc Vạn Phật Thành đã đến chùa Viên Giác thăm viếng đồng b à o Phật Tử và thuyết pháp tại đây.
Một số quý vị Phật Tử Đức và Việt Nam đã vân tập về chùa Viên Giác vào tối thứ ba ngày 3 để nghe quý vị nầy thuyết pháp.Đề tài hôm đó là"Pháp môn Tịnh Độ".Quý v ị nầy giảng bằng tiếng Anh,đã được Đại Đức Thích Như Điển dịch ra tiếng Việt vàtiếng Đức cho đồng bào Phật Tử Đức cũng n h ư Việt nghe.
Đêm thứ 2,quý vị nầy giảng về kinhnghiệm tu hành bằng tiếng Quang Thoại,đã được Phật Tử Châu Đức Phú dịch ra tiếng Việt.
Vì là ngày thường nên ít có Phật Tử v ề tham dự;nhưng quý vị nào đã tham dự được những buổi giảng trên đều lấy làm hoan hỷ như xưa nay chưa từng gặp người M ỹ Châu nào đã hoạt động Phật sự được n h ư thế.Quả thật"phép Phật nhiệm màu".

●Vào ngày 10 tháng 1 năm 1984 tức là ngày mồng tám tháng 12 âm lịch - ngày vía Đức Phật Thích Ca Thành Đạo;một giới đàn Bồ Tát đã được tổ chức tại chùa Viên Giác, dưới sự chứng minh và truyền giới củaĐại Đức trụ trì.Giới tử chỉ có 2 vị.Đó là PT. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp - Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức và Đạo Hữu Diệu Niên Huỳnh Thị Dậu,tổng sự công quả tại chùa.
Mặc dầu giới tử ít nhưng giới đàn r ấ t trang nghiêm và thanh tịnh.Các giới t ử lập lại lời phát nguyện và thọ 10 giới trọng,48 giới khinh(nhẹ)của một vị BồTát tại gia - là hy sinh cuộc đời của mình để phụng sự cho Phật Pháp và đồng loại . Đây là giới đàn Bồ Tát đầu tiên được tổ chức tại chùa Viên Giác.Hy vọng trgtương lai sẽ có nhiều vị Phật Tử tại gia phát tâm Bồ Tát như trên,để ngôi nhà PhậtPháp tại xứ Đức nầy ngày càng phát triểnnhiều hơn nữa.

●Theo thông lệ 3 tháng một lần tạiNordd - eich trung tâm tạm cư của đồng bào thuộc tiểu bang Niedersachsen tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ để đồng bào Phật Tử c ó

cơ hội tụng kinh, lễ Phật và nghe thuyết giảng về giáo lý. Vì thế nên Đại Đức Th. Như Điển đã cùng với một số Phật Tử tại Hannover và vùng phụ cận đã lên Norddeich vào ngày 14 tháng 1 năm 1984 vừa qua để chứng minh và tham dự buổi lễ cầu an cho đồng bào.
Buổi lễ đã quy tụ hơn 80 người tham dự.

● Một địa phương nằm về cực Tây Nam nước Đức. Đó là Freiburg - vào ngày 22 tháng giêng vừa qua - qua sự giúp đỡ của Caritas địa phương - đã tổ chức một buổi lễ Phật rất trang nghiêm và thành kính. Đồng bào ở đây rất mong muốn về chùa thường xuyên, nhưng vì phương tiện di chuyển qúa tốn kém và ít có cơ hội - nên có lẽ mỗi năm tổ chức lễ Phật một hoặc hai lần tại địa phương thì tiện hơn. Đó là một lời đề nghị và đã được nhiều Phật Tử hưởng ứng.

● Ngày 2, 3, 4 và 5 tháng 2 năm 1984, tức mùng một, mùng hai, mùng ba và mùng bốn Tết Giáp Tý có khoảng 650 đồng bào Phật Tử khắp nơi trên nước Đức lần lượt về chùa lễ Phật đầu năm, hái lộc, xin xâm và cầu nguyện. Đặc biệt phần văn nghệ giúp vui của một số anh em Phật Tử thiện chí vào lúc 15 giờ chiều ngày 4 tháng 2 đã thu hút được nhiều khán thính giả - và những hương vị quê hương nhân ngày Tết đã đưa mọi người về lại với dĩ vãng trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc khi còn ở quê nhà.

● "Đi lễ cả năm không bằng ngày rằm tháng Giêng". Đó là cổ lệ của người Phật Tử Việt Nam chúng ta; nhưng rằm tháng giêng năm nay cũng nhằm vào ngày trong tuần, nên chùa Viên Giác đã cử hành lễ cầu an và giải hạn cho Phật Tử vào ngày 12 tháng 2 năm 84 vừa qua. Đã có nhiều Phật Tử về tham dự.

CHƯƠNG TRÌNH GIỮA THÁNG 2, THÁNG 3 VÀ THÁNG 4 NĂM 1984

★Bắt đầu từ 14 tháng 2 đến 6 tháng 3 năm 84 Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác sẽ vắng mặt, đi Canada - Montréal và Hoa Kỳ - Chicago để giúp đỡ những công việc Phật sự tại Niệm Phật Đường Quan Âm và chùa Quang Minh. Công việc Phật sự tại chùa Viên Giác vẫn tiến hành đều. Qúy vị Phật Tử có những vấn đề về hành chánh, xin cứ liên lạc về chùa. Ở đây sẽ có người lo cho qúy vị. Về vấn đề nghi lễ - xin liên lạc về Niệm Phật Đường Khánh Hòa như những lần trước.

★Ngày 17 tháng 3 năm 1984 vào lúc 15 giờ chiều tại chùa Phật Giáo Đức Hamburg sẽ cử hành buổi lễ Phật định kỳ cho đồng bào. Vậy xin mời Qúy Phật Tử và Qúy Đạo Hữu về tham dự đông đủ.

★Ngày 24 tháng 3 năm 1984 tại chùa Viên Giác sẽ họp Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Tây Đức để kiểm điểm những thành quả hoạt động trong thời gian qua và hoạch định chương trình làm việc trong thời gian tới. Giấy mời sẽ gởi đến qúy vị trong Ban Chấp Hành vào thượng tuần tháng 3 năm 84 sắp đến.

★Ngày 14 tháng 4 năm 1984 sẽ có lễ Phật cho đồng bào Phật Tử vùng Stuttgart do Trung Tâm Độc Lập tổ chức định kỳ mỗi năm 2 lần. Vậy xin thông báo đến đồng bào để có thì giờ đi tham dự buổi lễ trên.

★Ngày 28 tháng 4 năm 1984 vào lúc 15 giờ chiều tại trung tâm tạm cư Norddeich sẽ có buổi lễ Phật định kỳ. Xin thông báo đến đồng bào tại trại cũng như quanh vùng về tham dự đông đủ. Công đức thật vô lượng vô biên.

★Xin nhắc thêm về ngày lễ Phật Đản tại Hannover năm nay sẽ được tổ chức vào ngày 25, 26 và 27 tháng 5 năm 1984 - sẽ có một tuồng cải lương thật đặc sắc do Hương Lan Chí Tâm và những nghệ sĩ lừng danh từ Paris sang trình diễn. Vậy xin thông báo trước đến đồng bào để chuẩn bị ngày giờ về chùa lễ Phật và thưởng thức chương trình văn nghệ đặc biệt nói trên.

THÔNG CÁO

Theo giòng kệ Tổ truyền của Ngài Minh Hải phái Thiền Lâm Tế tại Việt Nam bắt đầu bằng bài kệ:

Minh thiệt pháp toàn chương
Ấn chơn như thị đồng
Chúc Thánh thọ thiên cửu
Kỳ quốc tộ địa trường
Đặc chánh luật vi tuyên
Tổ đạo hạnh giải thông
Giác hoa bồ đề thọ
Sung mãn nhơn thiên trung.

Theo đó - vị Bổn Sư có pháp danh đ ứ n g đầu chữ Ấn cho xuống đệ tử là Chơn. V ị Bổn Sư có pháp danh bắt đầu chữ Chơn cho xuống Đệ Tử là Như và cứ thế tiếp tục mãi cho đến chữ tận cùng của giòng kệ . Nhưng nhận thấy chữ Thị hơi khó cho pháp danh và nhiều người lầm tưởng là phái nữ. Nên bắt đầu từ người đệ tử thứ 101 c ủ a chùa Viên Giác sẽ được cho bằng Thiện , thay vì bằng Thị cho dễ hơn.Những vị nào đã quy y với chùa Viên Giác từ trước đến nay mang pháp danh khởi đầu bằng chữ Thị tức là những người trong sổ từ 1 đến 100. Những vị khác sau 100 đều bắt đầu bằng chữ Thiện.

● Xin nhắc lại một số thủ tục làm thẻ thư viện để mượn sách như sau:
- Người mượn sách phải có thẻ thư viện . Khi muốn có thẻ thư viện xin ghi rõ ngày tháng,năm sinh tại đâu,tên họ và địa chỉ hiện tại;xin gởi về chùa kèm theo lệ phí bảo trì sách vở trong một năm là 20DM .
- Tiền gởi sách đi và trả sách về d o người mượn sách đài thọ.
- Những sách vở gởi trả lại chùa bị hư - lần đầu cảnh cáo không cho mượn sách trg vòng 3 tháng - lần sau phải đền bù x ứng đáng.Vì tất cả những sách này đều do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức đàithọ không phải là tài sản riêng của chùa;nên mong quý vị giữ gìn cẩn thận cho.
- Mỗi lần mượn tối đa 3 cuốn,trong vòng 3 tuần lễ - nếu đọc chưa xong có thể gia hạn bằng điện thoại hoặc bưu thư; n ế u sách không có người ghi tên mượn. N ế u trễ hơn 3 tuần,không có thông báo,sẽ có thư đến đòi lại sách.
- Quý vị mượn sách nên ghi rõ số hiệu và tên sách được mượn.Mỗi lần nên ghi 5 hoặc 6 cuốn,vì sợ có loại sách ngườikhác đã mượn rồi,chưa hoàn trả lại chùa.
- Có nhiều vị gởi trả lại sách cho chùa vì bao không kỹ(có nhiều vị bao bằnggiấy báo hoặc giấy mỏng)nên bưu điện làm h ư rất nhiều.Vậy mong quý vị nên thận trọng trong việc gởi trả lại sách cho chùa. Đó là cách bảo tồn hay nhứt để nhiều người khác còn đọc được.
- Quý vị nào muốn có thư mục đầy đủ, xin biên thơ về chùa và ghi rõ những sáchcủa thư viện chùa có - không phải những sách không có trong thư mục - khi mượn sách .

● Quý vị nào muốn nhận được báo Viên Giác chỉ cần ghi tên và địa chỉ gởi thẳng về chùa,chúng tôi sẽ gởi đến quý vị. N ế u quý vị nào muốn tặng báo Viên Giác cho bạn bè cũng chỉ cần ghi tên họ và đ ị a chỉ của người nhận,chúng tôi sẽ gởi đến. Việc ủng hộ để tờ báo sống còn và đ ế n đều đặn với quý vị hai tháng một lần là tùy tâm,không có tính cách bắt buộc.

Năm 1984,mỗi lần xuất bản gồm 2.200 số, và mỗi số trung bình từ 70 đến 80 trang.

Quý vị nào thay đổi địa chỉ,xin thông báo cho chùa biết trước,để tránh v i ệc gởi báo đi rồi bị trả về,làm hao t ố n tiền tem.Mong Quý vị thông cảm cho.

Có nhiều gia đình nhận được 2 tờ b á o một lần với 2 tên khác nhau.Vì thế chúng tôi xin lưu ý quý vị - nếu quý vị c ó gởi thư về chùa,xin để tên một ngườinào nhứt định trong gia đình,mới mong tránh khỏi sự trùng hợp như trên.

Báo Viên Giác là tờ báo Đạo đi vào cuộc đời,không có tính cách thương mại.T u y nhiên những vị nào đã đóng góp bài v ở cho Viên Giác cũng như đã được ViênGiác trích đăng nhưng chưa liên lạc đượcmuốn nhận được tiền trợ bút;xin liên lạc với chùa,chúng tôi sẽ gởi tịnh tài đến Quý vị để quý vị có đủ phương tiện phát huy tài nghệ của mình trong vấn đề bảo tồn và làm rạng danh văn hóa nước nhà n ở i Hải Ngoại.Kính mong quý vị hoan hỷ v à miễn chấp cho.

● Thượng Tọa Thích Bảo Lạc và Đại Đức Th. Như Điển đã biên soạn một quyển sáchvới tựa đề là"Cuộc Đời của người Tăng Sĩ " rất công phu.Sách in bằng 2 thứ tiếng, Việt và Đức.Bìa in 6 màu lộng lẫy. Sách dày 346 trang với nhiều hình ảnh sống động.Bản dịch tiếng Đức của Phật Tử Ng. Ngọc Tuấn và PT Nguyễn Thị Thu Cúc.Nhữg họa bản bên trong do Họa Sĩ Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng trình bày.Sách do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức t à i trợ.Quý vị nào muốn có sách trên, x i n liên lạc về chùa Viên Giác,gởi kèm theo tiền tem và việc ủng hộ xin tùy hỷ. Quý vị Phật Tử Việt Nam muốn giới thiệu cho người Đức hiểu được về Phật Giáo,nên có quyển sách này.

tin cần biết

- Trong thời gian qua chùa Viên Giác đãnhận được một văn thỏ của Bộ Ngoại Giao Cộng - Hòa Liên Bang Đức liên quan về việc đoàn tụ gia đình của đồng bào Việt Nam. Chúng tôi xin trích dịch lại để đồng bào rõ. "Vì lý do nhân đạo,chính phủ Cộng HòaLiên Bang Tây Đức trong hiện tại chỉ nhận đơn xin đoàn tụ gia đình - con cái vị thành niên đối với cha mẹ.Hoặc ngược lại. Hoặc vợ đoàn tụ với chồng,chồng đoàn tụ với vợ. Ngoài những ưu tiên trên,Bộ rất khó c ứ u xét".Đó là nội dung rút gọn của văn t h ỏ trên.Vậy xin quý vị nào nằm trong trường hợp trên thì xin gởi đơn về Bộ Ngoại Giao Auswärtiges Amt Postfach 1148,5300 Bonn 1. Những lý do khác - làm đơn xin đoàn tụ cho người thân trong gia đình như ông bà nội,ngoại,anh chị em trên tuổi trưởngthành hầu như đều bị từ chối;vì số người tỵ nạn càng ngày càng gia tăng tại xứ Đức.

- Nhà xuất bản Buchendorfer tại Buchendorf, có gởi biếu thư viện chùa Viên Giác quyển "DAS SCHWEIN HAT KEIN VATERLAND"và 2quyển "BRUDER EICHE - SCHWESTER BAMBUS" của Dr. Nguyễn Tiến Hữu.Sách dày 200 trang.Bìa in 6 màu,trình bày rất trang nhã.Khổ 21,50 x 16cm.Giá bán 14DM.Qúy vị nào muốn có sách xin liên lạc về:Buchendorfer Verlag.Park. Straße 20 1/2 8035 Buchendorf.Tel.089/850 6140.

- Mới đây chùa Viên Giác cũng có nhận được quyển"VON REICH DER SINNE"(Speisen aus VN für Kopf und Bauch)cũng của Dr. Nguyễn T. Hữu.Thư viện chùa Viên Giác xin thànhthật cảm ơn Tác Giả,nhà xuất bản và xin trang trọng giới thiệu đến qúy độc giả khắp nơi.

- Nhà xuất bản QUÊ HƯƠNG tại 15 RochdaleAve Toronto,Canada M6E 1W9,Ph.(416)653 2094 - đã xuất bản nhiều sách Việt Ngữ cho học sinh và những sách khảo cứu về văn h ọ c rất có giá trị.Qúy vị nào cần có những sách nầy .Xin liên lạc về địa chỉ trên.

- Ngoài ra chùa Viên Giác cũng đã nhận được rất nhiều kinh,sách,báo,tạp chí,Bản tin.. của các chùa,các Hội Đoàn v.v... khắp nơi trên thế giới.Chúng tôi xin thành thậttri ân Qúy liệt vị và mong rằng sẽ nhận được thường xuyên những sách vở và báo chí của qúy cơ quan và đoàn thể đã và sẽ xuất bản để tạo thêm tình liên hữu nhiều hơn.

Nhắn tin

Trần Chí Lý hiện ở tại Martin LutherStr. 8/7 , 7830 Emmendingen.Tel. 07641/47644-Tây Đức,muốn biết tin HỨA KIM LÝ trướclà lính biệt kích đóng ở Tô Châu,Hà Tiên , sau chuyển sang Biệt Động Quân,đổi v ề miền Trung,Cha tên Hứa Văn Phát,mẹ Lâm - Thị Tám nhà ở Kiên Lương,quận Hà Tiên , Tỉnh Kiên Giang.Nay ở đâu,xin liên lạcvề địa chỉ trên.

Tìm bạn là TỐT trước đi xe Phong Phát , chạy đường Chợ Lớn - Hậu Nghĩa đã vượt biên năm 1979,nghe tin đã đến Đức. N a y ở đâu.Xin liên lạc về:Mai Bạch Huê Brück lerstr. 7. 4060 Viersen 11.Tel.02162/505 91.

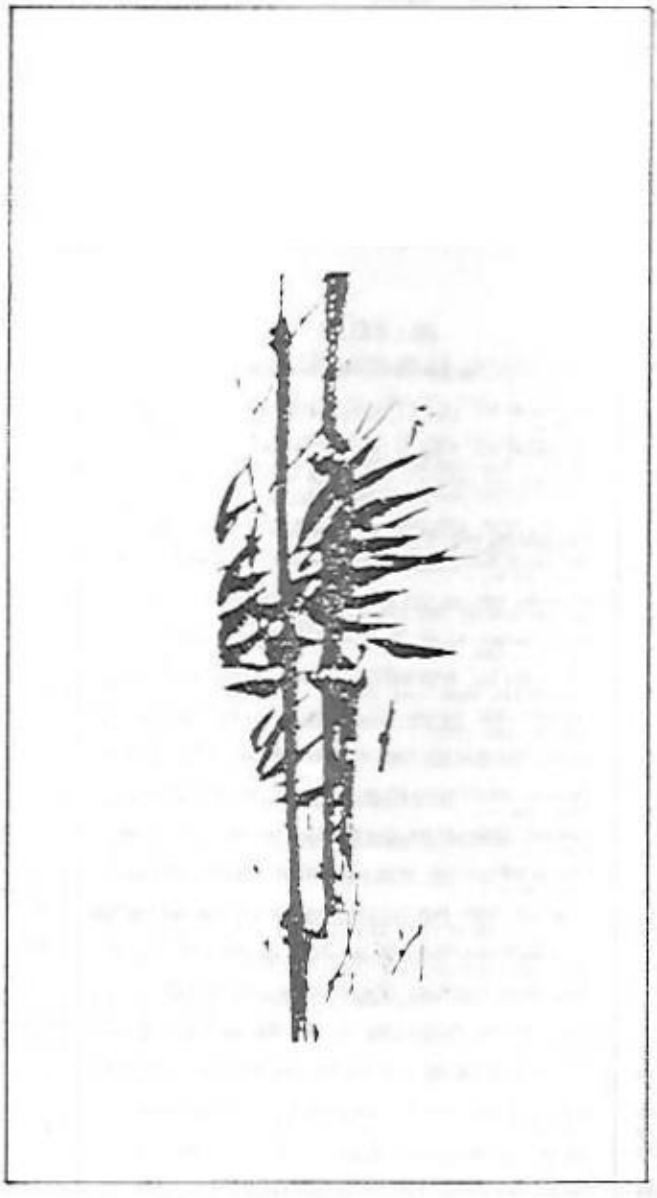

000 : TỔNG QUÁT

020 Kon -t	Kông, Lê Bá và Vũ Ngọc Ánh. Thành ngữ Việt Anh Pháp. Hoa Kỳ, Zieleks, 1978.(274tr.)	Tự điển
025 Tha -v	Thanh Nghị. Việt Nam tân tự điển minh họa. Sài Gòn, Khai Trí, 1966. (1538tr.)	
025 Van -v	Ban Văn Học Hội Khai Trí Tiến Đức. Việt Nam tự điển. Hoa Kỳ, Ngày Về, ? (700tr.)	
025.91 Anh -h	Anh, Bảo Duy. Hán Việt Tự điển. ? , ? , ? . (C1 : 592 tr. ; C2 : 605 tr.)	2 c.
025.91 Thi -h	Thiều Chửu. Hán Việt Tự điển. Sài Gòn, tgtxb., 1965. (XV, 817 tr.)	
025.931 Bos -w	Boscher, Winfried và Phạm Trung Kiên. Wörterbuch Vietnamesisch Deutsch. Đông Đức, Verlag Enzyklopadie, 1978. (736 tr.)	2 q.
025.931 Doc -w	Đức Lập Zentrum - sưu tập. Worterbuch für Vietnam-Fluchtlinge deutsch - vietnamesisch. Tây Đức, Caritas & Diakonisches Werk, 1981 (201tr.)	2 q.
025.931 Kar -v	Karow, Otto. Vietnamesisch-deutsches Worterbuch; tự điển Việt Đức. Tây Đức, Otto Harrassowitz, 1972.(1086tr.)	
025.932 Don -t	Đồng, Ngô. Tự điển thành ngữ Anh Mỹ. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (301 tr.)	
025.932 Die -t	Điển, Trần Văn. Tự điển Anh văn đồng nghĩa và phản nghĩa. ? , ? , ? . (581 tr.)	
025.932 Kon -t	Kông, Lê Bá. Tự điển tiêu chuẩn Anh Việt. Hoa Kỳ, Zieleks , ? . (498 tr.)	
025.932 Khô -e	Khôn, Nguyễn Văn. Anh Việt Tự điển. Sài Gòn, Khai Trí, 1968 . (1565 tr.)	
025.932 Khô -v	Khôn, Nguyễn Văn. Việt Anh tự điển. Hoa Kỳ, Sống Mới , ? . (1233 tr.)	
025.932 Ngo -t	Viện Ngôn Ngữ Học UBKHXH Việt Nam. Tự điển Anh Việt. Hà Nội , Khoa Học Xã Hội, 1975. (1960 tr.)	
025.933 Anh -p	Anh, Bảo Duy. Pháp Việt Tự điển. Sài Gòn, Trường Thi, 1957 . (1958 tr.)	
025.933 Asi -t	L'Asiathèque - sưu tập. Tự điển tiếng Việt, Dictionnaire Vietnamien Francais. Pháp, L'Asiathèque, 1977 (1695 tr.)	
025.933 Tap -t	Tập, Bảo Vân. Tiểu tự điển Pháp Việt Việt Pháp. Pháp, Institut de L'Asie du Sud-est, 1982. (351, 354 tr.)	
025.933 Vy - p	Vỹ, Bảo Đăng. Pháp Việt Tự điển. Sài Gòn, tgtxb, 1963.(1280tr.)	
025.933 Vy - v	Vỹ, Bảo Đăng. Việt Pháp tự điển. ? , ? , ? .(1464 tr.)	2 q.
027.533 My - d	Tiểu ban Mỹ Thuật Ủy Ban Quốc Gia soạn thảo danh từ chuyên môn. Danh từ mỹ thuật Pháp Việt A . Sài Gòn, Bộ Giáo Dục và Thanh Niên, 1969. (16 tr.)	
065.924 Vie	Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại CHLB Đức. Đặc san Viên Giác số 1,2,3,4,5,6 năm 1980.	
095.92 Die -t	Diễn Hương. Tự điển thành ngữ điển tích. Hoa Kỳ, Zieleks, 1981. (503 tr.)	2 q.

100 : TRIẾT HỌC

133.01 Fro -p	Fromm, Erich. Thu Nhân dịch. Phân tâm học về tình yêu ? , ? , ? (212 tr.)	
F195.911 Can -l	Cần, Nguyễn Duy. Lão Tử Tinh Hoa. Sài Gòn, Khai Trí , 1963 . (258 tr.)	
F195.911 Can -l	Cần, Nguyễn Duy. Trang Tử Tinh Hoa. Sài Gòn, Khai Trí, 1963 . 243 tr. - Đóng chung với cuốn Lão Tử Tinh Hoa)	

200 : TÔN GIÁO

211 Bao -k	Bảo Lạc, Thích. Kiến thức căn bản Phật Giáo. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1982. (509 tr.)	Phật Pháp 2 q.
211 Can -p	Cần, Nguyễn Duy. Phật học tinh hoa. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (xiv, 311 tr.)	
211 Duc -p	Đức Nhuận. Phật học tinh hoa, một tổng hợp đạo lý. Hoa Kỳ,Phật Học Viện Quốc Tế, 1983. (448 tr.)	
F211 Gri -t	Grimm, Georges. Nguyễn văn Nhuận dịch. Tuệ Giác của Phật. Sài Gòn, ? , 1964.	
211 Kie -d	Kiều, Tống Duy. Thích Đạo Quang dịch. Đại cương Triết học Phật Giáo. Đà Lạt, Huyền Trang, 1958.	2 q.
211 Mat -t	Mật Thể, Thích. Thế giới quan Phật Giáo. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1983. (111tr.)	2 q.
211 Nar -h	Narada. Hạnh phúc gia đình. Pháp, Kỳ Viên Tự, ? . (69 tr.)	
F211 Tam -d	Tâm Châu, Thích. Đạo Phật với con người. Sài Gòn, Sen Vàng , 1957 (189 tr.9	2q.
F211 Tin -d	Tịnh Mặc. Đường vào ánh sáng Đạo Phật. Sài Gòn, ? , 1959. (11o tr.)	
F211 Tin -p	Tịnh Am (Tổ Sư). Phật Hồ Đồ Tâm. Huế, Hội Việt Nam Phật Học , 1952 (43 tr.)	
211 Thi -p	Thiện Hoa, Thích. Phật học phổ thông. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế. (tr.).Gồm 10 c. (C1,C2,C3,C4,C5,C6+7,C8,C9,C10+11,C12)	
211 Thi -t	Thiện Hoa, Thích. Tinh thần cô phật do vật chất sinh chăng ? . Pháp, Chùa Khánh Anh, 1983. (32tr.)	
211 Tru -c	Trùng Quang. Chọn đường tu Phật. Gia Định, tgtxb, 1965	
F212.03 Cuo -e	Cường, Võ Đình. Ánh đạo vàng. Sài Gòn, Phật Học Viện Việt Nam, 1956. (160 tr.)	Văn học PG. 2 q.
212.03 Hô -t	Hộ Giác. Trúc Lâm dậy sóng. Hoa Kỳ, Sống Thu, 1983 (150 tr.)	
212.03 Kha -q	Chùa Khánh Anh - sưu tập. Giống nhân quả. Pháp, Khánh Anh , 1984 (59 tr.)	2 q.
F212.03 Nam	Nam Hải Quán Âm sự tích diễn ca. Sài Gòn, ? , 1965. (65 tr.)	
212.03 Su	Tác giả vô danh. Sự Tích Phật Bà Chùa Hương. ? , ? , 1970 (64tr.)	
212.053 Gia -t	Giác Ngộ (Cư sĩ). Tại sao ta ăn chay. Tây Đức, Thư Xã Tử Bi Âm Khánh Hòa, 1983. (103 tr.)	
212.09 Man -c	Mãn Giác, Thích. Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh. Hoa Kỳ, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam, 1983 (120 tr.)	
217.2 A	Thiền Tâm (Thượng Tọa) và Liên Du - dịch giả. Kinh A Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Hoa Kỳ, PHV Quốc Tế, 1982 (218 tr.)	Kinh điển Phật Giáo
217.2 Cốt	Tín Nghĩa - sưu tập. Cốt tủy nghi lễ Phật Giáo. Hoa Kỳ, Đại Nam 1983 (456 tr.)	
217.2 Dai	Trí Tịnh, Thích - dịch giả. Kinh Đại Bát Niết Bàn. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980. (2 c.)	
217.2 Dai	Linh Tiến, Thích và Thích Quảng Độ - dịch giả. Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân. Hoa Kỳ, Chùa Phật Quang Houston, 1983 (477 tr.)	
217.2 Dai	Trung Quán, Thích - dịch giả. Kinh Đại Thừa Phương Quảng Sám Hối Diệt Tội Trang Nghiêm Thành Phật. Hoa Kỳ, Chùa Trúc Lâm Yên Tử, 1982. (171 tr.)	2q.
217.2 Dai	Kinh Đại Bảo Phụ Mẫu Trọng Ân. Sài Gòn, Thanh Minh Thiền Viện , 1959. (40 tr.)	
217.2 Dai	Viên Giác, Thích - dịch giả. Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận. Pháp, Tự Viện Linh Sơn, ? . (68 tr.)	
217.2 Duo	Trí Quang, Thích - dịch giả. Sám Dược Sư. Hoa Kỳ, Chùa Vạn Hạnh, 1983. (106 tr.)	
217.2 Duy	Huệ Hồng, Thích. Kinh Duy Ma Cật. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980 (175 tr.)	
217.2 Mat	Triệu Phước (Cư Sĩ) - sưu tập. Mật Tông Phật Giáo Tinh Hoa. Hoa Kỳ, Nhóm Mật Giáo Colorado, 1983. (338 tr.)	
F217.2 Ngu	Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Kinh. Sài Gòn, Chùa Hải Tuệ, 1973 (60 tr.)	
F217.2 Pha	Từ Quang, Thích (Hòa Thượng Thiền Sư) - dịch giả. Kinh Pháp Bảo Đàn. Gia Định, Chơn Đức Thiền Viện, 1967. (253 tr.)	
217.2 Quy	Tâm Châu, Thích - dịch giả. Kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Quy Y Tam Bảo. Pháp, Chùa Từ Quang, 1978. (23 tr.)	
217.2 Vi	Bình, Lê Phước - dịch giả. Kinh Vi Tổng Hữu Thuyết Nhân Duyên , thượng hạ. Sài Gòn, Chùa Hải Tuệ,1966 (95 tr.)	
217.2 Vu	Mùa Báo Hiếu Đại Lễ Vu Lan. Sài Gòn, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, 1965 (77 tr.)	
218 Hon -t	Hồng, Nghiêm Xuân. Lăng nghiêm ảnh hiển, tiểu luận về Kinh Thủ Lăng Nghiêm Vương. Hoa Kỳ, Chùa Phật Tổ, 1983. (228 tr.)	Luận Phật G.
F218 Tu - q	Tử Phong, Thích (Thiền Sư).Đỗ Thiều Lăng dịch. Qui Nguyên Trực Chỉ, Thiền Tông Tinh Độ. Sài Gòn, Vĩnh Nghiêm Long, 1961. (142 tr.)	
F218 Tri -h	Thái Hư (Pháp Sư). Thích Trí Hải dịch. Hiện Đại Phật Pháp Khái Luận. ? , ? , 1969. (108 tr.)	
F218.2 Fro -t	Fromm, Erich. Tâm phân học và Thiền. ? , ? ,? (111 tr.)	
218.2 Muj -g	Mujo (Thiền Sư). Đỗ Đình Đồng dịch. Góp nhặt cát đá. Pháp,Khánh Anh, ? . (116 tr.)	2 q.
218.2 Tri -t	Trí Khải (Đại Sư). ThíchThanh Từ dịch. Thiền Căn bản. Pháp, Chùa Khánh Anh, ? . (194 tr.)	3 q.
F218.21 Nha -p	Nhất Hạnh. Pháp lạ của sự tỉnh thức. Pháp, Lá Bối, 1976 . (___tr.)	
218.29 Tha -t	Thanh Từ. Thiền Sư Việt Nam. Sài Gòn, Tu Viện Chân Không, 1973. (358 tr.)	
F218.29 Hoa -t	Hòa, Nguyễn Thụy. Tiểu truyện các Thuyền Sư Việt Nam phái Vô Ngôn Thông. Sài Gòn, Nhà Tuyền Bá Phật Giáo, 1974. (204 tr.)	
F219 Huy -p	Huyền Chân. Phật học. ? , ? , ?. (180 tr.)	
295.92 Thu	? ? ?.Thường Đế Giảng Chân Lý. ? , ? , 1983. (210 tr.)	Tôn giá Ấnđ

300 : KHOA HỌC XÃ HỘI

307 Bea -t	Beaverbrook (Huân Tước). Nguyễn Hiến Lê dịch. Tay trắng làm nên. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (123 tr.)	Nghệ thuật sống
307 Lê - l	Lê, Nguyễn Hiến. Luyện lý trí, thuật suy luận trong đời sống hằng ngày. ? , ? , ? . (203 tr.)	
307 Vie -d	Việt, Hoàng Xuân. Đời uyên ương, cẩm nang thành công và hạnh phúc gia đình. Hoa Kỳ, ? , . (330 tr.).	
307 Vie -n	Việt, Hoàng Xuân. Người chỉ huy, thuật rèn chỉ để thành công . Hoa Kỳ, ? , ? . (269 tr.)	
307 Vie -t	Việt, Hoàng Xuân. Thuật rèn người "A,B,C" của nhà giáo dục. Hoa Kỳ, ? , ? . (243 tr.)	
307 Vie -r	Việt, Hoàng Xuân. Rèn nhân cách, thuật đào luyện cô tính đứng phục. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (363 tr.)	
320.07 Hon -c	Hồng, Nghiêm Xuân. Cách mạng và hành động,1789-1917-1933 1949. Hoa Kỳ, Ngày Về, ? . (400 tr.)	Chính trị
375.92 Ban -n	Bang, Nguyễn Phúc Bửu. Nghi thức hôn lễ thực hành. Hoa Kỳ, Kinh Đô, 1982. (83 tr.)	
375.92 Toa -n	Toan Ánh. Nếp cũ, con người Việt Nam, phong tục cổ truyền. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (422 tr.)	

400 : NGÔN NGỮ HỌC

470 Kôn -h	Kông, Lê Bá. Hội thoại Việt Anh Pháp. Hoa Kỳ, Zieleks, 1976 . (152 tr.)	
470.927 Bao -v	Bảo, Bửu Văn. Vần Việt Ngữ (tập I). Gia mã đại, Quê Hương, 1976. (96 tr.)	
473.1 Hun -v	Hùng, Nguyễn Việt và Nguyễn văn Lập. Văn phạm Đức ngữ; deutsche Grammatik fur Vietnamesen. Tây Đức, Deutscher Caritasverband , 1980. (331 tr.)	
473.27 Kôn -a	Kông, Lê Bá. Anh ngữ thực hành, Phương pháp tự học. Hoa Kỳ, Zieleks, 1975. (239 tr.)	
473.27 Kôn -t	Kông, Lê Bá. Tự trau giồi ngữ vựng Anh Văn. Hoa Kỳ, Zieleks , 1980. (240 tr.)	
473.27 Kôn -v	Kông, Lê Bá. Văn phạm Anh văn (phần hỗ trợ) cú pháp, phân tích, tự loại và mệnh đề. Hoa Kỳ, Zieleks, 1976. (192 tr.)	
473.27 Kôn -v	Kông, Lê Bá. Văn phạm Anh văn. Hoa Kỳ, Zieleks, 1979. (307 tr.)	
473.37 Tao -v	Tạo, Nguyễn văn. Văn phạm Pháp văn giản yếu. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (501 tr.)	
473.37 Tim -v	Tiềm Tâm. Việt Pháp thực hành, đặc biệt cho người tỵ nạn. Pháp Institut Franco-Vietnamien, 1978. (220 tr.)	
475.911 Huê -t	Huệ, Tô. Tự học tiếng Quảng Đông. ? . Thông Dụng Tạp Chí,19((87 tr.)	
475.921 Kha -a	Khan,Nguyễn Khắc. An vân chuyển biến từ Hán ngữ sang tiếng Hàn Việt và tiếng Việt Nam. Sài Gòn, Đại Học Văn Khoa, 1963. (67 tr.)	
475.921 Kha -v	Khan, Nguyễn Khắc. Việt ngữ học. Sài Gòn, Đại Học Sư Phạm, ? . (88 tr.)	
475.921 Kha -s	Khan, Nguyễn Khắc. Sự quan hệ của Hán ngữ đối với tiếng Hán Việt. Sài Gòn, Đại Học Văn Khoa, 1967.	

600 : KHOA HỌC KỸ THUẬT

F668.07 Dươ -d — Dương, Đỗ Thiện. Điện toán đại cương. Sài Gòn, Đức Tâm, 1972. (266 tr.)

F668.07 Mac -t — Mạc, Nguyễn Văn. Thực tập viết chương trình bằng ngôn ngữ Fortran. Sài Gòn, Khoa Học Đại Học Đường, 1977. (132 tr.)

700 : NGHỆ THUẬT

F720 Hau -d — Hầu, Dương Công. Diễn cầm tam thể diễn nghĩa. Sài Gòn, Văn Hiến, ? . (360 tr.) — bói sân

731.1 Da - t — Dạ Nhiên, Nguyễn Ngọc. Tự cắt may áo quần trẻ em, 100 kiểu thời trang cho đủ loại tuổi. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (09 tr.) — cắt may

732 Lê - n — Lệ Hoa (Bs). Nghệ thuật làm nộm Ấn Trung Hoa. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (292 tr.) — nấu ăn

732 Tra -n — Trang Hường Thủy. Nghệ thuật nấu ăn. Hoa Kỳ. Zieleks, 1980. (197 tr.)

F785.923 Duy -m — Duy, Phạm và Phạm Thiên Thư. 10 bài đạo ca. Sài Gòn, Văn Học Sử, 1971. (48 tr.) — âm nhạc

785.923 Sai -n — Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Nhạc vàng Việt Nam. Tây Đức, SGAL, ? . (84 tr.)

785.923 Sai -n — Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Những ca khúc một thời vang bóng, tuyển tập 20 năm tân nhạc 1930-1950. Tây Đức, SGAL, ? . (96 tr.)

785.923 Sai -t — Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Trần đình yêu đương. Tây Đức, SGAL, ? (103 tr.)

785.923 Sai -t — Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Tình ca hai mươi. Tây Đức, SGAL, ?. (85 tr.)

785.924 Thi -n — Thiêm, Nguyễn Chí và Phạm Duy. Ngục ca - Chants de Prison - Prison Songs. Pháp, Quê Mẹ, 1982. (64 tr. bằng tiếng Việt, Anh và tiếng Pháp)

785.924 Vie -t — Việt Dũng và Lê Bảo Thụy. Tuyển tập Kinh Tự Nạn. Hoa Kỳ, Nhã Nhạc, 1981. (4) tr.)

800 : VĂN CHƯƠNG

815.921 Bao -g — Bảo Vân. Giai thoại câu đối. Canada, Quê Hương, 1983. (95 tr.) — Thi ca Việt Nam

815.921 Chi -s — Chi, Chu Ngọc. Sấm Trạng Trình tức tiếng Sấm Bạch Vân (chuyện cụ Trình Quốc Công Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm). Hà Nội, Hưng Long, 1953. (54 tr.)

815.921 Die — Điển, Ngô (Hoàng Giáp). .Cordier dịch sang tiếng Pháp.Thu dạ tứ hoài ngâm ou Plainte de L'exilé par une nuit d'automne.Hà Nội , Bulletin de la Société d'Inseignement Mueuel du Tonkin, 1926 . (32 tr.)

815.921 Tha -t — Thái Bạch - sưu tập. Thơ Hồ Xuân Hương. Hoa Kỳ, Nhân Văn, 1983. (73 tr.)

815.921 Tra -h — Trai, Trần Đạm. Thúc Ngọc Trần Văn Giáp sưu tập. Hát Dặng Phong Vận Khúc. Hà Nội, Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin, 1934.

F815.921 Vô - g — Vô danh thị. Thiều Chửu diễn giải. Giải thích truyện Quần Âm Thị Kính. Sài Gòn, Hưng Long, 1961. (35 tr.).

895.913 Quy -a — Quỳnh Dao. Ái quả tình hoa (hoa tình trái yêu). Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (509 tr.). — Tiểu thuyết Tr. Hoa hiện đại

895.913 Quy -h — Quỳnh Dao. Liêu Quốc Nhĩ dịch. Hải Âu Phi Xứ. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (341 tr.).

895.921 Nga -s — Ngân, Lê Kim và Nguyễn Hương Giang. Sơn Tinh Thủy Tinh. Canada , Lạc Việt, 1979. (74 tr.)

895.922 Doi — Đời cô kỳ quan (truyện mới nay). ? . ? , ? . (91 tr.)

895.923 Bin -d — Bình Nguyên Lộc. Đã đọc. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (307 tr.) — Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại

895.923 Duy -a — Duyên Anh. Áo tiểu thư. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (221 tr.)

895.923 Duy -b — Duyên Anh. Bốn Lửa. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (208 tr.)

895.923 Duy -c — Duyên Anh. Cây leo nanh phiệt. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? (477 tr.)

895.923 Duy -c — Duyên Anh. Con suối ỷ miền Đông. Hoa Kỳ, Việt Nam , ? . (237 tr)

895.923 Duy -t — Duyên Anh. Thằng Côn. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (180 tr.)

895.923 Kha -t — Khái Hưng. Trống Mái. ? ,Văn Nghệ, ? . (239 tr.)

895.923 Lan -c — Lan Phương (Bs). Cành hoa trước gió. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? (408 tr.)

895.923 Min -b — Minh Đức Hoài Trinh. Bên mi bên tê. Hoa Kỳ, Nguyễn Quang, ?. (304 tr.)

895.923 Tie -c — Tiêu, Trần. Cao trầu. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (309 tr.)

895.923 Tô - l — Tế, Ngô Tất. Lều chõng. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (463 tr.)

895.923 Tô - t — Tế, Ngô Tất. Tắt đèn. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (188 tr)

895.927 Hoa -t — Hoa Tiên - sưu tập.Tuyển tập truyện ngắn tiền chiến. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (396 tr.) — Truyện ngắn Việt Nam

895.927 Hạt -t — Hạt Thảo & nnk. Tuyển truyện Sáng Tạo. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (139 tr.)

895.927 Nha -a — Nhất Linh và Khái Hưng. Anh phải sống. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (146 tr.)

895.927 Ngh -v — Nghị, Phan. Việt Trường Sơn. ? , ? , 1981. (321 tr.)

895.927 Phi -d — Phi Vân. Đồng quê phồng sự. Pháp, Sudestasie, 1981. (197 tr.)

895.927 Qua -m — Quân, Đặng Phùng và Nguyễn văn Sâm. Miền Thượng Uyên xưa. Hoa Kỳ, Bách Việt, 1983. (198 tr.)

895.927 Son -n — Sống Mới - sưu tập. Nỗi lòng thầy giáo. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (__ tr.; loại sách nhi đồng tuổi thứ tập 3).

895.927 Son -n — Sống Mới - sưu tập. Người mẹ Việt Nam. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983 . (__ tr. loại sách nhi đồng tuổi thứ tập 1)

895.927 Son -n — Sống Mới - sưu tập. Những ngày thơ ấu. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983 . (__ tr.; loại sách nhi đồng tuổi thứ tập 2)

895.927 Son -t — Sống Mới - sưu tập. Tình thương trong sâm nhỏ. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (__tr.; loại sách nhi đồng tuổi thứ tập 4)

895.927 Son -t — Sống Mới. sưu tập. Thú quê. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (__ tr.; loại sách nhi đồng tuổi thứ tập 5.

895.927 Tha -h — Thạch Lam. Hà Nội băm sáu phố phường. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát,?. (111 tr.)

895.927 Tha -m — Phong Trào Thanh Niên Hành Động Xã Hội - sưu tập. Mùa xuân chim sẻ cá, tuyển tập truyện ngắn. Pháp, Phong Trào THNHDXH, 1983 . (218 tr.)

895.927 Tha -t — Phong Trào Thanh Niên Hành Động Xã Hội - sưu tập. Thương về quê ngoại, tuyển tập truyện ngắn. Pháp, Phong trào THNHDXH , 1983 . (270 tr.)

815.923 Han -t — Hàn Mặc Tử. Thơ Hàn Mặc Tử. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (84 tr.)

815.923 Hun -d — Hùng, Đình. Đường vào tình sử. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (110 tr.)

815.923 Thu -d — Thư, Phạm Thiên. Đồng Hoa Vàng. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (100 tr.)

816.92 Kho -t — Khôi, Phan. Tục ngữ, phong dao và địa vị của nó trong văn học. Hà Nội, Bảo Tàng Đàn, 1939. (161 tr.) — văn học dân gian

816.92. Phu -d — Phú, Nguyễn Văn & nnk. Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Hà Nội, Văn Hóa, 1962. (342 tr.)

816.92 Van -c — Viện Văn Học Ủy Ban KHXHVN. Ca dao Việt Nam trước cách mạng. Hà Nội, Văn Học, 1963. (286 tr.)

816.92 Vin -t — Vĩnh, Nguyễn Văn - sưu tập. Trẻ con hát, trẻ con chơi. Hà Nội , Tư Dân Văn Uyển, 1935. (26 tr.)

860.592 Đỗ - t — Đỗ Nam. Truyện Ba Giai Tú Xuất. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (231 tr.) — truyện cổ điển Tàu

F875.92 Sam -v — Sâm, Nguyễn Văn. Văn học Nam hà (văn học xứ Đàng trong). Sài Gòn, Lửa Thiêng, 1974. (xvii, 630 tr.) — văn học

875.92 Tan -s — Tân, Văn &nnk. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam. Hà Nội, ? .1958. (538 tr.)

875.92 Tie -t — Tiến, Nguyễn Hữu. Thơ mới với thơ cũ (trích trong Nam Phong Tạp Chí số 193 tháng 3/1934). (7 tr.)

875.921 Kha -v — Khan, Nguyễn Khắc. Văn học đính ngoa. ? , tgtxb, 1961 (190 tr)

875.921 Phu -n — Phượng, Nguyễn Tường. Nguyễn Giản Thanh,Phượng Thành Xuân Sắc . ? . ? , ? . (6 tr.)

875.922 Bao -t — Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa - sưu tập. Trăm hoa đua nở trên đất Bắc. Hoa Kỳ, Ngày Về, ? . (318 tr.)

875.922 Tuu -t — Tửu, Trương. Tinh sử mười năm văn học 1930-1940. Hà Nội, Tạo Chí Mùa Gặt Mới, 1941. (24 tr.)

894.1 Bar -m — Barone, Mike, Ngọc Thứ Lang dịch. Một mình một súng tử chiến Mafia. Hoa Kỳ, Xuân Thu, 1981. (338 tr.). — truyện dịch

895.911 An - t — Ân, Ngô Thừa. Phan Quân dịch. Tây du ký bình khảo. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (1032 tr.) — tiểu thuyết Trung Hoa cổ điển 2 bộ.

895.911 Cha -p — Chành, Trương Minh. Phi Long diễn nghĩa. ? , ? , ? . (672 tr.; 3cuốn : C1, C2, C3)

895.911 Kim -l — Kim Dung. Hàn Giang Nhạn dịch. Lãnh Nguyệt Bảo Đao. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (1167 tr. gồm 6 c.: c1,c2,c3,c4,c5,c6).

895.911 Kim -l — Kim Dung. Thường Lạn dịch. Long Hổ Phong Vân. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (1535 tr.; gồm 8 c.:C1+2,C3+4,C5+6,C7+8)

895.911 Kim -p — Kim Dung. Lão Sơn Nhân dịch. Phủ Lục Chân Kinh. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (1493 tr.;gồm 4 c.: C1,C2,C3,C4.)

895.911 Kim -p — Kim Dung. Lão Sơn Nhân dịch. Phủ Lục Chân Kinh. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (1493 tr.; gồm C1,C2,C3,C4.)

895.911 Kim -t — Kim Dung. Trần Phong dịch. Tục Thái A Kiều. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . Gồm 2 C. : C1 (453 tr.; C2 (348 tr.) — 2 bộ

895.911 Kim -t — Kim Dung. Hàn Giang Nhạn dịch. Tiếu Ngạo Giang Hồ. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (2686 tr.. Gồm 7 c. : C1,C2,C3, C4, C5, C6, (6.)

895.911 Kim -t — Kim Dung. Hàn Giang Nhạn dịch. Thiên Long Bát Bộ. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? .(791 tr.; gồm 2 C. : C1, C2.)

900 : LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ

985.921 Phu -n — Phượng Nam. Những Ông Tổ Công Nghệ Việt Nam. ? , ? , . (36 tr.)

985.922 Kie -p — Kiệt Đạt và Phan Bội Cẩn. Phan Bội Châu. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981. (124 tr.)

989.31 Lê - e — Lê, Nguyễn Hiến. Einstein, đời sống và tư tưởng. Hoa Kỳ, Trăm Việt, ? . (135 tr.)

995.911 Han -s — ? ? ? . Mộng Bình Sơn dịch. Hàn Sở tranh hùng. Hoa Kỳ, Zieleks, 1980. (500 tr.)

995.911 Tha — ? ? ?, Liêu Quốc Nhĩ dịch. Thám cung bí sử, Trung Quốc Hậu Phi Liệt Truyện. Hoa Kỳ, Xuân Thu, 1981. (237 tr.)

995.92 Sie -v — Siêu, Lê Văn. Việt Nam văn minh sử cương. Hoa Kỳ, Sống Mới,1983. (163 tr.)

995.922 Phu -v — Phương, Hà Mai. Việt Nam kháng Pháp sử. Hoa Kỳ, Mai Tiên, 1979 . (159 tr.)

995.922 Tru -n — Trường, Tạ Chí - sưu tập, Những bức thư chữ Nôm của Nguyễn Ánh . ? . ? . ? . (9 tr.)

995.923 Hon -l — Hồng, Nghiêm Xuân. Lịch trình diễn tiến của phong trào Quốc Gia Việt Nam. Hoa Kỳ, Ngày Về, ? . (287 tr.)

995.923 Hun -m — Hùng, Lê Tử. Những bí mật cuộc cách mạng 1.11.63. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (137 tr.) — 2 q.

995.99 Qua -i — Quân, Võ Văn. Israel và con người Do Thái. Hoa Kỳ, Trăm Việt , 1982. (185 tr.)

Còn tiếp...

THƯ VIỆN TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẢN QUYỀN TÁC QUYỀN CỦA TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ HAY NHÀ XUẤT BẢN NHỮNG SÁCH ĐÃO DANG LƯU HÀNH .

Phương danh quí Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường, Tết Giáp Tý

(Tính đến ngày 31 tháng 1 năm 1984)

PT Hùynh Minh Toàn(M'gladbach)35DM.GĐ ĐH. Đàm Quang Yên(Berlin)100DM.GĐĐH Tăng Bảo (Berlin)hồi hướng hướng linh ĐH Tăng Bảo 300DM.ĐH Lưu Nhơn Nghĩa(Wildbach)20DM. ĐH Nguyễn Thị Thu Phong(München)160DM.GĐ ĐH. Đinh Thị Hợi(Aachen)hồi hướng hướng linh Hà Văn Định HL. Hà Ngọc Loan 200DM.ĐH Hồ Ngọc Tuấn(Montréal-Canada)50US.GĐĐH Hùynh Lệ Minh(Neuss)hồi hướng hướng linh Hùynh Huê 100DM.Thị Vân Hồ Thị Kiều(Kiel)100DM. ĐH Nguyễn Thị Đẹp(Neumünster)50DM.ĐHNguyễn Thị Tốt(TX.USA)60US.ĐH Cao Thị Sâm(Spaichingen)50DM.ĐH Somphoucphiaphakdy(Gammettingen)100DM.GĐPT Đỗ Phước Lễ(Sindelfingen)20DM.ĐH Đỗ Chánh Dân(")100DM.ĐH Trương Văn Xuân 20DM.ĐH Phù Kim Anh 50DM.ĐH Âu Thị Ba(Gießen)40DM.ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Br.) hồi hướng hướng linh Lưu Trọng Phú 100DM. PT Nguyễn Văn Đồng(Essen)50DM.PT Thanh - Nguyễn 10DM.ẩn danh 10DM.PT Nguyễn vă n Minh(Braunschweig)20DM.PT Nguyễn Hữu Dư (Enkhuisen-Hòa Lan)30DM.PT Huy Thục Kim (Troissingen)10DM.ĐH Tôn Nữ Chung Anh(Karlsruhe)10DM.ĐH Quảng Quế(Colorado.USA)20U. ĐH Phạm Thị Nhiều(Tegelen-Hòa Lan)hồihướng hướng linh ĐH Lữ Đức Thái 100DM.PT TôVĩnh Hòa(Upgant-Schott)100DM.ĐH Hùynh Thị Tâm (Visé-Bỉ)200FRB.ĐH Hứa Xa(Wittmund)20DM. GĐĐH Chuyên Đàm(Stade)hồi hướng hướnglinh ĐH Châu Hảo 500DM.GĐĐH Cao Tây Truyền(Haren)40DM.ĐH Huệ Dõng(Lausanne-Suisse)50FRS. PT Nguyễn Văn Đồng(Freiburg)50DM.ĐHNguyễn Thị Lợi(WA-USA)50US.ĐH Bùi Xuân Thao(Baden Baden)60DM.PT Võ Thị Hoàng Mai(Hamburg 20DM.PT Trần Đình Thắng(Dannenberg)10DMẤn tống kinh.ĐH Nguyễn Thị Tuyết(Dorsten)34M. PT Lê Quang Tấn+PT Trần Thị Viên 20DM. PT Vương Thiếu Vi 20DM.ĐH Trần Xiêu Chi(Stade)10DM.PT Vương Tư'Kiên 20DM.ĐH La Nam Tướng(Hamburg)20DM.PT Phạm Thị Mỹ Dung (Paris)200FRF.PT Tương Thị Lành(Wiesbaden 13DM.ĐH Hà Ngọc Anh(Kaltenkirche)34DM. ĐH Châu Thị Thiệp(Paderborn)10DM.ĐH TrịnhThị Hồng(Hardheim)20DM.ĐH Nguyễn Thị Giang - (SF-USA)40DM.ĐH Kim Anh(Köln)35DM.ĐH Huệ Lộc(Marseille-Pháp)hồi hướng chư hướng linh ĐH Lê Văn Chấn,ĐH Huệ Đức,ĐH Diệu - Liên,ĐH Huệ Quới 300FRF.PT Nguyễn Thanh Dung(Ettlingen)50DM.PT Văn Ngọc Lê(M'gladbach)100DM.PT Nguyễn Ngọc Lan(Elsfeleth hồi hướng hướng linh thân phụ Nguyễn Văn Nhậm 50DM.ĐH Ngô Văn Sang(Stadthagen)20M ĐH Trần Thị Nam(Troissingen)100DM.GĐĐH . Trịnh Trọng Hiếu(Emden)50DM.PT Tôn NữThị Xuyến(Hannover)hồi hướng hướng linh thân phụ Tôn Thất Dư 50DM.GĐĐH Tăng Bảo(Berlin)hồi hướng hướng linh ĐH Tăng Bảo 200 DM.GĐĐH Trần Như Sơn(Hannover)100DM. PT. Trịnh Thúy Hương(Wolfhagen)20DM.GĐĐH họ Lý(Leverkusen)50DM.ĐH Lâm Thị Mùi(Berlin 50DM.ĐH Trần Hoa Kiều(Burscheid)50DM. PT Nguyễn Văn Bôi(Trappenkamp)10DM.ĐH Trần-Thị Hiền(Clausthal-Zell)20DM.PT ĐặngNgọc Hải(Speyer/RH)20DM.ĐH Nguyễn Thị Giang (Laufen)50DM.ĐH Diệp Thị Lục(Laufen)50DM. PT Trần Nguyên Anh(Bomlitz)50DM.PT Hùynh Thế Mỹ(Trappenkamp)20DM.ĐH Phan Văn Gõ (Geislingen)20DM.ĐH Lâm Văn Thu(")20DM . PT Võ Ngọc Khải(Neuss)10DM.ĐH NguyễnKhoa Thị Thoa(Eberbach)50DM.PT Trần Quan(Berlin)20DM.GĐĐH Nguyễn Ái(Bochum)hồi hướng hướng linh PT Trịnh Ngọc Yến 100DM.ĐHCam Ngô(Berlin)50DM.ĐH Lê Thu Chung(Konz - Könen)100DM.PT Nguyễn Ngọc Đường(Hamburg 70DM.PT Nguyễn Thị Bé(Köln)30DM.ĐH Trần Văn Nam(Pforheim)100DM.ĐH Hà Văn Tư(Aachen)100DM.Fam.Karl+Gái(Lüdenscheid)100DM. GĐĐH Lê Đức(Weingarten)50DM.ĐH Phạm Ngọc Anh(Berlin)30DM.ĐH Nguyễn Thanh Tùy(Recklinghausen)40DM.PT Nguyễn Thành Long(G. Marienhütte)20DM.ĐH Hùynh Thị Seng(Geilenkirchen)20DM.PT Đặng Duy Phạm(Lindenberg)50DM.PT Lâm Bung Hoàng(")10DM.PTThái Muối(Merzig)10DM.GĐĐH Trần(Braunschweig) 40DM.ĐH Nguyễn Thị Anh(Berlin)30DM.ĐạoH. Kiên Chung Lý(Saarbrücken)15DM.ĐH Đàm Chuyên(Stade)50DM.ĐH Đỗ Hữu Ái(Oberhausen)20DM.PT Hoàng Thị Thuỷ(Fürth-Unterfarrubach)50DM.PT Lê Sanh(Spaichingen)20. ĐH Dương Xuân Lang(Darmstadt)30DM.PTPhạm Thị Kim Ngân(Weiler)10DM.ĐH Đàm QuangYên (Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Khắc Mai(Köln)50M ĐH Võ Thị Lý(Erlangen)20DM.ĐH Nguyễn Chí Sáng(Spaichingen)30DM.ĐH Lưu Thị Hường (")20DM.ĐH Tân Phong(Ibbenbüren)40DM ĐH Lê Văn Kẹt(Köln)20DM.ĐH Trương TướngPhát (Hürth Mitte) 50DM.PT Trương Xuân A(Pforzheim)40DM.PT Nguyễn Thị Hường(Köin)50DM

GĐĐH Nguyễn Trung Ngôn(Berlin)100DM. ĐH Lâm Văn Nam(Mannheim)20DM.PT Hùynh Lương (M´gladbach)20DM.ĐH Trần Tú Nguyệt(Heimenkirch)20DM.ĐH Đinh Ngọc(Berlin)20DM . ĐH Hùynh Mỹ(Hamburg)70DM.ĐH Diệu Thiện (Bad Iburg)100DM.PT Lý Vĩnh Sanh(")20DM PT Lý Thành(")10DM.PT Bích Trâm Vogllände(Ko-Rübenach)170DM.ĐH Trang Văn H u y (Aalen)50DM.ĐH Tăng Bích Phân(LingenEms 30DM.ĐH La Hai(Lausanne-Suisse)30FRS.ĐH Hùynh Thị Tâm(Visé-Bỉ)500FRB.ĐH Võ Thị Hiện(Krabbendyle-Hòa Lan)50 Gulden. ĐH Lê Đức Khải(Tastrup-Đan Mạch)100Kr. PT Trần Hữu Dung(Bad Iburg)50DM.ĐH T r ầ n Thị Hiệp(Montréal-Canada)50 Can.GĐ ĐH . Dương Ngọc Minh(Wittmund)55DM.ĐH Dương Văn Quang(Grenzach)60DM.ĐH Đặng VănĐinh (Freiburg)50DM.ĐH Hùynh Thị Hoàng(")50M PT Lê Vĩnh Hòa(Oslo-Na Uy)100DM.PT T ô Khải Đức(Schweinfurt)50DM.PT Lâm Văn Ba (Heimenkirch)20DM.PT Phan Thị Ngô 50DM. ĐH Hồ Văn Nguyên(Paris-Pháp)100FRF. v à 100FRF in kinh sách.ĐH Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt)50DM.PT Phan Kim Vân(Nordenham)20DM.GĐĐH Nguyễn Đức Khang(Hamburg)50DM.ĐH Nguyễn Xuân Quang(Aahus-Đan-Mạch)500Kr.PT Nguyễn Châu(")100Kr. P T Nguyễn Lương Thành(")100Kr..ĐH Phạm Thị Bưởi(Düsseldorf)30DM.PT Trần Hùng Minh (Berlin)10DM.ĐH Lê Quốc Thu+ĐH Lê B ư'u Ngọc(Liège-Bỉ)500FRB. 10DM.ĐH Trương Triệu Bắc(Abstadt)50DM.ĐH Diệp Thị Sơn (Aalen)30DM.ĐH Quang Quế(Colorado-USA) 20US..PT Trang Văn Bảy(Wittmund)50DM.ĐH Nguyễn Văn Ngọc(")45DM.PT Lâm Thùy Nga (Lawik-Na Uy)150DM.ĐH Nguyên Lưu(Paris-Pháp)100FRF.ĐH Thái Quốc Minh(Dorsten) 40DM.ĐH Phạm Thị Thìn+ĐH Phạm Thị L a n (Weil/Rhein)40DM.ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tastrup-Đan Mạch)150Kr. 50Kr.giúp đồng bào tỵ nạn.PT Hùynh Thị Mai Trâm 50DM.ĐH Vưng Mần Mùi(Leverkusen)50DM.PT Vương KimHuê (Rheineck-Thụy Sĩ)50DM.PT Vương Quan Sen(Dorsten)50DM.PT Nguyễn Văn Nhan(Schayk - Hòa Lan)25 Gul.ĐH An Trạch Q u ế (Berlin)50DM.ĐH Đào Huy Bình(")20DM. ĐH Tân Tòng Khun(Aalen) 50DM và 1 tượngĐức Quan Âm nhỏ.PT Đỗ Hưng(Dirlewang)20DM . ĐH Tô Tú Ái(Tastrup-Đan Mạch)300Kr. GĐ PT tại Stange-Na Uy)300FRF.ĐH Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe)20DM.ĐH Hùynh Kưu Thanh Sơn(Ravensburg)20DM.ĐH Nguyên Trí+ĐH . Nguyên Tư(Usingen)50DM.ĐH Đỗ Trinh(Aalen)50DM.PT Phạm Văn Xương(Neuenstein)20 DM.ĐH Tâm Đức(Paris)100FRF.ĐH Trương Mỹ Dung(Geilenkirchen)10DM.ĐH Nguyễn V ă n Kiều(Pháp)100FRF.PT Hùynh Hiếu Thảo(München)20DM.ĐH Diệu Huệ(Uelzen)20DM.ĐHPham Văn Ken(Neuenstein)30DM.ĐH Nguyễn T h ị Liên(Köln)20DM.PT Trần Hải Hòa(Spaichingen)20DM.ĐH Lâm Bửu Trân(")10DM.ĐHTrương Xiếu Ngọc(")10DM.ĐH Trương Thị Mới(")10M PT Võ Văn Hùng(")10DM.PT Phùng Chánh("), 10DM.ĐH Vương Mùi(")5DM và một số PhậtTử khác 15DM.PT Trang Văn Bảy(Wittmund) hồi hướng hương linh thân mẫu Vương ThịQuạch pháp danh Tất Thắng 400DM.ĐH Cao Thị Chi (Berlin)10DM.PT Lê Văn Long(M´gladbach) 50DM.ĐH Phạm Thị Nhiễu(")40DM.ĐH Lâm Cẩm Long(Braunschwieg)20DM.ĐH Trương Văn Lạc (Seevetal)40DM.ĐH Trần Thị Mẹo(Köln)50DM ĐH Lưu Nguyệt+ĐH Hùynh Mạch(Oslo-Na Uy) 100DM.PT Vũ Thị Lan Thanh(")100DM.ĐHDiệu Niên(Hannover)200DM.ĐH Trần Thục H i ề n (Braunschweig)50DM.ĐH Nguyễn Văn Minh - (Köln)10DM.ĐH Hùynh Mộc Lâm(Bad Pyrmont) 50DM.ĐH Hoàng Quang Hân(Münster)10DM. PT Thái Văn Quyền(Pháp) 20FRF.ĐH Trần Hồ - (Thụy Điển)200Kr.ĐH Mai Hồng Nhung(Erlangen)10DM.ĐH Tiêu Thị Thì(Erlangen)30DM . GĐĐH Trương Văn Tố MD-USA)50US.ĐH NgọcAn. (TX-USA)30US.ĐH Vilaysane Sin(Köln)50DM. ĐH Lê Văn Hiền(Düsseldorf)100DM.PTTrương Thị Mai(M´gladbach)30DM.ĐH Văn Thị Bảy (Baden-Baden)50DM.ĐH Trương Thị Hải(Stuttgart)20DM.ĐH Nguyễn Thị Thiệt(Fulda)20M ĐH Trinh Hi(Saarbrücken)20DM.ĐH Trần Đức Phát(G´Marienhütte)20DM.ĐH Nguyễn B á n (Freiburg)50DM.ĐH Hùynh Thị Hoàng(Spai - chingen)30DM.PT Nguyễn Văn Quan(Hanau)10 DM.GĐĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braunschweig)300 DM.ĐH Đỗ Thuận Phát(")50DM.ĐH Nguyễn Thị Hường(Braunschweig) 200DM.ĐH La Cửu 20DM ĐH Hùynh Thị Tư(Celle)10DM.GĐĐH Lâm Vĩnh Phước 20DM.ĐH Lâm Văn Tốt(Hannover)80DM. PT Dương Tuấn Kiệt(Hamburg)30DM.ĐH M a i Hoành Thiện(Köln)50DM.ĐH Lư Huệ Muối(Wittmund)60DM.ĐH Nguyễn Thị Thanh(Paris)100 FRF.ĐH Phan Thị Nho(M´gladbach) 10DM.ĐH. Phạm Doãn Đường(Mannheim)50DM.ĐH HuệDong (Lausanne-Suisse)20FRS

Định kỳ

ĐH Lâm Văn Tốt(Hannover)120DM/1-6/84. PT Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)40DM/1-2/84.ĐH Lâm THành(Lingen/Ems)45DM/10-12/84.PT Lý Diệu Anh(Vechta)75DM/12-2/84.ĐH O ThịHai (Haren)100DM/1-5/84.ĐH Diệu Niên(Hannover)240DM/1-12/84.PT Mã Sang Hy 20DM. P T Lai Khánh Vân(Aachen)40DM/3-4/84.PTNguyễn Văn Xiếu(Barntrup)300DM/83/84.

Cúng dường xây Chùa

Hội Phật Giáo Việt Nam tại New South Wale và Thượng Tọa Thích Bảo Lạc(Úc)400đô ĐH Đinh Thị Hợi(Aachen)300DM.PT Giang Lằng Mai(Nürnberg) 50DM.PT Nguyễn Văn Lợi(Pforzheim)200DM.PT Lưu Nhớn Nghiã (Wilbach)20DM.ĐH Hồ Diệu Minh(Pforzheim 500DM,ĐH Thái Sên(")1.000,00DM.ĐHTrương Xuân A+ĐH Trần Quế Lang(")1.000,00DM.ĐH Đoàn Văn Thời(")1.000,00DM.PT Mã SángHy (")200DM.GĐĐH Dương Bằng Sơn+ĐH TrầnThị Hùynh Mai(")1.000,00DM.ĐH Đặng Thị Lai (")500,00DM.ĐH Nguyễn Văn Minh(")500,00 DM. ĐH Trần Đình Liên+ĐH Văn Tố Quyên " 500DM.Một Kiều Bào Thiên Chúa ẩn danhcúng dường xây chùa Viên Giác 100DM.ĐH Trần-Quang Lan(")50DM.PT Chang A Sáng (")50M PT Lâm Triu Minh(")30DM.PT Mã Sáng Hy20 PT Ngô Văn Phước(")20DM.PT Nguyễn BáDuy (")10DM.PT Trang Thị Nga(")25DM.PT Đặng Thị Lai(")25DM.ĐH Đoàn Văn Thời(")50DM. PT Nguyễn Văn Mỹ(")100DM.ĐH Trần Ngọc Hòa+ĐH Thái Thị Sắt(")50DM.PT Thái Sến (")100DM.ĐH Trương Thị Thanh Xuyên Pháp danh Tâm Hải(Bruxelle-Bỉ)1.000,00FRB. . ĐH Vũ Thị Ngọc Hoạt(Muri-Suisse)200FRF. PT Hùynh Thị Thu Thảo(Freiburg)100DM.ĐH Minh Tôn+ĐH Thanh Hòa(Hildesheim)500DM. ĐH Nguyễn Văn Lương(Düsseldorf)200DM.ĐH Nguyễn Thị Lan(Essen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Trường(Düsseldorf) 50DM.ĐH Trương t h ị Hai(Stuttgart)20DM.ĐH Tạ Thị Xuân(Düsseldorf)50DM.GĐĐH Somphoucphiaphakdy - (Gammertingen)1.000,00DM.PT Trần Hùng Minh(Berlin)20DM.PT Vũ Quang Tú(Seelze) 100DM.PT Nguyễn Thị Hiền(")50DM.PT Đỗ Trọng Hoàng(Vaihingen) 10DM.PT TrầnHùng Minh(Berlin)30DM.PT Tôn Nữ Thị Xuyến - (Hannover)50DM.GĐPT Trần Như Sơn(Hannover)100DM.PT Võ Ngọc Khải(Neuss)10DM.ĐH Lê Văn Kẹt(Köln)50DM.ĐH Kha Quốc Lương (Thụy Sĩ)100FRS.PT Hùynh Mỹ(Hamburg)200 DM.ĐH Trần Hồng Nhung(Bad Iburg)100DM . ĐH Ngô Mỹ Châu(")100DM.ĐH Ngô ThoạiBình 50DM.ĐH Châu Kiết Ngọc(")20DM.ĐH Diệu - Thiện(")200DM.ĐH Phạm Công Ngôn(Stutt - gart)100DM.PT Bạch Trung Thu(")10DM. PT Đỗ Thị Thanh Vân(Stuttgart)50DM.ĐH Phạm Công Ngôn(Freiburg)100DM.ĐH Phạm Nguyễn Tuyến(")100DM.PT Hoàng Thị Ngành(")20DM ĐH Lâm Văn Tiếng+ĐH Lâm Tấn Khởi(")100M ĐH Hùynh Văn Dân(")50DM.PT Nguyễn v ă n Long(")100DM.ĐH Nguyễn Bân(")200DM.ĐH . Đặng Văn Đinh(")200DM.ĐH Đặng Văn Ty200 ĐH Nguyễn Trọng Thành(Freiburg)500,00DM. PT Trương Thị Sen(")50DM.ĐH Dương V ă n Quang(")200DM.PT Võ Ngọc Hùng(")50DM ĐH Trần Chí Lý+ĐH Hứa Kim Lan(")200DM.ĐạoH. Trương Thị Hiệp(")30DM.PT Phạm Văn Hoanh (")30DM.GĐĐH Trần Duyệt Thái(Rottenburg) 200DM.ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tastrup-Đan Mạch 500Kronne.ĐH Diệp Mạo Phương(Pforzheim) 100DM.ĐH Thái Chí Huy(")100DM.ĐH VongHob Huy(")100DM.PT Mạch Bình(")20DM.ĐH Hùynh Thiên Lang(")20DM.ĐH Dũ Tường(")50DM. ĐH Mã Đức Cường(")20DM.ĐH Diệu Niên(Hannover) 1.000,00DM.ĐH Lê Thị Huê Mỹ(Brauns - chweig) 100DM.ĐH Tô Tỷ(Upgant-Schott) - 1.000,00DM.PT Tô Vinh Hòa(")6.000,00DM . và còn nhiều Phật Tử khác sẽ được đăng tải trong báo Viên Giác kỳ tới.

Hội thiện

GĐPT Nguyễn Văn Lợi(Pforzheim)1.000,00DM. GĐPT Hoàng Đình Thuận(")500DM.GĐPT Trần Văn Sâu(Uelzen)1.000,00DM.GĐĐH Trần V ă n Sang(")500DM.

Báo Viên Giác

ĐH Manoroth Thanasak(Saarbrücken)20DM. ĐH Phạm Kiu(Ausburg)50DM.ĐH Nguyễn Thị T ô't (Austin-TX-USA)20US.Mrs.David Veith(Tích-Lan)20US.ĐH Âu Thị Thu Ba(Gießen)10DM. ĐH Johnny Vũ Việt Hoa(Florida-Hoa Kỳ)100FRF. PT Huy Thục Kim(Trossingen)20DM.PT H à Phước Thảo(Weiler) 5DM.PT Lưu Ngọc Minh (Hamburg)30DM.ĐH Tạ Thị Xuân(Düsseldorf) 20DM.ĐH Ô Thị Hai(Haren)50DM.PT VươngThủy Lệ(Köln)23DM.ĐH Tâm Anh L.Trần(Brossard - Canada) 50 Can.ĐH Diệu Thuật(Milpitas-CA-USA)20US.PT Trần Hữu Phúc(Stuttgart)38DM. ĐH Lê Thanh Tùng(Dorsten)20DM.ĐH TrầnPhog Lưu(Saarburg)50DM.PT Châu Mỹ Oanh(Frank - furt)34DM.ĐH Võ Hữu Tri(Münerstadt)50DM . Dr. U. Schleef(Oberried)50DM.PT Đặng Duy Phạm(Lindenberg)20DM.ĐH Nguyễn Thị Hường (Köln)32DM.ĐH Tăng Bích Phân(Lingen)20DM. ĐH Nguyễn Văn Tra(Trossingen)13DM.ĐHHồVăn Nguyên(Paris)100FRF.ĐH Đào Hữu Yên 10DM . ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tastrup-Đan Mạch)100Kr. ĐH Trần Bá Kiệt(Erkrath)50DM.ĐH Tô Tú Ái (Tastrup-Đan Mạch)200Kr.ĐH Trần Tăng(Troi.ssingen)35DM.PT Đoàn Thị Thu Hạnh(Br.)30M. ĐH Diệu Hộ(Al.USA) 10US.Mọi sự ủng hộcúng dường,qúy vị có thể gởi về chùa Viên Giác một trong 2 số Konto sau:865 74 70 hoặc 865 0228.BLZ 250 700 70.Deutsche Bank.Han.

Chương trình hành lễ Chùa Viên giác 1984

*

Tháng 2 năm 1984:
- Ngày mùng 1,mùng 2,mùng 3 và mùng 4 Giáp Tý(tức ngày 2,3,4 và 5 tháng 2 năm 1984) tại chùa Viên Giác cử hành Tết Nguyên Đán,mừng xuân Di Lặc.
- Ngày 12 tháng 2 năm 1984 tại chùa cử hành lễ cầu an,giải hạn rằm tháng giêng c h o Phật Tử.
Chủ nhật 19.2 : Lễ cầu an,thuyết pháp,thọ trai.

Tháng 3 năm 1984:
Chủ nhật 4.3 : Lễ cầu siêu,thuyết pháp,thọ trai
Thứ bảy 17.3 : Lễ Phật cho đồng bào Phật Tử tại Hamburg
Chủ nhật17.3 : Lễ Tịnh Độ,thuyết pháp,thọ trai

Tháng 4 năm 1984:
Chủ nhật 1.4. : Lễ Sám Hối,thuyết pháp,thọ trai
Thứ bảy 14.4 : Lễ Phật cho đồng bào vùng Stuttgart
Chủ nhật 15.4 : Lễ cầu an,thuyết pháp,thọ trai
Thứ bảy 28.4 : Lễ Phật cho đồng bào vùng Norddeich

Tháng 5 năm 1984:
Thứ bảy 5.5 : Lễ Phật Đản tại Đan Mạch
Chủ nhật 6.5 : Lễ cầu siêu,thuyết pháp,thọ trai
Chủ nhật 20.5 : Lễ Tịnh Độ ,thuyết pháp,thọ trai
Ngày 25,26,27.5 : Lễ Phật Đản 2528 năm tại Hannover Tây Đức
Sau lễ Phật Đản tại Tây Đức là lễ An Cư Kiết Hạ cho đến 12 tháng 8 năm 84(3 tháng)

Tháng 6 năm 1984:
Chủ nhật 3.6 : Lễ sám hối,thuyết pháp,thọ trai
Thứ bảy 9.6 : Lễ Phật Đản tại Lyon - Pháp
Chủ nhật 17.6 : Lễ Phật Đản chùa Khánh Anh - Paris
Chủ nhật 17.6 : Lễ cầu an,thuyết pháp,thọ trai

Tháng 7 năm 1984:
Chủ nhật 1.7 : Lễ cầu siêu,thuyết pháp,thọ trai
Chủ nhật 15.7 : Lễ Tịnh Độ,thuyết pháp,thọ trai

Tháng 8 năm 1984:
Chủ nhật 5.8 : Lễ Sám Hối,thuyết pháp,thọ trai
Chủ nhật 12.8 : Lễ mãn hạ Tự Tứ
Ngày 17,18 và 19 tháng 8 là LỄ VU LAN BỒN

Tháng 9 năm 1984:
Chủ nhật 2.9 : Lễ cầu an,thuyết pháp,thọ trai
Chủ nhật 19.9 : Lễ Cầu Siêu,thuyết pháp,thọ trai

Tháng 10 năm 1984:
Chủ nhật 7.10 : Lễ Tịnh Độ,thuyết pháp,thọ trai
Thứ bảy 13.10 : Lễ Phật cho đồng bào vùng Stuttgart
Ngày 19,20,21 tháng 10:NGÀY PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI KLINGE CỦA ĐỒNG BÀO PHẬT TỬ TẠI TIỂU BANG BADEN WÜRTTEMBERG
Chủ nhật 21.10: Lễ Sám Hối,thuyết pháp,thọ trai

Tháng 11 năm 1984:
Chủ nhật 4.11 : Lễ cầu an,thuyết pháp,thọ trai
Chủ nhật 8.11 : Lễ cầu siêu,thuyết pháp,thọ trai

Tháng 12 năm 1984:
Chủ nhật 2.12 : Lễ Tịnh Độ,thuyết pháp,thọ trai
Chủ nhật 16.12: Lễ Sám Hối,thuyết pháp,thọ trai
Ngoài ra mỗi tối 14 và 30(hoặc 29 tháng thiếu)tại chùa vào lúc 8:30 tối đều có c ử hành lễ Sám Hối và những ngày vía Phật trong năm chùa cũng đều có cử hành.Đó làchương trình tổng quát năm 1984.Chương trình chi tiết chúng tôi sẽ gởi đến Qúy vị sau.

LỜI MẸ

Lời thơ và nhạc Hoàng Giang Sơn

Chậm (Slow)

Dm

Mẹ chờ, chờ mỏi mòn ngày tàn cuộc chiến. Mẹ đợi, đợi con về mang chiến thắng âu ca.
Mẹ chờ, chờ mỏi mòn chiều hôm tuổi già. Mẹ đợi, đợi con về dẫu phải bóng gần ta!

Con đường ly hương bóng dừng Mẹ khóc òa. Cuộc chiến chưa tàn
Con đường tạm dừng vì hỡi nước non nhà. Mẹ mất con rồi

Dm Am

vẫn biết ly con chẳng biết! Mẹ nhìn, nhìn khói trời mây đen phủ kín. Ngày thấy thấy con về
vẫn Mẹ xa con vĩnh viễn! Mẹ nhìn, nhìn chân trời đến cùng cuối biển Mẹ thấy

Dm

trong giấc mộng chiêm bao. Hỡi phương đó ơi, màu đỏ chói mắt thay. Mẹ đau tột hiu đứng hoang mà hồ
lớp lớp vạn thuyền con. Sóng gió đầy vơi, ngàn lần hồ cảm hờn. Mẹ thoát ngục tù, đau đinh đoành lìa

Am Dm Am Dm Am

xót tổ. Rừng núi Trường Sơn chim trời nay thôi hót. Đồng dừng Mẹ cười, nụ cười ngọt lịm thâm u.

Am

Con hỡi con sao chưa xod kịt hận thù? Non nước tang thương còn một mùi lửa đỏ!

Dm Am Dm

Sông nước Cửu Long chan lệ sầu đau khổ. Mẹ tiễn con đi trong nỗi nỏ đau thương.

Am Dm Am Am Dm

Điệp khúc ly hương vời khúc hát đoàn trường. Mẹ vẫy tay chào với niềm tin chiến thắng

Con hỡi con hãy nhớ ngày cay đắng, Còn gông xiềng còn tù tội hờn căm. Với trọn bước chân

đang dẫn bước âm thầm. Vì Tổ Quốc, vì Độc Lập, vì Tự Do tiến tới!

Mẹ vẫn mong và vẫn đợi ngày mới. Mẹ vẫn chờ, chờ khúc hát khải hoàn ca.

Am Dm

Hỡi đêm đen bao phủ nỗi sông nhà. Đàn chim lìa tổ, trở về, về đất Mẹ...